CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 58/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 31/5/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 31/5/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 31/5/2024: Trước 16h30' ngày 28/5/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 28/5/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 - C.T.Đ.G

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 31/5/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 28/5/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 9h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	51D-999.93	Hồ Chí Minh	2501	15K-300.09	Hải Phòng	5001	19A-666.64	Phú Thọ	7501	20A-777.78	Thái Nguyên
2	71A-196.69	Bến Tre	2502	17A-466.99	Thái Bình	5002	20A-797.90	Thái Nguyên	7502	20A-797.94	Thái Nguyên
3	77A-333.38	Bình Định	2503	37K-355.55	Nghệ An	5003	36K-077.77	Thanh Hóa	7503	36C-466.99	Thanh Hóa
4	86C-200.09	Bình Thuận	2504	43A-889.90	Đà Nẵng	5004	51L-600.07	Hồ Chí Minh	7504	43A-889.91	Đà Nẵng
5	30K-996.11	Hà Nội	2505	30L-198.69	Hà Nội	5005	30L-020.06	Hà Nội	7505	99A-777.74	Bắc Ninh
6	30L-210.88	Hà Nội	2506	30L-218.39	Hà Nội	5006	30L-191.11	Hà Nội	7506	30L-188.19	Hà Nội
7	30L-224.89	Hà Nội	2507	30L-220.88	Hà Nội	5007	30L-204.40	Hà Nội	7507	30L-203.69	Hà Nội
8	30L-227.69	Hà Nội	2508	30L-230.89	Hà Nội	5008	30L-205.50	Hà Nội	7508	30L-234.43	Hà Nội
9	30L-231.39	Hà Nội	2509	30L-249.88	Hà Nội	5009	30L-230.69	Hà Nội	7509	30L-240.40	Hà Nội
10	30L-242.89	Hà Nội	2510	30L-272.68	Hà Nội	5010	30L-233.22	Hà Nội	7510	30L-260.68	Hà Nội
11	30L-245.55	Hà Nội	2511	30L-273.88	Hà Nội	5011	30L-244.55	Hà Nội	7511	30L-260.69	Hà Nội
12	30L-255.00	Hà Nội	2512	30L-284.68	Hà Nội	5012	30L-264.79	Hà Nội	7512	30L-271.71	Hà Nội
13	30L-272.86	Hà Nội	2513	30L-284.84	Hà Nội	5013	30L-271.17	Hà Nội	7513	30L-277.33	Hà Nội
14	30L-278.66	Hà Nội	2514	30L-293.88	Hà Nội	5014	30L-273.89	Hà Nội	7514	30L-281.39	Hà Nội
15	30L-325.69	Hà Nội	2515	30L-322.69	Hà Nội	5015	30L-281.99	Hà Nội	7515	30L-310.88	Hà Nội
16	30L-330.86	Hà Nội	2516	30L-354.89	Hà Nội	5016	30L-293.69	Hà Nội	7516	30L-318.79	Hà Nội
17	30L-349.79	Hà Nội	2517	30L-370.99	Hà Nội	5017	30L-294.94	Hà Nội	7517	30L-322.55	Hà Nội
18	30L-354.68	Hà Nội	2518	30L-371.69	Hà Nội	5018	30L-312.86	Hà Nội	7518	30L-346.69	Hà Nội
19	30L-375.99	Hà Nội	2519	30L-388.22	Hà Nội	5019	30L-321.88	Hà Nội	7519	30L-354.86	Hà Nội
20	30L-377.66	Hà Nội	2520	30L-418.86	Hà Nội	5020	30L-334.86	Hà Nội	7520	30L-355.39	Hà Nội
21	30L-380.08	Hà Nội	2521	30L-420.88	Hà Nội	5021	30L-334.89	Hà Nội	7521	30L-381.66	Hà Nội
22	30L-384.38	Hà Nội	2522	30L-427.72	Hà Nội	5022	30L-343.66	Hà Nội	7522	30L-394.66	Hà Nội
23	30L-388.11	Hà Nội	2523	30L-437.88	Hà Nội	5023	30L-360.79	Hà Nội	7523	30L-394.68	Hà Nội
24	30L-404.88	Hà Nội	2524	30L-440.04	Hà Nội	5024	30L-375.69	Hà Nội	7524	30L-404.69	Hà Nội
25	30L-406.60	Hà Nội	2525	30L-440.44	Hà Nội	5025	30L-394.99	Hà Nội	7525	30L-407.69	Hà Nội
26	30L-409.04	Hà Nội	2526	30L-459.89	Hà Nội	5026	30L-406.04	Hà Nội	7526	30L-410.99	Hà Nội
27	30L-411.66	Hà Nội	2527	30L-461.69	Hà Nội	5027	30L-415.69	Hà Nội	7527	30L-417.39	Hà Nội
28	30L-411.88	Hà Nội	2528	30L-478.39	Hà Nội	5028	30L-416.89	Hà Nội	7528	30L-417.79	Hà Nội
29	30L-413.13	Hà Nội	2529	30L-481.89	Hà Nội	5029	30L-428.28	Hà Nội	7529	30L-428.79	Hà Nội
30	30L-413.14	Hà Nội	2530	30L-486.84	Hà Nội	5030	30L-429.29	Hà Nội	7530	30L-430.43	Hà Nội
31	30L-417.66	Hà Nội	2531	30L-489.68	Hà Nội	5031	30L-430.03	Hà Nội	7531	30L-442.79	Hà Nội
32	30L-419.68	Hà Nội	2532	30L-492.69	Hà Nội	5032	30L-431.69	Hà Nội	7532	30L-442.99	Hà Nội
33	30L-419.89	Hà Nội	2533	30L-493.93	Hà Nội	5033	30L-432.68	Hà Nội	7533	30L-461.86	Hà Nội
34	30L-421.12	Hà Nội	2534	30L-494.49	Hà Nội	5034	30L-433.44	Hà Nội	7534	30L-472.74	Hà Nội
35	30L-422.11	Hà Nội	2535	30L-497.66	Hà Nội	5035	30L-434.89	Hà Nội	7535	30L-481.48	Hà Nội
36	30L-438.38	Hà Nội	2536	30L-498.99	Hà Nội	5036	30L-444.39	Hà Nội	7536	30L-484.69	Hà Nội
37	30L-439.88	Hà Nội	2537	30L-499.77	Hà Nội	5037	30L-444.56	Hà Nội	7537	30L-487.99	Hà Nội
38	30L-444.35	Hà Nội	2538	30L-500.88	Hà Nội	5038	30L-445.39	Hà Nội	7538	30L-495.59	Hà Nội
39	30L-444.37	Hà Nội	2539	30L-503.03	Hà Nội	5039	30L-450.79	Hà Nội	7539	30L-497.39	Hà Nội
40	30L-465.56	Hà Nội	2540	30L-508.86	Hà Nội	5040	30L-455.54	Hà Nội	7540	30L-499.79	Hà Nội
41	30L-470.88	Hà Nội	2541	30L-509.69	Hà Nội	5041	30L-472.79	Hà Nội	7541	30L-499.88	Hà Nội
42	30L-475.89	Hà Nội	2542	30L-510.99	Hà Nội	5042	30L-480.79	Hà Nội	7542	30L-499.89	Hà Nội
43	30L-492.99	Hà Nội	2543	30L-512.39	Hà Nội	5043	30L-486.48	Hà Nội	7543	30L-501.01	Hà Nội
44	30L-493.89	Hà Nội	2544	30L-513.79	Hà Nội	5044	30L-486.99	Hà Nội	7544	30L-506.05	Hà Nội
45	30L-494.66	Hà Nội	2545	30L-514.41	Hà Nội	5045	30L-488.77	Hà Nội	7545	30L-513.69	Hà Nội
46	30L-498.86	Hà Nội	2546	30L-516.99	Hà Nội	5046	30L-489.48	Hà Nội	7546	30L-522.77	Hà Nội
47	30L-499.33	Hà Nội	2547	30L-518.51	Hà Nội	5047	30L-490.99	Hà Nội	7547	30L-527.52	Hà Nội
48	30L-501.86	Hà Nội	2548	30L-521.88	Hà Nội	5048	30L-492.39	Hà Nội	7548	30L-533.86	Hà Nội
49	30L-502.05	Hà Nội	2549	30L-523.52	Hà Nội	5049	30L-494.69	Hà Nội	7549	30L-534.79	Hà Nội
50	30L-503.33	Hà Nội	2550	30L-524.39	Hà Nội	5050	30L-497.68	Hà Nội	7550	30L-538.35	Hà Nội
51	30L-507.66	Hà Nội	2551	30L-524.66	Hà Nội	5051	30L-499.39	Hà Nội	7551	30L-540.04	Hà Nội
52	30L-512.21	Hà Nội	2552	30L-533.11	Hà Nội	5052	30L-500.11	Hà Nội	7552	30L-541.11	Hà Nội
53	30L-520.66	Hà Nội	2553	30L-534.35	Hà Nội	5053	30L-502.22	Hà Nội	7553	30L-541.79	Hà Nội
54	30L-521.12	Hà Nội	2554	30L-534.86	Hà Nội	5054	30L-502.66	Hà Nội	7554	30L-542.22	Hà Nội
55	30L-523.66	Hà Nội	2555	30L-537.68	Hà Nội	5055	30L-506.79	Hà Nội	7555	30L-543.33	Hà Nội
56	30L-529.96	Hà Nội	2556	30L-539.69	Hà Nội	5056	30L-506.86	Hà Nội	7556	51L-333.19	Hồ Chí Minh
57	30L-530.53	Hà Nội	2557	30L-543.66	Hà Nội	5057	30L-514.69	Hà Nội	7557	51L-402.99	Hồ Chí Minh
58	30L-530.88	Hà Nội	2558	30L-544.39	Hà Nội	5058	30L-520.86	Hà Nội	7558	51L-404.69	Hồ Chí Minh
59	30L-531.69	Hà Nội	2559	51L-402.68	Hồ Chí Minh	5059	30L-522.69	Hà Nội	7559	51L-405.68	Hồ Chí Minh
60	30L-532.39	Hà Nội	2560	51L-414.69	Hồ Chí Minh	5060	30L-523.32	Hà Nội	7560	51L-406.60	Hồ Chí Minh
61	30L-533.39	Hà Nội	2561	51L-420.39	Hồ Chí Minh	5061	30L-529.69	Hà Nội	7561	51L-409.79	Hồ Chí Minh
62	30L-541.89	Hà Nội	2562	51L-420.89	Hồ Chí Minh	5062	30L-532.86	Hà Nội	7562	51L-411.77	Hồ Chí Minh
63	30L-542.45	Hà Nội	2563	51L-424.39	Hồ Chí Minh	5063	30L-534.43	Hà Nội	7563	51L-421.79	Hồ Chí Minh
64	30L-543.54	Hà Nội	2564	51L-431.69	Hồ Chí Minh	5064	30L-534.44	Hà Nội	7564	51L-423.79	Hồ Chí Minh
65	30L-545.88	Hà Nội	2565	51L-432.79	Hồ Chí Minh	5065	30L-540.45	Hà Nội	7565	51L-424.66	Hồ Chí Minh
66	30L-546.45	Hà Nội	2566	51L-440.39	Hồ Chí Minh	5066	30L-541.99	Hà Nội	7566	51L-436.39	Hồ Chí Minh
67	30L-546.79	Hà Nội	2567	51L-442.69	Hồ Chí Minh	5067	30L-543.79	Hà Nội	7567	51L-437.69	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
68	51L-398.86	Hồ Chí Minh	2568	51L-444.38	Hồ Chí Minh	5068	51L-405.69	Hồ Chí Minh	7568	51L-444.41	Hồ Chí Minh
69	51L-403.89	Hồ Chí Minh	2569	51L-454.44	Hồ Chí Minh	5069	51L-407.88	Hồ Chí Minh	7569	51L-448.84	Hồ Chí Minh
70	51L-404.39	Hồ Chí Minh	2570	51L-470.39	Hồ Chí Minh	5070	51L-411.33	Hồ Chí Minh	7570	51L-449.69	Hồ Chí Minh
71	51L-405.50	Hồ Chí Minh	2571	51L-475.75	Hồ Chí Minh	5071	51L-421.39	Hồ Chí Minh	7571	51L-456.69	Hồ Chí Minh
72	51L-408.88	Hồ Chí Minh	2572	51L-479.66	Hồ Chí Minh	5072	51L-425.66	Hồ Chí Minh	7572	51L-459.68	Hồ Chí Minh
73	51L-417.39	Hồ Chí Minh	2573	51L-481.81	Hồ Chí Minh	5073	51L-428.39	Hồ Chí Minh	7573	51L-462.22	Hồ Chí Minh
74	51L-429.88	Hồ Chí Minh	2574	51L-483.69	Hồ Chí Minh	5074	51L-434.86	Hồ Chí Minh	7574	51L-462.39	Hồ Chí Minh
75	51L-430.03	Hồ Chí Minh	2575	51L-495.86	Hồ Chí Minh	5075	51L-446.88	Hồ Chí Minh	7575	51L-471.99	Hồ Chí Minh
76	51L-431.68	Hồ Chí Minh	2576	51L-497.99	Hồ Chí Minh	5076	51L-448.69	Hồ Chí Minh	7576	51L-476.67	Hồ Chí Minh
77	51L-439.93	Hồ Chí Minh	2577	51L-506.50	Hồ Chí Minh	5077	51L-466.44	Hồ Chí Minh	7577	51L-484.88	Hồ Chí Minh
78	51L-445.44	Hồ Chí Minh	2578	51L-510.39	Hồ Chí Minh	5078	51L-474.99	Hồ Chí Minh	7578	51L-485.69	Hồ Chí Minh
79	51L-445.45	Hồ Chí Minh	2579	51L-517.99	Hồ Chí Minh	5079	51L-490.39	Hồ Chí Minh	7579	51L-487.77	Hồ Chí Minh
80	51L-447.68	Hồ Chí Minh	2580	51L-540.39	Hồ Chí Minh	5080	51L-491.86	Hồ Chí Minh	7580	51L-488.44	Hồ Chí Minh
81	51L-455.11	Hồ Chí Minh	2581	51L-545.86	Hồ Chí Minh	5081	51L-509.96	Hồ Chí Minh	7581	51L-491.91	Hồ Chí Minh
82	51L-455.79	Hồ Chí Minh	2582	51L-549.54	Hồ Chí Minh	5082	51L-517.51	Hồ Chí Minh	7582	51L-494.69	Hồ Chí Minh
83	51L-462.88	Hồ Chí Minh	2583	51L-550.99	Hồ Chí Minh	5083	51L-518.66	Hồ Chí Minh	7583	51L-497.89	Hồ Chí Minh
84	51L-486.66	Hồ Chí Minh	2584	51L-551.86	Hồ Chí Minh	5084	51L-527.69	Hồ Chí Minh	7584	51L-504.05	Hồ Chí Minh
85	51L-492.88	Hồ Chí Minh	2585	51L-553.79	Hồ Chí Minh	5085	51L-531.88	Hồ Chí Minh	7585	51L-505.50	Hồ Chí Minh
86	51L-498.79	Hồ Chí Minh	2586	51L-560.68	Hồ Chí Minh	5086	51L-534.79	Hồ Chí Minh	7586	51L-515.88	Hồ Chí Minh
87	51L-502.66	Hồ Chí Minh	2587	51L-562.22	Hồ Chí Minh	5087	51L-540.99	Hồ Chí Minh	7587	51L-521.88	Hồ Chí Minh
88	51L-509.89	Hồ Chí Minh	2588	51L-577.00	Hồ Chí Minh	5088	51L-547.99	Hồ Chí Minh	7588	51L-530.03	Hồ Chí Minh
89	51L-513.39	Hồ Chí Minh	2589	51L-595.39	Hồ Chí Minh	5089	51L-555.14	Hồ Chí Minh	7589	51L-533.86	Hồ Chí Minh
90	51L-514.14	Hồ Chí Minh	2590	51L-601.60	Hồ Chí Minh	5090	51L-555.24	Hồ Chí Minh	7590	51L-539.93	Hồ Chí Minh
91	51L-527.39	Hồ Chí Minh	2591	51L-611.69	Hồ Chí Minh	5091	51L-573.79	Hồ Chí Minh	7591	51L-542.69	Hồ Chí Minh
92	51L-530.53	Hồ Chí Minh	2592	51L-612.66	Hồ Chí Minh	5092	51L-574.75	Hồ Chí Minh	7592	51L-551.79	Hồ Chí Minh
93	51L-536.89	Hồ Chí Minh	2593	11A-123.69	Cao Bằng	5093	51L-574.79	Hồ Chí Minh	7593	51L-556.39	Hồ Chí Minh
94	51L-539.86	Hồ Chí Minh	2594	11C-075.99	Cao Bằng	5094	51L-577.86	Hồ Chí Minh	7594	51L-564.99	Hồ Chí Minh
95	51L-552.88	Hồ Chí Minh	2595	11C-080.68	Cao Bằng	5095	51L-593.79	Hồ Chí Minh	7595	51L-575.86	Hồ Chí Minh
96	51L-553.86	Hồ Chí Minh	2596	12A-247.74	Lạng Sơn	5096	51L-597.95	Hồ Chí Minh	7596	51L-589.79	Hồ Chí Minh
97	51L-563.65	Hồ Chí Minh	2597	12A-249.96	Lạng Sơn	5097	51L-604.04	Hồ Chí Minh	7597	51L-604.68	Hồ Chí Minh
98	51L-574.66	Hồ Chí Minh	2598	12A-251.51	Lạng Sơn	5098	51L-604.06	Hồ Chí Minh	7598	51L-605.89	Hồ Chí Minh
99	51L-581.39	Hồ Chí Minh	2599	12C-135.13	Lạng Sơn	5099	51L-612.69	Hồ Chí Minh	7599	11A-120.68	Cao Bằng
100	51L-586.69	Hồ Chí Minh	2600	12D-004.40	Lạng Sơn	5100	11A-121.11	Cao Bằng	7600	11A-124.42	Cao Bằng
101	51L-591.59	Hồ Chí Minh	2601	14A-904.69	Quảng Ninh	5101	11A-121.89	Cao Bằng	7601	11A-127.89	Cao Bằng
102	51L-591.86	Hồ Chí Minh	2602	14A-909.96	Quảng Ninh	5102	11A-125.86	Cao Bằng	7602	11C-080.80	Cao Bằng
103	51L-601.99	Hồ Chí Minh	2603	14A-914.66	Quảng Ninh	5103	11A-128.66	Cao Bằng	7603	12A-248.84	Lạng Sơn
104	51L-605.99	Hồ Chí Minh	2604	14A-917.88	Quảng Ninh	5104	12A-252.39	Lạng Sơn	7604	12C-134.34	Lạng Sơn
105	51L-615.61	Hồ Chí Minh	2605	14A-920.88	Quảng Ninh	5105	12A-252.52	Lạng Sơn	7605	14A-890.88	Quảng Ninh
106	11A-117.69	Cao Bằng	2606	14A-922.69	Quảng Ninh	5106	14A-903.89	Quảng Ninh	7606	14A-905.39	Quảng Ninh
107	11A-121.68	Cao Bằng	2607	14A-925.52	Quảng Ninh	5107	14A-903.90	Quảng Ninh	7607	14A-913.88	Quảng Ninh
108	11C-073.39	Cao Bằng	2608	14B-049.40	Quảng Ninh	5108	14A-905.55	Quảng Ninh	7608	14A-916.69	Quảng Ninh
109	11C-077.79	Cao Bằng	2609	14C-408.88	Quảng Ninh	5109	14A-907.07	Quảng Ninh	7609	14A-916.86	Quảng Ninh
110	12C-134.68	Lạng Sơn	2610	14C-411.86	Quảng Ninh	5110	14A-917.71	Quảng Ninh	7610	14A-920.68	Quảng Ninh
111	14A-914.99	Quảng Ninh	2611	14C-412.79	Quảng Ninh	5111	14A-925.89	Quảng Ninh	7611	14A-921.89	Quảng Ninh
112	14A-915.88	Quảng Ninh	2612	14C-413.89	Quảng Ninh	5112	14A-925.92	Quảng Ninh	7612	14A-924.66	Quảng Ninh
113	14A-917.89	Quảng Ninh	2613	14C-414.86	Quảng Ninh	5113	14A-928.92	Quảng Ninh	7613	14A-924.86	Quảng Ninh
114	14A-920.29	Quảng Ninh	2614	14C-422.33	Quảng Ninh	5114	14C-416.99	Quảng Ninh	7614	14A-926.69	Quảng Ninh
115	14A-921.92	Quảng Ninh	2615	14C-422.99	Quảng Ninh	5115	15D-048.89	Hải Phòng	7615	14A-930.30	Quảng Ninh
116	14A-926.62	Quảng Ninh	2616	15C-465.99	Hải Phòng	5116	15K-277.89	Hải Phòng	7616	14C-410.79	Quảng Ninh
117	14C-411.88	Quảng Ninh	2617	15C-466.69	Hải Phòng	5117	15K-280.86	Hải Phòng	7617	14C-412.68	Quảng Ninh
118	14C-412.39	Quảng Ninh	2618	15K-271.88	Hải Phòng	5118	15K-296.39	Hải Phòng	7618	14C-415.79	Quảng Ninh
119	14C-414.89	Quảng Ninh	2619	15K-272.88	Hải Phòng	5119	15K-305.50	Hải Phòng	7619	14C-424.88	Quảng Ninh
120	14C-419.91	Quảng Ninh	2620	15K-273.89	Hải Phòng	5120	15K-311.13	Hải Phòng	7620	15C-465.65	Hải Phòng
121	14C-420.68	Quảng Ninh	2621	15K-290.66	Hải Phòng	5121	15K-312.88	Hải Phòng	7621	15K-294.88	Hải Phòng
122	15B-051.66	Hải Phòng	2622	15K-307.39	Hải Phòng	5122	15K-313.31	Hải Phòng	7622	15K-306.30	Hải Phòng
123	15C-463.69	Hải Phòng	2623	15K-307.99	Hải Phòng	5123	15K-314.13	Hải Phòng	7623	15K-308.79	Hải Phòng
124	15C-466.46	Hải Phòng	2624	15K-310.79	Hải Phòng	5124	15K-315.31	Hải Phòng	7624	15K-313.33	Hải Phòng
125	15D-047.79	Hải Phòng	2625	15K-312.66	Hải Phòng	5125	15K-320.88	Hải Phòng	7625	15K-314.39	Hải Phòng
126	15D-048.69	Hải Phòng	2626	15K-323.39	Hải Phòng	5126	15K-324.44	Hải Phòng	7626	15K-317.89	Hải Phòng
127	15K-176.86	Hải Phòng	2627	15K-324.69	Hải Phòng	5127	15K-326.69	Hải Phòng	7627	15K-321.39	Hải Phòng
128	15K-277.11	Hải Phòng	2628	15K-325.25	Hải Phòng	5128	17A-446.79	Thái Bình	7628	15K-323.23	Hải Phòng
129	15K-294.49	Hải Phòng	2629	15K-325.79	Hải Phòng	5129	17A-448.44	Thái Bình	7629	15K-329.69	Hải Phòng
130	15K-305.03	Hải Phòng	2630	15K-326.39	Hải Phòng	5130	17A-451.99	Thái Bình	7630	15K-331.13	Hải Phòng
131	15K-305.69	Hải Phòng	2631	15K-327.77	Hải Phòng	5131	17A-452.68	Thái Bình	7631	15K-333.02	Hải Phòng
132	15K-310.01	Hải Phòng	2632	15K-328.86	Hải Phòng	5132	17A-466.33	Thái Bình	7632	15K-334.39	Hải Phòng
133	15K-311.33	Hải Phòng	2633	15K-332.32	Hải Phòng	5133	18A-438.79	Nam Định	7633	17A-441.99	Thái Bình
134	15K-314.88	Hải Phòng	2634	15K-332.39	Hải Phòng	5134	18A-438.89	Nam Định	7634	17A-454.88	Thái Bình
135	15K-318.31	Hải Phòng	2635	17A-444.38	Thái Bình	5135	18A-440.66	Nam Định	7635	17A-454.89	Thái Bình
136	15K-321.32	Hải Phòng	2636	17A-444.78	Thái Bình	5136	18A-443.68	Nam Định	7636	17A-462.62	Thái Bình
137	15K-321.66	Hải Phòng	2637	17A-448.69	Thái Bình	5137	18A-443.89	Nam Định	7637	17A-466.39	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
138	15K-321.88	Hải Phòng	2638	17A-450.99	Thái Bình	5138	18A-447.77	Nam Định	7638	17A-468.64	Thái Bình
139	15K-324.23	Hải Phòng	2639	17A-455.00	Thái Bình	5139	18A-450.68	Nam Định	7639	17C-203.66	Thái Bình
140	15K-327.66	Hải Phòng	2640	17A-455.79	Thái Bình	5140	18A-458.85	Nam Định	7640	17C-205.50	Thái Bình
141	15K-328.32	Hải Phòng	2641	17A-460.66	Thái Bình	5141	18A-459.68	Nam Định	7641	18A-444.40	Nam Định
142	15K-331.69	Hải Phòng	2642	17A-460.88	Thái Bình	5142	18A-459.95	Nam Định	7642	18A-458.54	Nam Định
143	15K-333.24	Hải Phòng	2643	17A-462.26	Thái Bình	5143	18A-463.64	Nam Định	7643	18A-459.89	Nam Định
144	17A-451.88	Thái Bình	2644	17C-203.69	Thái Bình	5144	18A-466.46	Nam Định	7644	18A-460.89	Nam Định
145	17A-455.39	Thái Bình	2645	18A-441.99	Nam Định	5145	18A-467.46	Nam Định	7645	18C-163.36	Nam Định
146	17A-457.54	Thái Bình	2646	18A-444.22	Nam Định	5146	18C-160.60	Nam Định	7646	18C-166.77	Nam Định
147	17A-460.60	Thái Bình	2647	18A-444.47	Nam Định	5147	18C-162.22	Nam Định	7647	19A-623.79	Phú Thọ
148	17A-462.46	Thái Bình	2648	18A-451.66	Nam Định	5148	18C-163.33	Nam Định	7648	19A-654.45	Phú Thọ
149	17A-462.64	Thái Bình	2649	18A-453.79	Nam Định	5149	18C-163.69	Nam Định	7649	19A-656.39	Phú Thọ
150	17A-467.39	Thái Bình	2650	18A-458.89	Nam Định	5150	18C-165.61	Nam Định	7650	19A-658.56	Phú Thọ
151	17A-468.46	Thái Bình	2651	18A-461.89	Nam Định	5151	19A-622.00	Phú Thọ	7651	19A-665.86	Phú Thọ
152	17B-025.99	Thái Bình	2652	18A-463.46	Nam Định	5152	19A-631.69	Phú Thọ	7652	19A-666.08	Phú Thọ
153	18A-446.66	Nam Định	2653	18B-027.99	Nam Định	5153	19A-634.66	Phú Thọ	7653	19A-666.44	Phú Thọ
154	18A-458.68	Nam Định	2654	18C-160.68	Nam Định	5154	19A-637.39	Phú Thọ	7654	19C-237.86	Phú Thọ
155	18A-460.64	Nam Định	2655	19A-623.39	Phú Thọ	5155	19A-645.86	Phú Thọ	7655	19C-238.79	Phú Thọ
156	18A-463.89	Nam Định	2656	19A-632.36	Phú Thọ	5156	19A-648.39	Phú Thọ	7656	19C-247.42	Phú Thọ
157	18A-465.46	Nam Định	2657	19A-640.69	Phú Thọ	5157	19A-648.84	Phú Thọ	7657	19C-247.66	Phú Thọ
158	18A-466.69	Nam Định	2658	19A-640.79	Phú Thọ	5158	19A-652.99	Phú Thọ	7658	19D-012.86	Phú Thọ
159	18C-165.88	Nam Định	2659	19A-643.39	Phú Thọ	5159	19A-653.66	Phú Thọ	7659	20A-766.77	Thái Nguyên
160	18C-166.44	Nam Định	2660	19A-646.88	Phú Thọ	5160	19A-654.65	Phú Thọ	7660	20A-770.68	Thái Nguyên
161	19A-631.66	Phú Thọ	2661	19A-653.53	Phú Thọ	5161	19A-655.00	Phú Thọ	7661	20A-782.82	Thái Nguyên
162	19A-634.68	Phú Thọ	2662	19A-653.68	Phú Thọ	5162	19A-655.44	Phú Thọ	7662	20A-783.33	Thái Nguyên
163	19A-637.69	Phú Thọ	2663	19A-655.89	Phú Thọ	5163	19A-657.56	Phú Thọ	7663	20A-784.99	Thái Nguyên
164	19A-647.99	Phú Thọ	2664	19A-657.88	Phú Thọ	5164	19A-659.66	Phú Thọ	7664	20A-785.89	Thái Nguyên
165	19A-657.75	Phú Thọ	2665	19A-658.85	Phú Thọ	5165	19A-659.79	Phú Thọ	7665	20A-790.68	Thái Nguyên
166	19A-658.65	Phú Thọ	2666	19A-663.79	Phú Thọ	5166	19A-662.26	Phú Thọ	7666	20A-793.93	Thái Nguyên
167	19A-666.13	Phú Thọ	2667	19A-664.99	Phú Thọ	5167	19A-664.39	Phú Thọ	7667	20A-795.79	Thái Nguyên
168	19C-246.68	Phú Thọ	2668	19C-244.11	Phú Thọ	5168	19A-665.79	Phú Thọ	7668	20A-795.97	Thái Nguyên
169	20A-766.00	Thái Nguyên	2669	19C-246.89	Phú Thọ	5169	19A-670.88	Phú Thọ	7669	20A-800.44	Thái Nguyên
170	20A-771.11	Thái Nguyên	2670	19C-248.68	Phú Thọ	5170	19C-237.79	Phú Thọ	7670	20A-802.08	Thái Nguyên
171	20A-777.33	Thái Nguyên	2671	20A-772.99	Thái Nguyên	5171	19C-245.66	Phú Thọ	7671	20A-802.89	Thái Nguyên
172	20A-781.11	Thái Nguyên	2672	20A-773.88	Thái Nguyên	5172	19C-248.69	Phú Thọ	7672	20A-804.66	Thái Nguyên
173	20A-783.38	Thái Nguyên	2673	20A-783.83	Thái Nguyên	5173	20A-768.39	Thái Nguyên	7673	20A-804.69	Thái Nguyên
174	20A-783.69	Thái Nguyên	2674	20A-785.66	Thái Nguyên	5174	20A-774.66	Thái Nguyên	7674	20A-805.68	Thái Nguyên
175	20A-785.68	Thái Nguyên	2675	20A-785.88	Thái Nguyên	5175	20A-777.59	Thái Nguyên	7675	20A-807.07	Thái Nguyên
176	20A-793.68	Thái Nguyên	2676	20A-791.88	Thái Nguyên	5176	20A-784.48	Thái Nguyên	7676	20A-808.99	Thái Nguyên
177	20A-799.00	Thái Nguyên	2677	20A-792.39	Thái Nguyên	5177	20A-786.79	Thái Nguyên	7677	20A-810.01	Thái Nguyên
178	20A-800.66	Thái Nguyên	2678	20A-793.97	Thái Nguyên	5178	20A-787.78	Thái Nguyên	7678	20C-289.79	Thái Nguyên
179	20A-803.03	Thái Nguyên	2679	20A-794.89	Thái Nguyên	5179	20A-787.88	Thái Nguyên	7679	20C-290.09	Thái Nguyên
180	20A-803.08	Thái Nguyên	2680	20A-803.30	Thái Nguyên	5180	20A-795.69	Thái Nguyên	7680	21A-204.39	Yên Bái
181	20A-804.39	Thái Nguyên	2681	20A-803.79	Thái Nguyên	5181	20A-799.55	Thái Nguyên	7681	21A-204.79	Yên Bái
182	20A-805.50	Thái Nguyên	2682	20A-811.00	Thái Nguyên	5182	20C-290.68	Thái Nguyên	7682	21A-207.07	Yên Bái
183	20A-807.99	Thái Nguyên	2683	20C-287.86	Thái Nguyên	5183	20C-292.68	Thái Nguyên	7683	21A-207.89	Yên Bái
184	20C-291.92	Thái Nguyên	2684	20C-288.11	Thái Nguyên	5184	20C-294.29	Thái Nguyên	7684	21A-209.86	Yên Bái
185	20C-295.29	Thái Nguyên	2685	20C-290.88	Thái Nguyên	5185	20C-295.59	Thái Nguyên	7685	21A-210.39	Yên Bái
186	21A-198.66	Yên Bái	2686	20C-291.88	Thái Nguyên	5186	21A-197.68	Yên Bái	7686	21A-210.68	Yên Bái
187	21A-203.69	Yên Bái	2687	21A-201.79	Yên Bái	5187	21A-197.69	Yên Bái	7687	21C-100.77	Yên Bái
188	21A-209.96	Yên Bái	2688	21A-208.79	Yên Bái	5188	21A-203.66	Yên Bái	7688	21C-102.20	Yên Bái
189	21C-102.69	Yên Bái	2689	21A-209.02	Yên Bái	5189	21A-203.88	Yên Bái	7689	21C-106.06	Yên Bái
190	21C-104.68	Yên Bái	2690	21A-209.66	Yên Bái	5190	21A-206.69	Yên Bái	7690	22A-241.41	Tuyên Quang
191	21C-106.99	Yên Bái	2691	21C-103.33	Yên Bái	5191	21A-207.88	Yên Bái	7691	22A-245.55	Tuyên Quang
192	21C-107.77	Yên Bái	2692	21C-104.69	Yên Bái	5192	21C-102.68	Yên Bái	7692	22A-245.99	Tuyên Quang
193	22A-236.66	Tuyên Quang	2693	21C-107.79	Yên Bái	5193	21C-105.66	Yên Bái	7693	22A-247.77	Tuyên Quang
194	22A-249.88	Tuyên Quang	2694	22A-241.69	Tuyên Quang	5194	21C-105.68	Yên Bái	7694	22B-012.69	Tuyên Quang
195	22A-249.94	Tuyên Quang	2695	22A-244.55	Tuyên Quang	5195	22A-239.68	Tuyên Quang	7695	22C-105.66	Tuyên Quang
196	22A-252.88	Tuyên Quang	2696	22A-244.66	Tuyên Quang	5196	22A-241.99	Tuyên Quang	7696	22C-105.88	Tuyên Quang
197	22A-253.25	Tuyên Quang	2697	22A-253.86	Tuyên Quang	5197	22A-250.99	Tuyên Quang	7697	22C-106.79	Tuyên Quang
198	22A-255.22	Tuyên Quang	2698	22C-103.88	Tuyên Quang	5198	22A-253.35	Tuyên Quang	7698	22D-006.60	Tuyên Quang
199	22C-106.66	Tuyên Quang	2699	22C-103.89	Tuyên Quang	5199	22A-254.44	Tuyên Quang	7699	23A-151.39	Hà Giang
200	23A-150.89	Hà Giang	2700	23A-148.69	Hà Giang	5200	22A-254.99	Tuyên Quang	7700	23A-151.79	Hà Giang
201	23A-151.99	Hà Giang	2701	23B-007.86	Hà Giang	5201	22C-104.44	Tuyên Quang	7701	23C-082.68	Hà Giang
202	23C-082.99	Hà Giang	2702	23C-082.89	Hà Giang	5202	22C-105.68	Tuyên Quang	7702	23C-085.68	Hà Giang
203	23C-085.88	Hà Giang	2703	23C-084.68	Hà Giang	5203	22D-006.69	Tuyên Quang	7703	23C-086.80	Hà Giang
204	24A-278.86	Lào Cai	2704	24A-274.89	Lào Cai	5204	23A-152.89	Hà Giang	7704	24A-275.89	Lào Cai
205	24A-281.18	Lào Cai	2705	24A-275.86	Lào Cai	5205	23A-155.15	Hà Giang	7705	24A-280.00	Lào Cai
206	24A-281.66	Lào Cai	2706	24A-277.66	Lào Cai	5206	23C-083.33	Hà Giang	7706	24A-288.44	Lào Cai
207	24A-291.11	Lào Cai	2707	24A-279.66	Lào Cai	5207	23C-083.38	Hà Giang	7707	24A-289.86	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
208	24A-294.69	Lào Cai	2708	24A-284.69	Lào Cai	5208	23C-083.39	Hà Giang	7708	24A-293.39	Lào Cai
209	24A-294.89	Lào Cai	2709	24A-287.69	Lào Cai	5209	23C-084.84	Hà Giang	7709	24A-297.77	Lào Cai
210	24A-299.69	Lào Cai	2710	24A-300.69	Lào Cai	5210	23D-004.44	Hà Giang	7710	24A-301.30	Lào Cai
211	24A-300.77	Lào Cai	2711	24A-301.01	Lào Cai	5211	24A-290.39	Lào Cai	7711	24C-154.79	Lào Cai
212	24A-303.33	Lào Cai	2712	24C-155.51	Lào Cai	5212	24A-292.79	Lào Cai	7712	24C-155.44	Lào Cai
213	24C-155.66	Lào Cai	2713	24C-155.69	Lào Cai	5213	24A-293.68	Lào Cai	7713	24C-155.86	Lào Cai
214	24C-155.79	Lào Cai	2714	26A-207.77	Sơn La	5214	24A-294.66	Lào Cai	7714	25A-076.67	Lai Châu
215	24C-156.15	Lào Cai	2715	26A-211.77	Sơn La	5215	24A-294.94	Lào Cai	7715	26A-215.15	Sơn La
216	25A-080.08	Lai Châu	2716	26A-215.89	Sơn La	5216	24A-295.69	Lào Cai	7716	26A-217.71	Sơn La
217	25B-004.68	Lai Châu	2717	26A-215.99	Sơn La	5217	24A-298.66	Lào Cai	7717	26A-221.39	Sơn La
218	26A-210.68	Sơn La	2718	26A-221.68	Sơn La	5218	24A-301.99	Lào Cai	7718	26C-149.94	Sơn La
219	26A-211.00	Sơn La	2719	26A-222.08	Sơn La	5219	24A-302.02	Lào Cai	7719	26C-151.66	Sơn La
220	26A-212.39	Sơn La	2720	26A-222.69	Sơn La	5220	24A-302.88	Lào Cai	7720	26C-153.15	Sơn La
221	26A-218.89	Sơn La	2721	26C-147.69	Sơn La	5221	24B-015.89	Lào Cai	7721	26C-154.89	Sơn La
222	26A-222.24	Sơn La	2722	26C-147.74	Sơn La	5222	24C-154.54	Lào Cai	7722	27A-116.89	Điện Biên
223	26C-155.22	Sơn La	2723	26C-148.69	Sơn La	5223	24C-154.88	Lào Cai	7723	27A-117.66	Điện Biên
224	26C-155.39	Sơn La	2724	26C-148.88	Sơn La	5224	25A-076.66	Lai Châu	7724	27C-065.89	Điện Biên
225	27A-118.39	Điện Biên	2725	26C-149.79	Sơn La	5225	25A-079.68	Lai Châu	7725	27C-066.11	Điện Biên
226	27C-067.76	Điện Biên	2726	26C-151.68	Sơn La	5226	25C-054.44	Lai Châu	7726	27C-067.66	Điện Biên
227	27C-070.39	Điện Biên	2727	26C-153.86	Sơn La	5227	26A-210.69	Sơn La	7727	27C-069.06	Điện Biên
228	28A-236.36	Hòa Bình	2728	27A-113.88	Điện Biên	5228	26A-218.81	Sơn La	7728	28A-242.24	Hòa Bình
229	28A-236.79	Hòa Bình	2729	27A-114.39	Điện Biên	5229	26A-220.00	Sơn La	7729	28A-247.24	Hòa Bình
230	28A-245.68	Hòa Bình	2730	27A-116.11	Điện Biên	5230	26A-221.11	Sơn La	7730	28C-111.06	Hòa Bình
231	28A-245.88	Hòa Bình	2731	27C-067.79	Điện Biên	5231	26A-221.69	Sơn La	7731	29B-645.66	Hà Nội
232	28C-108.66	Hòa Bình	2732	28A-243.86	Hòa Bình	5232	26A-222.13	Sơn La	7732	29D-578.68	Hà Nội
233	28C-109.79	Hòa Bình	2733	28A-244.69	Hòa Bình	5233	26C-147.47	Sơn La	7733	29D-580.89	Hà Nội
234	28C-111.15	Hòa Bình	2734	28A-245.66	Hòa Bình	5234	26C-149.66	Sơn La	7734	29D-581.66	Hà Nội
235	28C-111.89	Hòa Bình	2735	28A-246.39	Hòa Bình	5235	27A-111.28	Điện Biên	7735	29D-591.66	Hà Nội
236	28C-114.88	Hòa Bình	2736	28C-109.90	Hòa Bình	5236	27A-111.45	Điện Biên	7736	29K-143.89	Hà Nội
237	29B-648.79	Hà Nội	2737	28C-111.18	Hòa Bình	5237	27A-114.44	Điện Biên	7737	29K-147.74	Hà Nội
238	29D-578.87	Hà Nội	2738	28C-111.19	Hòa Bình	5238	27A-114.68	Điện Biên	7738	29K-150.00	Hà Nội
239	29D-581.39	Hà Nội	2739	28C-111.29	Hòa Bình	5239	27A-118.11	Điện Biên	7739	29K-159.89	Hà Nội
240	29D-596.89	Hà Nội	2740	28C-115.86	Hòa Bình	5240	27C-066.39	Điện Biên	7740	29K-168.16	Hà Nội
241	29K-148.89	Hà Nội	2741	29B-646.46	Hà Nội	5241	27C-069.39	Điện Biên	7741	29K-171.79	Hà Nội
242	29K-166.55	Hà Nội	2742	29D-584.44	Hà Nội	5242	27C-070.00	Điện Biên	7742	29K-176.69	Hà Nội
243	29K-169.39	Hà Nội	2743	29D-587.66	Hà Nội	5243	27C-070.88	Điện Biên	7743	29K-181.99	Hà Nội
244	29K-177.33	Hà Nội	2744	29D-589.98	Hà Nội	5244	27C-070.99	Điện Biên	7744	29K-182.28	Hà Nội
245	29K-177.88	Hà Nội	2745	29D-600.06	Hà Nội	5245	27C-071.11	Điện Biên	7745	29K-184.66	Hà Nội
246	29K-184.84	Hà Nội	2746	29K-149.79	Hà Nội	5246	28A-235.35	Hòa Bình	7746	29K-186.89	Hà Nội
247	29K-185.39	Hà Nội	2747	29K-150.88	Hà Nội	5247	28A-240.04	Hòa Bình	7747	29K-188.39	Hà Nội
248	29K-194.79	Hà Nội	2748	29K-155.88	Hà Nội	5248	28A-242.79	Hòa Bình	7748	29K-194.44	Hà Nội
249	29K-200.39	Hà Nội	2749	29K-158.79	Hà Nội	5249	28A-242.99	Hòa Bình	7749	29K-194.69	Hà Nội
250	29K-200.68	Hà Nội	2750	29K-173.66	Hà Nội	5250	28A-243.33	Hòa Bình	7750	29K-195.59	Hà Nội
251	29K-203.86	Hà Nội	2751	29K-175.39	Hà Nội	5251	28A-243.34	Hòa Bình	7751	29K-196.86	Hà Nội
252	29K-204.39	Hà Nội	2752	29K-175.88	Hà Nội	5252	28A-244.00	Hòa Bình	7752	29K-197.99	Hà Nội
253	29K-206.06	Hà Nội	2753	29K-178.88	Hà Nội	5253	28A-245.54	Hòa Bình	7753	29K-201.69	Hà Nội
254	29K-206.39	Hà Nội	2754	29K-180.99	Hà Nội	5254	28A-245.99	Hòa Bình	7754	29K-201.79	Hà Nội
255	29K-207.02	Hà Nội	2755	29K-185.69	Hà Nội	5255	28A-246.64	Hòa Bình	7755	29K-203.68	Hà Nội
256	29K-207.70	Hà Nội	2756	29K-192.29	Hà Nội	5256	28C-110.01	Hòa Bình	7756	29K-206.86	Hà Nội
257	29K-209.96	Hà Nội	2757	29K-192.92	Hà Nội	5257	28C-113.88	Hòa Bình	7757	29K-206.99	Hà Nội
258	29K-211.00	Hà Nội	2758	29K-194.94	Hà Nội	5258	28C-114.41	Hòa Bình	7758	29K-209.79	Hà Nội
259	29K-211.89	Hà Nội	2759	29K-194.99	Hà Nội	5259	29D-578.69	Hà Nội	7759	29K-210.01	Hà Nội
260	29K-212.79	Hà Nội	2760	29K-199.89	Hà Nội	5260	29D-582.66	Hà Nội	7760	29K-210.79	Hà Nội
261	29K-214.89	Hà Nội	2761	29K-200.69	Hà Nội	5261	29D-587.89	Hà Nội	7761	29K-215.79	Hà Nội
262	29K-218.39	Hà Nội	2762	29K-201.39	Hà Nội	5262	29D-588.89	Hà Nội	7762	29K-217.12	Hà Nội
263	29K-219.19	Hà Nội	2763	29K-201.99	Hà Nội	5263	29D-591.79	Hà Nội	7763	29K-217.89	Hà Nội
264	34A-806.69	Hải Dương	2764	29K-202.66	Hà Nội	5264	29D-593.88	Hà Nội	7764	29K-218.69	Hà Nội
265	34A-812.88	Hải Dương	2765	29K-203.39	Hà Nội	5265	29D-601.89	Hà Nội	7765	34A-807.79	Hải Dương
266	34A-821.12	Hải Dương	2766	29K-205.02	Hà Nội	5266	29D-603.86	Hà Nội	7766	34A-820.66	Hải Dương
267	34A-821.88	Hải Dương	2767	29K-206.60	Hà Nội	5267	29K-154.68	Hà Nội	7767	34A-821.69	Hải Dương
268	34A-824.69	Hải Dương	2768	29K-207.39	Hà Nội	5268	29K-154.69	Hà Nội	7768	34A-823.23	Hải Dương
269	34A-827.39	Hải Dương	2769	29K-211.66	Hà Nội	5269	29K-157.39	Hà Nội	7769	34A-824.39	Hải Dương
270	34A-827.99	Hải Dương	2770	29K-212.89	Hà Nội	5270	29K-161.11	Hà Nội	7770	34A-831.79	Hải Dương
271	34A-828.89	Hải Dương	2771	29K-213.12	Hà Nội	5271	29K-163.66	Hà Nội	7771	34A-833.69	Hải Dương
272	34A-831.31	Hải Dương	2772	29K-213.21	Hà Nội	5272	29K-166.86	Hà Nội	7772	34A-839.68	Hải Dương
273	34A-832.32	Hải Dương	2773	29K-213.66	Hà Nội	5273	29K-167.66	Hà Nội	7773	34A-840.89	Hải Dương
274	34A-838.69	Hải Dương	2774	29K-214.41	Hà Nội	5274	29K-174.99	Hà Nội	7774	34A-841.11	Hải Dương
275	34A-840.69	Hải Dương	2775	29K-215.89	Hà Nội	5275	29K-176.86	Hà Nội	7775	34A-843.99	Hải Dương
276	34A-841.41	Hải Dương	2776	34A-810.69	Hải Dương	5276	29K-177.11	Hà Nội	7776	34A-844.00	Hải Dương
277	34A-843.84	Hải Dương	2777	34A-812.21	Hải Dương	5277	29K-185.85	Hà Nội	7777	34A-847.47	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
278	34A-843.86	Hải Dương	2778	34A-824.68	Hải Dương	5278	29K-186.66	Hà Nội	7778	34A-849.48	Hải Dương
279	34A-845.66	Hải Dương	2779	34A-824.99	Hải Dương	5279	29K-190.00	Hà Nội	7779	34A-851.58	Hải Dương
280	34A-846.68	Hải Dương	2780	34A-825.25	Hải Dương	5280	29K-193.19	Hà Nội	7780	34A-851.86	Hải Dương
281	34A-847.39	Hải Dương	2781	34A-827.66	Hải Dương	5281	29K-195.55	Hà Nội	7781	34A-855.86	Hải Dương
282	34A-847.48	Hải Dương	2782	34A-828.39	Hải Dương	5282	29K-196.19	Hà Nội	7782	34C-401.88	Hải Dương
283	34A-851.11	Hải Dương	2783	34A-830.83	Hải Dương	5283	29K-197.77	Hà Nội	7783	34C-404.88	Hải Dương
284	34A-852.58	Hải Dương	2784	34A-833.55	Hải Dương	5284	29K-199.66	Hà Nội	7784	34C-405.39	Hải Dương
285	34A-852.88	Hải Dương	2785	34A-835.39	Hải Dương	5285	29K-209.20	Hà Nội	7785	34C-405.68	Hải Dương
286	34A-855.22	Hải Dương	2786	34A-837.69	Hải Dương	5286	29K-209.69	Hà Nội	7786	34C-408.80	Hải Dương
287	34A-855.69	Hải Dương	2787	34A-841.39	Hải Dương	5287	29K-210.99	Hà Nội	7787	34D-033.44	Hải Dương
288	34C-401.40	Hải Dương	2788	34A-842.99	Hải Dương	5288	29K-213.13	Hà Nội	7788	34D-033.79	Hải Dương
289	34C-402.69	Hải Dương	2789	34A-843.34	Hải Dương	5289	29K-213.39	Hà Nội	7789	34D-034.56	Hải Dương
290	34C-407.68	Hải Dương	2790	34A-850.66	Hải Dương	5290	34A-811.66	Hải Dương	7790	35A-419.89	Ninh Bình
291	34C-407.89	Hải Dương	2791	34A-852.68	Hải Dương	5291	34A-821.39	Hải Dương	7791	35A-431.11	Ninh Bình
292	34D-033.55	Hải Dương	2792	34A-853.69	Hải Dương	5292	34A-829.39	Hải Dương	7792	35A-434.88	Ninh Bình
293	34D-034.89	Hải Dương	2793	34A-853.99	Hải Dương	5293	34A-829.89	Hải Dương	7793	35A-440.00	Ninh Bình
294	35A-382.79	Ninh Bình	2794	34A-855.33	Hải Dương	5294	34A-831.66	Hải Dương	7794	35A-441.14	Ninh Bình
295	35A-417.88	Ninh Bình	2795	34C-402.99	Hải Dương	5295	34A-831.68	Hải Dương	7795	35A-441.99	Ninh Bình
296	35A-420.86	Ninh Bình	2796	34C-403.03	Hải Dương	5296	34A-834.38	Hải Dương	7796	35A-442.22	Ninh Bình
297	35A-421.11	Ninh Bình	2797	34C-403.86	Hải Dương	5297	34A-839.88	Hải Dương	7797	35A-442.42	Ninh Bình
298	35A-422.00	Ninh Bình	2798	34C-408.68	Hải Dương	5298	34A-840.79	Hải Dương	7798	35A-442.68	Ninh Bình
299	35A-428.69	Ninh Bình	2799	34C-408.86	Hải Dương	5299	34A-846.88	Hải Dương	7799	35A-442.89	Ninh Bình
300	35A-429.66	Ninh Bình	2800	34C-409.09	Hải Dương	5300	34A-846.99	Hải Dương	7800	35A-443.33	Ninh Bình
301	35A-431.66	Ninh Bình	2801	35A-418.86	Ninh Bình	5301	34A-847.68	Hải Dương	7801	35A-443.34	Ninh Bình
302	35A-433.68	Ninh Bình	2802	35A-419.79	Ninh Bình	5302	34A-848.79	Hải Dương	7802	35C-166.44	Ninh Bình
303	35A-434.56	Ninh Bình	2803	35A-420.99	Ninh Bình	5303	34A-851.51	Hải Dương	7803	35C-167.67	Ninh Bình
304	35A-435.86	Ninh Bình	2804	35A-421.79	Ninh Bình	5304	34B-040.04	Hải Dương	7804	35C-169.16	Ninh Bình
305	35A-442.79	Ninh Bình	2805	35A-426.26	Ninh Bình	5305	34C-401.04	Hải Dương	7805	35C-170.86	Ninh Bình
306	35A-443.68	Ninh Bình	2806	35A-430.79	Ninh Bình	5306	34C-403.66	Hải Dương	7806	35C-171.39	Ninh Bình
307	35C-167.86	Ninh Bình	2807	35A-431.79	Ninh Bình	5307	34C-408.04	Hải Dương	7807	35C-171.69	Ninh Bình
308	35C-169.88	Ninh Bình	2808	35A-432.32	Ninh Bình	5308	34D-033.99	Hải Dương	7808	35C-171.88	Ninh Bình
309	35C-171.66	Ninh Bình	2809	35A-433.39	Ninh Bình	5309	35A-433.88	Ninh Bình	7809	36C-462.62	Thanh Hóa
310	35C-172.72	Ninh Bình	2810	35A-434.43	Ninh Bình	5310	35A-438.34	Ninh Bình	7810	36C-469.88	Thanh Hóa
311	35C-173.71	Ninh Bình	2811	35A-435.35	Ninh Bình	5311	35A-439.68	Ninh Bình	7811	36C-474.47	Thanh Hóa
312	36C-462.39	Thanh Hóa	2812	35A-437.79	Ninh Bình	5312	35A-440.44	Ninh Bình	7812	36C-474.74	Thanh Hóa
313	36C-464.68	Thanh Hóa	2813	35C-165.69	Ninh Bình	5313	35A-444.02	Ninh Bình	7813	36C-474.88	Thanh Hóa
314	36C-465.86	Thanh Hóa	2814	35C-169.96	Ninh Bình	5314	35A-444.08	Ninh Bình	7814	36C-478.78	Thanh Hóa
315	36C-466.77	Thanh Hóa	2815	35C-170.00	Ninh Bình	5315	35A-444.12	Ninh Bình	7815	36C-480.89	Thanh Hóa
316	36C-473.33	Thanh Hóa	2816	35C-170.89	Ninh Bình	5316	35C-171.71	Ninh Bình	7816	36C-482.68	Thanh Hóa
317	36C-473.99	Thanh Hóa	2817	36C-463.66	Thanh Hóa	5317	35C-171.79	Ninh Bình	7817	36C-483.38	Thanh Hóa
318	36C-475.55	Thanh Hóa	2818	36C-468.66	Thanh Hóa	5318	35C-172.39	Ninh Bình	7818	36C-484.88	Thanh Hóa
319	36C-477.11	Thanh Hóa	2819	36C-473.66	Thanh Hóa	5319	35C-172.79	Ninh Bình	7819	36C-485.58	Thanh Hóa
320	36C-480.80	Thanh Hóa	2820	36C-477.33	Thanh Hóa	5320	35C-172.99	Ninh Bình	7820	36C-485.85	Thanh Hóa
321	36C-480.99	Thanh Hóa	2821	36C-480.08	Thanh Hóa	5321	35D-011.66	Ninh Bình	7821	36C-488.55	Thanh Hóa
322	36C-481.89	Thanh Hóa	2822	36C-481.18	Thanh Hóa	5322	36C-462.68	Thanh Hóa	7822	36C-493.79	Thanh Hóa
323	36C-485.66	Thanh Hóa	2823	36C-487.88	Thanh Hóa	5323	36C-475.57	Thanh Hóa	7823	36C-494.79	Thanh Hóa
324	36C-487.77	Thanh Hóa	2824	36C-494.88	Thanh Hóa	5324	36C-477.55	Thanh Hóa	7824	36C-496.99	Thanh Hóa
325	36C-487.79	Thanh Hóa	2825	36C-498.79	Thanh Hóa	5325	36C-478.89	Thanh Hóa	7825	36C-500.68	Thanh Hóa
326	36C-490.68	Thanh Hóa	2826	36C-505.69	Thanh Hóa	5326	36C-480.88	Thanh Hóa	7826	36C-501.86	Thanh Hóa
327	36C-494.86	Thanh Hóa	2827	36C-506.88	Thanh Hóa	5327	36C-483.89	Thanh Hóa	7827	36C-502.20	Thanh Hóa
328	36C-495.69	Thanh Hóa	2828	36K-044.39	Thanh Hóa	5328	36C-483.99	Thanh Hóa	7828	36C-502.99	Thanh Hóa
329	36C-498.66	Thanh Hóa	2829	36K-044.68	Thanh Hóa	5329	36C-486.99	Thanh Hóa	7829	36C-503.30	Thanh Hóa
330	36C-499.79	Thanh Hóa	2830	36K-049.86	Thanh Hóa	5330	36C-487.69	Thanh Hóa	7830	36C-504.04	Thanh Hóa
331	36C-500.66	Thanh Hóa	2831	36K-050.00	Thanh Hóa	5331	36C-489.86	Thanh Hóa	7831	36C-504.44	Thanh Hóa
332	36C-502.22	Thanh Hóa	2832	36K-053.89	Thanh Hóa	5332	36C-490.99	Thanh Hóa	7832	36C-504.88	Thanh Hóa
333	36C-505.86	Thanh Hóa	2833	36K-054.54	Thanh Hóa	5333	36C-497.99	Thanh Hóa	7833	36D-023.86	Thanh Hóa
334	36C-506.86	Thanh Hóa	2834	36K-059.68	Thanh Hóa	5334	36C-506.69	Thanh Hóa	7834	36K-045.79	Thanh Hóa
335	36C-507.66	Thanh Hóa	2835	36K-065.88	Thanh Hóa	5335	36K-049.39	Thanh Hóa	7835	36K-056.79	Thanh Hóa
336	36K-059.89	Thanh Hóa	2836	36K-067.69	Thanh Hóa	5336	36K-051.79	Thanh Hóa	7836	36K-059.66	Thanh Hóa
337	36K-059.95	Thanh Hóa	2837	36K-076.39	Thanh Hóa	5337	36K-053.35	Thanh Hóa	7837	36K-060.69	Thanh Hóa
338	36K-065.55	Thanh Hóa	2838	36K-078.78	Thanh Hóa	5338	36K-055.44	Thanh Hóa	7838	36K-060.89	Thanh Hóa
339	36K-065.68	Thanh Hóa	2839	36K-082.08	Thanh Hóa	5339	36K-068.06	Thanh Hóa	7839	36K-064.06	Thanh Hóa
340	36K-072.99	Thanh Hóa	2840	36K-082.68	Thanh Hóa	5340	36K-073.89	Thanh Hóa	7840	36K-071.88	Thanh Hóa
341	36K-075.89	Thanh Hóa	2841	36K-086.89	Thanh Hóa	5341	36K-082.89	Thanh Hóa	7841	36K-079.39	Thanh Hóa
342	36K-083.88	Thanh Hóa	2842	36K-087.39	Thanh Hóa	5342	36K-083.89	Thanh Hóa	7842	36K-083.38	Thanh Hóa
343	36K-085.66	Thanh Hóa	2843	36K-091.19	Thanh Hóa	5343	36K-085.85	Thanh Hóa	7843	36K-084.08	Thanh Hóa
344	36K-086.08	Thanh Hóa	2844	36K-093.33	Thanh Hóa	5344	36K-085.89	Thanh Hóa	7844	36K-085.08	Thanh Hóa
345	36K-087.99	Thanh Hóa	2845	36K-095.79	Thanh Hóa	5345	36K-086.69	Thanh Hóa	7845	36K-087.69	Thanh Hóa
346	36K-088.77	Thanh Hóa	2846	36K-096.09	Thanh Hóa	5346	36K-093.66	Thanh Hóa	7846	36K-087.89	Thanh Hóa
347	36K-095.69	Thanh Hóa	2847	36K-096.66	Thanh Hóa	5347	36K-094.86	Thanh Hóa	7847	36K-088.66	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
348	36K-097.66	Thanh Hóa	2848	36K-097.68	Thanh Hóa	5348	36K-095.66	Thanh Hóa	7848	36K-092.22	Thanh Hóa
349	36K-102.79	Thanh Hóa	2849	36K-104.40	Thanh Hóa	5349	36K-095.86	Thanh Hóa	7849	36K-094.69	Thanh Hóa
350	36K-103.10	Thanh Hóa	2850	36K-105.89	Thanh Hóa	5350	36K-097.09	Thanh Hóa	7850	36K-096.39	Thanh Hóa
351	36K-104.79	Thanh Hóa	2851	36K-106.89	Thanh Hóa	5351	36K-099.86	Thanh Hóa	7851	36K-100.99	Thanh Hóa
352	36K-110.10	Thanh Hóa	2852	36K-108.86	Thanh Hóa	5352	36K-100.39	Thanh Hóa	7852	36K-104.68	Thanh Hóa
353	36K-111.44	Thanh Hóa	2853	36K-115.88	Thanh Hóa	5353	36K-105.05	Thanh Hóa	7853	36K-105.50	Thanh Hóa
354	36K-111.46	Thanh Hóa	2854	36K-116.69	Thanh Hóa	5354	36K-108.89	Thanh Hóa	7854	36K-107.89	Thanh Hóa
355	36K-111.78	Thanh Hóa	2855	36K-121.11	Thanh Hóa	5355	36K-112.11	Thanh Hóa	7855	36K-108.08	Thanh Hóa
356	36K-122.21	Thanh Hóa	2856	36K-125.88	Thanh Hóa	5356	36K-113.89	Thanh Hóa	7856	36K-108.10	Thanh Hóa
357	36K-123.69	Thanh Hóa	2857	36K-126.12	Thanh Hóa	5357	36K-114.68	Thanh Hóa	7857	36K-109.96	Thanh Hóa
358	36K-124.12	Thanh Hóa	2858	36K-131.31	Thanh Hóa	5358	36K-117.68	Thanh Hóa	7858	36K-110.66	Thanh Hóa
359	36K-124.44	Thanh Hóa	2859	36K-132.13	Thanh Hóa	5359	36K-120.99	Thanh Hóa	7859	36K-110.88	Thanh Hóa
360	36K-124.88	Thanh Hóa	2860	36K-136.13	Thanh Hóa	5360	36K-121.86	Thanh Hóa	7860	36K-110.89	Thanh Hóa
361	36K-125.99	Thanh Hóa	2861	37C-519.69	Nghệ An	5361	36K-131.66	Thanh Hóa	7861	36K-111.39	Thanh Hóa
362	36K-129.89	Thanh Hóa	2862	37C-527.86	Nghệ An	5362	36K-133.39	Thanh Hóa	7862	36K-119.39	Thanh Hóa
363	36K-132.39	Thanh Hóa	2863	37C-534.56	Nghệ An	5363	37C-523.23	Nghệ An	7863	36K-119.68	Thanh Hóa
364	36K-133.86	Thanh Hóa	2864	37C-536.35	Nghệ An	5364	37C-525.79	Nghệ An	7864	36K-120.20	Thanh Hóa
365	37C-521.39	Nghệ An	2865	37C-537.35	Nghệ An	5365	37C-526.69	Nghệ An	7865	36K-121.66	Thanh Hóa
366	37C-527.89	Nghệ An	2866	37C-537.89	Nghệ An	5366	37C-529.86	Nghệ An	7866	36K-121.69	Thanh Hóa
367	37C-527.99	Nghệ An	2867	37K-279.68	Nghệ An	5367	37C-533.00	Nghệ An	7867	36K-126.39	Thanh Hóa
368	37C-538.89	Nghệ An	2868	37K-297.29	Nghệ An	5368	37C-535.88	Nghệ An	7868	36K-130.39	Thanh Hóa
369	37K-324.99	Nghệ An	2869	37K-331.39	Nghệ An	5369	37C-536.88	Nghệ An	7869	36K-132.23	Thanh Hóa
370	37K-342.86	Nghệ An	2870	37K-341.99	Nghệ An	5370	37C-537.99	Nghệ An	7870	36K-133.22	Thanh Hóa
371	37K-344.77	Nghệ An	2871	37K-342.34	Nghệ An	5371	37C-538.53	Nghệ An	7871	36K-135.89	Thanh Hóa
372	37K-348.84	Nghệ An	2872	37K-345.43	Nghệ An	5372	37K-329.29	Nghệ An	7872	37C-518.69	Nghệ An
373	37K-348.89	Nghệ An	2873	37K-349.43	Nghệ An	5373	37K-332.88	Nghệ An	7873	37C-519.66	Nghệ An
374	37K-350.69	Nghệ An	2874	37K-352.66	Nghệ An	5374	37K-334.43	Nghệ An	7874	37C-524.69	Nghệ An
375	37K-350.99	Nghệ An	2875	37K-355.68	Nghệ An	5375	37K-336.63	Nghệ An	7875	37C-529.79	Nghệ An
376	37K-353.39	Nghệ An	2876	37K-355.69	Nghệ An	5376	37K-343.43	Nghệ An	7876	37C-532.86	Nghệ An
377	37K-355.22	Nghệ An	2877	37K-360.86	Nghệ An	5377	37K-343.66	Nghệ An	7877	37C-533.22	Nghệ An
378	37K-358.69	Nghệ An	2878	37K-360.89	Nghệ An	5378	37K-344.55	Nghệ An	7878	37C-537.68	Nghệ An
379	37K-361.68	Nghệ An	2879	37K-362.86	Nghệ An	5379	37K-344.99	Nghệ An	7879	37C-538.66	Nghệ An
380	37K-361.99	Nghệ An	2880	37K-365.79	Nghệ An	5380	37K-345.39	Nghệ An	7880	37K-262.89	Nghệ An
381	37K-364.66	Nghệ An	2881	37K-366.96	Nghệ An	5381	37K-346.69	Nghệ An	7881	37K-347.39	Nghệ An
382	37K-365.56	Nghệ An	2882	37K-370.79	Nghệ An	5382	37K-347.79	Nghệ An	7882	37K-349.49	Nghệ An
383	37K-366.33	Nghệ An	2883	37K-372.69	Nghệ An	5383	37K-350.79	Nghệ An	7883	37K-349.96	Nghệ An
384	37K-366.44	Nghệ An	2884	37K-375.73	Nghệ An	5384	37K-351.11	Nghệ An	7884	37K-352.99	Nghệ An
385	37K-370.86	Nghệ An	2885	37K-375.88	Nghệ An	5385	37K-354.54	Nghệ An	7885	37K-354.39	Nghệ An
386	37K-371.17	Nghệ An	2886	37K-378.66	Nghệ An	5386	37K-355.33	Nghệ An	7886	37K-356.69	Nghệ An
387	37K-373.68	Nghệ An	2887	37K-380.66	Nghệ An	5387	37K-355.53	Nghệ An	7887	37K-357.53	Nghệ An
388	37K-376.86	Nghệ An	2888	37K-383.39	Nghệ An	5388	37K-355.56	Nghệ An	7888	37K-361.61	Nghệ An
389	37K-378.37	Nghệ An	2889	38A-621.89	Hà Tĩnh	5389	37K-359.35	Nghệ An	7889	37K-365.65	Nghệ An
390	37K-379.37	Nghệ An	2890	38A-625.89	Hà Tĩnh	5390	37K-359.39	Nghệ An	7890	37K-367.63	Nghệ An
391	38A-604.69	Hà Tĩnh	2891	38A-630.69	Hà Tĩnh	5391	37K-359.88	Nghệ An	7891	37K-370.70	Nghệ An
392	38A-605.05	Hà Tĩnh	2892	38A-634.68	Hà Tĩnh	5392	37K-364.89	Nghệ An	7892	37K-378.86	Nghệ An
393	38A-609.79	Hà Tĩnh	2893	38C-225.66	Hà Tĩnh	5393	37K-374.66	Nghệ An	7893	37K-379.73	Nghệ An
394	38A-614.79	Hà Tĩnh	2894	38C-228.39	Hà Tĩnh	5394	37K-374.86	Nghệ An	7894	37K-381.11	Nghệ An
395	38A-621.11	Hà Tĩnh	2895	43A-854.89	Đà Nẵng	5395	37K-376.37	Nghệ An	7895	37K-381.39	Nghệ An
396	38A-625.69	Hà Tĩnh	2896	43A-858.39	Đà Nẵng	5396	38A-620.89	Hà Tĩnh	7896	37K-386.83	Nghệ An
397	38A-625.99	Hà Tĩnh	2897	43A-859.88	Đà Nẵng	5397	38A-621.88	Hà Tĩnh	7897	38A-609.69	Hà Tĩnh
398	38A-627.68	Hà Tĩnh	2898	43A-877.89	Đà Nẵng	5398	38A-629.92	Hà Tĩnh	7898	38A-620.68	Hà Tĩnh
399	38A-630.30	Hà Tĩnh	2899	43A-888.08	Đà Nẵng	5399	38A-630.66	Hà Tĩnh	7899	38A-622.39	Hà Tĩnh
400	38A-631.86	Hà Tĩnh	2900	43A-888.09	Đà Nẵng	5400	38A-631.66	Hà Tĩnh	7900	38A-625.55	Hà Tĩnh
401	38A-633.11	Hà Tĩnh	2901	43A-890.00	Đà Nẵng	5401	38B-018.99	Hà Tĩnh	7901	38A-632.99	Hà Tĩnh
402	38A-633.39	Hà Tĩnh	2902	43C-299.22	Đà Nẵng	5402	38C-216.61	Hà Tĩnh	7902	38A-635.89	Hà Tĩnh
403	38A-634.39	Hà Tĩnh	2903	43C-302.89	Đà Nẵng	5403	38C-216.68	Hà Tĩnh	7903	38C-223.23	Hà Tĩnh
404	38C-216.39	Hà Tĩnh	2904	47A-711.88	Đắk Lắk	5404	38C-222.25	Hà Tĩnh	7904	43A-864.44	Đà Nẵng
405	38C-226.68	Hà Tĩnh	2905	47A-721.99	Đắk Lắk	5405	38C-222.46	Hà Tĩnh	7905	43A-872.69	Đà Nẵng
406	38C-227.77	Hà Tĩnh	2906	47A-724.66	Đắk Lắk	5406	43A-854.99	Đà Nẵng	7906	43A-874.89	Đà Nẵng
407	38C-227.79	Hà Tĩnh	2907	47A-729.88	Đắk Lắk	5407	43A-856.86	Đà Nẵng	7907	43A-875.75	Đà Nẵng
408	38C-228.28	Hà Tĩnh	2908	47A-731.68	Đắk Lắk	5408	43A-870.66	Đà Nẵng	7908	43A-877.78	Đà Nẵng
409	43A-855.89	Đà Nẵng	2909	47A-737.99	Đắk Lắk	5409	43A-872.68	Đà Nẵng	7909	43A-884.66	Đà Nẵng
410	43A-861.66	Đà Nẵng	2910	47A-738.68	Đắk Lắk	5410	43A-872.86	Đà Nẵng	7910	43A-888.05	Đà Nẵng
411	43A-861.99	Đà Nẵng	2911	47A-743.89	Đắk Lắk	5411	43A-875.68	Đà Nẵng	7911	43A-895.79	Đà Nẵng
412	43A-862.69	Đà Nẵng	2912	47A-744.86	Đắk Lắk	5412	43A-881.99	Đà Nẵng	7912	43A-895.98	Đà Nẵng
413	43A-864.64	Đà Nẵng	2913	47A-745.74	Đắk Lắk	5413	43A-882.69	Đà Nẵng	7913	43C-295.69	Đà Nẵng
414	43A-866.22	Đà Nẵng	2914	47A-746.39	Đắk Lắk	5414	43A-884.99	Đà Nẵng	7914	43C-297.77	Đà Nẵng
415	43A-871.88	Đà Nẵng	2915	47A-750.57	Đắk Lắk	5415	43A-887.78	Đà Nẵng	7915	47A-727.72	Đắk Lắk
416	43A-887.68	Đà Nẵng	2916	47A-750.68	Đắk Lắk	5416	43A-891.86	Đà Nẵng	7916	47A-727.79	Đắk Lắk
417	43A-888.11	Đà Nẵng	2917	47A-750.75	Đắk Lắk	5417	43A-892.68	Đà Nẵng	7917	47A-740.86	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
418	43A-888.46	Đà Nẵng	2918	47A-752.75	Đắk Lắk	5418	43C-298.68	Đà Nẵng	7918	47A-743.43	Đắk Lắk
419	43A-892.92	Đà Nẵng	2919	47A-752.88	Đắk Lắk	5419	47A-720.39	Đắk Lắk	7919	47A-748.99	Đắk Lắk
420	43A-894.94	Đà Nẵng	2920	47A-753.57	Đắk Lắk	5420	47A-721.21	Đắk Lắk	7920	47A-752.39	Đắk Lắk
421	43A-895.59	Đà Nẵng	2921	47A-755.99	Đắk Lắk	5421	47A-722.00	Đắk Lắk	7921	47A-752.66	Đắk Lắk
422	43C-299.88	Đà Nẵng	2922	47A-759.57	Đắk Lắk	5422	47A-722.88	Đắk Lắk	7922	47A-755.22	Đắk Lắk
423	43C-303.99	Đà Nẵng	2923	47C-338.79	Đắk Lắk	5423	47A-723.86	Đắk Lắk	7923	47A-756.86	Đắk Lắk
424	47A-711.77	Đắk Lắk	2924	47C-356.68	Đắk Lắk	5424	47A-726.99	Đắk Lắk	7924	47A-757.89	Đắk Lắk
425	47A-713.89	Đắk Lắk	2925	47C-358.79	Đắk Lắk	5425	47A-728.68	Đắk Lắk	7925	47C-354.86	Đắk Lắk
426	47A-717.88	Đắk Lắk	2926	47C-364.68	Đắk Lắk	5426	47A-732.69	Đắk Lắk	7926	47C-355.79	Đắk Lắk
427	47A-720.88	Đắk Lắk	2927	47C-365.66	Đắk Lắk	5427	47A-733.77	Đắk Lắk	7927	47C-357.89	Đắk Lắk
428	47A-722.68	Đắk Lắk	2928	47C-369.96	Đắk Lắk	5428	47A-735.39	Đắk Lắk	7928	47C-361.79	Đắk Lắk
429	47A-722.99	Đắk Lắk	2929	47C-374.88	Đắk Lắk	5429	47A-736.37	Đắk Lắk	7929	47C-362.86	Đắk Lắk
430	47A-725.52	Đắk Lắk	2930	47C-375.37	Đắk Lắk	5430	47A-736.73	Đắk Lắk	7930	47C-369.39	Đắk Lắk
431	47A-728.28	Đắk Lắk	2931	48A-220.39	Đắk Nông	5431	47A-738.37	Đắk Lắk	7931	47C-369.79	Đắk Lắk
432	47A-731.99	Đắk Lắk	2932	48C-101.66	Đắk Nông	5432	47A-740.40	Đắk Lắk	7932	47C-372.86	Đắk Lắk
433	47A-741.99	Đắk Lắk	2933	49A-695.55	Lâm Đồng	5433	47A-741.88	Đắk Lắk	7933	47C-373.68	Đắk Lắk
434	47A-742.24	Đắk Lắk	2934	49A-695.69	Lâm Đồng	5434	47A-741.89	Đắk Lắk	7934	47C-373.99	Đắk Lắk
435	47A-744.74	Đắk Lắk	2935	49A-698.39	Lâm Đồng	5435	47A-747.39	Đắk Lắk	7935	47D-015.15	Đắk Lắk
436	47A-745.55	Đắk Lắk	2936	49A-698.68	Lâm Đồng	5436	47A-748.39	Đắk Lắk	7936	48A-221.22	Đắk Nông
437	47A-745.99	Đắk Lắk	2937	49A-700.44	Lâm Đồng	5437	47A-749.49	Đắk Lắk	7937	48A-221.86	Đắk Nông
438	47A-746.46	Đắk Lắk	2938	49A-701.88	Lâm Đồng	5438	47A-749.96	Đắk Lắk	7938	48A-224.79	Đắk Nông
439	47A-747.86	Đắk Lắk	2939	49A-704.04	Lâm Đồng	5439	47A-758.66	Đắk Lắk	7939	48A-228.22	Đắk Nông
440	47A-748.48	Đắk Lắk	2940	49C-359.39	Lâm Đồng	5440	47A-758.86	Đắk Lắk	7940	48A-230.79	Đắk Nông
441	47A-753.69	Đắk Lắk	2941	49C-363.88	Lâm Đồng	5441	47C-363.79	Đắk Lắk	7941	48A-236.39	Đắk Nông
442	47A-755.89	Đắk Lắk	2942	49C-366.11	Lâm Đồng	5442	47C-365.88	Đắk Lắk	7942	48C-104.89	Đắk Nông
443	47A-759.99	Đắk Lắk	2943	49C-367.36	Lâm Đồng	5443	47C-366.00	Đắk Lắk	7943	49A-695.68	Lâm Đồng
444	47C-349.79	Đắk Lắk	2944	49C-367.99	Lâm Đồng	5444	47C-369.88	Đắk Lắk	7944	49A-699.89	Lâm Đồng
445	47C-353.35	Đắk Lắk	2945	51D-991.68	Hồ Chí Minh	5445	47C-370.69	Đắk Lắk	7945	49A-700.99	Lâm Đồng
446	47C-353.88	Đắk Lắk	2946	51E-316.99	Hồ Chí Minh	5446	47C-374.44	Đắk Lắk	7946	49A-701.70	Lâm Đồng
447	47C-357.66	Đắk Lắk	2947	51E-318.66	Hồ Chí Minh	5447	47C-375.75	Đắk Lắk	7947	49A-704.07	Lâm Đồng
448	47C-357.79	Đắk Lắk	2948	51M-004.44	Hồ Chí Minh	5448	48A-224.69	Đắk Nông	7948	49A-704.86	Lâm Đồng
449	47C-362.39	Đắk Lắk	2949	51M-005.69	Hồ Chí Minh	5449	48A-225.22	Đắk Nông	7949	49A-705.99	Lâm Đồng
450	47C-363.39	Đắk Lắk	2950	51M-006.89	Hồ Chí Minh	5450	48A-227.39	Đắk Nông	7950	49A-706.39	Lâm Đồng
451	47C-363.63	Đắk Lắk	2951	51M-008.00	Hồ Chí Minh	5451	48A-227.68	Đắk Nông	7951	49C-358.88	Lâm Đồng
452	47C-363.89	Đắk Lắk	2952	51M-008.08	Hồ Chí Minh	5452	48A-228.99	Đắk Nông	7952	49C-360.89	Lâm Đồng
453	47C-364.44	Đắk Lắk	2953	60C-720.69	Đồng Nai	5453	48A-233.68	Đắk Nông	7953	49C-361.11	Lâm Đồng
454	47C-365.55	Đắk Lắk	2954	60C-721.99	Đồng Nai	5454	48C-102.99	Đắk Nông	7954	49C-361.36	Lâm Đồng
455	47C-368.69	Đắk Lắk	2955	60C-725.66	Đồng Nai	5455	49A-673.69	Lâm Đồng	7955	49C-364.86	Lâm Đồng
456	47C-371.79	Đắk Lắk	2956	60C-725.68	Đồng Nai	5456	49A-700.33	Lâm Đồng	7956	49C-366.63	Lâm Đồng
457	47C-372.66	Đắk Lắk	2957	60K-502.79	Đồng Nai	5457	49A-700.39	Lâm Đồng	7957	51D-987.66	Hồ Chí Minh
458	47C-374.73	Đắk Lắk	2958	60K-505.39	Đồng Nai	5458	49A-701.89	Lâm Đồng	7958	51D-987.87	Hồ Chí Minh
459	47C-375.89	Đắk Lắk	2959	60K-509.66	Đồng Nai	5459	49A-703.07	Lâm Đồng	7959	51D-992.39	Hồ Chí Minh
460	47D-015.10	Đắk Lắk	2960	60K-515.39	Đồng Nai	5460	49A-705.68	Lâm Đồng	7960	51D-994.99	Hồ Chí Minh
461	48A-226.89	Đắk Nông	2961	60K-518.99	Đồng Nai	5461	49A-705.79	Lâm Đồng	7961	51D-995.86	Hồ Chí Minh
462	48A-235.55	Đắk Nông	2962	60K-522.86	Đồng Nai	5462	49A-706.60	Lâm Đồng	7962	51D-996.68	Hồ Chí Minh
463	49A-676.67	Lâm Đồng	2963	60K-523.69	Đồng Nai	5463	49C-353.88	Lâm Đồng	7963	51D-996.86	Hồ Chí Minh
464	49A-676.89	Lâm Đồng	2964	60K-530.30	Đồng Nai	5464	49C-355.00	Lâm Đồng	7964	51E-311.55	Hồ Chí Minh
465	49A-681.89	Lâm Đồng	2965	60K-533.89	Đồng Nai	5465	49C-364.66	Lâm Đồng	7965	51E-316.88	Hồ Chí Minh
466	49A-684.79	Lâm Đồng	2966	60K-534.35	Đồng Nai	5466	49C-368.36	Lâm Đồng	7966	51E-322.23	Hồ Chí Minh
467	49A-688.44	Lâm Đồng	2967	60K-535.53	Đồng Nai	5467	51B-708.88	Hồ Chí Minh	7967	51K-902.22	Hồ Chí Minh
468	49A-689.69	Lâm Đồng	2968	60K-536.39	Đồng Nai	5468	51M-004.68	Hồ Chí Minh	7968	51M-000.89	Hồ Chí Minh
469	49A-692.29	Lâm Đồng	2969	60K-536.79	Đồng Nai	5469	60C-666.61	Đồng Nai	7969	51M-005.39	Hồ Chí Minh
470	49A-692.68	Lâm Đồng	2970	61C-579.69	Bình Dương	5470	60C-717.89	Đồng Nai	7970	60C-717.66	Đồng Nai
471	49A-695.95	Lâm Đồng	2971	61C-581.99	Bình Dương	5471	60C-718.66	Đồng Nai	7971	60C-718.71	Đồng Nai
472	49A-700.22	Lâm Đồng	2972	61C-586.58	Bình Dương	5472	60C-719.89	Đồng Nai	7972	60C-718.86	Đồng Nai
473	49A-701.86	Lâm Đồng	2973	61C-587.66	Bình Dương	5473	60C-722.33	Đồng Nai	7973	60C-719.69	Đồng Nai
474	49A-702.07	Lâm Đồng	2974	61C-587.77	Bình Dương	5474	60C-723.23	Đồng Nai	7974	60C-720.66	Đồng Nai
475	49C-365.99	Lâm Đồng	2975	61D-018.86	Bình Dương	5475	60C-723.88	Đồng Nai	7975	60C-720.68	Đồng Nai
476	51D-999.33	Hồ Chí Minh	2976	61K-401.86	Bình Dương	5476	60K-500.66	Đồng Nai	7976	60C-723.86	Đồng Nai
477	51D-999.86	Hồ Chí Minh	2977	61K-407.99	Bình Dương	5477	60K-501.39	Đồng Nai	7977	60C-724.89	Đồng Nai
478	51E-313.66	Hồ Chí Minh	2978	61K-408.40	Bình Dương	5478	60K-502.22	Đồng Nai	7978	60C-726.26	Đồng Nai
479	51E-317.89	Hồ Chí Minh	2979	61K-413.88	Bình Dương	5479	60K-506.86	Đồng Nai	7979	60K-500.99	Đồng Nai
480	51E-320.20	Hồ Chí Minh	2980	61K-415.51	Bình Dương	5480	60K-510.99	Đồng Nai	7980	60K-505.68	Đồng Nai
481	51E-321.69	Hồ Chí Minh	2981	61K-416.66	Bình Dương	5481	60K-517.51	Đồng Nai	7981	60K-506.66	Đồng Nai
482	51M-000.25	Hồ Chí Minh	2982	61K-418.41	Bình Dương	5482	60K-517.99	Đồng Nai	7982	60K-508.08	Đồng Nai
483	51M-005.79	Hồ Chí Minh	2983	61K-422.69	Bình Dương	5483	60K-518.51	Đồng Nai	7983	60K-512.39	Đồng Nai
484	51M-006.66	Hồ Chí Minh	2984	61K-425.42	Bình Dương	5484	60K-521.88	Đồng Nai	7984	60K-515.86	Đồng Nai
485	60C-714.88	Đồng Nai	2985	61K-432.39	Bình Dương	5485	60K-523.86	Đồng Nai	7985	60K-519.88	Đồng Nai
486	60C-717.39	Đồng Nai	2986	61K-433.77	Bình Dương	5486	60K-524.86	Đồng Nai	7986	60K-520.79	Đồng Nai
487	60C-721.86	Đồng Nai	2987	61K-433.79	Bình Dương	5487	60K-533.55	Đồng Nai	7987	60K-522.99	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
488	60C-722.68	Đồng Nai	2988	61K-435.88	Bình Dương	5488	60K-535.89	Đồng Nai	7988	60K-523.79	Đồng Nai
489	60C-724.27	Đồng Nai	2989	61K-439.68	Bình Dương	5489	60K-539.69	Đồng Nai	7989	60K-524.24	Đồng Nai
490	60C-726.89	Đồng Nai	2990	61K-441.14	Bình Dương	5490	60K-540.54	Đồng Nai	7990	60K-524.66	Đồng Nai
491	60K-496.96	Đồng Nai	2991	62A-423.79	Long An	5491	60K-543.69	Đồng Nai	7991	60K-527.66	Đồng Nai
492	60K-500.33	Đồng Nai	2992	62A-426.66	Long An	5492	61C-577.39	Bình Dương	7992	60K-527.89	Đồng Nai
493	60K-504.05	Đồng Nai	2993	62A-437.77	Long An	5493	61C-578.66	Bình Dương	7993	60K-530.69	Đồng Nai
494	60K-510.79	Đồng Nai	2994	62A-441.88	Long An	5494	61C-578.88	Bình Dương	7994	60K-530.99	Đồng Nai
495	60K-514.68	Đồng Nai	2995	62A-442.39	Long An	5495	61C-581.85	Bình Dương	7995	60K-531.35	Đồng Nai
496	60K-516.86	Đồng Nai	2996	62A-444.11	Long An	5496	61C-582.89	Bình Dương	7996	60K-531.79	Đồng Nai
497	60K-521.21	Đồng Nai	2997	62A-444.36	Long An	5497	61C-585.86	Bình Dương	7997	60K-533.77	Đồng Nai
498	60K-522.00	Đồng Nai	2998	62A-444.46	Long An	5498	61C-587.39	Bình Dương	7998	60K-534.66	Đồng Nai
499	60K-524.52	Đồng Nai	2999	62A-444.86	Long An	5499	61C-587.58	Bình Dương	7999	60K-537.68	Đồng Nai
500	60K-528.89	Đồng Nai	3000	62C-195.68	Long An	5500	61C-587.68	Bình Dương	8000	60K-538.79	Đồng Nai
501	60K-528.99	Đồng Nai	3001	62C-199.44	Long An	5501	61D-018.66	Bình Dương	8001	60K-539.86	Đồng Nai
502	60K-532.68	Đồng Nai	3002	62C-199.77	Long An	5502	61K-400.22	Bình Dương	8002	60K-542.69	Đồng Nai
503	60K-532.86	Đồng Nai	3003	62C-203.88	Long An	5503	61K-402.89	Bình Dương	8003	60K-542.79	Đồng Nai
504	60K-534.69	Đồng Nai	3004	62C-206.39	Long An	5504	61K-402.99	Bình Dương	8004	60K-543.79	Đồng Nai
505	60K-535.69	Đồng Nai	3005	62C-206.68	Long An	5505	61K-403.39	Bình Dương	8005	61C-581.66	Bình Dương
506	60K-536.68	Đồng Nai	3006	62C-210.66	Long An	5506	61K-408.88	Bình Dương	8006	61C-583.33	Bình Dương
507	60K-536.88	Đồng Nai	3007	63A-305.55	Tiền Giang	5507	61K-409.99	Bình Dương	8007	61K-409.69	Bình Dương
508	60K-539.89	Đồng Nai	3008	63C-209.88	Tiền Giang	5508	61K-411.55	Bình Dương	8008	61K-410.66	Bình Dương
509	60K-540.40	Đồng Nai	3009	63C-214.68	Tiền Giang	5509	61K-417.69	Bình Dương	8009	61K-412.66	Bình Dương
510	60K-543.54	Đồng Nai	3010	63C-215.69	Tiền Giang	5510	61K-424.68	Bình Dương	8010	61K-412.88	Bình Dương
511	61C-575.57	Bình Dương	3011	63C-217.86	Tiền Giang	5511	61K-431.89	Bình Dương	8011	61K-415.15	Bình Dương
512	61C-582.22	Bình Dương	3012	63D-008.80	Tiền Giang	5512	61K-436.66	Bình Dương	8012	61K-420.86	Bình Dương
513	61C-582.28	Bình Dương	3013	64A-187.78	Vĩnh Long	5513	61K-437.99	Bình Dương	8013	61K-421.39	Bình Dương
514	61C-583.85	Bình Dương	3014	64A-192.92	Vĩnh Long	5514	61K-438.86	Bình Dương	8014	61K-423.33	Bình Dương
515	61C-583.88	Bình Dương	3015	64A-193.79	Vĩnh Long	5515	62A-426.88	Long An	8015	61K-426.86	Bình Dương
516	61D-018.88	Bình Dương	3016	64C-121.12	Vĩnh Long	5516	62A-440.40	Long An	8016	61K-434.66	Bình Dương
517	61K-408.66	Bình Dương	3017	65A-438.86	Cần Thơ	5517	62A-440.69	Long An	8017	61K-440.69	Bình Dương
518	61K-416.88	Bình Dương	3018	65A-442.39	Cần Thơ	5518	62A-444.15	Long An	8018	61K-441.89	Bình Dương
519	61K-417.86	Bình Dương	3019	65A-448.79	Cần Thơ	5519	62A-444.48	Long An	8019	62A-422.55	Long An
520	61K-421.66	Bình Dương	3020	65A-450.00	Cần Thơ	5520	62A-444.68	Long An	8020	62A-432.99	Long An
521	61K-421.79	Bình Dương	3021	65A-454.45	Cần Thơ	5521	62A-445.55	Long An	8021	62A-438.86	Long An
522	61K-421.89	Bình Dương	3022	65A-457.99	Cần Thơ	5522	62A-446.68	Long An	8022	62A-444.03	Long An
523	61K-423.66	Bình Dương	3023	65A-459.68	Cần Thơ	5523	62C-196.89	Long An	8023	62A-444.57	Long An
524	61K-423.89	Bình Dương	3024	65A-463.88	Cần Thơ	5524	62C-197.66	Long An	8024	62C-196.68	Long An
525	61K-432.66	Bình Dương	3025	65A-464.89	Cần Thơ	5525	62C-197.68	Long An	8025	62C-198.68	Long An
526	61K-435.68	Bình Dương	3026	65A-466.22	Cần Thơ	5526	62C-199.55	Long An	8026	62C-201.99	Long An
527	61K-438.88	Bình Dương	3027	65A-467.88	Cần Thơ	5527	62C-199.66	Long An	8027	62C-205.86	Long An
528	62A-433.22	Long An	3028	65A-471.39	Cần Thơ	5528	62C-201.11	Long An	8028	63A-298.69	Tiền Giang
529	62A-440.89	Long An	3029	65A-472.39	Cần Thơ	5529	62C-205.39	Long An	8029	63A-305.30	Tiền Giang
530	62A-442.22	Long An	3030	65A-473.86	Cần Thơ	5530	63A-306.06	Tiền Giang	8030	63A-305.69	Tiền Giang
531	62A-444.23	Long An	3031	65A-473.99	Cần Thơ	5531	63C-211.00	Tiền Giang	8031	63A-305.88	Tiền Giang
532	62A-445.54	Long An	3032	65A-476.39	Cần Thơ	5532	63C-216.88	Tiền Giang	8032	63C-211.33	Tiền Giang
533	62A-446.79	Long An	3033	65A-481.81	Cần Thơ	5533	63C-217.21	Tiền Giang	8033	63C-211.69	Tiền Giang
534	62B-028.20	Long An	3034	65A-481.89	Cần Thơ	5534	63C-218.88	Tiền Giang	8034	63C-211.77	Tiền Giang
535	62C-195.69	Long An	3035	65A-482.86	Cần Thơ	5535	63D-009.00	Tiền Giang	8035	63C-213.88	Tiền Giang
536	62C-196.86	Long An	3036	65A-488.79	Cần Thơ	5536	64A-188.81	Vĩnh Long	8036	63C-215.86	Tiền Giang
537	62C-203.69	Long An	3037	65C-212.12	Cần Thơ	5537	64A-189.68	Vĩnh Long	8037	64A-188.55	Vĩnh Long
538	62C-210.39	Long An	3038	65C-212.66	Cần Thơ	5538	64A-190.90	Vĩnh Long	8038	64A-188.89	Vĩnh Long
539	63A-298.66	Tiền Giang	3039	65C-213.33	Cần Thơ	5539	64A-193.88	Vĩnh Long	8039	64C-115.15	Vĩnh Long
540	63A-303.88	Tiền Giang	3040	65C-215.66	Cần Thơ	5540	64C-117.68	Vĩnh Long	8040	64C-116.16	Vĩnh Long
541	63C-209.89	Tiền Giang	3041	65C-215.69	Cần Thơ	5541	64C-117.71	Vĩnh Long	8041	64C-117.86	Vĩnh Long
542	63C-213.39	Tiền Giang	3042	65C-216.16	Cần Thơ	5542	64C-117.77	Vĩnh Long	8042	64C-118.66	Vĩnh Long
543	63C-213.99	Tiền Giang	3043	65C-217.68	Cần Thơ	5543	65A-441.66	Cần Thơ	8043	64C-119.19	Vĩnh Long
544	63C-218.39	Tiền Giang	3044	65C-217.88	Cần Thơ	5544	65A-444.40	Cần Thơ	8044	65A-434.89	Cần Thơ
545	64A-186.89	Vĩnh Long	3045	65C-219.19	Cần Thơ	5545	65A-447.74	Cần Thơ	8045	65A-441.99	Cần Thơ
546	64A-188.66	Vĩnh Long	3046	65C-220.66	Cần Thơ	5546	65A-454.66	Cần Thơ	8046	65A-451.89	Cần Thơ
547	64A-192.68	Vĩnh Long	3047	65C-222.35	Cần Thơ	5547	65A-458.85	Cần Thơ	8047	65A-452.68	Cần Thơ
548	64C-116.61	Vĩnh Long	3048	65C-222.38	Cần Thơ	5548	65A-461.66	Cần Thơ	8048	65A-458.39	Cần Thơ
549	64C-118.68	Vĩnh Long	3049	65C-222.39	Cần Thơ	5549	65A-466.55	Cần Thơ	8049	65A-462.99	Cần Thơ
550	64C-120.68	Vĩnh Long	3050	65C-225.68	Cần Thơ	5550	65A-470.07	Cần Thơ	8050	65A-465.68	Cần Thơ
551	65A-448.68	Cần Thơ	3051	66A-266.69	Đồng Tháp	5551	65A-470.88	Cần Thơ	8051	65A-465.86	Cần Thơ
552	65A-450.69	Cần Thơ	3052	66A-274.44	Đồng Tháp	5552	65A-471.17	Cần Thơ	8052	65A-467.69	Cần Thơ
553	65A-457.77	Cần Thơ	3053	66A-276.99	Đồng Tháp	5553	65A-471.71	Cần Thơ	8053	65A-470.79	Cần Thơ
554	65A-460.00	Cần Thơ	3054	66A-279.89	Đồng Tháp	5554	65A-472.99	Cần Thơ	8054	65A-478.86	Cần Thơ
555	65A-462.26	Cần Thơ	3055	66A-280.00	Đồng Tháp	5555	65A-473.39	Cần Thơ	8055	65A-485.58	Cần Thơ
556	65A-462.89	Cần Thơ	3056	66A-282.66	Đồng Tháp	5556	65A-473.73	Cần Thơ	8056	65A-485.99	Cần Thơ
557	65A-463.99	Cần Thơ	3057	66A-283.79	Đồng Tháp	5557	65A-475.79	Cần Thơ	8057	65A-490.99	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
558	65A-464.39	Cần Thơ	3058	66A-285.86	Đồng Tháp	5558	65A-481.11	Cần Thơ	8058	65C-215.86	Cần Thơ
559	65A-472.89	Cần Thơ	3059	66A-285.88	Đồng Tháp	5559	65A-482.39	Cần Thơ	8059	65C-216.66	Cần Thơ
560	65A-478.68	Cần Thơ	3060	66A-287.68	Đồng Tháp	5560	65A-484.88	Cần Thơ	8060	65C-216.69	Cần Thơ
561	65A-481.68	Cần Thơ	3061	66A-287.87	Đồng Tháp	5561	65A-487.89	Cần Thơ	8061	65C-217.39	Cần Thơ
562	65A-481.88	Cần Thơ	3062	66A-287.99	Đồng Tháp	5562	65A-489.79	Cần Thơ	8062	65C-218.81	Cần Thơ
563	65A-482.28	Cần Thơ	3063	66C-175.99	Đồng Tháp	5563	65C-214.14	Cần Thơ	8063	65C-218.88	Cần Thơ
564	65A-483.66	Cần Thơ	3064	66C-176.68	Đồng Tháp	5564	65C-215.15	Cần Thơ	8064	65C-222.06	Cần Thơ
565	65A-483.99	Cần Thơ	3065	67A-301.88	An Giang	5565	65C-217.89	Cần Thơ	8065	65C-223.39	Cần Thơ
566	65A-485.88	Cần Thơ	3066	67A-310.66	An Giang	5566	65C-221.21	Cần Thơ	8066	66A-269.89	Đồng Tháp
567	65A-487.78	Cần Thơ	3067	67A-311.69	An Giang	5567	65C-222.00	Cần Thơ	8067	66A-283.88	Đồng Tháp
568	65C-213.79	Cần Thơ	3068	67A-312.39	An Giang	5568	65C-224.22	Cần Thơ	8068	66C-173.39	Đồng Tháp
569	65C-217.71	Cần Thơ	3069	67A-314.41	An Giang	5569	65C-225.22	Cần Thơ	8069	66C-173.79	Đồng Tháp
570	65C-222.16	Cần Thơ	3070	67B-026.89	An Giang	5570	66A-271.79	Đồng Tháp	8070	66C-174.74	Đồng Tháp
571	65C-222.67	Cần Thơ	3071	67C-177.11	An Giang	5571	66A-275.99	Đồng Tháp	8071	66C-174.88	Đồng Tháp
572	65C-222.77	Cần Thơ	3072	67C-179.88	An Giang	5572	66A-277.33	Đồng Tháp	8072	66D-008.66	Đồng Tháp
573	65C-222.88	Cần Thơ	3073	67C-182.79	An Giang	5573	66A-277.68	Đồng Tháp	8073	67A-310.10	An Giang
574	65C-223.69	Cần Thơ	3074	68A-315.55	Kiên Giang	5574	66A-280.08	Đồng Tháp	8074	67A-311.22	An Giang
575	65C-223.99	Cần Thơ	3075	68A-334.79	Kiên Giang	5575	66A-281.66	Đồng Tháp	8075	67A-312.66	An Giang
576	65C-224.66	Cần Thơ	3076	68A-339.93	Kiên Giang	5576	66A-287.88	Đồng Tháp	8076	67C-175.68	An Giang
577	65C-224.88	Cần Thơ	3077	68A-341.66	Kiên Giang	5577	66C-175.69	Đồng Tháp	8077	67C-177.22	An Giang
578	66A-266.86	Đồng Tháp	3078	68A-343.33	Kiên Giang	5578	67A-306.03	An Giang	8078	67C-177.86	An Giang
579	66A-273.86	Đồng Tháp	3079	68A-346.68	Kiên Giang	5579	67A-307.68	An Giang	8079	67C-178.99	An Giang
580	66A-277.69	Đồng Tháp	3080	68A-346.69	Kiên Giang	5580	67A-308.89	An Giang	8080	67C-182.22	An Giang
581	66A-279.68	Đồng Tháp	3081	68A-346.88	Kiên Giang	5581	67A-311.33	An Giang	8081	68A-334.66	Kiên Giang
582	66A-282.68	Đồng Tháp	3082	68A-347.86	Kiên Giang	5582	67A-312.12	An Giang	8082	68A-335.88	Kiên Giang
583	66A-284.89	Đồng Tháp	3083	68A-350.79	Kiên Giang	5583	67C-181.39	An Giang	8083	68A-344.69	Kiên Giang
584	66A-286.89	Đồng Tháp	3084	69C-099.39	Cà Mau	5584	67C-182.39	An Giang	8084	68A-347.43	Kiên Giang
585	66A-287.79	Đồng Tháp	3085	69C-099.88	Cà Mau	5585	68A-333.18	Kiên Giang	8085	68A-348.86	Kiên Giang
586	66A-287.86	Đồng Tháp	3086	69C-099.96	Cà Mau	5586	68A-340.00	Kiên Giang	8086	68C-167.66	Kiên Giang
587	66C-173.89	Đồng Tháp	3087	69C-100.88	Cà Mau	5587	68A-341.99	Kiên Giang	8087	70A-523.39	Tây Ninh
588	66C-175.71	Đồng Tháp	3088	69D-002.20	Cà Mau	5588	68A-344.77	Kiên Giang	8088	70A-526.89	Tây Ninh
589	66C-176.67	Đồng Tháp	3089	70A-530.30	Tây Ninh	5589	68A-345.99	Kiên Giang	8089	70A-534.88	Tây Ninh
590	67A-302.20	An Giang	3090	70A-530.89	Tây Ninh	5590	68C-170.68	Kiên Giang	8090	70A-537.79	Tây Ninh
591	67A-306.69	An Giang	3091	70A-533.79	Tây Ninh	5591	68C-171.11	Kiên Giang	8091	70A-539.88	Tây Ninh
592	67A-306.89	An Giang	3092	70A-538.88	Tây Ninh	5592	69C-100.10	Cà Mau	8092	70A-540.04	Tây Ninh
593	67A-310.01	An Giang	3093	70A-540.89	Tây Ninh	5593	70A-528.89	Tây Ninh	8093	70A-540.66	Tây Ninh
594	67A-310.39	An Giang	3094	70A-543.66	Tây Ninh	5594	70A-536.68	Tây Ninh	8094	70A-543.54	Tây Ninh
595	67A-312.68	An Giang	3095	70A-546.68	Tây Ninh	5595	70A-537.69	Tây Ninh	8095	70A-548.68	Tây Ninh
596	67A-313.89	An Giang	3096	70A-546.88	Tây Ninh	5596	70A-540.00	Tây Ninh	8096	70A-548.86	Tây Ninh
597	67C-175.99	An Giang	3097	70A-547.77	Tây Ninh	5597	70A-541.88	Tây Ninh	8097	70A-549.49	Tây Ninh
598	67C-178.68	An Giang	3098	70A-553.39	Tây Ninh	5598	70A-542.88	Tây Ninh	8098	70A-550.89	Tây Ninh
599	67C-180.80	An Giang	3099	70A-553.55	Tây Ninh	5599	70A-544.45	Tây Ninh	8099	70A-553.35	Tây Ninh
600	67C-183.18	An Giang	3100	70A-555.02	Tây Ninh	5600	70A-544.55	Tây Ninh	8100	70A-555.27	Tây Ninh
601	68A-341.11	Kiên Giang	3101	70A-555.17	Tây Ninh	5601	70A-545.39	Tây Ninh	8101	70C-201.79	Tây Ninh
602	68A-342.42	Kiên Giang	3102	70A-555.50	Tây Ninh	5602	70A-546.45	Tây Ninh	8102	70C-203.66	Tây Ninh
603	68A-343.88	Kiên Giang	3103	70C-200.99	Tây Ninh	5603	70A-548.39	Tây Ninh	8103	70C-207.99	Tây Ninh
604	68A-344.43	Kiên Giang	3104	70C-204.44	Tây Ninh	5604	70A-551.15	Tây Ninh	8104	70C-208.08	Tây Ninh
605	68A-348.88	Kiên Giang	3105	70C-207.66	Tây Ninh	5605	70A-555.05	Tây Ninh	8105	71A-194.91	Bến Tre
606	69A-160.89	Cà Mau	3106	70C-208.39	Tây Ninh	5606	70A-555.44	Tây Ninh	8106	71A-197.68	Bến Tre
607	69C-097.88	Cà Mau	3107	71A-197.69	Bến Tre	5607	70C-203.33	Tây Ninh	8107	71A-198.19	Bến Tre
608	69D-002.39	Cà Mau	3108	71A-200.89	Bến Tre	5608	70C-207.88	Tây Ninh	8108	71A-199.77	Bến Tre
609	70A-524.86	Tây Ninh	3109	71A-201.86	Bến Tre	5609	71A-193.91	Bến Tre	8109	71C-124.99	Bến Tre
610	70A-527.66	Tây Ninh	3110	71C-130.03	Bến Tre	5610	71A-197.66	Bến Tre	8110	71C-127.79	Bến Tre
611	70A-535.79	Tây Ninh	3111	72A-788.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	5611	71A-200.33	Bến Tre	8111	72A-784.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
612	70A-550.99	Tây Ninh	3112	72A-788.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	5612	71A-200.44	Bến Tre	8112	72A-796.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
613	70A-555.00	Tây Ninh	3113	72A-789.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	5613	71C-125.86	Bến Tre	8113	72A-799.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
614	70A-555.48	Tây Ninh	3114	72A-800.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5614	71C-130.00	Bến Tre	8114	72A-804.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
615	70C-201.69	Tây Ninh	3115	72A-800.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	5615	72A-791.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	8115	73A-340.00	Quảng Bình
616	70C-204.39	Tây Ninh	3116	72A-800.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	5616	72A-799.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	8116	73A-350.35	Quảng Bình
617	71A-198.91	Bến Tre	3117	72A-801.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5617	72C-230.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	8117	73A-351.11	Quảng Bình
618	71C-123.68	Bến Tre	3118	72C-227.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	5618	73A-350.88	Quảng Bình	8118	73A-352.52	Quảng Bình
619	71C-124.66	Bến Tre	3119	73A-340.79	Quảng Bình	5619	73A-354.88	Quảng Bình	8119	73A-352.66	Quảng Bình
620	71C-125.99	Bến Tre	3120	73A-342.86	Quảng Bình	5620	73C-175.86	Quảng Bình	8120	73A-353.86	Quảng Bình
621	71C-129.92	Bến Tre	3121	73A-344.89	Quảng Bình	5621	73C-180.99	Quảng Bình	8121	73A-353.89	Quảng Bình
622	72A-794.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	3122	73A-352.35	Quảng Bình	5622	74A-256.69	Quảng Trị	8122	73A-354.45	Quảng Bình
623	72A-795.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3123	73A-354.53	Quảng Bình	5623	74A-261.11	Quảng Trị	8123	73A-354.66	Quảng Bình
624	72A-797.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3124	73A-354.86	Quảng Bình	5624	74A-262.69	Quảng Trị	8124	73A-355.00	Quảng Bình
625	72A-797.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3125	73C-175.79	Quảng Bình	5625	74A-262.79	Quảng Trị	8125	73C-174.88	Quảng Bình
626	72A-801.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	3126	73C-176.89	Quảng Bình	5626	74A-265.26	Quảng Trị	8126	73C-176.79	Quảng Bình
627	72A-803.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3127	73C-177.22	Quảng Bình	5627	74A-265.55	Quảng Trị	8127	73C-177.39	Quảng Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
628	72C-228.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3128	73C-182.88	Quảng Bình	5628	74C-133.69	Quảng Trị	8128	73C-182.79	Quảng Bình
629	73A-342.42	Quảng Bình	3129	73C-184.99	Quảng Bình	5629	75A-366.22	Thừa Thiên Huế	8129	73C-184.86	Quảng Bình
630	73A-342.69	Quảng Bình	3130	73C-185.68	Quảng Bình	5630	75A-366.89	Thừa Thiên Huế	8130	74A-264.26	Quảng Trị
631	73A-355.44	Quảng Bình	3131	74A-259.25	Quảng Trị	5631	75B-025.79	Thừa Thiên Huế	8131	74A-267.39	Quảng Trị
632	73A-355.69	Quảng Bình	3132	74A-259.79	Quảng Trị	5632	75C-150.86	Thừa Thiên Huế	8132	74C-133.79	Quảng Trị
633	73C-176.76	Quảng Bình	3133	74A-259.96	Quảng Trị	5633	75C-151.86	Thừa Thiên Huế	8133	75A-365.89	Thừa Thiên Huế
634	73C-177.89	Quảng Bình	3134	74C-133.11	Quảng Trị	5634	76A-302.30	Quảng Ngãi	8134	75A-369.88	Thừa Thiên Huế
635	73C-179.97	Quảng Bình	3135	75A-370.99	Thừa Thiên Huế	5635	76A-308.30	Quảng Ngãi	8135	75A-371.37	Thừa Thiên Huế
636	74A-260.62	Quảng Trị	3136	75C-151.66	Thừa Thiên Huế	5636	76A-308.88	Quảng Ngãi	8136	76A-309.09	Quảng Ngãi
637	74A-261.26	Quảng Trị	3137	75C-151.69	Thừa Thiên Huế	5637	76A-309.86	Quảng Ngãi	8137	76D-008.86	Quảng Ngãi
638	74A-262.39	Quảng Trị	3138	76A-307.30	Quảng Ngãi	5638	76A-310.13	Quảng Ngãi	8138	77A-320.02	Bình Định
639	74A-262.66	Quảng Trị	3139	76A-311.44	Quảng Ngãi	5639	76A-311.89	Quảng Ngãi	8139	77A-323.86	Bình Định
640	74A-263.69	Quảng Trị	3140	76A-311.69	Quảng Ngãi	5640	76A-312.22	Quảng Ngãi	8140	77A-327.69	Bình Định
641	74A-264.46	Quảng Trị	3141	76A-311.77	Quảng Ngãi	5641	76C-173.99	Quảng Ngãi	8141	77A-329.99	Bình Định
642	74C-133.86	Quảng Trị	3142	76A-311.99	Quảng Ngãi	5642	77A-318.86	Bình Định	8142	77A-333.08	Bình Định
643	75C-152.51	Thừa Thiên Huế	3143	77A-332.79	Bình Định	5643	77A-319.89	Bình Định	8143	77A-333.59	Bình Định
644	76A-302.88	Quảng Ngãi	3144	77A-334.43	Bình Định	5644	77A-329.79	Bình Định	8144	77A-335.39	Bình Định
645	76A-304.86	Quảng Ngãi	3145	77A-335.33	Bình Định	5645	77A-329.92	Bình Định	8145	77A-339.66	Bình Định
646	76A-307.86	Quảng Ngãi	3146	77A-340.66	Bình Định	5646	77A-331.86	Bình Định	8146	77A-340.34	Bình Định
647	76A-308.89	Quảng Ngãi	3147	78A-200.68	Phú Yên	5647	77A-338.68	Bình Định	8147	77A-341.14	Bình Định
648	76A-309.39	Quảng Ngãi	3148	78A-201.01	Phú Yên	5648	77A-339.96	Bình Định	8148	77C-246.64	Bình Định
649	76A-310.39	Quảng Ngãi	3149	78B-015.39	Phú Yên	5649	77C-251.89	Bình Định	8149	77C-250.39	Bình Định
650	76A-312.21	Quảng Ngãi	3150	78C-122.00	Phú Yên	5650	78A-200.77	Phú Yên	8150	78A-203.20	Phú Yên
651	77A-325.88	Bình Định	3151	79A-527.66	Khánh Hòa	5651	78C-121.11	Phú Yên	8151	78A-205.05	Phú Yên
652	77A-333.02	Bình Định	3152	79A-527.86	Khánh Hòa	5652	79A-528.89	Khánh Hòa	8152	78A-205.88	Phú Yên
653	77A-333.05	Bình Định	3153	79A-530.00	Khánh Hòa	5653	79A-529.69	Khánh Hòa	8153	78C-120.39	Phú Yên
654	77A-334.56	Bình Định	3154	79A-534.43	Khánh Hòa	5654	79A-530.86	Khánh Hòa	8154	79A-526.39	Khánh Hòa
655	77A-335.66	Bình Định	3155	79A-537.79	Khánh Hòa	5655	79A-531.39	Khánh Hòa	8155	79A-537.73	Khánh Hòa
656	77A-336.36	Bình Định	3156	79A-538.66	Khánh Hòa	5656	79A-537.35	Khánh Hòa	8156	79A-537.89	Khánh Hòa
657	77A-338.83	Bình Định	3157	79A-540.88	Khánh Hòa	5657	79A-537.66	Khánh Hòa	8157	79A-538.86	Khánh Hòa
658	77A-339.86	Bình Định	3158	79C-212.66	Khánh Hòa	5658	79A-538.53	Khánh Hòa	8158	79A-539.88	Khánh Hòa
659	77A-339.88	Bình Định	3159	79C-213.99	Khánh Hòa	5659	79C-214.99	Khánh Hòa	8159	79C-213.89	Khánh Hòa
660	78A-201.69	Phú Yên	3160	79C-214.44	Khánh Hòa	5660	79C-217.68	Khánh Hòa	8160	79C-214.39	Khánh Hòa
661	78A-201.86	Phú Yên	3161	79C-214.88	Khánh Hòa	5661	79C-219.69	Khánh Hòa	8161	79C-215.69	Khánh Hòa
662	78A-204.86	Phú Yên	3162	79C-218.88	Khánh Hòa	5662	79C-220.99	Khánh Hòa	8162	79C-220.22	Khánh Hòa
663	79A-526.66	Khánh Hòa	3163	81A-405.39	Gia Lai	5663	81A-403.79	Gia Lai	8163	81A-404.66	Gia Lai
664	79A-529.92	Khánh Hòa	3164	81A-413.41	Gia Lai	5664	81A-405.88	Gia Lai	8164	81A-405.89	Gia Lai
665	79A-530.66	Khánh Hòa	3165	81A-413.89	Gia Lai	5665	81A-407.70	Gia Lai	8165	81A-411.77	Gia Lai
666	79A-530.68	Khánh Hòa	3166	81A-415.79	Gia Lai	5666	81A-409.88	Gia Lai	8166	81A-415.15	Gia Lai
667	79A-531.31	Khánh Hòa	3167	81A-415.88	Gia Lai	5667	81A-413.86	Gia Lai	8167	81A-422.24	Gia Lai
668	79A-532.23	Khánh Hòa	3168	81A-419.19	Gia Lai	5668	81A-414.86	Gia Lai	8168	81B-024.86	Gia Lai
669	79A-533.66	Khánh Hòa	3169	81A-423.66	Gia Lai	5669	81A-421.88	Gia Lai	8169	81C-262.22	Gia Lai
670	79A-533.77	Khánh Hòa	3170	81A-424.39	Gia Lai	5670	81A-423.33	Gia Lai	8170	81C-263.99	Gia Lai
671	79A-534.39	Khánh Hòa	3171	81A-424.99	Gia Lai	5671	81B-024.79	Gia Lai	8171	81C-264.66	Gia Lai
672	79A-534.79	Khánh Hòa	3172	81C-262.79	Gia Lai	5672	81B-024.88	Gia Lai	8172	81C-266.22	Gia Lai
673	79A-536.89	Khánh Hòa	3173	81C-263.66	Gia Lai	5673	81C-261.69	Gia Lai	8173	81C-268.62	Gia Lai
674	79A-540.45	Khánh Hòa	3174	81C-263.79	Gia Lai	5674	81C-263.89	Gia Lai	8174	82A-147.39	Kon Tum
675	79A-540.54	Khánh Hòa	3175	81C-263.86	Gia Lai	5675	81C-267.76	Gia Lai	8175	82A-149.39	Kon Tum
676	79C-212.69	Khánh Hòa	3176	81C-265.69	Gia Lai	5676	82B-012.99	Kon Tum	8176	82A-150.89	Kon Tum
677	79C-216.99	Khánh Hòa	3177	81C-266.33	Gia Lai	5677	82C-091.89	Kon Tum	8177	82C-090.86	Kon Tum
678	79C-217.69	Khánh Hòa	3178	81C-267.77	Gia Lai	5678	82D-007.68	Kon Tum	8178	83A-185.68	Sóc Trăng
679	79C-217.71	Khánh Hòa	3179	82A-149.88	Kon Tum	5679	83A-177.44	Sóc Trăng	8179	83C-128.82	Sóc Trăng
680	79C-218.89	Khánh Hòa	3180	82C-091.39	Kon Tum	5680	83A-178.88	Sóc Trăng	8180	83C-128.86	Sóc Trăng
681	79C-219.99	Khánh Hòa	3181	83A-182.18	Sóc Trăng	5681	84A-136.79	Trà Vinh	8181	83D-004.89	Sóc Trăng
682	81A-404.88	Gia Lai	3182	83A-184.84	Sóc Trăng	5682	84C-120.88	Trà Vinh	8182	84A-139.13	Trà Vinh
683	81A-411.89	Gia Lai	3183	83D-004.88	Sóc Trăng	5683	85A-137.13	Ninh Thuận	8183	85A-140.69	Ninh Thuận
684	81A-414.88	Gia Lai	3184	84C-119.68	Trà Vinh	5684	85A-139.93	Ninh Thuận	8184	85D-003.33	Ninh Thuận
685	81A-415.41	Gia Lai	3185	85A-131.13	Ninh Thuận	5685	86A-300.39	Bình Thuận	8185	86A-300.99	Bình Thuận
686	81A-417.41	Gia Lai	3186	85A-138.13	Ninh Thuận	5686	86A-300.69	Bình Thuận	8186	86A-301.03	Bình Thuận
687	81A-417.99	Gia Lai	3187	85A-140.86	Ninh Thuận	5687	86A-301.39	Bình Thuận	8187	86A-302.69	Bình Thuận
688	81A-418.69	Gia Lai	3188	85C-080.39	Ninh Thuận	5688	86A-304.03	Bình Thuận	8188	86A-303.86	Bình Thuận
689	81A-422.77	Gia Lai	3189	85C-081.08	Ninh Thuận	5689	86C-196.89	Bình Thuận	8189	86A-303.99	Bình Thuận
690	81A-423.79	Gia Lai	3190	86A-299.55	Bình Thuận	5690	86C-199.79	Bình Thuận	8190	86A-305.05	Bình Thuận
691	81C-265.89	Gia Lai	3191	86A-302.02	Bình Thuận	5691	86C-199.89	Bình Thuận	8191	86A-306.68	Bình Thuận
692	81D-010.39	Gia Lai	3192	86A-304.79	Bình Thuận	5692	86C-200.02	Bình Thuận	8192	86C-197.69	Bình Thuận
693	82A-149.68	Kon Tum	3193	86A-308.30	Bình Thuận	5693	86C-200.69	Bình Thuận	8193	86C-197.97	Bình Thuận
694	82B-014.88	Kon Tum	3194	86C-202.99	Bình Thuận	5694	86D-002.86	Bình Thuận	8194	86C-200.66	Bình Thuận
695	82C-090.00	Kon Tum	3195	88A-705.88	Vĩnh Phúc	5695	88A-677.76	Vĩnh Phúc	8195	86C-201.89	Bình Thuận
696	83A-179.86	Sóc Trăng	3196	88A-705.99	Vĩnh Phúc	5696	88A-715.79	Vĩnh Phúc	8196	88A-704.04	Vĩnh Phúc
697	83A-182.66	Sóc Trăng	3197	88A-711.86	Vĩnh Phúc	5697	88A-724.79	Vĩnh Phúc	8197	88A-718.81	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
698	83A-184.86	Sóc Trăng	3198	88A-717.71	Vĩnh Phúc	5698	88A-725.79	Vĩnh Phúc	8198	88A-720.00	Vĩnh Phúc
699	83A-185.39	Sóc Trăng	3199	88A-722.39	Vĩnh Phúc	5699	88A-725.88	Vĩnh Phúc	8199	88A-721.66	Vĩnh Phúc
700	83C-127.77	Sóc Trăng	3200	88A-732.88	Vĩnh Phúc	5700	88A-726.68	Vĩnh Phúc	8200	88A-721.79	Vĩnh Phúc
701	84A-137.68	Trà Vinh	3201	88A-733.11	Vĩnh Phúc	5701	88A-730.00	Vĩnh Phúc	8201	88A-727.66	Vĩnh Phúc
702	84A-138.68	Trà Vinh	3202	88A-738.99	Vĩnh Phúc	5702	88A-733.37	Vĩnh Phúc	8202	88A-729.29	Vĩnh Phúc
703	84C-119.96	Trà Vinh	3203	88A-740.04	Vĩnh Phúc	5703	88A-733.86	Vĩnh Phúc	8203	88A-729.66	Vĩnh Phúc
704	86A-296.89	Bình Thuận	3204	88A-740.74	Vĩnh Phúc	5704	88A-737.79	Vĩnh Phúc	8204	88A-731.69	Vĩnh Phúc
705	86A-305.55	Bình Thuận	3205	88A-740.89	Vĩnh Phúc	5705	88A-737.86	Vĩnh Phúc	8205	88A-733.44	Vĩnh Phúc
706	86A-305.99	Bình Thuận	3206	88C-280.79	Vĩnh Phúc	5706	88A-739.73	Vĩnh Phúc	8206	88A-736.63	Vĩnh Phúc
707	86C-198.39	Bình Thuận	3207	88C-292.86	Vĩnh Phúc	5707	88A-739.96	Vĩnh Phúc	8207	88C-287.39	Vĩnh Phúc
708	86C-200.68	Bình Thuận	3208	88C-294.92	Vĩnh Phúc	5708	88C-281.68	Vĩnh Phúc	8208	88C-290.39	Vĩnh Phúc
709	86C-202.66	Bình Thuận	3209	89A-471.17	Hưng Yên	5709	88C-281.88	Vĩnh Phúc	8209	89A-485.99	Hưng Yên
710	88A-705.50	Vĩnh Phúc	3210	89A-476.69	Hưng Yên	5710	88C-294.89	Vĩnh Phúc	8210	89A-486.89	Hưng Yên
711	88A-706.66	Vĩnh Phúc	3211	89A-477.00	Hưng Yên	5711	88C-294.94	Vĩnh Phúc	8211	89A-488.69	Hưng Yên
712	88A-712.39	Vĩnh Phúc	3212	89A-484.44	Hưng Yên	5712	89A-468.39	Hưng Yên	8212	89A-490.09	Hưng Yên
713	88A-712.66	Vĩnh Phúc	3213	89A-485.58	Hưng Yên	5713	89A-480.39	Hưng Yên	8213	89A-495.86	Hưng Yên
714	88A-719.19	Vĩnh Phúc	3214	89A-489.39	Hưng Yên	5714	89A-482.84	Hưng Yên	8214	89C-327.69	Hưng Yên
715	88A-721.72	Vĩnh Phúc	3215	89A-493.66	Hưng Yên	5715	89A-482.89	Hưng Yên	8215	89C-328.88	Hưng Yên
716	88A-723.39	Vĩnh Phúc	3216	89A-494.66	Hưng Yên	5716	89A-483.88	Hưng Yên	8216	89C-329.29	Hưng Yên
717	88A-730.69	Vĩnh Phúc	3217	89A-494.69	Hưng Yên	5717	89A-484.39	Hưng Yên	8217	89C-329.32	Hưng Yên
718	88A-731.37	Vĩnh Phúc	3218	89C-327.99	Hưng Yên	5718	89A-491.11	Hưng Yên	8218	89C-329.99	Hưng Yên
719	88A-731.68	Vĩnh Phúc	3219	89C-333.15	Hưng Yên	5719	89A-492.68	Hưng Yên	8219	90A-265.89	Hà Nam
720	88A-734.39	Vĩnh Phúc	3220	90A-265.66	Hà Nam	5720	89A-494.99	Hưng Yên	8220	90A-273.72	Hà Nam
721	88A-735.89	Vĩnh Phúc	3221	90A-265.69	Hà Nam	5721	89A-495.49	Hưng Yên	8221	90A-273.79	Hà Nam
722	88A-736.86	Vĩnh Phúc	3222	90A-273.69	Hà Nam	5722	89C-326.79	Hưng Yên	8222	90C-143.69	Hà Nam
723	88A-738.69	Vĩnh Phúc	3223	90C-142.66	Hà Nam	5723	89C-328.23	Hưng Yên	8223	90C-144.55	Hà Nam
724	88A-741.74	Vĩnh Phúc	3224	90C-144.69	Hà Nam	5724	89C-332.32	Hưng Yên	8224	90C-144.86	Hà Nam
725	88C-284.89	Vĩnh Phúc	3225	90C-148.88	Hà Nam	5725	89C-332.86	Hưng Yên	8225	90C-146.68	Hà Nam
726	88C-285.85	Vĩnh Phúc	3226	90D-006.60	Hà Nam	5726	89C-333.00	Hưng Yên	8226	92A-377.99	Quảng Nam
727	88C-286.99	Vĩnh Phúc	3227	92A-400.00	Quảng Nam	5727	90A-262.89	Hà Nam	8227	92A-400.99	Quảng Nam
728	89A-473.86	Hưng Yên	3228	92A-402.99	Quảng Nam	5728	90A-264.39	Hà Nam	8228	92A-402.89	Quảng Nam
729	89A-474.99	Hưng Yên	3229	92A-412.99	Quảng Nam	5729	90A-267.79	Hà Nam	8229	92A-403.39	Quảng Nam
730	89A-480.68	Hưng Yên	3230	92A-415.79	Quảng Nam	5730	90C-141.86	Hà Nam	8230	92A-408.66	Quảng Nam
731	89A-482.28	Hưng Yên	3231	92C-241.14	Quảng Nam	5731	90C-142.42	Hà Nam	8231	92A-409.66	Quảng Nam
732	89A-483.79	Hưng Yên	3232	92C-241.89	Quảng Nam	5732	90C-142.89	Hà Nam	8232	92A-413.99	Quảng Nam
733	89A-484.66	Hưng Yên	3233	92C-243.79	Quảng Nam	5733	90C-144.79	Hà Nam	8233	92A-414.68	Quảng Nam
734	89A-484.89	Hưng Yên	3234	92C-244.22	Quảng Nam	5734	92A-398.39	Quảng Nam	8234	92A-414.69	Quảng Nam
735	89A-490.79	Hưng Yên	3235	92C-245.45	Quảng Nam	5735	92A-398.88	Quảng Nam	8235	92A-414.99	Quảng Nam
736	89A-491.94	Hưng Yên	3236	92C-246.46	Quảng Nam	5736	92A-398.98	Quảng Nam	8236	92A-415.68	Quảng Nam
737	89A-495.88	Hưng Yên	3237	92C-247.74	Quảng Nam	5737	92A-406.39	Quảng Nam	8237	92B-031.69	Quảng Nam
738	89A-495.99	Hưng Yên	3238	92C-249.49	Quảng Nam	5738	92A-408.99	Quảng Nam	8238	92C-244.88	Quảng Nam
739	89C-327.23	Hưng Yên	3239	92C-249.94	Quảng Nam	5739	92A-410.10	Quảng Nam	8239	92C-246.79	Quảng Nam
740	89C-330.99	Hưng Yên	3240	92C-250.50	Quảng Nam	5740	92A-410.41	Quảng Nam	8240	92C-246.89	Quảng Nam
741	89D-019.10	Hưng Yên	3241	93A-424.79	Bình Phước	5741	92A-410.79	Quảng Nam	8241	92C-247.79	Quảng Nam
742	90A-263.69	Hà Nam	3242	93A-462.66	Bình Phước	5742	92A-410.99	Quảng Nam	8242	93A-467.69	Bình Phước
743	90A-269.88	Hà Nam	3243	93A-466.44	Bình Phước	5743	92A-411.44	Quảng Nam	8243	93A-472.89	Bình Phước
744	90C-141.99	Hà Nam	3244	93A-472.72	Bình Phước	5744	92A-413.39	Quảng Nam	8244	93A-473.79	Bình Phước
745	90C-144.77	Hà Nam	3245	93A-481.99	Bình Phước	5745	92A-414.88	Quảng Nam	8245	93A-475.68	Bình Phước
746	92A-404.86	Quảng Nam	3246	93A-482.39	Bình Phước	5746	92C-243.88	Quảng Nam	8246	93A-476.66	Bình Phước
747	92A-406.04	Quảng Nam	3247	93A-483.69	Bình Phước	5747	92C-246.39	Quảng Nam	8247	93A-476.89	Bình Phước
748	92A-407.68	Quảng Nam	3248	93A-484.88	Bình Phước	5748	92C-248.68	Quảng Nam	8248	93A-477.68	Bình Phước
749	92A-409.69	Quảng Nam	3249	93C-184.68	Bình Phước	5749	92C-249.66	Quảng Nam	8249	93A-479.69	Bình Phước
750	92A-409.88	Quảng Nam	3250	93C-184.84	Bình Phước	5750	92C-249.69	Quảng Nam	8250	93A-480.89	Bình Phước
751	92A-410.88	Quảng Nam	3251	93C-185.69	Bình Phước	5751	92C-250.00	Quảng Nam	8251	93A-482.66	Bình Phước
752	92B-031.86	Quảng Nam	3252	93C-190.88	Bình Phước	5752	93A-470.70	Bình Phước	8252	93C-186.18	Bình Phước
753	92C-240.40	Quảng Nam	3253	93C-191.69	Bình Phước	5753	93A-473.66	Bình Phước	8253	93C-186.39	Bình Phước
754	92C-242.69	Quảng Nam	3254	93C-191.86	Bình Phước	5754	93A-475.66	Bình Phước	8254	93C-188.86	Bình Phước
755	92C-243.43	Quảng Nam	3255	93C-192.29	Bình Phước	5755	93A-475.86	Bình Phước	8255	93C-191.19	Bình Phước
756	92C-247.86	Quảng Nam	3256	93C-193.68	Bình Phước	5756	93A-476.99	Bình Phước	8256	93C-192.19	Bình Phước
757	93A-464.86	Bình Phước	3257	94C-077.79	Bạc Liêu	5757	93A-477.55	Bình Phước	8257	93C-192.69	Bình Phước
758	93A-471.88	Bình Phước	3258	95C-082.86	Hậu Giang	5758	93A-481.69	Bình Phước	8258	93C-193.79	Bình Phước
759	93A-472.69	Bình Phước	3259	97A-085.68	Bắc Kạn	5759	93A-482.86	Bình Phước	8259	93C-193.86	Bình Phước
760	93A-473.33	Bình Phước	3260	97A-091.88	Bắc Kạn	5760	93A-483.33	Bình Phước	8260	93C-194.44	Bình Phước
761	93A-475.88	Bình Phước	3261	97C-040.88	Bắc Kạn	5761	93A-484.66	Bình Phước	8261	93C-194.86	Bình Phước
762	93A-476.39	Bình Phước	3262	97C-040.89	Bắc Kạn	5762	93A-485.58	Bình Phước	8262	93C-195.55	Bình Phước
763	93A-478.79	Bình Phước	3263	97C-042.22	Bắc Kạn	5763	93C-185.66	Bình Phước	8263	94C-079.66	Bạc Liêu
764	93A-478.86	Bình Phước	3264	97C-043.69	Bắc Kạn	5764	93C-185.79	Bình Phước	8264	94C-079.89	Bạc Liêu
765	93A-479.39	Bình Phước	3265	98A-741.41	Bắc Giang	5765	93C-188.77	Bình Phước	8265	94D-001.89	Bạc Liêu
766	93A-481.18	Bình Phước	3266	98A-762.79	Bắc Giang	5766	93C-189.88	Bình Phước	8266	95B-010.10	Hậu Giang
767	93A-482.82	Bình Phước	3267	98A-763.63	Bắc Giang	5767	93C-191.39	Bình Phước	8267	95C-082.39	Hậu Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
768	93A-482.99	Bình Phước	3268	98A-767.39	Bắc Giang	5768	93C-194.49	Bình Phước	8268	95C-083.08	Hậu Giang
769	93A-483.39	Bình Phước	3269	98A-774.77	Bắc Giang	5769	94A-104.10	Bạc Liêu	8269	97A-085.89	Bắc Kạn
770	93A-484.44	Bình Phước	3270	98A-775.69	Bắc Giang	5770	95A-122.86	Hậu Giang	8270	98A-738.83	Bắc Giang
771	93C-194.39	Bình Phước	3271	98A-776.77	Bắc Giang	5771	95A-126.69	Hậu Giang	8271	98A-740.68	Bắc Giang
772	94C-080.00	Bạc Liêu	3272	98A-777.36	Bắc Giang	5772	95C-081.66	Hậu Giang	8272	98A-744.99	Bắc Giang
773	95A-125.88	Hậu Giang	3273	98A-777.58	Bắc Giang	5773	95C-084.66	Hậu Giang	8273	98A-746.89	Bắc Giang
774	95C-082.89	Hậu Giang	3274	98A-779.77	Bắc Giang	5774	95C-085.55	Hậu Giang	8274	98A-758.66	Bắc Giang
775	95C-085.39	Hậu Giang	3275	98A-779.88	Bắc Giang	5775	97A-084.69	Bắc Kạn	8275	98A-761.88	Bắc Giang
776	95C-085.80	Hậu Giang	3276	98A-780.86	Bắc Giang	5776	97C-040.00	Bắc Kạn	8276	98A-765.68	Bắc Giang
777	97D-004.39	Bắc Kạn	3277	98A-781.87	Bắc Giang	5777	97C-043.89	Bắc Kạn	8277	98A-767.76	Bắc Giang
778	98A-761.86	Bắc Giang	3278	98A-783.68	Bắc Giang	5778	98A-685.66	Bắc Giang	8278	98A-767.77	Bắc Giang
779	98A-768.69	Bắc Giang	3279	98A-783.78	Bắc Giang	5779	98A-759.59	Bắc Giang	8279	98A-769.68	Bắc Giang
780	98A-769.76	Bắc Giang	3280	98A-783.86	Bắc Giang	5780	98A-773.33	Bắc Giang	8280	98A-769.96	Bắc Giang
781	98A-769.89	Bắc Giang	3281	98A-784.48	Bắc Giang	5781	98A-774.44	Bắc Giang	8281	98A-771.68	Bắc Giang
782	98A-772.22	Bắc Giang	3282	98A-785.66	Bắc Giang	5782	98A-774.74	Bắc Giang	8282	98A-775.77	Bắc Giang
783	98A-775.88	Bắc Giang	3283	98A-789.39	Bắc Giang	5783	98A-776.88	Bắc Giang	8283	98A-777.03	Bắc Giang
784	98A-777.33	Bắc Giang	3284	98A-789.96	Bắc Giang	5784	98A-778.86	Bắc Giang	8284	98A-778.87	Bắc Giang
785	98A-777.56	Bắc Giang	3285	98A-790.66	Bắc Giang	5785	98A-779.39	Bắc Giang	8285	98A-781.68	Bắc Giang
786	98A-781.11	Bắc Giang	3286	98A-790.97	Bắc Giang	5786	98A-780.87	Bắc Giang	8286	98A-782.82	Bắc Giang
787	98A-781.39	Bắc Giang	3287	98A-791.88	Bắc Giang	5787	98A-783.38	Bắc Giang	8287	98A-783.89	Bắc Giang
788	98A-784.87	Bắc Giang	3288	98A-793.33	Bắc Giang	5788	98A-785.68	Bắc Giang	8288	98A-785.99	Bắc Giang
789	98A-787.88	Bắc Giang	3289	98A-796.88	Bắc Giang	5789	98A-786.69	Bắc Giang	8289	98A-786.79	Bắc Giang
790	98A-788.87	Bắc Giang	3290	98C-335.68	Bắc Giang	5790	98A-787.39	Bắc Giang	8290	98A-793.93	Bắc Giang
791	98A-790.09	Bắc Giang	3291	98C-335.99	Bắc Giang	5791	98A-792.29	Bắc Giang	8291	98A-795.89	Bắc Giang
792	98A-795.66	Bắc Giang	3292	98C-351.88	Bắc Giang	5792	98A-795.68	Bắc Giang	8292	98A-796.79	Bắc Giang
793	98C-341.88	Bắc Giang	3293	98C-352.22	Bắc Giang	5793	98A-795.86	Bắc Giang	8293	98C-340.79	Bắc Giang
794	98C-347.86	Bắc Giang	3294	98C-355.33	Bắc Giang	5794	98C-340.89	Bắc Giang	8294	98C-344.33	Bắc Giang
795	98C-348.84	Bắc Giang	3295	98D-014.86	Bắc Giang	5795	98C-342.24	Bắc Giang	8295	98C-348.88	Bắc Giang
796	98C-352.35	Bắc Giang	3296	99A-768.89	Bắc Ninh	5796	98C-343.79	Bắc Giang	8296	98C-349.88	Bắc Giang
797	98C-353.79	Bắc Giang	3297	99A-771.89	Bắc Ninh	5797	98C-345.45	Bắc Giang	8297	98C-353.66	Bắc Giang
798	99A-768.76	Bắc Ninh	3298	99A-777.04	Bắc Ninh	5798	98C-349.69	Bắc Giang	8298	98C-354.35	Bắc Giang
799	99A-775.68	Bắc Ninh	3299	99A-777.16	Bắc Ninh	5799	98C-354.86	Bắc Giang	8299	98C-355.00	Bắc Giang
800	99A-777.03	Bắc Ninh	3300	99A-777.58	Bắc Ninh	5800	98C-354.89	Bắc Giang	8300	98C-355.11	Bắc Giang
801	99A-778.89	Bắc Ninh	3301	99A-781.66	Bắc Ninh	5801	98D-014.88	Bắc Giang	8301	99A-770.66	Bắc Ninh
802	99A-785.69	Bắc Ninh	3302	99A-787.99	Bắc Ninh	5802	99A-767.39	Bắc Ninh	8302	99A-771.17	Bắc Ninh
803	99A-788.33	Bắc Ninh	3303	99A-790.68	Bắc Ninh	5803	99A-775.69	Bắc Ninh	8303	99A-772.99	Bắc Ninh
804	99A-792.22	Bắc Ninh	3304	99A-792.39	Bắc Ninh	5804	99A-777.27	Bắc Ninh	8304	99A-775.39	Bắc Ninh
805	99A-793.68	Bắc Ninh	3305	99A-794.44	Bắc Ninh	5805	99A-777.67	Bắc Ninh	8305	99A-775.89	Bắc Ninh
806	99A-793.89	Bắc Ninh	3306	99A-794.97	Bắc Ninh	5806	99A-783.79	Bắc Ninh	8306	99A-777.12	Bắc Ninh
807	99A-799.11	Bắc Ninh	3307	99A-795.97	Bắc Ninh	5807	99A-786.39	Bắc Ninh	8307	99A-780.79	Bắc Ninh
808	99A-800.22	Bắc Ninh	3308	99A-796.89	Bắc Ninh	5808	99A-786.69	Bắc Ninh	8308	99A-787.77	Bắc Ninh
809	99A-800.77	Bắc Ninh	3309	99A-797.66	Bắc Ninh	5809	99A-786.79	Bắc Ninh	8309	99A-796.39	Bắc Ninh
810	99C-310.69	Bắc Ninh	3310	99C-309.79	Bắc Ninh	5810	99A-789.69	Bắc Ninh	8310	99A-800.44	Bắc Ninh
811	99C-311.13	Bắc Ninh	3311	99C-310.13	Bắc Ninh	5811	99A-790.66	Bắc Ninh	8311	99A-800.86	Bắc Ninh
812	99C-314.41	Bắc Ninh	3312	99C-311.69	Bắc Ninh	5812	99A-790.97	Bắc Ninh	8312	99C-312.89	Bắc Ninh
813	99C-315.51	Bắc Ninh	3313	99C-312.66	Bắc Ninh	5813	99A-791.79	Bắc Ninh	8313	99C-313.79	Bắc Ninh
814	99D-019.91	Bắc Ninh	3314	99D-021.02	Bắc Ninh	5814	99C-309.39	Bắc Ninh	8314	99C-314.79	Bắc Ninh
815	11A-121.55	Cao Bằng	3315	11A-117.19	Cao Bằng	5815	11A-121.22	Cao Bằng	8315	99C-314.88	Bắc Ninh
816	11A-123.19	Cao Bằng	3316	11A-119.08	Cao Bằng	5816	11A-127.11	Cao Bằng	8316	99C-315.39	Bắc Ninh
817	11A-124.18	Cao Bằng	3317	11A-122.38	Cao Bằng	5817	11A-128.18	Cao Bằng	8317	99D-019.86	Bắc Ninh
818	11A-127.15	Cao Bằng	3318	11A-123.22	Cao Bằng	5818	11A-128.44	Cao Bằng	8318	99D-020.66	Bắc Ninh
819	11B-010.36	Cao Bằng	3319	11A-125.59	Cao Bằng	5819	11C-075.09	Cao Bằng	8319	11A-121.77	Cao Bằng
820	11C-078.11	Cao Bằng	3320	11A-127.18	Cao Bằng	5820	11C-076.09	Cao Bằng	8320	11A-124.19	Cao Bằng
821	11D-005.98	Cao Bằng	3321	11A-127.33	Cao Bằng	5821	11C-080.22	Cao Bằng	8321	12A-243.95	Lạng Sơn
822	12A-244.36	Lạng Sơn	3322	11C-075.22	Cao Bằng	5822	11D-005.95	Cao Bằng	8322	12A-245.19	Lạng Sơn
823	12A-245.65	Lạng Sơn	3323	12A-248.74	Lạng Sơn	5823	12A-244.09	Lạng Sơn	8323	12A-246.29	Lạng Sơn
824	12A-249.18	Lạng Sơn	3324	12A-250.51	Lạng Sơn	5824	12A-246.06	Lạng Sơn	8324	12A-248.35	Lạng Sơn
825	12A-249.44	Lạng Sơn	3325	12A-252.08	Lạng Sơn	5825	12A-249.16	Lạng Sơn	8325	12A-248.77	Lạng Sơn
826	12A-252.19	Lạng Sơn	3326	12C-134.55	Lạng Sơn	5826	12A-249.82	Lạng Sơn	8326	12A-249.22	Lạng Sơn
827	12C-134.59	Lạng Sơn	3327	12D-004.25	Lạng Sơn	5827	12A-250.21	Lạng Sơn	8327	12A-249.35	Lạng Sơn
828	12C-135.22	Lạng Sơn	3328	12D-004.26	Lạng Sơn	5828	12A-251.58	Lạng Sơn	8328	12A-249.63	Lạng Sơn
829	12D-004.22	Lạng Sơn	3329	12D-004.33	Lạng Sơn	5829	12A-251.65	Lạng Sơn	8329	12A-250.56	Lạng Sơn
830	14A-893.58	Quảng Ninh	3330	14A-893.08	Quảng Ninh	5830	12A-251.98	Lạng Sơn	8330	12A-250.95	Lạng Sơn
831	14A-894.06	Quảng Ninh	3331	14A-893.56	Quảng Ninh	5831	12C-134.15	Lạng Sơn	8331	12A-251.06	Lạng Sơn
832	14A-897.33	Quảng Ninh	3332	14A-896.06	Quảng Ninh	5832	12C-134.22	Lạng Sơn	8332	12A-251.56	Lạng Sơn
833	14A-900.08	Quảng Ninh	3333	14A-901.56	Quảng Ninh	5833	14A-892.33	Quảng Ninh	8333	12A-251.95	Lạng Sơn
834	14A-903.35	Quảng Ninh	3334	14A-904.05	Quảng Ninh	5834	14A-894.55	Quảng Ninh	8334	12A-252.15	Lạng Sơn
835	14A-906.00	Quảng Ninh	3335	14A-904.35	Quảng Ninh	5835	14A-896.36	Quảng Ninh	8335	12B-012.29	Lạng Sơn
836	14A-909.08	Quảng Ninh	3336	14A-905.08	Quảng Ninh	5836	14A-907.36	Quảng Ninh	8336	14A-892.19	Quảng Ninh
837	14A-909.65	Quảng Ninh	3337	14A-906.07	Quảng Ninh	5837	14A-909.38	Quảng Ninh	8337	14A-897.11	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
838	14A-911.07	Quảng Ninh	3338	14A-910.73	Quảng Ninh	5838	14A-910.18	Quảng Ninh	8338	14A-898.11	Quảng Ninh
839	14A-911.71	Quảng Ninh	3339	14A-917.11	Quảng Ninh	5839	14A-912.65	Quảng Ninh	8339	14A-900.28	Quảng Ninh
840	14A-911.85	Quảng Ninh	3340	14A-919.25	Quảng Ninh	5840	14A-913.36	Quảng Ninh	8340	14A-901.06	Quảng Ninh
841	14A-913.08	Quảng Ninh	3341	14A-920.35	Quảng Ninh	5841	14A-914.25	Quảng Ninh	8341	14A-901.33	Quảng Ninh
842	14A-914.36	Quảng Ninh	3342	14A-920.85	Quảng Ninh	5842	14A-916.18	Quảng Ninh	8342	14A-902.26	Quảng Ninh
843	14A-914.38	Quảng Ninh	3343	14A-922.06	Quảng Ninh	5843	14A-917.18	Quảng Ninh	8343	14A-903.08	Quảng Ninh
844	14A-917.09	Quảng Ninh	3344	14A-923.38	Quảng Ninh	5844	14A-918.15	Quảng Ninh	8344	14A-905.28	Quảng Ninh
845	14A-918.83	Quảng Ninh	3345	14A-923.65	Quảng Ninh	5845	14A-918.29	Quảng Ninh	8345	14A-908.65	Quảng Ninh
846	14A-921.25	Quảng Ninh	3346	14A-923.95	Quảng Ninh	5846	14A-918.96	Quảng Ninh	8346	14A-911.08	Quảng Ninh
847	14A-923.83	Quảng Ninh	3347	14A-924.08	Quảng Ninh	5847	14A-920.16	Quảng Ninh	8347	14A-911.35	Quảng Ninh
848	14A-925.22	Quảng Ninh	3348	14A-924.33	Quảng Ninh	5848	14A-920.28	Quảng Ninh	8348	14A-911.72	Quảng Ninh
849	14A-925.58	Quảng Ninh	3349	14A-925.36	Quảng Ninh	5849	14A-920.38	Quảng Ninh	8349	14A-913.98	Quảng Ninh
850	14A-926.11	Quảng Ninh	3350	14A-926.58	Quảng Ninh	5850	14A-921.85	Quảng Ninh	8350	14A-914.16	Quảng Ninh
851	14A-928.58	Quảng Ninh	3351	14A-927.33	Quảng Ninh	5851	14A-921.96	Quảng Ninh	8351	14A-914.28	Quảng Ninh
852	14A-929.26	Quảng Ninh	3352	14A-929.28	Quảng Ninh	5852	14A-922.36	Quảng Ninh	8352	14A-914.56	Quảng Ninh
853	14A-929.65	Quảng Ninh	3353	14C-414.22	Quảng Ninh	5853	14A-923.08	Quảng Ninh	8353	14A-915.28	Quảng Ninh
854	14C-412.11	Quảng Ninh	3354	14C-415.77	Quảng Ninh	5854	14A-923.26	Quảng Ninh	8354	14A-916.33	Quảng Ninh
855	14C-419.38	Quảng Ninh	3355	14C-417.18	Quảng Ninh	5855	14A-923.59	Quảng Ninh	8355	14A-916.35	Quảng Ninh
856	14C-420.83	Quảng Ninh	3356	14C-417.19	Quảng Ninh	5856	14A-923.96	Quảng Ninh	8356	14A-917.65	Quảng Ninh
857	14C-421.95	Quảng Ninh	3357	14C-422.28	Quảng Ninh	5857	14A-926.25	Quảng Ninh	8357	14A-919.44	Quảng Ninh
858	14C-423.16	Quảng Ninh	3358	14C-423.85	Quảng Ninh	5858	14A-927.18	Quảng Ninh	8358	14A-919.65	Quảng Ninh
859	15C-462.95	Hải Phòng	3359	15C-463.35	Hải Phòng	5859	14A-927.25	Quảng Ninh	8359	14A-920.95	Quảng Ninh
860	15C-463.65	Hải Phòng	3360	15C-464.06	Hải Phòng	5860	14A-927.65	Quảng Ninh	8360	14A-921.15	Quảng Ninh
861	15C-466.06	Hải Phòng	3361	15C-464.83	Hải Phòng	5861	14A-927.83	Quảng Ninh	8361	14A-921.19	Quảng Ninh
862	15C-468.22	Hải Phòng	3362	15K-276.19	Hải Phòng	5862	14A-928.55	Quảng Ninh	8362	14A-921.26	Quảng Ninh
863	15D-049.22	Hải Phòng	3363	15K-278.08	Hải Phòng	5863	14B-049.00	Quảng Ninh	8363	14A-922.83	Quảng Ninh
864	15D-049.33	Hải Phòng	3364	15K-278.18	Hải Phòng	5864	14B-049.11	Quảng Ninh	8364	14A-923.55	Quảng Ninh
865	15K-289.19	Hải Phòng	3365	15K-280.16	Hải Phòng	5865	14C-411.38	Quảng Ninh	8365	14A-925.65	Quảng Ninh
866	15K-289.33	Hải Phòng	3366	15K-280.56	Hải Phòng	5866	14C-412.19	Quảng Ninh	8366	14A-930.29	Quảng Ninh
867	15K-292.33	Hải Phòng	3367	15K-280.59	Hải Phòng	5867	14C-413.09	Quảng Ninh	8367	14B-049.09	Quảng Ninh
868	15K-293.00	Hải Phòng	3368	15K-284.38	Hải Phòng	5868	14C-413.38	Quảng Ninh	8368	14B-049.35	Quảng Ninh
869	15K-294.98	Hải Phòng	3369	15K-285.22	Hải Phòng	5869	14C-419.59	Quảng Ninh	8369	14C-409.11	Quảng Ninh
870	15K-296.11	Hải Phòng	3370	15K-289.58	Hải Phòng	5870	14C-420.58	Quảng Ninh	8370	14C-411.09	Quảng Ninh
871	15K-298.35	Hải Phòng	3371	15K-294.38	Hải Phòng	5871	14D-026.09	Quảng Ninh	8371	14C-413.08	Quảng Ninh
872	15K-299.08	Hải Phòng	3372	15K-296.28	Hải Phòng	5872	15K-280.19	Hải Phòng	8372	14C-413.44	Quảng Ninh
873	15K-299.38	Hải Phòng	3373	15K-297.18	Hải Phòng	5873	15K-283.85	Hải Phòng	8373	14C-414.06	Quảng Ninh
874	15K-299.83	Hải Phòng	3374	15K-298.08	Hải Phòng	5874	15K-284.56	Hải Phòng	8374	14C-416.08	Quảng Ninh
875	15K-301.93	Hải Phòng	3375	15K-301.19	Hải Phòng	5875	15K-290.36	Hải Phòng	8375	14C-416.38	Quảng Ninh
876	15K-302.47	Hải Phòng	3376	15K-302.09	Hải Phòng	5876	15K-292.38	Hải Phòng	8376	14C-420.16	Quảng Ninh
877	15K-302.96	Hải Phòng	3377	15K-302.52	Hải Phòng	5877	15K-292.83	Hải Phòng	8377	14C-421.08	Quảng Ninh
878	15K-305.38	Hải Phòng	3378	15K-306.36	Hải Phòng	5878	15K-297.33	Hải Phòng	8378	14C-423.25	Quảng Ninh
879	15K-307.85	Hải Phòng	3379	15K-308.38	Hải Phòng	5879	15K-297.56	Hải Phòng	8379	14C-424.85	Quảng Ninh
880	15K-308.06	Hải Phòng	3380	15K-309.06	Hải Phòng	5880	15K-301.51	Hải Phòng	8380	14C-425.15	Quảng Ninh
881	15K-308.29	Hải Phòng	3381	15K-310.83	Hải Phòng	5881	15K-302.06	Hải Phòng	8381	14C-425.95	Quảng Ninh
882	15K-310.38	Hải Phòng	3382	15K-311.59	Hải Phòng	5882	15K-303.09	Hải Phòng	8382	15C-463.19	Hải Phòng
883	15K-311.29	Hải Phòng	3383	15K-312.19	Hải Phòng	5883	15K-303.26	Hải Phòng	8383	15C-464.36	Hải Phòng
884	15K-314.58	Hải Phòng	3384	15K-312.25	Hải Phòng	5884	15K-306.08	Hải Phòng	8384	15K-275.77	Hải Phòng
885	15K-316.06	Hải Phòng	3385	15K-312.38	Hải Phòng	5885	15K-308.96	Hải Phòng	8385	15K-277.19	Hải Phòng
886	15K-316.26	Hải Phòng	3386	15K-316.11	Hải Phòng	5886	15K-310.26	Hải Phòng	8386	15K-285.00	Hải Phòng
887	15K-317.19	Hải Phòng	3387	15K-317.85	Hải Phòng	5887	15K-311.58	Hải Phòng	8387	15K-285.18	Hải Phòng
888	15K-317.22	Hải Phòng	3388	15K-318.26	Hải Phòng	5888	15K-312.00	Hải Phòng	8388	15K-285.38	Hải Phòng
889	15K-318.33	Hải Phòng	3389	15K-320.44	Hải Phòng	5889	15K-312.09	Hải Phòng	8389	15K-289.06	Hải Phòng
890	15K-319.25	Hải Phòng	3390	15K-320.95	Hải Phòng	5890	15K-314.11	Hải Phòng	8390	15K-290.18	Hải Phòng
891	15K-319.77	Hải Phòng	3391	15K-321.22	Hải Phòng	5891	15K-315.18	Hải Phòng	8391	15K-292.56	Hải Phòng
892	15K-321.58	Hải Phòng	3392	15K-323.59	Hải Phòng	5892	15K-315.25	Hải Phòng	8392	15K-293.65	Hải Phòng
893	15K-323.95	Hải Phòng	3393	15K-326.96	Hải Phòng	5893	15K-317.11	Hải Phòng	8393	15K-294.25	Hải Phòng
894	15K-325.29	Hải Phòng	3394	15K-327.55	Hải Phòng	5894	15K-317.16	Hải Phòng	8394	15K-294.65	Hải Phòng
895	15K-325.58	Hải Phòng	3395	15K-329.26	Hải Phòng	5895	15K-317.58	Hải Phòng	8395	15K-301.52	Hải Phòng
896	15K-326.55	Hải Phòng	3396	15K-330.44	Hải Phòng	5896	15K-317.59	Hải Phòng	8396	15K-302.13	Hải Phòng
897	15K-326.77	Hải Phòng	3397	15K-331.18	Hải Phòng	5897	15K-317.96	Hải Phòng	8397	15K-302.28	Hải Phòng
898	15K-326.95	Hải Phòng	3398	17A-441.59	Thái Bình	5898	15K-319.83	Hải Phòng	8398	15K-302.83	Hải Phòng
899	15K-327.28	Hải Phòng	3399	17A-450.22	Thái Bình	5899	15K-321.98	Hải Phòng	8399	15K-302.84	Hải Phòng
900	15K-327.29	Hải Phòng	3400	17A-458.26	Thái Bình	5900	15K-323.08	Hải Phòng	8400	15K-303.29	Hải Phòng
901	15K-327.59	Hải Phòng	3401	17A-459.08	Thái Bình	5901	15K-323.18	Hải Phòng	8401	15K-304.55	Hải Phòng
902	15K-328.00	Hải Phòng	3402	17A-459.11	Thái Bình	5902	15K-325.83	Hải Phòng	8402	15K-306.83	Hải Phòng
903	15K-329.00	Hải Phòng	3403	17A-461.98	Thái Bình	5903	15K-328.35	Hải Phòng	8403	15K-307.15	Hải Phòng
904	15K-331.26	Hải Phòng	3404	17A-463.81	Thái Bình	5904	15K-330.25	Hải Phòng	8404	15K-309.25	Hải Phòng
905	15K-334.77	Hải Phòng	3405	17A-463.87	Thái Bình	5905	15K-335.19	Hải Phòng	8405	15K-309.55	Hải Phòng
906	15K-335.36	Hải Phòng	3406	17A-464.09	Thái Bình	5906	17A-441.77	Thái Bình	8406	15K-310.33	Hải Phòng
907	15K-335.77	Hải Phòng	3407	17A-464.12	Thái Bình	5907	17A-445.36	Thái Bình	8407	15K-310.35	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
908	15K-336.25	Hải Phòng	3408	17A-465.18	Thái Bình	5908	17A-449.22	Thái Bình	8408	15K-312.58	Hải Phòng
909	17A-445.09	Thái Bình	3409	17A-467.09	Thái Bình	5909	17A-450.11	Thái Bình	8409	15K-314.19	Hải Phòng
910	17A-451.85	Thái Bình	3410	17A-468.33	Thái Bình	5910	17A-455.09	Thái Bình	8410	15K-314.28	Hải Phòng
911	17A-458.77	Thái Bình	3411	17A-468.56	Thái Bình	5911	17A-460.28	Thái Bình	8411	15K-315.65	Hải Phòng
912	17A-464.02	Thái Bình	3412	17A-468.58	Thái Bình	5912	17A-461.22	Thái Bình	8412	15K-317.83	Hải Phòng
913	17A-466.06	Thái Bình	3413	17C-202.77	Thái Bình	5913	17A-463.04	Thái Bình	8413	15K-317.98	Hải Phòng
914	17C-205.85	Thái Bình	3414	18A-440.19	Nam Định	5914	17A-463.05	Thái Bình	8414	15K-319.15	Hải Phòng
915	17C-207.55	Thái Bình	3415	18A-440.36	Nam Định	5915	17A-463.16	Thái Bình	8415	15K-319.16	Hải Phòng
916	18A-435.58	Nam Định	3416	18A-442.09	Nam Định	5916	17A-463.35	Thái Bình	8416	15K-320.22	Hải Phòng
917	18A-439.56	Nam Định	3417	18A-445.85	Nam Định	5917	17A-463.59	Thái Bình	8417	15K-322.06	Hải Phòng
918	18A-441.77	Nam Định	3418	18A-446.22	Nam Định	5918	17A-465.77	Thái Bình	8418	15K-322.19	Hải Phòng
919	18A-447.36	Nam Định	3419	18A-446.36	Nam Định	5919	17A-467.11	Thái Bình	8419	15K-322.29	Hải Phòng
920	18A-449.33	Nam Định	3420	18A-451.22	Nam Định	5920	17A-467.38	Thái Bình	8420	15K-322.59	Hải Phòng
921	18A-449.55	Nam Định	3421	18A-451.85	Nam Định	5921	17A-467.96	Thái Bình	8421	15K-326.11	Hải Phòng
922	18A-449.85	Nam Định	3422	18A-453.15	Nam Định	5922	17A-468.15	Thái Bình	8422	15K-326.29	Hải Phòng
923	18A-455.51	Nam Định	3423	18A-455.59	Nam Định	5923	17B-025.85	Thái Bình	8423	15K-327.98	Hải Phòng
924	18A-455.87	Nam Định	3424	18A-455.64	Nam Định	5924	17C-202.65	Thái Bình	8424	15K-328.08	Hải Phòng
925	18A-455.96	Nam Định	3425	18A-455.73	Nam Định	5925	17C-204.06	Thái Bình	8425	15K-329.98	Hải Phòng
926	18A-457.00	Nam Định	3426	18A-455.93	Nam Định	5926	18A-454.33	Nam Định	8426	15K-330.15	Hải Phòng
927	18A-457.95	Nam Định	3427	18A-458.26	Nam Định	5927	18A-455.49	Nam Định	8427	15K-331.55	Hải Phòng
928	18A-458.19	Nam Định	3428	18A-458.95	Nam Định	5928	18A-455.75	Nam Định	8428	15K-331.59	Hải Phòng
929	18A-459.22	Nam Định	3429	18A-459.77	Nam Định	5929	18A-457.09	Nam Định	8429	15K-332.35	Hải Phòng
930	18A-459.33	Nam Định	3430	18A-460.11	Nam Định	5930	18A-458.35	Nam Định	8430	15K-332.83	Hải Phòng
931	18A-460.16	Nam Định	3431	18A-463.38	Nam Định	5931	18A-460.55	Nam Định	8431	15K-334.29	Hải Phòng
932	18A-461.85	Nam Định	3432	18A-465.19	Nam Định	5932	18A-461.25	Nam Định	8432	15K-335.00	Hải Phòng
933	18A-462.25	Nam Định	3433	18A-465.35	Nam Định	5933	18A-462.28	Nam Định	8433	15K-335.85	Hải Phòng
934	18A-462.95	Nam Định	3434	18A-465.59	Nam Định	5934	18A-463.11	Nam Định	8434	15K-336.37	Hải Phòng
935	18A-463.00	Nam Định	3435	18A-466.26	Nam Định	5935	18A-463.96	Nam Định	8435	17A-442.56	Thái Bình
936	18A-465.22	Nam Định	3436	18A-466.59	Nam Định	5936	18A-464.09	Nam Định	8436	17A-446.22	Thái Bình
937	18A-467.16	Nam Định	3437	18A-466.96	Nam Định	5937	18A-465.85	Nam Định	8437	17A-446.26	Thái Bình
938	18C-162.18	Nam Định	3438	18C-159.38	Nam Định	5938	18A-467.18	Nam Định	8438	17A-450.15	Thái Bình
939	18C-163.18	Nam Định	3439	18C-161.44	Nam Định	5939	18C-160.44	Nam Định	8439	17A-453.28	Thái Bình
940	18D-011.28	Nam Định	3440	18C-165.96	Nam Định	5940	18C-162.09	Nam Định	8440	17A-453.55	Thái Bình
941	19A-628.59	Phú Thọ	3441	18C-167.26	Nam Định	5941	18C-162.11	Nam Định	8441	17A-459.38	Thái Bình
942	19A-633.06	Phú Thọ	3442	19A-623.59	Phú Thọ	5942	18C-164.35	Nam Định	8442	17A-462.08	Thái Bình
943	19A-641.44	Phú Thọ	3443	19A-625.59	Phú Thọ	5943	18C-165.35	Nam Định	8443	17A-462.73	Thái Bình
944	19A-642.36	Phú Thọ	3444	19A-626.33	Phú Thọ	5944	18C-167.06	Nam Định	8444	17A-463.58	Thái Bình
945	19A-644.56	Phú Thọ	3445	19A-628.36	Phú Thọ	5945	19A-627.06	Phú Thọ	8445	17A-463.75	Thái Bình
946	19A-646.59	Phú Thọ	3446	19A-636.18	Phú Thọ	5946	19A-629.59	Phú Thọ	8446	17A-465.38	Thái Bình
947	19A-648.08	Phú Thọ	3447	19A-652.00	Phú Thọ	5947	19A-631.09	Phú Thọ	8447	17A-465.98	Thái Bình
948	19A-648.26	Phú Thọ	3448	19A-652.06	Phú Thọ	5948	19A-631.56	Phú Thọ	8448	17A-467.59	Thái Bình
949	19A-651.58	Phú Thọ	3449	19A-653.16	Phú Thọ	5949	19A-632.06	Phú Thọ	8449	17A-467.95	Thái Bình
950	19A-651.83	Phú Thọ	3450	19A-653.19	Phú Thọ	5950	19A-633.59	Phú Thọ	8450	17A-468.44	Thái Bình
951	19A-651.90	Phú Thọ	3451	19A-655.18	Phú Thọ	5951	19A-636.59	Phú Thọ	8451	17C-203.65	Thái Bình
952	19A-658.95	Phú Thọ	3452	19A-655.25	Phú Thọ	5952	19A-637.16	Phú Thọ	8452	17C-204.35	Thái Bình
953	19A-659.00	Phú Thọ	3453	19A-657.16	Phú Thọ	5953	19A-639.22	Phú Thọ	8453	17C-204.58	Thái Bình
954	19A-659.83	Phú Thọ	3454	19A-657.33	Phú Thọ	5954	19A-640.11	Phú Thọ	8454	17C-204.85	Thái Bình
955	19A-660.59	Phú Thọ	3455	19A-657.55	Phú Thọ	5955	19A-643.08	Phú Thọ	8455	18A-439.55	Nam Định
956	19A-660.61	Phú Thọ	3456	19A-658.38	Phú Thọ	5956	19A-643.38	Phú Thọ	8456	18A-449.09	Nam Định
957	19A-662.65	Phú Thọ	3457	19A-660.38	Phú Thọ	5957	19A-645.56	Phú Thọ	8457	18A-449.26	Nam Định
958	19A-663.09	Phú Thọ	3458	19A-660.77	Phú Thọ	5958	19A-650.58	Phú Thọ	8458	18A-456.98	Nam Định
959	19A-663.11	Phú Thọ	3459	19A-661.28	Phú Thọ	5959	19A-651.09	Phú Thọ	8459	18A-457.06	Nam Định
960	19A-663.55	Phú Thọ	3460	19A-662.56	Phú Thọ	5960	19A-651.76	Phú Thọ	8460	18A-457.83	Nam Định
961	19A-663.98	Phú Thọ	3461	19A-665.29	Phú Thọ	5961	19A-654.16	Phú Thọ	8461	18A-458.18	Nam Định
962	19A-667.22	Phú Thọ	3462	19A-665.77	Phú Thọ	5962	19A-654.33	Phú Thọ	8462	18A-459.00	Nam Định
963	19A-668.22	Phú Thọ	3463	19A-667.58	Phú Thọ	5963	19A-654.58	Phú Thọ	8463	18A-459.15	Nam Định
964	19A-668.26	Phú Thọ	3464	19A-669.25	Phú Thọ	5964	19A-655.59	Phú Thọ	8464	18A-460.98	Nam Định
965	19A-670.98	Phú Thọ	3465	19A-669.38	Phú Thọ	5965	19A-655.85	Phú Thọ	8465	18A-461.77	Nam Định
966	19C-238.09	Phú Thọ	3466	19A-669.56	Phú Thọ	5966	19A-656.36	Phú Thọ	8466	18A-462.96	Nam Định
967	19C-240.55	Phú Thọ	3467	19A-669.59	Phú Thọ	5967	19A-659.18	Phú Thọ	8467	18A-465.08	Nam Định
968	19C-247.25	Phú Thọ	3468	19A-670.19	Phú Thọ	5968	19A-659.19	Phú Thọ	8468	18A-465.16	Nam Định
969	19C-248.16	Phú Thọ	3469	19A-670.85	Phú Thọ	5969	19A-660.33	Phú Thọ	8469	18A-466.18	Nam Định
970	20A-776.16	Thái Nguyên	3470	19A-671.18	Phú Thọ	5970	19A-661.19	Phú Thọ	8470	18A-466.19	Nam Định
971	20A-782.16	Thái Nguyên	3471	19C-238.18	Phú Thọ	5971	19A-662.15	Phú Thọ	8471	18C-161.18	Nam Định
972	20A-783.11	Thái Nguyên	3472	19C-238.55	Phú Thọ	5972	19A-663.26	Phú Thọ	8472	18C-165.85	Nam Định
973	20A-783.44	Thái Nguyên	3473	19C-242.35	Phú Thọ	5973	19A-664.16	Phú Thọ	8473	18C-166.67	Nam Định
974	20A-789.22	Thái Nguyên	3474	19C-242.44	Phú Thọ	5974	19A-667.00	Phú Thọ	8474	19A-632.09	Phú Thọ
975	20A-789.56	Thái Nguyên	3475	19C-244.09	Phú Thọ	5975	19A-667.38	Phú Thọ	8475	19A-632.16	Phú Thọ
976	20A-790.11	Thái Nguyên	3476	19C-245.16	Phú Thọ	5976	19A-667.65	Phú Thọ	8476	19A-635.33	Phú Thọ
977	20A-790.55	Thái Nguyên	3477	19C-246.15	Phú Thọ	5977	19A-671.36	Phú Thọ	8477	19A-636.77	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
978	20A-791.55	Thái Nguyên	3478	19C-246.16	Phú Thọ	5978	19B-024.55	Phú Thọ	8478	19A-640.16	Phú Thọ
979	20A-792.18	Thái Nguyên	3479	19C-246.26	Phú Thọ	5979	19C-241.77	Phú Thọ	8479	19A-648.85	Phú Thọ
980	20A-792.59	Thái Nguyên	3480	19C-247.65	Phú Thọ	5980	19C-245.44	Phú Thọ	8480	19A-650.22	Phú Thọ
981	20A-795.98	Thái Nguyên	3481	19C-248.25	Phú Thọ	5981	19C-246.85	Phú Thọ	8481	19A-650.44	Phú Thọ
982	20A-796.22	Thái Nguyên	3482	19C-248.65	Phú Thọ	5982	19C-247.35	Phú Thọ	8482	19A-651.59	Phú Thọ
983	20A-796.26	Thái Nguyên	3483	19C-248.98	Phú Thọ	5983	19C-248.35	Phú Thọ	8483	19A-651.81	Phú Thọ
984	20A-797.15	Thái Nguyên	3484	19C-249.06	Phú Thọ	5984	20A-773.00	Thái Nguyên	8484	19A-653.83	Phú Thọ
985	20A-797.65	Thái Nguyên	3485	19D-012.77	Phú Thọ	5985	20A-779.00	Thái Nguyên	8485	19A-655.96	Phú Thọ
986	20A-801.98	Thái Nguyên	3486	19D-012.95	Phú Thọ	5986	20A-779.18	Thái Nguyên	8486	19A-656.06	Phú Thọ
987	20A-802.18	Thái Nguyên	3487	20A-772.59	Thái Nguyên	5987	20A-784.11	Thái Nguyên	8487	19A-658.06	Phú Thọ
988	20A-802.19	Thái Nguyên	3488	20A-775.11	Thái Nguyên	5988	20A-785.19	Thái Nguyên	8488	19A-658.98	Phú Thọ
989	20A-802.33	Thái Nguyên	3489	20A-776.22	Thái Nguyên	5989	20A-785.26	Thái Nguyên	8489	19A-659.29	Phú Thọ
990	20A-802.95	Thái Nguyên	3490	20A-779.36	Thái Nguyên	5990	20A-786.36	Thái Nguyên	8490	19A-660.36	Phú Thọ
991	20A-803.55	Thái Nguyên	3491	20A-788.16	Thái Nguyên	5991	20A-787.56	Thái Nguyên	8491	19A-662.98	Phú Thọ
992	20A-804.59	Thái Nguyên	3492	20A-788.59	Thái Nguyên	5992	20A-787.58	Thái Nguyên	8492	19A-663.06	Phú Thọ
993	20A-805.95	Thái Nguyên	3493	20A-791.06	Thái Nguyên	5993	20A-792.85	Thái Nguyên	8493	19A-663.15	Phú Thọ
994	20A-806.36	Thái Nguyên	3494	20A-792.06	Thái Nguyên	5994	20A-793.25	Thái Nguyên	8494	19A-663.65	Phú Thọ
995	20A-807.38	Thái Nguyên	3495	20A-793.26	Thái Nguyên	5995	20A-793.36	Thái Nguyên	8495	19A-663.83	Phú Thọ
996	20A-811.09	Thái Nguyên	3496	20A-793.83	Thái Nguyên	5996	20A-794.06	Thái Nguyên	8496	19A-664.77	Phú Thọ
997	20A-811.29	Thái Nguyên	3497	20A-796.09	Thái Nguyên	5997	20A-794.58	Thái Nguyên	8497	19A-665.85	Phú Thọ
998	20C-289.16	Thái Nguyên	3498	20A-796.83	Thái Nguyên	5998	20A-795.35	Thái Nguyên	8498	19A-667.28	Phú Thọ
999	20C-290.08	Thái Nguyên	3499	20A-797.06	Thái Nguyên	5999	20A-796.15	Thái Nguyên	8499	19A-667.29	Phú Thọ
1000	20C-290.58	Thái Nguyên	3500	20A-797.83	Thái Nguyên	6000	20A-796.28	Thái Nguyên	8500	19C-238.44	Phú Thọ
1001	20C-291.15	Thái Nguyên	3501	20A-799.19	Thái Nguyên	6001	20A-796.36	Thái Nguyên	8501	19C-240.85	Phú Thọ
1002	20C-291.58	Thái Nguyên	3502	20A-799.59	Thái Nguyên	6002	20A-797.25	Thái Nguyên	8502	19C-242.15	Phú Thọ
1003	20C-292.18	Thái Nguyên	3503	20A-800.25	Thái Nguyên	6003	20A-800.58	Thái Nguyên	8503	19C-243.28	Phú Thọ
1004	20C-292.55	Thái Nguyên	3504	20A-800.26	Thái Nguyên	6004	20A-801.55	Thái Nguyên	8504	19C-244.35	Phú Thọ
1005	20C-293.16	Thái Nguyên	3505	20A-801.65	Thái Nguyên	6005	20A-803.83	Thái Nguyên	8505	19C-244.85	Phú Thọ
1006	20C-294.38	Thái Nguyên	3506	20A-802.28	Thái Nguyên	6006	20A-804.35	Thái Nguyên	8506	19C-245.06	Phú Thọ
1007	20D-028.09	Thái Nguyên	3507	20A-802.85	Thái Nguyên	6007	20A-805.15	Thái Nguyên	8507	19C-245.22	Phú Thọ
1008	20D-028.35	Thái Nguyên	3508	20A-803.77	Thái Nguyên	6008	20A-805.98	Thái Nguyên	8508	19C-245.59	Phú Thọ
1009	21A-207.28	Yên Bái	3509	20A-804.22	Thái Nguyên	6009	20A-807.19	Thái Nguyên	8509	19C-246.19	Phú Thọ
1010	21A-207.35	Yên Bái	3510	20A-804.58	Thái Nguyên	6010	20A-809.15	Thái Nguyên	8510	19C-246.33	Phú Thọ
1011	21A-208.77	Yên Bái	3511	20A-804.83	Thái Nguyên	6011	20A-809.65	Thái Nguyên	8511	19C-247.28	Phú Thọ
1012	21A-209.25	Yên Bái	3512	20A-805.09	Thái Nguyên	6012	20A-809.95	Thái Nguyên	8512	19C-247.29	Phú Thọ
1013	21C-100.56	Yên Bái	3513	20A-805.19	Thái Nguyên	6013	20A-810.83	Thái Nguyên	8513	19C-248.29	Phú Thọ
1014	21C-107.00	Yên Bái	3514	20A-805.44	Thái Nguyên	6014	20C-288.58	Thái Nguyên	8514	20A-776.08	Thái Nguyên
1015	22A-240.22	Tuyên Quang	3515	20A-809.19	Thái Nguyên	6015	20C-290.85	Thái Nguyên	8515	20A-778.58	Thái Nguyên
1016	22A-246.18	Tuyên Quang	3516	20A-809.36	Thái Nguyên	6016	20C-291.00	Thái Nguyên	8516	20A-780.58	Thái Nguyên
1017	22A-249.33	Tuyên Quang	3517	20A-809.85	Thái Nguyên	6017	20C-291.16	Thái Nguyên	8517	20A-781.08	Thái Nguyên
1018	22A-251.65	Tuyên Quang	3518	20C-288.18	Thái Nguyên	6018	20C-291.83	Thái Nguyên	8518	20A-782.55	Thái Nguyên
1019	22A-252.06	Tuyên Quang	3519	20C-292.06	Thái Nguyên	6019	20C-292.26	Thái Nguyên	8519	20A-785.44	Thái Nguyên
1020	22A-252.58	Tuyên Quang	3520	20C-292.98	Thái Nguyên	6020	20C-292.36	Thái Nguyên	8520	20A-786.18	Thái Nguyên
1021	22A-252.59	Tuyên Quang	3521	20C-293.25	Thái Nguyên	6021	20C-295.44	Thái Nguyên	8521	20A-788.06	Thái Nguyên
1022	22A-254.35	Tuyên Quang	3522	20C-294.58	Thái Nguyên	6022	20C-296.19	Thái Nguyên	8522	20A-788.26	Thái Nguyên
1023	22A-254.59	Tuyên Quang	3523	20C-295.15	Thái Nguyên	6023	21A-195.33	Yên Bái	8523	20A-791.85	Thái Nguyên
1024	22A-256.00	Tuyên Quang	3524	21A-198.77	Yên Bái	6024	21A-201.56	Yên Bái	8524	20A-792.96	Thái Nguyên
1025	22C-103.58	Tuyên Quang	3525	21A-200.85	Yên Bái	6025	21A-204.19	Yên Bái	8525	20A-799.65	Thái Nguyên
1026	22C-105.33	Tuyên Quang	3526	21A-205.33	Yên Bái	6026	21A-205.23	Yên Bái	8526	20A-801.09	Thái Nguyên
1027	22C-105.58	Tuyên Quang	3527	21A-205.65	Yên Bái	6027	21A-205.77	Yên Bái	8527	20A-801.15	Thái Nguyên
1028	22C-108.55	Tuyên Quang	3528	21A-207.19	Yên Bái	6028	21A-206.25	Yên Bái	8528	20A-802.03	Thái Nguyên
1029	22D-006.56	Tuyên Quang	3529	21A-208.44	Yên Bái	6029	21A-207.55	Yên Bái	8529	20A-802.06	Thái Nguyên
1030	23A-148.77	Hà Giang	3530	21A-208.96	Yên Bái	6030	21A-207.95	Yên Bái	8530	20A-804.00	Thái Nguyên
1031	23A-151.06	Hà Giang	3531	21A-209.06	Yên Bái	6031	21A-209.55	Yên Bái	8531	20A-806.15	Thái Nguyên
1032	23A-152.36	Hà Giang	3532	21A-209.44	Yên Bái	6032	21A-210.36	Yên Bái	8532	20A-807.29	Thái Nguyên
1033	23A-153.56	Hà Giang	3533	21A-210.58	Yên Bái	6033	21A-210.38	Yên Bái	8533	20A-808.29	Thái Nguyên
1034	23A-154.33	Hà Giang	3534	21C-103.38	Yên Bái	6034	21C-104.85	Yên Bái	8534	20A-810.26	Thái Nguyên
1035	23C-084.18	Hà Giang	3535	21C-104.19	Yên Bái	6035	21C-107.55	Yên Bái	8535	20C-288.36	Thái Nguyên
1036	23C-085.26	Hà Giang	3536	21C-105.85	Yên Bái	6036	22A-239.00	Tuyên Quang	8536	20C-290.26	Thái Nguyên
1037	23C-086.55	Hà Giang	3537	21C-107.36	Yên Bái	6037	22A-242.18	Tuyên Quang	8537	20C-290.55	Thái Nguyên
1038	23C-086.58	Hà Giang	3538	21C-108.16	Yên Bái	6038	22A-243.18	Tuyên Quang	8538	20C-294.18	Thái Nguyên
1039	24A-279.09	Lào Cai	3539	22A-238.22	Tuyên Quang	6039	22A-245.33	Tuyên Quang	8539	20C-295.22	Thái Nguyên
1040	24A-285.06	Lào Cai	3540	22A-238.33	Tuyên Quang	6040	22A-246.16	Tuyên Quang	8540	20D-027.98	Thái Nguyên
1041	24A-288.09	Lào Cai	3541	22A-239.22	Tuyên Quang	6041	22A-247.56	Tuyên Quang	8541	20D-028.44	Thái Nguyên
1042	24A-289.77	Lào Cai	3542	22A-246.59	Tuyên Quang	6042	22A-250.36	Tuyên Quang	8542	21A-205.28	Yên Bái
1043	24A-290.11	Lào Cai	3543	22A-249.77	Tuyên Quang	6043	22A-251.26	Tuyên Quang	8543	21A-206.36	Yên Bái
1044	24A-290.59	Lào Cai	3544	22A-250.59	Tuyên Quang	6044	22A-252.38	Tuyên Quang	8544	21A-208.18	Yên Bái
1045	24A-291.59	Lào Cai	3545	22A-251.22	Tuyên Quang	6045	22A-253.16	Tuyên Quang	8545	21A-209.33	Yên Bái
1046	24A-292.18	Lào Cai	3546	22A-251.36	Tuyên Quang	6046	22A-254.98	Tuyên Quang	8546	21C-101.33	Yên Bái
1047	24A-294.08	Lào Cai	3547	22A-253.28	Tuyên Quang	6047	22A-255.19	Tuyên Quang	8547	21C-104.77	Yên Bái

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1048	24A-294.55	Lào Cai	3548	22A-253.44	Tuyên Quang	6048	22A-255.36	Tuyên Quang	8548	21C-105.06	Yên Bái
1049	24A-296.36	Lào Cai	3549	22A-253.58	Tuyên Quang	6049	22B-012.56	Tuyên Quang	8549	21C-105.09	Yên Bái
1050	24A-297.26	Lào Cai	3550	22A-255.08	Tuyên Quang	6050	22C-103.00	Tuyên Quang	8550	21C-106.44	Yên Bái
1051	24A-298.11	Lào Cai	3551	22C-104.00	Tuyên Quang	6051	22C-103.59	Tuyên Quang	8551	21C-107.38	Yên Bái
1052	24A-301.16	Lào Cai	3552	22C-105.18	Tuyên Quang	6052	22C-105.06	Tuyên Quang	8552	21C-108.09	Yên Bái
1053	24A-301.36	Lào Cai	3553	22C-107.38	Tuyên Quang	6053	22C-106.16	Tuyên Quang	8553	21D-003.65	Yên Bái
1054	24A-301.96	Lào Cai	3554	22C-108.44	Tuyên Quang	6054	22C-106.44	Tuyên Quang	8554	22A-239.55	Tuyên Quang
1055	24A-302.35	Lào Cai	3555	22C-109.28	Tuyên Quang	6055	22C-107.09	Tuyên Quang	8555	22A-248.22	Tuyên Quang
1056	24A-302.65	Lào Cai	3556	22D-006.65	Tuyên Quang	6056	22C-109.29	Tuyên Quang	8556	22A-251.18	Tuyên Quang
1057	24A-303.22	Lào Cai	3557	23A-147.44	Hà Giang	6057	23A-146.59	Hà Giang	8557	22A-251.95	Tuyên Quang
1058	24C-155.25	Lào Cai	3558	23A-148.36	Hà Giang	6058	23A-147.55	Hà Giang	8558	22A-253.08	Tuyên Quang
1059	24C-156.11	Lào Cai	3559	24A-280.09	Lào Cai	6059	23A-150.26	Hà Giang	8559	22A-254.55	Tuyên Quang
1060	24C-157.22	Lào Cai	3560	24A-280.22	Lào Cai	6060	23A-152.77	Hà Giang	8560	22A-255.59	Tuyên Quang
1061	24C-157.29	Lào Cai	3561	24A-286.06	Lào Cai	6061	23A-154.22	Hà Giang	8561	22A-256.06	Tuyên Quang
1062	25A-081.59	Lai Châu	3562	24A-292.38	Lào Cai	6062	23A-154.56	Hà Giang	8562	22C-103.18	Tuyên Quang
1063	25C-054.38	Lai Châu	3563	24A-297.36	Lào Cai	6063	23A-155.25	Hà Giang	8563	22C-107.36	Tuyên Quang
1064	26A-207.06	Sơn La	3564	24A-297.55	Lào Cai	6064	23C-082.77	Hà Giang	8564	22C-108.29	Tuyên Quang
1065	26A-212.11	Sơn La	3565	24A-300.08	Lào Cai	6065	23C-083.18	Hà Giang	8565	22C-108.98	Tuyên Quang
1066	26A-216.72	Sơn La	3566	24A-302.29	Lào Cai	6066	23C-083.59	Hà Giang	8566	22C-109.25	Tuyên Quang
1067	26A-217.26	Sơn La	3567	24A-302.56	Lào Cai	6067	23C-084.16	Hà Giang	8567	23A-147.38	Hà Giang
1068	26A-220.96	Sơn La	3568	24A-302.83	Lào Cai	6068	23C-085.16	Hà Giang	8568	23A-148.18	Hà Giang
1069	26A-223.11	Sơn La	3569	24C-154.38	Lào Cai	6069	23C-086.29	Hà Giang	8569	23A-149.36	Hà Giang
1070	26C-147.33	Sơn La	3570	24C-154.65	Lào Cai	6070	24A-278.44	Lào Cai	8570	23A-151.55	Hà Giang
1071	26C-149.33	Sơn La	3571	24C-156.85	Lào Cai	6071	24A-284.33	Lào Cai	8571	23A-153.77	Hà Giang
1072	26C-155.38	Sơn La	3572	25B-004.73	Lai Châu	6072	24A-291.33	Lào Cai	8572	23A-154.21	Hà Giang
1073	26C-155.98	Sơn La	3573	26A-212.33	Sơn La	6073	24A-292.55	Lào Cai	8573	23A-155.02	Hà Giang
1074	26C-156.11	Sơn La	3574	26A-213.22	Sơn La	6074	24A-294.18	Lào Cai	8574	23C-083.16	Hà Giang
1075	27A-116.38	Điện Biên	3575	26A-215.26	Sơn La	6075	24A-298.18	Lào Cai	8575	23C-083.56	Hà Giang
1076	27A-117.19	Điện Biên	3576	26A-215.85	Sơn La	6076	24A-300.65	Lào Cai	8576	23C-085.00	Hà Giang
1077	27A-117.56	Điện Biên	3577	26A-216.27	Sơn La	6077	24A-301.25	Lào Cai	8577	24A-275.38	Lào Cai
1078	27A-120.06	Điện Biên	3578	26A-217.44	Sơn La	6078	24A-301.28	Lào Cai	8578	24A-277.08	Lào Cai
1079	27A-120.09	Điện Biên	3579	26A-218.25	Sơn La	6079	24A-301.83	Lào Cai	8579	24A-279.38	Lào Cai
1080	27C-067.59	Điện Biên	3580	26A-219.59	Sơn La	6080	24A-302.44	Lào Cai	8580	24A-282.08	Lào Cai
1081	27C-068.22	Điện Biên	3581	26A-220.18	Sơn La	6081	24A-303.95	Lào Cai	8581	24A-284.59	Lào Cai
1082	27C-068.58	Điện Biên	3582	26A-220.55	Sơn La	6082	24B-015.95	Lào Cai	8582	24A-289.09	Lào Cai
1083	27C-069.59	Điện Biên	3583	26A-221.56	Sơn La	6083	24C-154.58	Lào Cai	8583	24A-289.16	Lào Cai
1084	27C-070.16	Điện Biên	3584	26A-221.77	Sơn La	6084	24C-156.35	Lào Cai	8584	24A-291.38	Lào Cai
1085	27C-070.83	Điện Biên	3585	26C-148.22	Sơn La	6085	24C-157.18	Lào Cai	8585	24A-291.85	Lào Cai
1086	28A-240.64	Hòa Bình	3586	26C-150.09	Sơn La	6086	24C-157.25	Lào Cai	8586	24A-294.16	Lào Cai
1087	28A-240.87	Hòa Bình	3587	26C-152.85	Sơn La	6087	24C-157.38	Lào Cai	8587	24A-299.09	Lào Cai
1088	28A-242.26	Hòa Bình	3588	26C-153.36	Sơn La	6088	24D-006.36	Lào Cai	8588	24A-299.56	Lào Cai
1089	28A-242.85	Hòa Bình	3589	26C-153.96	Sơn La	6089	25A-078.58	Lai Châu	8589	24A-300.16	Lào Cai
1090	28A-245.00	Hòa Bình	3590	26C-154.58	Sơn La	6090	25A-079.16	Lai Châu	8590	24C-153.85	Lào Cai
1091	28A-247.19	Hòa Bình	3591	26C-155.65	Sơn La	6091	25B-004.55	Lai Châu	8591	24C-155.36	Lào Cai
1092	28B-014.06	Hòa Bình	3592	26C-156.06	Sơn La	6092	25C-055.08	Lai Châu	8592	24C-157.36	Lào Cai
1093	29B-645.33	Hà Nội	3593	26D-010.26	Sơn La	6093	25C-055.56	Lai Châu	8593	25A-077.59	Lai Châu
1094	29B-647.19	Hà Nội	3594	27A-112.08	Điện Biên	6094	26A-208.16	Sơn La	8594	25A-081.19	Lai Châu
1095	29B-648.22	Hà Nội	3595	27A-112.33	Điện Biên	6095	26A-214.59	Sơn La	8595	25B-004.53	Lai Châu
1096	29D-582.09	Hà Nội	3596	27A-115.06	Điện Biên	6096	26A-220.16	Sơn La	8596	25B-004.56	Lai Châu
1097	29D-586.22	Hà Nội	3597	27A-116.08	Điện Biên	6097	26A-221.59	Sơn La	8597	25C-056.33	Lai Châu
1098	29D-593.00	Hà Nội	3598	27A-117.44	Điện Biên	6098	26A-222.95	Sơn La	8598	26A-213.59	Sơn La
1099	29D-597.56	Hà Nội	3599	27C-066.16	Điện Biên	6099	26C-148.16	Sơn La	8599	26A-216.38	Sơn La
1100	29D-603.77	Hà Nội	3600	27C-069.56	Điện Biên	6100	26C-148.59	Sơn La	8600	26A-218.96	Sơn La
1101	29K-146.00	Hà Nội	3601	27C-070.29	Điện Biên	6101	26C-152.53	Sơn La	8601	26A-219.18	Sơn La
1102	29K-148.36	Hà Nội	3602	27D-003.04	Điện Biên	6102	26C-152.95	Sơn La	8602	26A-219.98	Sơn La
1103	29K-154.58	Hà Nội	3603	27D-003.29	Điện Biên	6103	26C-153.08	Sơn La	8603	26A-221.09	Sơn La
1104	29K-155.38	Hà Nội	3604	28A-235.09	Hòa Bình	6104	26C-153.26	Sơn La	8604	26A-223.08	Sơn La
1105	29K-156.55	Hà Nội	3605	28A-235.59	Hòa Bình	6105	26C-154.11	Sơn La	8605	26B-015.85	Sơn La
1106	29K-162.09	Hà Nội	3606	28A-237.38	Hòa Bình	6106	26D-010.22	Sơn La	8606	26C-147.58	Sơn La
1107	29K-165.08	Hà Nội	3607	28A-238.55	Hòa Bình	6107	27A-119.44	Điện Biên	8607	26C-150.58	Sơn La
1108	29K-165.18	Hà Nội	3608	28A-245.44	Hòa Bình	6108	27A-119.59	Điện Biên	8608	26C-151.56	Sơn La
1109	29K-165.19	Hà Nội	3609	28A-245.65	Hòa Bình	6109	27A-120.38	Điện Biên	8609	26C-151.85	Sơn La
1110	29K-168.08	Hà Nội	3610	28A-245.83	Hòa Bình	6110	27A-121.25	Điện Biên	8610	26C-152.28	Sơn La
1111	29K-172.11	Hà Nội	3611	28A-246.06	Hòa Bình	6111	27C-066.56	Điện Biên	8611	26C-153.85	Sơn La
1112	29K-178.16	Hà Nội	3612	28B-014.28	Hòa Bình	6112	28A-234.19	Hòa Bình	8612	26C-154.19	Sơn La
1113	29K-185.11	Hà Nội	3613	28C-110.59	Hòa Bình	6113	28A-236.06	Hòa Bình	8613	26C-155.19	Sơn La
1114	29K-187.44	Hà Nội	3614	28C-112.08	Hòa Bình	6114	28A-240.19	Hòa Bình	8614	27A-115.59	Điện Biên
1115	29K-192.58	Hà Nội	3615	28C-112.36	Hòa Bình	6115	28A-240.36	Hòa Bình	8615	27A-118.36	Điện Biên
1116	29K-195.22	Hà Nội	3616	28C-113.38	Hòa Bình	6116	28A-240.44	Hòa Bình	8616	27A-120.45	Điện Biên
1117	29K-198.06	Hà Nội	3617	28C-114.19	Hòa Bình	6117	28A-241.53	Hòa Bình	8617	27A-120.58	Điện Biên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1118	29K-201.08	Hà Nội	3618	28C-115.09	Hòa Bình	6118	28A-244.65	Hòa Bình	8618	27C-066.08	Điện Biên
1119	29K-202.38	Hà Nội	3619	28C-115.22	Hòa Bình	6119	28A-245.25	Hòa Bình	8619	27C-067.38	Điện Biên
1120	29K-204.25	Hà Nội	3620	28C-115.38	Hòa Bình	6120	28C-115.25	Hòa Bình	8620	27C-070.18	Điện Biên
1121	29K-206.65	Hà Nội	3621	29B-646.36	Hà Nội	6121	28C-115.33	Hòa Bình	8621	27D-003.28	Điện Biên
1122	29K-207.18	Hà Nội	3622	29B-647.56	Hà Nội	6122	28C-116.18	Hòa Bình	8622	28A-237.06	Hòa Bình
1123	29K-207.96	Hà Nội	3623	29B-648.38	Hà Nội	6123	28D-004.56	Hòa Bình	8623	28A-239.08	Hòa Bình
1124	29K-208.56	Hà Nội	3624	29D-581.33	Hà Nội	6124	29B-647.38	Hà Nội	8624	28A-240.92	Hòa Bình
1125	29K-209.19	Hà Nội	3625	29D-583.00	Hà Nội	6125	29D-583.11	Hà Nội	8625	28A-241.01	Hòa Bình
1126	29K-209.22	Hà Nội	3626	29D-584.18	Hà Nội	6126	29D-587.55	Hà Nội	8626	28A-243.19	Hòa Bình
1127	29K-209.85	Hà Nội	3627	29D-591.77	Hà Nội	6127	29D-589.56	Hà Nội	8627	28A-244.59	Hòa Bình
1128	29K-212.15	Hà Nội	3628	29D-592.38	Hà Nội	6128	29D-592.33	Hà Nội	8628	28C-109.16	Hòa Bình
1129	29K-218.08	Hà Nội	3629	29D-594.18	Hà Nội	6129	29D-595.44	Hà Nội	8629	28C-109.56	Hòa Bình
1130	29K-218.38	Hà Nội	3630	29D-595.08	Hà Nội	6130	29D-596.44	Hà Nội	8630	28C-115.29	Hòa Bình
1131	29K-218.95	Hà Nội	3631	29D-595.77	Hà Nội	6131	29D-597.09	Hà Nội	8631	28C-116.22	Hòa Bình
1132	29K-219.36	Hà Nội	3632	29D-598.18	Hà Nội	6132	29D-602.33	Hà Nội	8632	29B-647.06	Hà Nội
1133	30L-181.16	Hà Nội	3633	29D-601.08	Hà Nội	6133	29D-603.19	Hà Nội	8633	29B-648.58	Hà Nội
1134	30L-189.77	Hà Nội	3634	29D-602.16	Hà Nội	6134	29K-148.55	Hà Nội	8634	29D-578.38	Hà Nội
1135	30L-192.58	Hà Nội	3635	29K-147.19	Hà Nội	6135	29K-151.36	Hà Nội	8635	29D-584.55	Hà Nội
1136	30L-194.08	Hà Nội	3636	29K-149.16	Hà Nội	6136	29K-152.59	Hà Nội	8636	29D-589.16	Hà Nội
1137	30L-200.08	Hà Nội	3637	29K-155.59	Hà Nội	6137	29K-155.09	Hà Nội	8637	29D-590.18	Hà Nội
1138	30L-201.58	Hà Nội	3638	29K-157.22	Hà Nội	6138	29K-158.22	Hà Nội	8638	29D-593.09	Hà Nội
1139	30L-208.59	Hà Nội	3639	29K-160.58	Hà Nội	6139	29K-158.59	Hà Nội	8639	29D-593.44	Hà Nội
1140	30L-209.22	Hà Nội	3640	29K-161.56	Hà Nội	6140	29K-160.36	Hà Nội	8640	29D-593.77	Hà Nội
1141	30L-213.11	Hà Nội	3641	29K-163.77	Hà Nội	6141	29K-163.44	Hà Nội	8641	29D-595.00	Hà Nội
1142	30L-215.11	Hà Nội	3642	29K-166.08	Hà Nội	6142	29K-167.11	Hà Nội	8642	29D-597.58	Hà Nội
1143	30L-218.00	Hà Nội	3643	29K-171.56	Hà Nội	6143	29K-167.44	Hà Nội	8643	29D-599.36	Hà Nội
1144	30L-219.56	Hà Nội	3644	29K-173.58	Hà Nội	6144	29K-167.56	Hà Nội	8644	29K-150.22	Hà Nội
1145	30L-236.09	Hà Nội	3645	29K-179.59	Hà Nội	6145	29K-169.77	Hà Nội	8645	29K-150.55	Hà Nội
1146	30L-236.33	Hà Nội	3646	29K-186.08	Hà Nội	6146	29K-176.19	Hà Nội	8646	29K-153.38	Hà Nội
1147	30L-239.06	Hà Nội	3647	29K-191.33	Hà Nội	6147	29K-176.56	Hà Nội	8647	29K-158.56	Hà Nội
1148	30L-240.56	Hà Nội	3648	29K-198.59	Hà Nội	6148	29K-181.06	Hà Nội	8648	29K-165.33	Hà Nội
1149	30L-244.58	Hà Nội	3649	29K-199.36	Hà Nội	6149	29K-181.38	Hà Nội	8649	29K-165.58	Hà Nội
1150	30L-248.58	Hà Nội	3650	29K-201.83	Hà Nội	6150	29K-191.06	Hà Nội	8650	29K-168.36	Hà Nội
1151	30L-249.55	Hà Nội	3651	29K-202.36	Hà Nội	6151	29K-191.08	Hà Nội	8651	29K-170.08	Hà Nội
1152	30L-249.56	Hà Nội	3652	29K-203.36	Hà Nội	6152	29K-195.00	Hà Nội	8652	29K-174.22	Hà Nội
1153	30L-251.00	Hà Nội	3653	29K-205.00	Hà Nội	6153	29K-198.08	Hà Nội	8653	29K-175.08	Hà Nội
1154	30L-252.19	Hà Nội	3654	29K-205.44	Hà Nội	6154	29K-202.44	Hà Nội	8654	29K-192.09	Hà Nội
1155	30L-252.38	Hà Nội	3655	29K-206.07	Hà Nội	6155	29K-204.38	Hà Nội	8655	29K-196.55	Hà Nội
1156	30L-254.33	Hà Nội	3656	29K-206.38	Hà Nội	6156	29K-204.65	Hà Nội	8656	29K-197.58	Hà Nội
1157	30L-257.18	Hà Nội	3657	29K-206.55	Hà Nội	6157	29K-205.83	Hà Nội	8657	29K-202.59	Hà Nội
1158	30L-259.33	Hà Nội	3658	29K-208.58	Hà Nội	6158	29K-206.25	Hà Nội	8658	29K-204.00	Hà Nội
1159	30L-265.09	Hà Nội	3659	29K-209.29	Hà Nội	6159	29K-208.44	Hà Nội	8659	29K-204.18	Hà Nội
1160	30L-273.44	Hà Nội	3660	29K-210.18	Hà Nội	6160	29K-209.11	Hà Nội	8660	29K-205.33	Hà Nội
1161	30L-275.44	Hà Nội	3661	29K-210.28	Hà Nội	6161	29K-210.08	Hà Nội	8661	29K-205.65	Hà Nội
1162	30L-280.09	Hà Nội	3662	29K-211.18	Hà Nội	6162	29K-211.96	Hà Nội	8662	29K-206.35	Hà Nội
1163	30L-281.09	Hà Nội	3663	29K-213.96	Hà Nội	6163	29K-216.38	Hà Nội	8663	29K-207.19	Hà Nội
1164	30L-283.08	Hà Nội	3664	29K-216.98	Hà Nội	6164	29K-218.25	Hà Nội	8664	29K-207.25	Hà Nội
1165	30L-285.26	Hà Nội	3665	29K-218.09	Hà Nội	6165	30L-178.16	Hà Nội	8665	29K-209.56	Hà Nội
1166	30L-291.36	Hà Nội	3666	29K-219.22	Hà Nội	6166	30L-180.58	Hà Nội	8666	29K-210.11	Hà Nội
1167	30L-291.58	Hà Nội	3667	29K-219.77	Hà Nội	6167	30L-181.38	Hà Nội	8667	29K-210.15	Hà Nội
1168	30L-293.09	Hà Nội	3668	30L-178.06	Hà Nội	6168	30L-190.11	Hà Nội	8668	29K-210.33	Hà Nội
1169	30L-302.06	Hà Nội	3669	30L-178.11	Hà Nội	6169	30L-199.56	Hà Nội	8669	29K-210.35	Hà Nội
1170	30L-302.18	Hà Nội	3670	30L-178.19	Hà Nội	6170	30L-201.22	Hà Nội	8670	29K-212.29	Hà Nội
1171	30L-309.55	Hà Nội	3671	30L-179.77	Hà Nội	6171	30L-201.36	Hà Nội	8671	29K-212.98	Hà Nội
1172	30L-317.58	Hà Nội	3672	30L-190.36	Hà Nội	6172	30L-204.08	Hà Nội	8672	29K-215.00	Hà Nội
1173	30L-320.22	Hà Nội	3673	30L-203.77	Hà Nội	6173	30L-215.44	Hà Nội	8673	29K-215.18	Hà Nội
1174	30L-322.08	Hà Nội	3674	30L-208.22	Hà Nội	6174	30L-216.08	Hà Nội	8674	29K-215.38	Hà Nội
1175	30L-324.19	Hà Nội	3675	30L-210.18	Hà Nội	6175	30L-219.58	Hà Nội	8675	29K-216.55	Hà Nội
1176	30L-335.77	Hà Nội	3676	30L-211.08	Hà Nội	6176	30L-220.06	Hà Nội	8676	29K-217.25	Hà Nội
1177	30L-336.18	Hà Nội	3677	30L-219.38	Hà Nội	6177	30L-220.11	Hà Nội	8677	29K-218.26	Hà Nội
1178	30L-346.77	Hà Nội	3678	30L-225.08	Hà Nội	6178	30L-221.33	Hà Nội	8678	29K-219.06	Hà Nội
1179	30L-347.59	Hà Nội	3679	30L-226.18	Hà Nội	6179	30L-229.58	Hà Nội	8679	29K-220.08	Hà Nội
1180	30L-348.18	Hà Nội	3680	30L-230.33	Hà Nội	6180	30L-231.33	Hà Nội	8680	30L-176.22	Hà Nội
1181	30L-349.16	Hà Nội	3681	30L-232.16	Hà Nội	6181	30L-235.00	Hà Nội	8681	30L-187.00	Hà Nội
1182	30L-354.26	Hà Nội	3682	30L-233.16	Hà Nội	6182	30L-237.18	Hà Nội	8682	30L-191.36	Hà Nội
1183	30L-366.08	Hà Nội	3683	30L-234.06	Hà Nội	6183	30L-237.38	Hà Nội	8683	30L-195.16	Hà Nội
1184	30L-375.26	Hà Nội	3684	30L-238.06	Hà Nội	6184	30L-242.06	Hà Nội	8684	30L-196.16	Hà Nội
1185	30L-378.22	Hà Nội	3685	30L-242.16	Hà Nội	6185	30L-243.56	Hà Nội	8685	30L-198.09	Hà Nội
1186	30L-380.44	Hà Nội	3686	30L-245.09	Hà Nội	6186	30L-249.33	Hà Nội	8686	30L-202.44	Hà Nội
1187	30L-381.58	Hà Nội	3687	30L-245.77	Hà Nội	6187	30L-250.11	Hà Nội	8687	30L-207.58	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1188	30L-385.29	Hà Nội	3688	30L-247.08	Hà Nội	6188	30L-253.11	Hà Nội	8688	30L-209.18	Hà Nội
1189	30L-391.25	Hà Nội	3689	30L-247.38	Hà Nội	6189	30L-253.18	Hà Nội	8689	30L-215.16	Hà Nội
1190	30L-395.85	Hà Nội	3690	30L-257.38	Hà Nội	6190	30L-254.09	Hà Nội	8690	30L-219.00	Hà Nội
1191	30L-400.98	Hà Nội	3691	30L-259.22	Hà Nội	6191	30L-254.55	Hà Nội	8691	30L-221.55	Hà Nội
1192	30L-405.35	Hà Nội	3692	30L-265.19	Hà Nội	6192	30L-259.08	Hà Nội	8692	30L-223.08	Hà Nội
1193	30L-407.11	Hà Nội	3693	30L-272.44	Hà Nội	6193	30L-261.06	Hà Nội	8693	30L-230.59	Hà Nội
1194	30L-411.25	Hà Nội	3694	30L-278.36	Hà Nội	6194	30L-269.56	Hà Nội	8694	30L-236.59	Hà Nội
1195	30L-414.33	Hà Nội	3695	30L-280.33	Hà Nội	6195	30L-269.77	Hà Nội	8695	30L-242.55	Hà Nội
1196	30L-415.00	Hà Nội	3696	30L-282.36	Hà Nội	6196	30L-275.16	Hà Nội	8696	30L-243.59	Hà Nội
1197	30L-417.06	Hà Nội	3697	30L-287.16	Hà Nội	6197	30L-279.38	Hà Nội	8697	30L-249.38	Hà Nội
1198	30L-417.55	Hà Nội	3698	30L-289.85	Hà Nội	6198	30L-283.16	Hà Nội	8698	30L-250.09	Hà Nội
1199	30L-421.58	Hà Nội	3699	30L-291.55	Hà Nội	6199	30L-286.19	Hà Nội	8699	30L-251.22	Hà Nội
1200	30L-422.09	Hà Nội	3700	30L-293.16	Hà Nội	6200	30L-287.22	Hà Nội	8700	30L-257.19	Hà Nội
1201	30L-426.83	Hà Nội	3701	30L-294.38	Hà Nội	6201	30L-288.08	Hà Nội	8701	30L-257.22	Hà Nội
1202	30L-428.26	Hà Nội	3702	30L-302.08	Hà Nội	6202	30L-288.59	Hà Nội	8702	30L-267.11	Hà Nội
1203	30L-431.19	Hà Nội	3703	30L-304.09	Hà Nội	6203	30L-296.11	Hà Nội	8703	30L-268.19	Hà Nội
1204	30L-432.58	Hà Nội	3704	30L-310.58	Hà Nội	6204	30L-302.38	Hà Nội	8704	30L-268.44	Hà Nội
1205	30L-435.25	Hà Nội	3705	30L-313.77	Hà Nội	6205	30L-303.06	Hà Nội	8705	30L-269.11	Hà Nội
1206	30L-435.29	Hà Nội	3706	30L-315.77	Hà Nội	6206	30L-310.56	Hà Nội	8706	30L-271.16	Hà Nội
1207	30L-439.18	Hà Nội	3707	30L-316.58	Hà Nội	6207	30L-316.00	Hà Nội	8707	30L-276.19	Hà Nội
1208	30L-440.36	Hà Nội	3708	30L-319.06	Hà Nội	6208	30L-320.09	Hà Nội	8708	30L-277.09	Hà Nội
1209	30L-441.29	Hà Nội	3709	30L-320.18	Hà Nội	6209	30L-329.85	Hà Nội	8709	30L-281.77	Hà Nội
1210	30L-442.59	Hà Nội	3710	30L-320.56	Hà Nội	6210	30L-331.19	Hà Nội	8710	30L-287.06	Hà Nội
1211	30L-445.56	Hà Nội	3711	30L-322.56	Hà Nội	6211	30L-336.22	Hà Nội	8711	30L-295.06	Hà Nội
1212	30L-445.95	Hà Nội	3712	30L-324.11	Hà Nội	6212	30L-337.00	Hà Nội	8712	30L-295.85	Hà Nội
1213	30L-447.65	Hà Nội	3713	30L-325.59	Hà Nội	6213	30L-337.36	Hà Nội	8713	30L-302.59	Hà Nội
1214	30L-451.35	Hà Nội	3714	30L-334.06	Hà Nội	6214	30L-342.18	Hà Nội	8714	30L-303.09	Hà Nội
1215	30L-453.06	Hà Nội	3715	30L-334.36	Hà Nội	6215	30L-343.77	Hà Nội	8715	30L-305.08	Hà Nội
1216	30L-454.30	Hà Nội	3716	30L-344.09	Hà Nội	6216	30L-351.19	Hà Nội	8716	30L-307.19	Hà Nội
1217	30L-454.60	Hà Nội	3717	30L-345.06	Hà Nội	6217	30L-354.59	Hà Nội	8717	30L-308.59	Hà Nội
1218	30L-454.77	Hà Nội	3718	30L-353.55	Hà Nội	6218	30L-357.00	Hà Nội	8718	30L-309.26	Hà Nội
1219	30L-455.74	Hà Nội	3719	30L-356.11	Hà Nội	6219	30L-358.22	Hà Nội	8719	30L-312.36	Hà Nội
1220	30L-456.12	Hà Nội	3720	30L-359.09	Hà Nội	6220	30L-361.09	Hà Nội	8720	30L-317.85	Hà Nội
1221	30L-458.28	Hà Nội	3721	30L-363.58	Hà Nội	6221	30L-361.18	Hà Nội	8721	30L-326.44	Hà Nội
1222	30L-458.63	Hà Nội	3722	30L-365.00	Hà Nội	6222	30L-364.22	Hà Nội	8722	30L-327.19	Hà Nội
1223	30L-462.25	Hà Nội	3723	30L-372.36	Hà Nội	6223	30L-365.85	Hà Nội	8723	30L-328.19	Hà Nội
1224	30L-462.52	Hà Nội	3724	30L-372.58	Hà Nội	6224	30L-367.38	Hà Nội	8724	30L-331.16	Hà Nội
1225	30L-464.59	Hà Nội	3725	30L-379.26	Hà Nội	6225	30L-378.33	Hà Nội	8725	30L-331.44	Hà Nội
1226	30L-467.01	Hà Nội	3726	30L-386.36	Hà Nội	6226	30L-382.16	Hà Nội	8726	30L-332.85	Hà Nội
1227	30L-467.20	Hà Nội	3727	30L-387.22	Hà Nội	6227	30L-383.19	Hà Nội	8727	30L-341.16	Hà Nội
1228	30L-468.06	Hà Nội	3728	30L-392.38	Hà Nội	6228	30L-383.59	Hà Nội	8728	30L-345.36	Hà Nội
1229	30L-474.00	Hà Nội	3729	30L-396.83	Hà Nội	6229	30L-385.22	Hà Nội	8729	30L-350.85	Hà Nội
1230	30L-477.35	Hà Nội	3730	30L-400.59	Hà Nội	6230	30L-385.98	Hà Nội	8730	30L-353.58	Hà Nội
1231	30L-479.16	Hà Nội	3731	30L-400.65	Hà Nội	6231	30L-389.25	Hà Nội	8731	30L-354.09	Hà Nội
1232	30L-479.38	Hà Nội	3732	30L-402.00	Hà Nội	6232	30L-390.36	Hà Nội	8732	30L-355.09	Hà Nội
1233	30L-481.33	Hà Nội	3733	30L-402.35	Hà Nội	6233	30L-395.16	Hà Nội	8733	30L-359.26	Hà Nội
1234	30L-484.38	Hà Nội	3734	30L-409.00	Hà Nội	6234	30L-400.38	Hà Nội	8734	30L-361.33	Hà Nội
1235	30L-487.29	Hà Nội	3735	30L-409.16	Hà Nội	6235	30L-401.98	Hà Nội	8735	30L-367.16	Hà Nội
1236	30L-491.18	Hà Nội	3736	30L-410.83	Hà Nội	6236	30L-403.36	Hà Nội	8736	30L-368.09	Hà Nội
1237	30L-492.26	Hà Nội	3737	30L-411.28	Hà Nội	6237	30L-407.33	Hà Nội	8737	30L-368.11	Hà Nội
1238	30L-492.85	Hà Nội	3738	30L-412.59	Hà Nội	6238	30L-407.59	Hà Nội	8738	30L-368.19	Hà Nội
1239	30L-496.33	Hà Nội	3739	30L-413.55	Hà Nội	6239	30L-408.55	Hà Nội	8739	30L-371.19	Hà Nội
1240	30L-497.65	Hà Nội	3740	30L-415.11	Hà Nội	6240	30L-409.11	Hà Nội	8740	30L-379.19	Hà Nội
1241	30L-500.83	Hà Nội	3741	30L-417.15	Hà Nội	6241	30L-413.09	Hà Nội	8741	30L-380.59	Hà Nội
1242	30L-500.98	Hà Nội	3742	30L-417.85	Hà Nội	6242	30L-414.16	Hà Nội	8742	30L-384.65	Hà Nội
1243	30L-501.85	Hà Nội	3743	30L-419.98	Hà Nội	6243	30L-417.00	Hà Nội	8743	30L-387.98	Hà Nội
1244	30L-502.06	Hà Nội	3744	30L-421.77	Hà Nội	6244	30L-420.98	Hà Nội	8744	30L-391.85	Hà Nội
1245	30L-502.09	Hà Nội	3745	30L-422.36	Hà Nội	6245	30L-423.83	Hà Nội	8745	30L-393.65	Hà Nội
1246	30L-502.77	Hà Nội	3746	30L-423.38	Hà Nội	6246	30L-425.58	Hà Nội	8746	30L-394.38	Hà Nội
1247	30L-503.00	Hà Nội	3747	30L-431.38	Hà Nội	6247	30L-428.65	Hà Nội	8747	30L-395.26	Hà Nội
1248	30L-504.00	Hà Nội	3748	30L-431.85	Hà Nội	6248	30L-433.08	Hà Nội	8748	30L-398.95	Hà Nội
1249	30L-504.11	Hà Nội	3749	30L-433.09	Hà Nội	6249	30L-433.18	Hà Nội	8749	30L-402.96	Hà Nội
1250	30L-504.36	Hà Nội	3750	30L-433.38	Hà Nội	6250	30L-436.06	Hà Nội	8750	30L-403.00	Hà Nội
1251	30L-504.38	Hà Nội	3751	30L-435.98	Hà Nội	6251	30L-440.06	Hà Nội	8751	30L-408.09	Hà Nội
1252	30L-504.77	Hà Nội	3752	30L-436.98	Hà Nội	6252	30L-441.65	Hà Nội	8752	30L-408.35	Hà Nội
1253	30L-506.26	Hà Nội	3753	30L-439.44	Hà Nội	6253	30L-442.38	Hà Nội	8753	30L-409.98	Hà Nội
1254	30L-506.98	Hà Nội	3754	30L-439.83	Hà Nội	6254	30L-445.77	Hà Nội	8754	30L-411.09	Hà Nội
1255	30L-508.29	Hà Nội	3755	30L-440.11	Hà Nội	6255	30L-447.25	Hà Nội	8755	30L-415.16	Hà Nội
1256	30L-511.59	Hà Nội	3756	30L-440.26	Hà Nội	6256	30L-448.00	Hà Nội	8756	30L-415.95	Hà Nội
1257	30L-512.35	Hà Nội	3757	30L-443.19	Hà Nội	6257	30L-448.56	Hà Nội	8757	30L-416.56	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1258	30L-512.36	Hà Nội	3758	30L-448.35	Hà Nội	6258	30L-449.95	Hà Nội	8758	30L-416.77	Hà Nội
1259	30L-514.26	Hà Nội	3759	30L-449.08	Hà Nội	6259	30L-453.01	Hà Nội	8759	30L-416.85	Hà Nội
1260	30L-514.98	Hà Nội	3760	30L-453.28	Hà Nội	6260	30L-453.03	Hà Nội	8760	30L-417.28	Hà Nội
1261	30L-515.98	Hà Nội	3761	30L-453.64	Hà Nội	6261	30L-453.08	Hà Nội	8761	30L-419.00	Hà Nội
1262	30L-517.85	Hà Nội	3762	30L-453.65	Hà Nội	6262	30L-453.43	Hà Nội	8762	30L-419.18	Hà Nội
1263	30L-518.16	Hà Nội	3763	30L-454.06	Hà Nội	6263	30L-454.55	Hà Nội	8763	30L-420.85	Hà Nội
1264	30L-518.33	Hà Nội	3764	30L-454.91	Hà Nội	6264	30L-455.67	Hà Nội	8764	30L-426.19	Hà Nội
1265	30L-519.18	Hà Nội	3765	30L-454.96	Hà Nội	6265	30L-456.64	Hà Nội	8765	30L-427.15	Hà Nội
1266	30L-523.19	Hà Nội	3766	30L-455.90	Hà Nội	6266	30L-457.27	Hà Nội	8766	30L-428.33	Hà Nội
1267	30L-523.77	Hà Nội	3767	30L-457.47	Hà Nội	6267	30L-458.32	Hà Nội	8767	30L-430.26	Hà Nội
1268	30L-525.00	Hà Nội	3768	30L-457.85	Hà Nội	6268	30L-458.47	Hà Nội	8768	30L-432.00	Hà Nội
1269	30L-526.58	Hà Nội	3769	30L-457.98	Hà Nội	6269	30L-459.83	Hà Nội	8769	30L-437.00	Hà Nội
1270	30L-527.28	Hà Nội	3770	30L-458.22	Hà Nội	6270	30L-460.19	Hà Nội	8770	30L-441.00	Hà Nội
1271	30L-528.08	Hà Nội	3771	30L-458.38	Hà Nội	6271	30L-460.26	Hà Nội	8771	30L-441.25	Hà Nội
1272	30L-530.44	Hà Nội	3772	30L-459.20	Hà Nội	6272	30L-460.52	Hà Nội	8772	30L-443.08	Hà Nội
1273	30L-531.59	Hà Nội	3773	30L-462.44	Hà Nội	6273	30L-460.91	Hà Nội	8773	30L-443.16	Hà Nội
1274	30L-531.83	Hà Nội	3774	30L-463.87	Hà Nội	6274	30L-464.03	Hà Nội	8774	30L-445.65	Hà Nội
1275	30L-532.36	Hà Nội	3775	30L-464.00	Hà Nội	6275	30L-464.32	Hà Nội	8775	30L-448.85	Hà Nội
1276	30L-532.59	Hà Nội	3776	30L-465.15	Hà Nội	6276	30L-465.26	Hà Nội	8776	30L-450.95	Hà Nội
1277	30L-535.28	Hà Nội	3777	30L-467.62	Hà Nội	6277	30L-465.82	Hà Nội	8777	30L-452.78	Hà Nội
1278	30L-536.26	Hà Nội	3778	30L-469.28	Hà Nội	6278	30L-466.71	Hà Nội	8778	30L-454.09	Hà Nội
1279	30L-536.65	Hà Nội	3779	30L-473.00	Hà Nội	6279	30L-466.95	Hà Nội	8779	30L-455.40	Hà Nội
1280	30L-537.26	Hà Nội	3780	30L-475.00	Hà Nội	6280	30L-467.30	Hà Nội	8780	30L-456.31	Hà Nội
1281	30L-538.56	Hà Nội	3781	30L-483.11	Hà Nội	6281	30L-470.38	Hà Nội	8781	30L-456.38	Hà Nội
1282	30L-539.58	Hà Nội	3782	30L-486.18	Hà Nội	6282	30L-474.75	Hà Nội	8782	30L-456.40	Hà Nội
1283	30L-543.55	Hà Nội	3783	30L-489.08	Hà Nội	6283	30L-474.98	Hà Nội	8783	30L-456.75	Hà Nội
1284	30L-543.58	Hà Nội	3784	30L-489.59	Hà Nội	6284	30L-476.00	Hà Nội	8784	30L-456.82	Hà Nội
1285	30L-543.95	Hà Nội	3785	30L-490.11	Hà Nội	6285	30L-477.56	Hà Nội	8785	30L-457.33	Hà Nội
1286	30L-544.16	Hà Nội	3786	30L-490.29	Hà Nội	6286	30L-477.65	Hà Nội	8786	30L-457.51	Hà Nội
1287	30L-544.36	Hà Nội	3787	30L-491.00	Hà Nội	6287	30L-481.59	Hà Nội	8787	30L-458.36	Hà Nội
1288	30L-545.18	Hà Nội	3788	30L-491.28	Hà Nội	6288	30L-482.09	Hà Nội	8788	30L-458.96	Hà Nội
1289	30L-546.16	Hà Nội	3789	30L-491.98	Hà Nội	6289	30L-483.65	Hà Nội	8789	30L-459.02	Hà Nội
1290	30L-546.58	Hà Nội	3790	30L-492.15	Hà Nội	6290	30L-487.26	Hà Nội	8790	30L-461.48	Hà Nội
1291	30L-547.18	Hà Nội	3791	30L-492.98	Hà Nội	6291	30L-487.35	Hà Nội	8791	30L-462.73	Hà Nội
1292	34A-816.19	Hải Dương	3792	30L-493.19	Hà Nội	6292	30L-487.65	Hà Nội	8792	30L-464.41	Hà Nội
1293	34A-817.22	Hải Dương	3793	30L-494.83	Hà Nội	6293	30L-488.36	Hà Nội	8793	30L-464.73	Hà Nội
1294	34A-817.58	Hải Dương	3794	30L-496.16	Hà Nội	6294	30L-488.85	Hà Nội	8794	30L-465.54	Hà Nội
1295	34A-819.44	Hải Dương	3795	30L-496.18	Hà Nội	6295	30L-491.65	Hà Nội	8795	30L-466.70	Hà Nội
1296	34A-823.00	Hải Dương	3796	30L-498.95	Hà Nội	6296	30L-492.00	Hà Nội	8796	30L-467.26	Hà Nội
1297	34A-825.19	Hải Dương	3797	30L-499.16	Hà Nội	6297	30L-492.58	Hà Nội	8797	30L-467.29	Hà Nội
1298	34A-825.29	Hải Dương	3798	30L-499.36	Hà Nội	6298	30L-493.35	Hà Nội	8798	30L-471.38	Hà Nội
1299	34A-825.38	Hải Dương	3799	30L-500.36	Hà Nội	6299	30L-493.96	Hà Nội	8799	30L-478.83	Hà Nội
1300	34A-826.29	Hải Dương	3800	30L-502.19	Hà Nội	6300	30L-494.25	Hà Nội	8800	30L-480.59	Hà Nội
1301	34A-827.09	Hải Dương	3801	30L-502.25	Hà Nội	6301	30L-494.85	Hà Nội	8801	30L-480.95	Hà Nội
1302	34A-827.56	Hải Dương	3802	30L-506.15	Hà Nội	6302	30L-495.65	Hà Nội	8802	30L-485.28	Hà Nội
1303	34A-827.95	Hải Dương	3803	30L-506.65	Hà Nội	6303	30L-496.59	Hà Nội	8803	30L-485.98	Hà Nội
1304	34A-828.56	Hải Dương	3804	30L-507.15	Hà Nội	6304	30L-496.83	Hà Nội	8804	30L-486.56	Hà Nội
1305	34A-831.16	Hải Dương	3805	30L-508.19	Hà Nội	6305	30L-500.16	Hà Nội	8805	30L-487.36	Hà Nội
1306	34A-831.58	Hải Dương	3806	30L-509.33	Hà Nội	6306	30L-501.02	Hà Nội	8806	30L-487.44	Hà Nội
1307	34A-832.56	Hải Dương	3807	30L-512.56	Hà Nội	6307	30L-501.15	Hà Nội	8807	30L-488.16	Hà Nội
1308	34A-834.00	Hải Dương	3808	30L-512.58	Hà Nội	6308	30L-501.18	Hà Nội	8808	30L-488.26	Hà Nội
1309	34A-834.65	Hải Dương	3809	30L-513.65	Hà Nội	6309	30L-504.96	Hà Nội	8809	30L-488.95	Hà Nội
1310	34A-834.96	Hải Dương	3810	30L-514.08	Hà Nội	6310	30L-505.19	Hà Nội	8810	30L-490.16	Hà Nội
1311	34A-835.09	Hải Dương	3811	30L-515.33	Hà Nội	6311	30L-505.29	Hà Nội	8811	30L-491.16	Hà Nội
1312	34A-836.77	Hải Dương	3812	30L-516.35	Hà Nội	6312	30L-505.77	Hà Nội	8812	30L-492.09	Hà Nội
1313	34A-837.06	Hải Dương	3813	30L-517.06	Hà Nội	6313	30L-507.09	Hà Nội	8813	30L-493.16	Hà Nội
1314	34A-837.65	Hải Dương	3814	30L-517.19	Hà Nội	6314	30L-507.29	Hà Nội	8814	30L-494.09	Hà Nội
1315	34A-838.25	Hải Dương	3815	30L-520.15	Hà Nội	6315	30L-508.09	Hà Nội	8815	30L-494.35	Hà Nội
1316	34A-842.16	Hải Dương	3816	30L-521.09	Hà Nội	6316	30L-508.96	Hà Nội	8816	30L-495.06	Hà Nội
1317	34A-842.25	Hải Dương	3817	30L-521.18	Hà Nội	6317	30L-510.28	Hà Nội	8817	30L-497.98	Hà Nội
1318	34A-844.36	Hải Dương	3818	30L-521.55	Hà Nội	6318	30L-512.00	Hà Nội	8818	30L-499.58	Hà Nội
1319	34A-847.11	Hải Dương	3819	30L-521.95	Hà Nội	6319	30L-512.95	Hà Nội	8819	30L-502.08	Hà Nội
1320	34A-847.56	Hải Dương	3820	30L-521.96	Hà Nội	6320	30L-513.95	Hà Nội	8820	30L-502.55	Hà Nội
1321	34A-848.16	Hải Dương	3821	30L-522.23	Hà Nội	6321	30L-514.16	Hà Nội	8821	30L-502.59	Hà Nội
1322	34A-850.18	Hải Dương	3822	30L-523.38	Hà Nội	6322	30L-514.19	Hà Nội	8822	30L-502.95	Hà Nội
1323	34A-850.19	Hải Dương	3823	30L-525.35	Hà Nội	6323	30L-514.28	Hà Nội	8823	30L-503.29	Hà Nội
1324	34A-851.09	Hải Dương	3824	30L-528.00	Hà Nội	6324	30L-514.55	Hà Nội	8824	30L-503.38	Hà Nội
1325	34A-854.56	Hải Dương	3825	30L-529.06	Hà Nội	6325	30L-515.44	Hà Nội	8825	30L-503.56	Hà Nội
1326	34A-855.08	Hải Dương	3826	30L-530.83	Hà Nội	6326	30L-515.59	Hà Nội	8826	30L-505.28	Hà Nội
1327	34C-401.77	Hải Dương	3827	30L-530.98	Hà Nội	6327	30L-516.09	Hà Nội	8827	30L-506.11	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1328	34C-403.22	Hải Dương	3828	30L-531.16	Hà Nội	6328	30L-516.26	Hà Nội	8828	30L-506.19	Hà Nội
1329	34C-403.25	Hải Dương	3829	30L-533.56	Hà Nội	6329	30L-518.98	Hà Nội	8829	30L-506.35	Hà Nội
1330	34C-403.26	Hải Dương	3830	30L-534.16	Hà Nội	6330	30L-519.58	Hà Nội	8830	30L-507.35	Hà Nội
1331	34C-404.29	Hải Dương	3831	30L-534.83	Hà Nội	6331	30L-520.21	Hà Nội	8831	30L-508.00	Hà Nội
1332	34C-405.44	Hải Dương	3832	30L-535.15	Hà Nội	6332	30L-521.00	Hà Nội	8832	30L-508.77	Hà Nội
1333	34C-405.56	Hải Dương	3833	30L-535.85	Hà Nội	6333	30L-521.65	Hà Nội	8833	30L-509.11	Hà Nội
1334	34C-405.98	Hải Dương	3834	30L-537.38	Hà Nội	6334	30L-524.08	Hà Nội	8834	30L-512.09	Hà Nội
1335	34C-406.09	Hải Dương	3835	30L-539.33	Hà Nội	6335	30L-524.11	Hà Nội	8835	30L-514.00	Hà Nội
1336	34C-406.19	Hải Dương	3836	30L-539.65	Hà Nội	6336	30L-527.19	Hà Nội	8836	30L-515.22	Hà Nội
1337	34C-406.22	Hải Dương	3837	30L-543.59	Hà Nội	6337	30L-528.98	Hà Nội	8837	30L-516.17	Hà Nội
1338	34C-406.98	Hải Dương	3838	30L-543.85	Hà Nội	6338	30L-530.22	Hà Nội	8838	30L-518.77	Hà Nội
1339	34C-407.08	Hải Dương	3839	30L-544.25	Hà Nội	6339	30L-530.56	Hà Nội	8839	30L-519.28	Hà Nội
1340	34C-408.15	Hải Dương	3840	30L-546.15	Hà Nội	6340	30L-530.59	Hà Nội	8840	30L-523.26	Hà Nội
1341	34C-409.06	Hải Dương	3841	30L-547.00	Hà Nội	6341	30L-532.25	Hà Nội	8841	30L-523.83	Hà Nội
1342	34D-034.38	Hải Dương	3842	30L-547.15	Hà Nội	6342	30L-533.98	Hà Nội	8842	30L-524.35	Hà Nội
1343	35A-415.00	Ninh Bình	3843	34A-805.33	Hải Dương	6343	30L-534.85	Hà Nội	8843	30L-528.09	Hà Nội
1344	35A-415.06	Ninh Bình	3844	34A-808.22	Hải Dương	6344	30L-535.56	Hà Nội	8844	30L-528.11	Hà Nội
1345	35A-423.58	Ninh Bình	3845	34A-811.59	Hải Dương	6345	30L-536.59	Hà Nội	8845	30L-529.44	Hà Nội
1346	35A-426.36	Ninh Bình	3846	34A-813.44	Hải Dương	6346	30L-537.19	Hà Nội	8846	30L-531.15	Hà Nội
1347	35A-430.85	Ninh Bình	3847	34A-813.59	Hải Dương	6347	30L-537.56	Hà Nội	8847	30L-531.44	Hà Nội
1348	35A-435.11	Ninh Bình	3848	34A-817.26	Hải Dương	6348	30L-538.22	Hà Nội	8848	30L-531.95	Hà Nội
1349	35A-435.29	Ninh Bình	3849	34A-821.59	Hải Dương	6349	30L-538.85	Hà Nội	8849	30L-531.98	Hà Nội
1350	35A-435.98	Ninh Bình	3850	34A-822.26	Hải Dương	6350	30L-539.59	Hà Nội	8850	30L-534.59	Hà Nội
1351	35A-440.96	Ninh Bình	3851	34A-825.22	Hải Dương	6351	30L-540.25	Hà Nội	8851	30L-535.65	Hà Nội
1352	35A-442.19	Ninh Bình	3852	34A-825.33	Hải Dương	6352	30L-540.28	Hà Nội	8852	30L-537.33	Hà Nội
1353	35A-442.38	Ninh Bình	3853	34A-825.77	Hải Dương	6353	30L-541.29	Hà Nội	8853	30L-540.95	Hà Nội
1354	35A-443.35	Ninh Bình	3854	34A-826.09	Hải Dương	6354	30L-541.44	Hà Nội	8854	30L-545.19	Hà Nội
1355	35A-362.86	Ninh Bình	3855	34A-826.11	Hải Dương	6355	30L-542.44	Hà Nội	8855	30L-546.08	Hà Nội
1356	35C-163.77	Ninh Bình	3856	34A-826.58	Hải Dương	6356	30L-543.15	Hà Nội	8856	30L-546.11	Hà Nội
1357	35C-164.22	Ninh Bình	3857	34A-826.98	Hải Dương	6357	30L-543.19	Hà Nội	8857	30L-546.33	Hà Nội
1358	35C-165.06	Ninh Bình	3858	34A-829.36	Hải Dương	6358	30L-546.55	Hà Nội	8858	34A-806.33	Hải Dương
1359	35C-166.56	Ninh Bình	3859	34A-830.15	Hải Dương	6359	34A-811.06	Hải Dương	8859	34A-807.11	Hải Dương
1360	35C-167.56	Ninh Bình	3860	34A-831.28	Hải Dương	6360	34A-813.58	Hải Dương	8860	34A-820.06	Hải Dương
1361	35C-168.26	Ninh Bình	3861	34A-833.09	Hải Dương	6361	34A-818.77	Hải Dương	8861	34A-821.26	Hải Dương
1362	35C-169.85	Ninh Bình	3862	34A-837.15	Hải Dương	6362	34A-819.11	Hải Dương	8862	34A-821.85	Hải Dương
1363	35C-170.19	Ninh Bình	3863	34A-838.09	Hải Dương	6363	34A-820.18	Hải Dương	8863	34A-824.00	Hải Dương
1364	35C-170.55	Ninh Bình	3864	34A-839.18	Hải Dương	6364	34A-820.44	Hải Dương	8864	34A-824.16	Hải Dương
1365	36C-464.18	Thanh Hóa	3865	34A-839.19	Hải Dương	6365	34A-826.33	Hải Dương	8865	34A-826.44	Hải Dương
1366	36C-465.18	Thanh Hóa	3866	34A-841.15	Hải Dương	6366	34A-829.65	Hải Dương	8866	34A-826.59	Hải Dương
1367	36C-465.33	Thanh Hóa	3867	34A-841.29	Hải Dương	6367	34A-831.25	Hải Dương	8867	34A-826.65	Hải Dương
1368	36C-469.19	Thanh Hóa	3868	34A-842.36	Hải Dương	6368	34A-831.85	Hải Dương	8868	34A-827.29	Hải Dương
1369	36C-469.33	Thanh Hóa	3869	34A-843.16	Hải Dương	6369	34A-833.08	Hải Dương	8869	34A-827.33	Hải Dương
1370	36C-477.38	Thanh Hóa	3870	34A-844.25	Hải Dương	6370	34A-838.35	Hải Dương	8870	34A-828.44	Hải Dương
1371	36C-479.33	Thanh Hóa	3871	34A-844.85	Hải Dương	6371	34A-839.00	Hải Dương	8871	34A-828.59	Hải Dương
1372	36C-482.11	Thanh Hóa	3872	34A-845.83	Hải Dương	6372	34A-839.16	Hải Dương	8872	34A-828.95	Hải Dương
1373	36C-483.36	Thanh Hóa	3873	34A-846.18	Hải Dương	6373	34A-840.56	Hải Dương	8873	34A-829.15	Hải Dương
1374	36C-485.33	Thanh Hóa	3874	34A-846.29	Hải Dương	6374	34A-840.65	Hải Dương	8874	34A-830.65	Hải Dương
1375	36C-487.18	Thanh Hóa	3875	34A-847.16	Hải Dương	6375	34A-840.96	Hải Dương	8875	34A-832.06	Hải Dương
1376	36C-489.11	Thanh Hóa	3876	34A-848.19	Hải Dương	6376	34A-841.35	Hải Dương	8876	34A-832.15	Hải Dương
1377	36C-492.59	Thanh Hóa	3877	34A-848.56	Hải Dương	6377	34A-841.55	Hải Dương	8877	34A-833.26	Hải Dương
1378	36C-492.77	Thanh Hóa	3878	34A-849.59	Hải Dương	6378	34A-843.65	Hải Dương	8878	34A-833.56	Hải Dương
1379	36C-494.22	Thanh Hóa	3879	34A-851.77	Hải Dương	6379	34A-844.26	Hải Dương	8879	34A-833.59	Hải Dương
1380	36C-494.33	Thanh Hóa	3880	34A-852.29	Hải Dương	6380	34A-846.58	Hải Dương	8880	34A-837.26	Hải Dương
1381	36C-496.11	Thanh Hóa	3881	34A-853.38	Hải Dương	6381	34A-847.06	Hải Dương	8881	34A-837.85	Hải Dương
1382	36C-500.36	Thanh Hóa	3882	34A-855.95	Hải Dương	6382	34A-847.35	Hải Dương	8882	34A-838.19	Hải Dương
1383	36C-504.58	Thanh Hóa	3883	34C-400.83	Hải Dương	6383	34A-848.06	Hải Dương	8883	34A-838.33	Hải Dương
1384	36C-507.33	Thanh Hóa	3884	34C-402.26	Hải Dương	6384	34A-849.08	Hải Dương	8884	34A-839.09	Hải Dương
1385	36K-043.56	Thanh Hóa	3885	34C-402.96	Hải Dương	6385	34A-850.25	Hải Dương	8885	34A-840.11	Hải Dương
1386	36K-044.19	Thanh Hóa	3886	34C-405.38	Hải Dương	6386	34A-850.83	Hải Dương	8886	34A-843.83	Hải Dương
1387	36K-047.55	Thanh Hóa	3887	34C-406.25	Hải Dương	6387	34A-851.19	Hải Dương	8887	34A-845.00	Hải Dương
1388	36K-049.44	Thanh Hóa	3888	34C-407.09	Hải Dương	6388	34A-852.00	Hải Dương	8888	34A-847.36	Hải Dương
1389	36K-051.16	Thanh Hóa	3889	34C-407.65	Hải Dương	6389	34A-852.11	Hải Dương	8889	34A-847.83	Hải Dương
1390	36K-053.08	Thanh Hóa	3890	34C-408.22	Hải Dương	6390	34A-852.33	Hải Dương	8890	34A-848.35	Hải Dương
1391	36K-058.18	Thanh Hóa	3891	34C-408.35	Hải Dương	6391	34A-853.15	Hải Dương	8891	34A-850.33	Hải Dương
1392	36K-059.16	Thanh Hóa	3892	34D-034.18	Hải Dương	6392	34A-853.59	Hải Dương	8892	34A-852.08	Hải Dương
1393	36K-059.36	Thanh Hóa	3893	35A-421.00	Ninh Bình	6393	34A-854.26	Hải Dương	8893	34A-852.26	Hải Dương
1394	36K-064.33	Thanh Hóa	3894	35A-421.77	Ninh Bình	6394	34A-856.28	Hải Dương	8894	34A-853.95	Hải Dương
1395	36K-066.59	Thanh Hóa	3895	35A-423.77	Ninh Bình	6395	34C-400.36	Hải Dương	8895	34A-854.09	Hải Dương
1396	36K-067.38	Thanh Hóa	3896	35A-424.26	Ninh Bình	6396	34C-402.44	Hải Dương	8896	34A-855.26	Hải Dương
1397	36K-069.09	Thanh Hóa	3897	35A-428.16	Ninh Bình	6397	34C-403.55	Hải Dương	8897	34C-402.98	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1398	36K-071.16	Thanh Hóa	3898	35A-432.11	Ninh Bình	6398	34C-403.58	Hải Dương	8898	34C-403.65	Hải Dương
1399	36K-075.08	Thanh Hóa	3899	35A-435.15	Ninh Bình	6399	34C-405.65	Hải Dương	8899	34C-404.98	Hải Dương
1400	36K-079.58	Thanh Hóa	3900	35A-436.44	Ninh Bình	6400	34C-406.38	Hải Dương	8900	34C-406.35	Hải Dương
1401	36K-080.38	Thanh Hóa	3901	35A-437.55	Ninh Bình	6401	34C-407.26	Hải Dương	8901	34C-407.15	Hải Dương
1402	36K-081.56	Thanh Hóa	3902	35A-438.19	Ninh Bình	6402	34C-407.36	Hải Dương	8902	35A-415.09	Ninh Bình
1403	36K-081.58	Thanh Hóa	3903	35A-440.09	Ninh Bình	6403	34D-035.16	Hải Dương	8903	35A-415.77	Ninh Bình
1404	36K-082.09	Thanh Hóa	3904	35A-440.28	Ninh Bình	6404	35A-418.26	Ninh Bình	8904	35A-418.00	Ninh Bình
1405	36K-082.55	Thanh Hóa	3905	35A-440.83	Ninh Bình	6405	35A-425.59	Ninh Bình	8905	35A-427.59	Ninh Bình
1406	36K-083.11	Thanh Hóa	3906	35A-440.85	Ninh Bình	6406	35A-430.06	Ninh Bình	8906	35A-433.16	Ninh Bình
1407	36K-083.56	Thanh Hóa	3907	35A-441.95	Ninh Bình	6407	35A-431.06	Ninh Bình	8907	35A-433.19	Ninh Bình
1408	36K-090.58	Thanh Hóa	3908	35A-443.18	Ninh Bình	6408	35A-434.19	Ninh Bình	8908	35A-433.56	Ninh Bình
1409	36K-091.58	Thanh Hóa	3909	35A-443.83	Ninh Bình	6409	35A-434.28	Ninh Bình	8909	35A-434.95	Ninh Bình
1410	36K-095.33	Thanh Hóa	3910	35B-019.18	Ninh Bình	6410	35A-434.38	Ninh Bình	8910	35A-435.06	Ninh Bình
1411	36K-097.06	Thanh Hóa	3911	35C-166.59	Ninh Bình	6411	35A-436.09	Ninh Bình	8911	35A-436.15	Ninh Bình
1412	36K-101.38	Thanh Hóa	3912	35C-167.09	Ninh Bình	6412	35A-437.15	Ninh Bình	8912	35A-436.19	Ninh Bình
1413	36K-101.96	Thanh Hóa	3913	35C-167.59	Ninh Bình	6413	35A-437.29	Ninh Bình	8913	35A-438.26	Ninh Bình
1414	36K-102.38	Thanh Hóa	3914	35C-168.33	Ninh Bình	6414	35A-438.18	Ninh Bình	8914	35A-438.85	Ninh Bình
1415	36K-104.00	Thanh Hóa	3915	35C-168.59	Ninh Bình	6415	35A-439.85	Ninh Bình	8915	35A-441.65	Ninh Bình
1416	36K-104.18	Thanh Hóa	3916	35C-173.25	Ninh Bình	6416	35A-442.83	Ninh Bình	8916	35A-442.06	Ninh Bình
1417	36K-105.16	Thanh Hóa	3917	35C-173.59	Ninh Bình	6417	35C-163.55	Ninh Bình	8917	35A-442.09	Ninh Bình
1418	36K-105.26	Thanh Hóa	3918	36C-483.59	Thanh Hóa	6418	35C-164.85	Ninh Bình	8918	35A-443.00	Ninh Bình
1419	36K-105.56	Thanh Hóa	3919	36C-483.77	Thanh Hóa	6419	35C-165.08	Ninh Bình	8919	35A-443.55	Ninh Bình
1420	36K-106.26	Thanh Hóa	3920	36C-484.19	Thanh Hóa	6420	35C-166.26	Ninh Bình	8920	35A-443.65	Ninh Bình
1421	36K-107.16	Thanh Hóa	3921	36C-486.06	Thanh Hóa	6421	35C-167.38	Ninh Bình	8921	35A-443.95	Ninh Bình
1422	36K-108.55	Thanh Hóa	3922	36C-488.08	Thanh Hóa	6422	35C-167.55	Ninh Bình	8922	35C-164.55	Ninh Bình
1423	36K-108.83	Thanh Hóa	3923	36C-490.33	Thanh Hóa	6423	35C-168.08	Ninh Bình	8923	35C-165.11	Ninh Bình
1424	36K-109.00	Thanh Hóa	3924	36C-491.22	Thanh Hóa	6424	35C-168.36	Ninh Bình	8924	35C-168.11	Ninh Bình
1425	36K-109.55	Thanh Hóa	3925	36C-493.38	Thanh Hóa	6425	35C-170.59	Ninh Bình	8925	35C-170.77	Ninh Bình
1426	36K-110.29	Thanh Hóa	3926	36C-495.38	Thanh Hóa	6426	35C-171.26	Ninh Bình	8926	35C-171.18	Ninh Bình
1427	36K-110.44	Thanh Hóa	3927	36C-497.09	Thanh Hóa	6427	35C-173.65	Ninh Bình	8927	36C-462.19	Thanh Hóa
1428	36K-110.58	Thanh Hóa	3928	36C-499.09	Thanh Hóa	6428	36B-043.98	Thanh Hóa	8928	36C-465.11	Thanh Hóa
1429	36K-110.65	Thanh Hóa	3929	36C-499.56	Thanh Hóa	6429	36C-462.38	Thanh Hóa	8929	36C-467.09	Thanh Hóa
1430	36K-112.09	Thanh Hóa	3930	36C-503.16	Thanh Hóa	6430	36C-467.55	Thanh Hóa	8930	36C-468.56	Thanh Hóa
1431	36K-112.18	Thanh Hóa	3931	36C-503.18	Thanh Hóa	6431	36C-471.77	Thanh Hóa	8931	36C-477.08	Thanh Hóa
1432	36K-112.29	Thanh Hóa	3932	36C-504.16	Thanh Hóa	6432	36C-473.44	Thanh Hóa	8932	36C-478.38	Thanh Hóa
1433	36K-115.44	Thanh Hóa	3933	36K-046.38	Thanh Hóa	6433	36C-475.06	Thanh Hóa	8933	36C-481.44	Thanh Hóa
1434	36K-115.98	Thanh Hóa	3934	36K-048.38	Thanh Hóa	6434	36C-476.55	Thanh Hóa	8934	36C-482.19	Thanh Hóa
1435	36K-116.18	Thanh Hóa	3935	36K-054.19	Thanh Hóa	6435	36C-477.19	Thanh Hóa	8935	36C-482.38	Thanh Hóa
1436	36K-117.08	Thanh Hóa	3936	36K-068.00	Thanh Hóa	6436	36C-480.18	Thanh Hóa	8936	36C-489.08	Thanh Hóa
1437	36K-118.08	Thanh Hóa	3937	36K-075.06	Thanh Hóa	6437	36C-481.22	Thanh Hóa	8937	36C-490.77	Thanh Hóa
1438	36K-118.38	Thanh Hóa	3938	36K-084.16	Thanh Hóa	6438	36C-481.59	Thanh Hóa	8938	36C-491.06	Thanh Hóa
1439	36K-118.55	Thanh Hóa	3939	36K-085.18	Thanh Hóa	6439	36C-486.08	Thanh Hóa	8939	36C-491.09	Thanh Hóa
1440	36K-120.38	Thanh Hóa	3940	36K-089.55	Thanh Hóa	6440	36C-486.11	Thanh Hóa	8940	36C-492.33	Thanh Hóa
1441	36K-120.98	Thanh Hóa	3941	36K-092.56	Thanh Hóa	6441	36C-487.59	Thanh Hóa	8941	36C-493.36	Thanh Hóa
1442	36K-122.35	Thanh Hóa	3942	36K-093.06	Thanh Hóa	6442	36C-492.09	Thanh Hóa	8942	36C-493.55	Thanh Hóa
1443	36K-122.59	Thanh Hóa	3943	36K-094.59	Thanh Hóa	6443	36C-492.56	Thanh Hóa	8943	36C-495.56	Thanh Hóa
1444	36K-125.11	Thanh Hóa	3944	36K-095.44	Thanh Hóa	6444	36C-494.56	Thanh Hóa	8944	36C-496.44	Thanh Hóa
1445	36K-127.55	Thanh Hóa	3945	36K-098.33	Thanh Hóa	6445	36C-498.59	Thanh Hóa	8945	36C-499.38	Thanh Hóa
1446	36K-128.95	Thanh Hóa	3946	36K-102.19	Thanh Hóa	6446	36C-501.19	Thanh Hóa	8946	36C-503.55	Thanh Hóa
1447	36K-129.33	Thanh Hóa	3947	36K-102.36	Thanh Hóa	6447	36C-501.33	Thanh Hóa	8947	36C-507.06	Thanh Hóa
1448	36K-129.83	Thanh Hóa	3948	36K-103.44	Thanh Hóa	6448	36C-502.08	Thanh Hóa	8948	36C-507.36	Thanh Hóa
1449	36K-130.58	Thanh Hóa	3949	36K-104.28	Thanh Hóa	6449	36C-504.18	Thanh Hóa	8949	36K-043.00	Thanh Hóa
1450	36K-131.65	Thanh Hóa	3950	36K-104.33	Thanh Hóa	6450	36C-504.59	Thanh Hóa	8950	36K-045.33	Thanh Hóa
1451	36K-132.25	Thanh Hóa	3951	36K-106.29	Thanh Hóa	6451	36C-506.00	Thanh Hóa	8951	36K-047.16	Thanh Hóa
1452	36K-132.36	Thanh Hóa	3952	36K-107.18	Thanh Hóa	6452	36C-506.36	Thanh Hóa	8952	36K-049.11	Thanh Hóa
1453	36K-132.83	Thanh Hóa	3953	36K-107.55	Thanh Hóa	6453	36C-506.44	Thanh Hóa	8953	36K-058.56	Thanh Hóa
1454	36K-134.11	Thanh Hóa	3954	36K-108.98	Thanh Hóa	6454	36C-507.09	Thanh Hóa	8954	36K-066.58	Thanh Hóa
1455	36K-134.98	Thanh Hóa	3955	36K-110.09	Thanh Hóa	6455	36D-023.96	Thanh Hóa	8955	36K-068.22	Thanh Hóa
1456	36K-135.19	Thanh Hóa	3956	36K-113.55	Thanh Hóa	6456	36K-045.09	Thanh Hóa	8956	36K-073.00	Thanh Hóa
1457	36K-135.98	Thanh Hóa	3957	36K-114.16	Thanh Hóa	6457	36K-047.19	Thanh Hóa	8957	36K-073.06	Thanh Hóa
1458	37C-514.59	Nghệ An	3958	36K-114.55	Thanh Hóa	6458	36K-049.18	Thanh Hóa	8958	36K-078.55	Thanh Hóa
1459	37C-516.00	Nghệ An	3959	36K-115.08	Thanh Hóa	6459	36K-049.38	Thanh Hóa	8959	36K-080.11	Thanh Hóa
1460	37C-520.06	Nghệ An	3960	36K-116.33	Thanh Hóa	6460	36K-051.58	Thanh Hóa	8960	36K-081.33	Thanh Hóa
1461	37C-520.85	Nghệ An	3961	36K-116.56	Thanh Hóa	6461	36K-053.44	Thanh Hóa	8961	36K-081.38	Thanh Hóa
1462	37C-521.56	Nghệ An	3962	36K-117.26	Thanh Hóa	6462	36K-054.06	Thanh Hóa	8962	36K-084.58	Thanh Hóa
1463	37C-526.19	Nghệ An	3963	36K-117.55	Thanh Hóa	6463	36K-056.08	Thanh Hóa	8963	36K-085.22	Thanh Hóa
1464	37C-526.77	Nghệ An	3964	36K-118.36	Thanh Hóa	6464	36K-077.36	Thanh Hóa	8964	36K-087.11	Thanh Hóa
1465	37C-530.28	Nghệ An	3965	36K-119.33	Thanh Hóa	6465	36K-086.11	Thanh Hóa	8965	36K-091.44	Thanh Hóa
1466	37C-533.85	Nghệ An	3966	36K-119.36	Thanh Hóa	6466	36K-087.36	Thanh Hóa	8966	36K-092.33	Thanh Hóa
1467	37C-534.59	Nghệ An	3967	36K-125.44	Thanh Hóa	6467	36K-089.00	Thanh Hóa	8967	36K-093.19	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1468	37C-534.95	Nghệ An	3968	36K-126.35	Thanh Hóa	6468	36K-089.09	Thanh Hóa	8968	36K-095.56	Thanh Hóa
1469	37C-536.09	Nghệ An	3969	36K-127.59	Thanh Hóa	6469	36K-089.18	Thanh Hóa	8969	36K-098.38	Thanh Hóa
1470	37C-537.83	Nghệ An	3970	36K-127.65	Thanh Hóa	6470	36K-091.18	Thanh Hóa	8970	36K-098.56	Thanh Hóa
1471	37C-538.36	Nghệ An	3971	36K-128.22	Thanh Hóa	6471	36K-091.59	Thanh Hóa	8971	36K-099.56	Thanh Hóa
1472	37C-538.58	Nghệ An	3972	36K-128.33	Thanh Hóa	6472	36K-093.44	Thanh Hóa	8972	36K-100.58	Thanh Hóa
1473	37D-040.85	Nghệ An	3973	36K-129.35	Thanh Hóa	6473	36K-097.19	Thanh Hóa	8973	36K-101.15	Thanh Hóa
1474	37K-326.22	Nghệ An	3974	36K-132.00	Thanh Hóa	6474	36K-098.19	Thanh Hóa	8974	36K-101.36	Thanh Hóa
1475	37K-340.95	Nghệ An	3975	36K-135.95	Thanh Hóa	6475	36K-099.19	Thanh Hóa	8975	36K-101.59	Thanh Hóa
1476	37K-341.59	Nghệ An	3976	36K-136.58	Thanh Hóa	6476	36K-102.44	Thanh Hóa	8976	36K-101.95	Thanh Hóa
1477	37K-341.84	Nghệ An	3977	37B-040.55	Nghệ An	6477	36K-104.38	Thanh Hóa	8977	36K-102.09	Thanh Hóa
1478	37K-342.41	Nghệ An	3978	37C-520.09	Nghệ An	6478	36K-107.00	Thanh Hóa	8978	36K-102.95	Thanh Hóa
1479	37K-342.95	Nghệ An	3979	37C-521.38	Nghệ An	6479	36K-107.98	Thanh Hóa	8979	36K-103.00	Thanh Hóa
1480	37K-343.85	Nghệ An	3980	37C-521.44	Nghệ An	6480	36K-109.15	Thanh Hóa	8980	36K-103.29	Thanh Hóa
1481	37K-344.35	Nghệ An	3981	37C-533.25	Nghệ An	6481	36K-109.85	Thanh Hóa	8981	36K-104.65	Thanh Hóa
1482	37K-346.26	Nghệ An	3982	37C-535.83	Nghệ An	6482	36K-109.95	Thanh Hóa	8982	36K-105.06	Thanh Hóa
1483	37K-346.59	Nghệ An	3983	37C-535.95	Nghệ An	6483	36K-110.22	Thanh Hóa	8983	36K-105.58	Thanh Hóa
1484	37K-347.26	Nghệ An	3984	37C-539.15	Nghệ An	6484	36K-112.33	Thanh Hóa	8984	36K-106.95	Thanh Hóa
1485	37K-348.49	Nghệ An	3985	37D-040.55	Nghệ An	6485	36K-114.25	Thanh Hóa	8985	36K-107.38	Thanh Hóa
1486	37K-349.29	Nghệ An	3986	37K-324.19	Nghệ An	6486	36K-114.59	Thanh Hóa	8986	36K-110.28	Thanh Hóa
1487	37K-350.19	Nghệ An	3987	37K-326.38	Nghệ An	6487	36K-118.00	Thanh Hóa	8987	36K-110.36	Thanh Hóa
1488	37K-350.29	Nghệ An	3988	37K-328.08	Nghệ An	6488	36K-118.16	Thanh Hóa	8988	36K-110.38	Thanh Hóa
1489	37K-353.65	Nghệ An	3989	37K-328.59	Nghệ An	6489	36K-120.08	Thanh Hóa	8989	36K-112.16	Thanh Hóa
1490	37K-357.25	Nghệ An	3990	37K-332.11	Nghệ An	6490	36K-121.18	Thanh Hóa	8990	36K-112.58	Thanh Hóa
1491	37K-357.33	Nghệ An	3991	37K-332.56	Nghệ An	6491	36K-121.77	Thanh Hóa	8991	36K-112.59	Thanh Hóa
1492	37K-358.16	Nghệ An	3992	37K-336.09	Nghệ An	6492	36K-122.06	Thanh Hóa	8992	36K-112.95	Thanh Hóa
1493	37K-358.96	Nghệ An	3993	37K-337.18	Nghệ An	6493	36K-124.06	Thanh Hóa	8993	36K-114.22	Thanh Hóa
1494	37K-360.25	Nghệ An	3994	37K-341.09	Nghệ An	6494	36K-124.09	Thanh Hóa	8994	36K-116.55	Thanh Hóa
1495	37K-360.55	Nghệ An	3995	37K-341.49	Nghệ An	6495	36K-124.85	Thanh Hóa	8995	36K-118.33	Thanh Hóa
1496	37K-360.56	Nghệ An	3996	37K-341.77	Nghệ An	6496	36K-124.98	Thanh Hóa	8996	36K-119.55	Thanh Hóa
1497	37K-360.58	Nghệ An	3997	37K-343.08	Nghệ An	6497	36K-126.11	Thanh Hóa	8997	36K-120.25	Thanh Hóa
1498	37K-361.06	Nghệ An	3998	37K-344.06	Nghệ An	6498	36K-126.33	Thanh Hóa	8998	36K-120.33	Thanh Hóa
1499	37K-361.33	Nghệ An	3999	37K-344.59	Nghệ An	6499	36K-127.09	Thanh Hóa	8999	36K-125.06	Thanh Hóa
1500	37K-361.83	Nghệ An	4000	37K-346.18	Nghệ An	6500	36K-127.25	Thanh Hóa	9000	36K-125.15	Thanh Hóa
1501	37K-361.96	Nghệ An	4001	37K-347.36	Nghệ An	6501	36K-127.26	Thanh Hóa	9001	36K-126.22	Thanh Hóa
1502	37K-363.11	Nghệ An	4002	37K-348.65	Nghệ An	6502	36K-129.15	Thanh Hóa	9002	36K-133.15	Thanh Hóa
1503	37K-363.83	Nghệ An	4003	37K-352.83	Nghệ An	6503	36K-129.19	Thanh Hóa	9003	36K-133.96	Thanh Hóa
1504	37K-364.19	Nghệ An	4004	37K-353.16	Nghệ An	6504	36K-130.44	Thanh Hóa	9004	36K-134.00	Thanh Hóa
1505	37K-364.55	Nghệ An	4005	37K-354.08	Nghệ An	6505	36K-130.55	Thanh Hóa	9005	36K-134.25	Thanh Hóa
1506	37K-366.85	Nghệ An	4006	37K-354.58	Nghệ An	6506	36K-130.77	Thanh Hóa	9006	36K-135.00	Thanh Hóa
1507	37K-367.44	Nghệ An	4007	37K-355.26	Nghệ An	6507	36K-131.35	Thanh Hóa	9007	36K-135.11	Thanh Hóa
1508	37K-370.59	Nghệ An	4008	37K-355.36	Nghệ An	6508	36K-136.55	Thanh Hóa	9008	36K-135.15	Thanh Hóa
1509	37K-371.95	Nghệ An	4009	37K-356.83	Nghệ An	6509	37C-517.11	Nghệ An	9009	36K-136.38	Thanh Hóa
1510	37K-373.98	Nghệ An	4010	37K-358.06	Nghệ An	6510	37C-520.77	Nghệ An	9010	36K-137.08	Thanh Hóa
1511	37K-374.09	Nghệ An	4011	37K-359.58	Nghệ An	6511	37C-522.19	Nghệ An	9011	37C-515.08	Nghệ An
1512	37K-375.06	Nghệ An	4012	37K-360.38	Nghệ An	6512	37C-524.06	Nghệ An	9012	37C-523.06	Nghệ An
1513	37K-375.25	Nghệ An	4013	37K-361.19	Nghệ An	6513	37C-524.26	Nghệ An	9013	37C-535.38	Nghệ An
1514	37K-375.77	Nghệ An	4014	37K-370.77	Nghệ An	6514	37C-525.06	Nghệ An	9014	37C-536.19	Nghệ An
1515	37K-376.38	Nghệ An	4015	37K-371.44	Nghệ An	6515	37C-527.85	Nghệ An	9015	37C-537.15	Nghệ An
1516	37K-377.06	Nghệ An	4016	37K-372.56	Nghệ An	6516	37C-534.65	Nghệ An	9016	37C-537.25	Nghệ An
1517	37K-378.85	Nghệ An	4017	37K-375.98	Nghệ An	6517	37C-534.98	Nghệ An	9017	37C-537.44	Nghệ An
1518	37K-380.22	Nghệ An	4018	37K-376.77	Nghệ An	6518	37C-535.00	Nghệ An	9018	37K-324.59	Nghệ An
1519	37K-380.25	Nghệ An	4019	37K-376.96	Nghệ An	6519	37C-535.44	Nghệ An	9019	37K-327.22	Nghệ An
1520	37K-381.08	Nghệ An	4020	37K-381.25	Nghệ An	6520	37K-325.09	Nghệ An	9020	37K-332.59	Nghệ An
1521	37K-381.28	Nghệ An	4021	37K-383.15	Nghệ An	6521	37K-325.59	Nghệ An	9021	37K-340.94	Nghệ An
1522	37K-381.33	Nghệ An	4022	37K-383.65	Nghệ An	6522	37K-339.09	Nghệ An	9022	37K-342.27	Nghệ An
1523	37K-381.35	Nghệ An	4023	37K-384.35	Nghệ An	6523	37K-341.92	Nghệ An	9023	37K-345.18	Nghệ An
1524	37K-381.58	Nghệ An	4024	37K-385.25	Nghệ An	6524	37K-344.09	Nghệ An	9024	37K-346.00	Nghệ An
1525	37K-382.59	Nghệ An	4025	38A-603.55	Hà Tĩnh	6525	37K-344.38	Nghệ An	9025	37K-346.06	Nghệ An
1526	37K-383.16	Nghệ An	4026	38A-605.09	Hà Tĩnh	6526	37K-344.56	Nghệ An	9026	37K-346.09	Nghệ An
1527	37K-384.28	Nghệ An	4027	38A-609.58	Hà Tĩnh	6527	37K-346.56	Nghệ An	9027	37K-347.06	Nghệ An
1528	37K-385.36	Nghệ An	4028	38A-614.00	Hà Tĩnh	6528	37K-347.08	Nghệ An	9028	37K-348.28	Nghệ An
1529	37K-386.58	Nghệ An	4029	38A-618.26	Hà Tĩnh	6529	37K-349.56	Nghệ An	9029	37K-350.38	Nghệ An
1530	37K-386.98	Nghệ An	4030	38A-620.29	Hà Tĩnh	6530	37K-349.58	Nghệ An	9030	37K-351.83	Nghệ An
1531	38A-604.36	Hà Tĩnh	4031	38A-621.25	Hà Tĩnh	6531	37K-350.96	Nghệ An	9031	37K-351.85	Nghệ An
1532	38A-607.22	Hà Tĩnh	4032	38A-621.28	Hà Tĩnh	6532	37K-351.18	Nghệ An	9032	37K-352.29	Nghệ An
1533	38A-607.58	Hà Tĩnh	4033	38A-623.25	Hà Tĩnh	6533	37K-351.19	Nghệ An	9033	37K-354.77	Nghệ An
1534	38A-608.18	Hà Tĩnh	4034	38A-623.38	Hà Tĩnh	6534	37K-353.11	Nghệ An	9034	37K-355.08	Nghệ An
1535	38A-617.35	Hà Tĩnh	4035	38A-624.15	Hà Tĩnh	6535	37K-353.19	Nghệ An	9035	37K-364.00	Nghệ An
1536	38A-619.32	Hà Tĩnh	4036	38A-625.35	Hà Tĩnh	6536	37K-353.36	Nghệ An	9036	37K-364.18	Nghệ An
1537	38A-620.19	Hà Tĩnh	4037	38A-625.59	Hà Tĩnh	6537	37K-354.28	Nghệ An	9037	37K-365.26	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1538	38A-620.46	Hà Tĩnh	4038	38A-626.33	Hà Tĩnh	6538	37K-354.59	Nghệ An	9038	37K-367.00	Nghệ An
1539	38A-620.98	Hà Tĩnh	4039	38A-628.35	Hà Tĩnh	6539	37K-356.29	Nghệ An	9039	37K-368.55	Nghệ An
1540	38A-621.15	Hà Tĩnh	4040	38A-630.06	Hà Tĩnh	6540	37K-357.11	Nghệ An	9040	37K-369.08	Nghệ An
1541	38A-621.29	Hà Tĩnh	4041	38A-632.09	Hà Tĩnh	6541	37K-358.09	Nghệ An	9041	37K-369.95	Nghệ An
1542	38A-621.59	Hà Tĩnh	4042	38A-633.28	Hà Tĩnh	6542	37K-358.98	Nghệ An	9042	37K-370.09	Nghệ An
1543	38A-623.56	Hà Tĩnh	4043	38A-634.11	Hà Tĩnh	6543	37K-360.08	Nghệ An	9043	37K-371.38	Nghệ An
1544	38A-623.83	Hà Tĩnh	4044	38A-634.59	Hà Tĩnh	6544	37K-361.44	Nghệ An	9044	37K-371.59	Nghệ An
1545	38A-624.08	Hà Tĩnh	4045	38A-635.08	Hà Tĩnh	6545	37K-361.85	Nghệ An	9045	37K-374.29	Nghệ An
1546	38A-624.56	Hà Tĩnh	4046	38A-636.25	Hà Tĩnh	6546	37K-362.33	Nghệ An	9046	37K-374.56	Nghệ An
1547	38A-625.65	Hà Tĩnh	4047	38C-218.11	Hà Tĩnh	6547	37K-362.35	Nghệ An	9047	37K-374.95	Nghệ An
1548	38A-627.58	Hà Tĩnh	4048	38C-220.08	Hà Tĩnh	6548	37K-362.44	Nghệ An	9048	37K-376.83	Nghệ An
1549	38A-629.65	Hà Tĩnh	4049	38C-226.09	Hà Tĩnh	6549	37K-367.58	Nghệ An	9049	37K-377.85	Nghệ An
1550	38A-629.95	Hà Tĩnh	4050	38C-226.98	Hà Tĩnh	6550	37K-369.18	Nghệ An	9050	37K-379.15	Nghệ An
1551	38A-631.65	Hà Tĩnh	4051	43A-853.55	Đà Nẵng	6551	37K-371.25	Nghệ An	9051	37K-381.26	Nghệ An
1552	38A-635.22	Hà Tĩnh	4052	43A-855.59	Đà Nẵng	6552	37K-372.98	Nghệ An	9052	37K-381.55	Nghệ An
1553	38A-635.44	Hà Tĩnh	4053	43A-856.19	Đà Nẵng	6553	37K-374.25	Nghệ An	9053	37K-382.00	Nghệ An
1554	38A-635.56	Hà Tĩnh	4054	43A-860.08	Đà Nẵng	6554	37K-374.85	Nghệ An	9054	37K-384.56	Nghệ An
1555	38C-217.11	Hà Tĩnh	4055	43A-863.77	Đà Nẵng	6555	37K-376.06	Nghệ An	9055	37K-384.98	Nghệ An
1556	38C-219.55	Hà Tĩnh	4056	43A-865.85	Đà Nẵng	6556	37K-376.09	Nghệ An	9056	37K-386.26	Nghệ An
1557	38C-219.56	Hà Tĩnh	4057	43A-867.18	Đà Nẵng	6557	37K-376.18	Nghệ An	9057	38A-606.58	Hà Tĩnh
1558	38C-227.33	Hà Tĩnh	4058	43A-871.08	Đà Nẵng	6558	37K-377.96	Nghệ An	9058	38A-607.56	Hà Tĩnh
1559	38C-229.18	Hà Tĩnh	4059	43A-872.26	Đà Nẵng	6559	37K-377.98	Nghệ An	9059	38A-608.59	Hà Tĩnh
1560	43A-856.16	Đà Nẵng	4060	43A-876.08	Đà Nẵng	6560	37K-378.22	Nghệ An	9060	38A-609.00	Hà Tĩnh
1561	43A-864.08	Đà Nẵng	4061	43A-877.16	Đà Nẵng	6561	37K-380.09	Nghệ An	9061	38A-611.18	Hà Tĩnh
1562	43A-865.59	Đà Nẵng	4062	43A-877.85	Đà Nẵng	6562	37K-384.11	Nghệ An	9062	38A-614.96	Hà Tĩnh
1563	43A-869.16	Đà Nẵng	4063	43A-881.65	Đà Nẵng	6563	37K-384.18	Nghệ An	9063	38A-616.44	Hà Tĩnh
1564	43A-877.59	Đà Nẵng	4064	43A-883.00	Đà Nẵng	6564	37K-385.08	Nghệ An	9064	38A-620.10	Hà Tĩnh
1565	43A-878.59	Đà Nẵng	4065	43A-883.35	Đà Nẵng	6565	37K-386.19	Nghệ An	9065	38A-624.85	Hà Tĩnh
1566	43A-879.15	Đà Nẵng	4066	43A-884.28	Đà Nẵng	6566	37K-386.33	Nghệ An	9066	38A-625.95	Hà Tĩnh
1567	43A-879.16	Đà Nẵng	4067	43A-884.95	Đà Nẵng	6567	38A-606.33	Hà Tĩnh	9067	38A-626.15	Hà Tĩnh
1568	43A-879.56	Đà Nẵng	4068	43A-885.08	Đà Nẵng	6568	38A-613.06	Hà Tĩnh	9068	38A-626.35	Hà Tĩnh
1569	43A-880.15	Đà Nẵng	4069	43A-885.95	Đà Nẵng	6569	38A-613.59	Hà Tĩnh	9069	38A-628.58	Hà Tĩnh
1570	43A-880.28	Đà Nẵng	4070	43A-886.11	Đà Nẵng	6570	38A-614.08	Hà Tĩnh	9070	38A-629.55	Hà Tĩnh
1571	43A-884.85	Đà Nẵng	4071	43A-886.85	Đà Nẵng	6571	38A-615.11	Hà Tĩnh	9071	38A-630.18	Hà Tĩnh
1572	43A-885.77	Đà Nẵng	4072	43A-887.15	Đà Nẵng	6572	38A-616.58	Hà Tĩnh	9072	38A-630.55	Hà Tĩnh
1573	43A-886.36	Đà Nẵng	4073	43A-889.06	Đà Nẵng	6573	38A-619.92	Hà Tĩnh	9073	38A-630.98	Hà Tĩnh
1574	43A-887.44	Đà Nẵng	4074	43A-889.08	Đà Nẵng	6574	38A-625.96	Hà Tĩnh	9074	38A-631.98	Hà Tĩnh
1575	43A-889.28	Đà Nẵng	4075	43A-890.22	Đà Nẵng	6575	38A-630.38	Hà Tĩnh	9075	38A-632.11	Hà Tĩnh
1576	43A-891.09	Đà Nẵng	4076	43A-891.25	Đà Nẵng	6576	38A-631.58	Hà Tĩnh	9076	38A-633.06	Hà Tĩnh
1577	43A-894.38	Đà Nẵng	4077	43A-893.06	Đà Nẵng	6577	38A-632.95	Hà Tĩnh	9077	38A-634.28	Hà Tĩnh
1578	43A-895.58	Đà Nẵng	4078	43A-894.06	Đà Nẵng	6578	38A-633.26	Hà Tĩnh	9078	38A-635.15	Hà Tĩnh
1579	43A-896.38	Đà Nẵng	4079	43A-897.06	Đà Nẵng	6579	38A-633.59	Hà Tĩnh	9079	38A-636.18	Hà Tĩnh
1580	43A-898.19	Đà Nẵng	4080	43C-293.18	Đà Nẵng	6580	38A-634.35	Hà Tĩnh	9080	38C-217.33	Hà Tĩnh
1581	43C-294.09	Đà Nẵng	4081	43C-298.09	Đà Nẵng	6581	38A-635.18	Hà Tĩnh	9081	38C-217.36	Hà Tĩnh
1582	43C-295.36	Đà Nẵng	4082	43C-300.16	Đà Nẵng	6582	38A-635.98	Hà Tĩnh	9082	38C-218.06	Hà Tĩnh
1583	43C-296.16	Đà Nẵng	4083	43C-304.25	Đà Nẵng	6583	38C-216.09	Hà Tĩnh	9083	38C-218.16	Hà Tĩnh
1584	43C-298.58	Đà Nẵng	4084	47A-712.36	Đắk Lắk	6584	38C-220.16	Hà Tĩnh	9084	38C-219.06	Hà Tĩnh
1585	43C-300.06	Đà Nẵng	4085	47A-714.19	Đắk Lắk	6585	38C-221.08	Hà Tĩnh	9085	38C-220.36	Hà Tĩnh
1586	43C-302.44	Đà Nẵng	4086	47A-716.09	Đắk Lắk	6586	38C-227.83	Hà Tĩnh	9086	38C-221.77	Hà Tĩnh
1587	43C-303.44	Đà Nẵng	4087	47A-717.36	Đắk Lắk	6587	38C-229.09	Hà Tĩnh	9087	38C-226.27	Hà Tĩnh
1588	43C-304.96	Đà Nẵng	4088	47A-718.00	Đắk Lắk	6588	43A-853.00	Đà Nẵng	9088	38C-228.25	Hà Tĩnh
1589	47A-710.06	Đắk Lắk	4089	47A-723.77	Đắk Lắk	6589	43A-855.18	Đà Nẵng	9089	38C-228.56	Hà Tĩnh
1590	47A-710.55	Đắk Lắk	4090	47A-724.59	Đắk Lắk	6590	43A-857.56	Đà Nẵng	9090	43A-856.09	Đà Nẵng
1591	47A-712.18	Đắk Lắk	4091	47A-725.38	Đắk Lắk	6591	43A-860.09	Đà Nẵng	9091	43A-870.58	Đà Nẵng
1592	47A-713.06	Đắk Lắk	4092	47A-725.58	Đắk Lắk	6592	43A-860.33	Đà Nẵng	9092	43A-870.59	Đà Nẵng
1593	47A-717.00	Đắk Lắk	4093	47A-726.18	Đắk Lắk	6593	43A-861.22	Đà Nẵng	9093	43A-872.11	Đà Nẵng
1594	47A-721.09	Đắk Lắk	4094	47A-726.44	Đắk Lắk	6594	43A-865.00	Đà Nẵng	9094	43A-873.56	Đà Nẵng
1595	47A-722.16	Đắk Lắk	4095	47A-726.77	Đắk Lắk	6595	43A-868.58	Đà Nẵng	9095	43A-874.26	Đà Nẵng
1596	47A-727.09	Đắk Lắk	4096	47A-729.18	Đắk Lắk	6596	43A-869.58	Đà Nẵng	9096	43A-878.83	Đà Nẵng
1597	47A-731.19	Đắk Lắk	4097	47A-729.59	Đắk Lắk	6597	43A-875.29	Đà Nẵng	9097	43A-879.36	Đà Nẵng
1598	47A-732.16	Đắk Lắk	4098	47A-730.31	Đắk Lắk	6598	43A-876.33	Đà Nẵng	9098	43A-880.83	Đà Nẵng
1599	47A-732.59	Đắk Lắk	4099	47A-732.25	Đắk Lắk	6599	43A-877.96	Đà Nẵng	9099	43A-881.28	Đà Nẵng
1600	47A-734.00	Đắk Lắk	4100	47A-732.26	Đắk Lắk	6600	43A-879.83	Đà Nẵng	9100	43A-882.44	Đà Nẵng
1601	47A-734.11	Đắk Lắk	4101	47A-733.08	Đắk Lắk	6601	43A-880.16	Đà Nẵng	9101	43A-882.83	Đà Nẵng
1602	47A-736.22	Đắk Lắk	4102	47A-733.35	Đắk Lắk	6602	43A-880.95	Đà Nẵng	9102	43A-884.98	Đà Nẵng
1603	47A-737.55	Đắk Lắk	4103	47A-733.65	Đắk Lắk	6603	43A-881.36	Đà Nẵng	9103	43A-886.19	Đà Nẵng
1604	47A-738.19	Đắk Lắk	4104	47A-734.36	Đắk Lắk	6604	43A-882.56	Đà Nẵng	9104	43A-886.29	Đà Nẵng
1605	47A-739.00	Đắk Lắk	4105	47A-734.77	Đắk Lắk	6605	43A-884.06	Đà Nẵng	9105	43A-889.56	Đà Nẵng
1606	47A-739.18	Đắk Lắk	4106	47A-735.08	Đắk Lắk	6606	43A-885.44	Đà Nẵng	9106	43A-889.59	Đà Nẵng
1607	47A-739.19	Đắk Lắk	4107	47A-735.28	Đắk Lắk	6607	43A-886.96	Đà Nẵng	9107	43A-890.19	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1608	47A-740.58	Đắk Lắk	4108	47A-735.58	Đắk Lắk	6608	43A-887.11	Đà Nẵng	9108	43A-891.83	Đà Nẵng
1609	47A-741.26	Đắk Lắk	4109	47A-736.95	Đắk Lắk	6609	43A-887.95	Đà Nẵng	9109	43A-892.11	Đà Nẵng
1610	47A-742.08	Đắk Lắk	4110	47A-739.06	Đắk Lắk	6610	43A-889.09	Đà Nẵng	9110	43A-892.44	Đà Nẵng
1611	47A-742.83	Đắk Lắk	4111	47A-740.98	Đắk Lắk	6611	43A-889.33	Đà Nẵng	9111	43A-892.83	Đà Nẵng
1612	47A-743.36	Đắk Lắk	4112	47A-741.85	Đắk Lắk	6612	43A-892.35	Đà Nẵng	9112	43A-892.95	Đà Nẵng
1613	47A-744.15	Đắk Lắk	4113	47A-741.98	Đắk Lắk	6613	43A-894.08	Đà Nẵng	9113	43A-893.08	Đà Nẵng
1614	47A-745.77	Đắk Lắk	4114	47A-742.00	Đắk Lắk	6614	43A-894.09	Đà Nẵng	9114	43A-895.22	Đà Nẵng
1615	47A-746.29	Đắk Lắk	4115	47A-742.06	Đắk Lắk	6615	43A-894.16	Đà Nẵng	9115	43A-895.83	Đà Nẵng
1616	47A-746.83	Đắk Lắk	4116	47A-742.43	Đắk Lắk	6616	43A-894.83	Đà Nẵng	9116	43A-896.19	Đà Nẵng
1617	47A-747.19	Đắk Lắk	4117	47A-742.77	Đắk Lắk	6617	43A-895.29	Đà Nẵng	9117	43A-896.44	Đà Nẵng
1618	47A-749.15	Đắk Lắk	4118	47A-743.59	Đắk Lắk	6618	43A-896.09	Đà Nẵng	9118	43A-897.35	Đà Nẵng
1619	47A-749.59	Đắk Lắk	4119	47A-744.18	Đắk Lắk	6619	43A-898.33	Đà Nẵng	9119	43A-897.83	Đà Nẵng
1620	47A-750.16	Đắk Lắk	4120	47A-745.08	Đắk Lắk	6620	43A-898.56	Đà Nẵng	9120	43B-060.61	Đà Nẵng
1621	47A-750.28	Đắk Lắk	4121	47A-745.95	Đắk Lắk	6621	43C-292.59	Đà Nẵng	9121	43C-292.55	Đà Nẵng
1622	47A-752.15	Đắk Lắk	4122	47A-747.36	Đắk Lắk	6622	43C-293.36	Đà Nẵng	9122	43C-296.22	Đà Nẵng
1623	47A-753.44	Đắk Lắk	4123	47A-747.38	Đắk Lắk	6623	43C-303.58	Đà Nẵng	9123	43C-300.08	Đà Nẵng
1624	47A-755.59	Đắk Lắk	4124	47A-748.11	Đắk Lắk	6624	43C-303.96	Đà Nẵng	9124	43C-301.44	Đà Nẵng
1625	47A-756.18	Đắk Lắk	4125	47A-748.16	Đắk Lắk	6625	43C-304.95	Đà Nẵng	9125	43C-303.77	Đà Nẵng
1626	47A-756.26	Đắk Lắk	4126	47A-748.29	Đắk Lắk	6626	47A-717.06	Đắk Lắk	9126	47A-713.19	Đắk Lắk
1627	47A-757.35	Đắk Lắk	4127	47A-753.06	Đắk Lắk	6627	47A-719.00	Đắk Lắk	9127	47A-721.55	Đắk Lắk
1628	47A-757.59	Đắk Lắk	4128	47A-753.11	Đắk Lắk	6628	47A-720.55	Đắk Lắk	9128	47A-722.06	Đắk Lắk
1629	47A-758.06	Đắk Lắk	4129	47A-753.15	Đắk Lắk	6629	47A-720.59	Đắk Lắk	9129	47A-722.56	Đắk Lắk
1630	47A-758.56	Đắk Lắk	4130	47A-753.28	Đắk Lắk	6630	47A-723.09	Đắk Lắk	9130	47A-723.59	Đắk Lắk
1631	47C-351.36	Đắk Lắk	4131	47A-753.59	Đắk Lắk	6631	47A-724.56	Đắk Lắk	9131	47A-725.59	Đắk Lắk
1632	47C-354.00	Đắk Lắk	4132	47A-754.00	Đắk Lắk	6632	47A-727.55	Đắk Lắk	9132	47A-727.38	Đắk Lắk
1633	47C-357.38	Đắk Lắk	4133	47A-757.65	Đắk Lắk	6633	47A-728.19	Đắk Lắk	9133	47A-730.15	Đắk Lắk
1634	47C-358.33	Đắk Lắk	4134	47A-758.09	Đắk Lắk	6634	47A-729.56	Đắk Lắk	9134	47A-731.59	Đắk Lắk
1635	47C-359.11	Đắk Lắk	4135	47A-759.38	Đắk Lắk	6635	47A-730.55	Đắk Lắk	9135	47A-732.08	Đắk Lắk
1636	47C-360.59	Đắk Lắk	4136	47C-352.38	Đắk Lắk	6636	47A-731.09	Đắk Lắk	9136	47A-732.36	Đắk Lắk
1637	47C-361.18	Đắk Lắk	4137	47C-353.16	Đắk Lắk	6637	47A-732.58	Đắk Lắk	9137	47A-732.98	Đắk Lắk
1638	47C-364.11	Đắk Lắk	4138	47C-355.36	Đắk Lắk	6638	47A-733.16	Đắk Lắk	9138	47A-734.22	Đắk Lắk
1639	47C-368.18	Đắk Lắk	4139	47C-356.06	Đắk Lắk	6639	47A-734.09	Đắk Lắk	9139	47A-737.11	Đắk Lắk
1640	47C-369.59	Đắk Lắk	4140	47C-361.44	Đắk Lắk	6640	47A-735.33	Đắk Lắk	9140	47A-739.36	Đắk Lắk
1641	47C-371.18	Đắk Lắk	4141	47C-363.18	Đắk Lắk	6641	47A-736.08	Đắk Lắk	9141	47A-739.65	Đắk Lắk
1642	47C-372.44	Đắk Lắk	4142	47C-364.56	Đắk Lắk	6642	47A-738.18	Đắk Lắk	9142	47A-740.55	Đắk Lắk
1643	47C-372.77	Đắk Lắk	4143	47C-370.09	Đắk Lắk	6643	47A-738.35	Đắk Lắk	9143	47A-741.58	Đắk Lắk
1644	47C-372.98	Đắk Lắk	4144	47C-370.38	Đắk Lắk	6644	47A-739.56	Đắk Lắk	9144	47A-742.28	Đắk Lắk
1645	47C-373.16	Đắk Lắk	4145	47C-371.38	Đắk Lắk	6645	47A-740.56	Đắk Lắk	9145	47A-747.98	Đắk Lắk
1646	47C-374.09	Đắk Lắk	4146	47C-373.36	Đắk Lắk	6646	47A-741.83	Đắk Lắk	9146	47A-748.49	Đắk Lắk
1647	47C-375.35	Đắk Lắk	4147	47C-374.58	Đắk Lắk	6647	47A-742.36	Đắk Lắk	9147	47A-748.85	Đắk Lắk
1648	47D-014.98	Đắk Lắk	4148	47C-375.00	Đắk Lắk	6648	47A-743.08	Đắk Lắk	9148	47A-750.11	Đắk Lắk
1649	48A-224.38	Đắk Nông	4149	47C-376.18	Đắk Lắk	6649	47A-743.15	Đắk Lắk	9149	47A-750.85	Đắk Lắk
1650	48A-228.38	Đắk Nông	4150	48A-221.00	Đắk Nông	6650	47A-743.96	Đắk Lắk	9150	47A-751.00	Đắk Lắk
1651	48A-228.77	Đắk Nông	4151	48A-224.06	Đắk Nông	6651	47A-745.09	Đắk Lắk	9151	47A-751.44	Đắk Lắk
1652	48A-230.55	Đắk Nông	4152	48A-230.09	Đắk Nông	6652	47A-745.15	Đắk Lắk	9152	47A-752.18	Đắk Lắk
1653	48A-230.85	Đắk Nông	4153	48A-231.56	Đắk Nông	6653	47A-746.00	Đắk Lắk	9153	47A-752.26	Đắk Lắk
1654	48A-233.29	Đắk Nông	4154	48A-235.44	Đắk Nông	6654	47A-746.11	Đắk Lắk	9154	47A-754.38	Đắk Lắk
1655	48A-234.18	Đắk Nông	4155	48A-236.35	Đắk Nông	6655	47A-747.56	Đắk Lắk	9155	47A-755.38	Đắk Lắk
1656	48A-235.73	Đắk Nông	4156	49A-694.09	Lâm Đồng	6656	47A-748.08	Đắk Lắk	9156	47A-757.00	Đắk Lắk
1657	48A-235.75	Đắk Nông	4157	49A-695.56	Lâm Đồng	6657	47A-749.18	Đắk Lắk	9157	47A-759.19	Đắk Lắk
1658	48A-236.22	Đắk Nông	4158	49A-696.36	Lâm Đồng	6658	47A-750.09	Đắk Lắk	9158	47A-759.58	Đắk Lắk
1659	48C-103.28	Đắk Nông	4159	49A-697.18	Lâm Đồng	6659	47A-753.19	Đắk Lắk	9159	47C-357.55	Đắk Lắk
1660	49A-682.11	Lâm Đồng	4160	49A-697.83	Lâm Đồng	6660	47A-753.38	Đắk Lắk	9160	47C-357.56	Đắk Lắk
1661	49A-685.11	Lâm Đồng	4161	49A-698.29	Lâm Đồng	6661	47A-755.06	Đắk Lắk	9161	47C-358.06	Đắk Lắk
1662	49A-688.59	Lâm Đồng	4162	49A-698.59	Lâm Đồng	6662	47A-755.08	Đắk Lắk	9162	47C-359.44	Đắk Lắk
1663	49A-690.55	Lâm Đồng	4163	49A-700.83	Lâm Đồng	6663	47A-756.35	Đắk Lắk	9163	47C-361.33	Đắk Lắk
1664	49A-695.15	Lâm Đồng	4164	49A-705.77	Lâm Đồng	6664	47A-756.59	Đắk Lắk	9164	47C-362.55	Đắk Lắk
1665	49A-695.18	Lâm Đồng	4165	49A-706.08	Lâm Đồng	6665	47A-757.19	Đắk Lắk	9165	47C-362.56	Đắk Lắk
1666	49A-696.85	Lâm Đồng	4166	49A-706.96	Lâm Đồng	6666	47A-757.26	Đắk Lắk	9166	47C-363.58	Đắk Lắk
1667	49A-698.09	Lâm Đồng	4167	49C-361.19	Lâm Đồng	6667	47A-757.58	Đắk Lắk	9167	47C-367.58	Đắk Lắk
1668	49A-699.38	Lâm Đồng	4168	49C-364.65	Lâm Đồng	6668	47A-758.25	Đắk Lắk	9168	47C-370.25	Đắk Lắk
1669	49A-700.36	Lâm Đồng	4169	49C-365.77	Lâm Đồng	6669	47A-758.77	Đắk Lắk	9169	47C-371.65	Đắk Lắk
1670	49A-701.09	Lâm Đồng	4170	49C-367.55	Lâm Đồng	6670	47A-759.77	Đắk Lắk	9170	47C-371.72	Đắk Lắk
1671	49A-701.25	Lâm Đồng	4171	49C-368.56	Lâm Đồng	6671	47C-356.11	Đắk Lắk	9171	47C-371.98	Đắk Lắk
1672	49A-701.26	Lâm Đồng	4172	49D-011.83	Lâm Đồng	6672	47C-358.08	Đắk Lắk	9172	47C-372.11	Đắk Lắk
1673	49A-703.09	Lâm Đồng	4173	49D-011.85	Lâm Đồng	6673	47C-358.59	Đắk Lắk	9173	47C-372.55	Đắk Lắk
1674	49A-705.09	Lâm Đồng	4174	51D-985.25	Hồ Chí Minh	6674	47C-359.55	Đắk Lắk	9174	47C-374.19	Đắk Lắk
1675	49A-706.09	Lâm Đồng	4175	51D-986.06	Hồ Chí Minh	6675	47C-363.59	Đắk Lắk	9175	47C-376.08	Đắk Lắk
1676	49A-706.16	Lâm Đồng	4176	51D-986.29	Hồ Chí Minh	6676	47C-364.58	Đắk Lắk	9176	47C-376.16	Đắk Lắk
1677	49A-706.35	Lâm Đồng	4177	51D-989.28	Hồ Chí Minh	6677	47C-368.33	Đắk Lắk	9177	48A-221.08	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1678	49A-706.38	Lâm Đồng	4178	51D-989.29	Hồ Chí Minh	6678	47C-369.16	Đắk Lắk	9178	48A-225.58	Đắk Nông
1679	49A-708.22	Lâm Đồng	4179	51D-991.59	Hồ Chí Minh	6679	47C-371.58	Đắk Lắk	9179	48A-235.33	Đắk Nông
1680	49C-353.56	Lâm Đồng	4180	51D-993.06	Hồ Chí Minh	6680	47C-373.22	Đắk Lắk	9180	48A-235.52	Đắk Nông
1681	49C-354.22	Lâm Đồng	4181	51D-993.22	Hồ Chí Minh	6681	47C-374.75	Đắk Lắk	9181	48C-104.65	Đắk Nông
1682	49C-356.55	Lâm Đồng	4182	51D-996.27	Hồ Chí Minh	6682	47C-374.95	Đắk Lắk	9182	49A-674.33	Lâm Đồng
1683	49C-359.33	Lâm Đồng	4183	51D-997.25	Hồ Chí Minh	6683	47C-375.11	Đắk Lắk	9183	49A-675.16	Lâm Đồng
1684	49C-363.11	Lâm Đồng	4184	51D-998.00	Hồ Chí Minh	6684	47C-375.36	Đắk Lắk	9184	49A-682.00	Lâm Đồng
1685	49C-363.25	Lâm Đồng	4185	51E-312.77	Hồ Chí Minh	6685	48A-227.16	Đắk Nông	9185	49A-682.55	Lâm Đồng
1686	49C-365.19	Lâm Đồng	4186	51E-318.44	Hồ Chí Minh	6686	48A-229.58	Đắk Nông	9186	49A-684.11	Lâm Đồng
1687	49C-367.85	Lâm Đồng	4187	51E-319.09	Hồ Chí Minh	6687	48A-231.28	Đắk Nông	9187	49A-684.36	Lâm Đồng
1688	49D-012.00	Lâm Đồng	4188	51L-397.16	Hồ Chí Minh	6688	48A-232.06	Đắk Nông	9188	49A-685.18	Lâm Đồng
1689	51D-987.85	Hồ Chí Minh	4189	51L-400.59	Hồ Chí Minh	6689	48A-236.33	Đắk Nông	9189	49A-687.38	Lâm Đồng
1690	51D-988.36	Hồ Chí Minh	4190	51L-412.08	Hồ Chí Minh	6690	48C-103.56	Đắk Nông	9190	49A-689.22	Lâm Đồng
1691	51D-990.26	Hồ Chí Minh	4191	51L-418.38	Hồ Chí Minh	6691	48C-105.22	Đắk Nông	9191	49A-691.00	Lâm Đồng
1692	51D-990.77	Hồ Chí Minh	4192	51L-418.44	Hồ Chí Minh	6692	49A-674.77	Lâm Đồng	9192	49A-694.16	Lâm Đồng
1693	51D-991.00	Hồ Chí Minh	4193	51L-419.11	Hồ Chí Minh	6693	49A-675.59	Lâm Đồng	9193	49A-695.00	Lâm Đồng
1694	51D-992.56	Hồ Chí Minh	4194	51L-424.16	Hồ Chí Minh	6694	49A-676.19	Lâm Đồng	9194	49A-695.29	Lâm Đồng
1695	51D-993.28	Hồ Chí Minh	4195	51L-428.44	Hồ Chí Minh	6695	49A-686.33	Lâm Đồng	9195	49A-697.33	Lâm Đồng
1696	51D-995.48	Hồ Chí Minh	4196	51L-431.06	Hồ Chí Minh	6696	49A-688.19	Lâm Đồng	9196	49A-701.28	Lâm Đồng
1697	51D-995.74	Hồ Chí Minh	4197	51L-431.09	Hồ Chí Minh	6697	49A-688.58	Lâm Đồng	9197	49A-702.58	Lâm Đồng
1698	51D-996.01	Hồ Chí Minh	4198	51L-440.06	Hồ Chí Minh	6698	49A-699.29	Lâm Đồng	9198	49A-705.58	Lâm Đồng
1699	51D-996.61	Hồ Chí Minh	4199	51L-446.06	Hồ Chí Minh	6699	49A-700.58	Lâm Đồng	9199	49A-707.08	Lâm Đồng
1700	51D-996.65	Hồ Chí Minh	4200	51L-447.19	Hồ Chí Minh	6700	49A-700.85	Lâm Đồng	9200	49A-707.15	Lâm Đồng
1701	51D-998.95	Hồ Chí Minh	4201	51L-454.38	Hồ Chí Minh	6701	49A-702.95	Lâm Đồng	9201	49A-707.35	Lâm Đồng
1702	51E-312.11	Hồ Chí Minh	4202	51L-459.09	Hồ Chí Minh	6702	49A-703.00	Lâm Đồng	9202	49B-028.98	Lâm Đồng
1703	51E-318.58	Hồ Chí Minh	4203	51L-467.18	Hồ Chí Minh	6703	49A-704.26	Lâm Đồng	9203	49C-357.18	Lâm Đồng
1704	51E-318.59	Hồ Chí Minh	4204	51L-473.11	Hồ Chí Minh	6704	49A-704.29	Lâm Đồng	9204	49C-357.58	Lâm Đồng
1705	51E-320.24	Hồ Chí Minh	4205	51L-478.09	Hồ Chí Minh	6705	49A-705.29	Lâm Đồng	9205	49C-358.44	Lâm Đồng
1706	51E-321.06	Hồ Chí Minh	4206	51L-480.33	Hồ Chí Minh	6706	49A-707.95	Lâm Đồng	9206	49C-363.26	Lâm Đồng
1707	51E-321.16	Hồ Chí Minh	4207	51L-481.77	Hồ Chí Minh	6707	49C-358.18	Lâm Đồng	9207	49C-363.96	Lâm Đồng
1708	51E-321.65	Hồ Chí Minh	4208	51L-482.58	Hồ Chí Minh	6708	49C-360.09	Lâm Đồng	9208	49C-364.16	Lâm Đồng
1709	51E-322.56	Hồ Chí Minh	4209	51L-486.77	Hồ Chí Minh	6709	49C-367.26	Lâm Đồng	9209	49C-366.19	Lâm Đồng
1710	51L-396.00	Hồ Chí Minh	4210	51L-490.22	Hồ Chí Minh	6710	49C-368.19	Lâm Đồng	9210	49C-367.95	Lâm Đồng
1711	51L-396.22	Hồ Chí Minh	4211	51L-492.08	Hồ Chí Minh	6711	51B-709.28	Hồ Chí Minh	9211	49C-368.29	Lâm Đồng
1712	51L-404.59	Hồ Chí Minh	4212	51L-498.55	Hồ Chí Minh	6712	51D-986.38	Hồ Chí Minh	9212	49C-368.33	Lâm Đồng
1713	51L-410.44	Hồ Chí Minh	4213	51L-498.56	Hồ Chí Minh	6713	51D-987.00	Hồ Chí Minh	9213	51B-709.44	Hồ Chí Minh
1714	51L-422.38	Hồ Chí Minh	4214	51L-499.16	Hồ Chí Minh	6714	51D-990.11	Hồ Chí Minh	9214	51D-989.26	Hồ Chí Minh
1715	51L-423.00	Hồ Chí Minh	4215	51L-500.29	Hồ Chí Minh	6715	51D-990.16	Hồ Chí Minh	9215	51D-992.44	Hồ Chí Minh
1716	51L-434.00	Hồ Chí Minh	4216	51L-500.35	Hồ Chí Minh	6716	51D-990.96	Hồ Chí Minh	9216	51D-992.96	Hồ Chí Minh
1717	51L-435.06	Hồ Chí Minh	4217	51L-501.36	Hồ Chí Minh	6717	51D-992.16	Hồ Chí Minh	9217	51D-993.98	Hồ Chí Minh
1718	51L-440.18	Hồ Chí Minh	4218	51L-502.26	Hồ Chí Minh	6718	51D-995.46	Hồ Chí Minh	9218	51D-995.30	Hồ Chí Minh
1719	51L-443.38	Hồ Chí Minh	4219	51L-503.65	Hồ Chí Minh	6719	51D-997.58	Hồ Chí Minh	9219	51E-311.38	Hồ Chí Minh
1720	51L-446.00	Hồ Chí Minh	4220	51L-504.06	Hồ Chí Minh	6720	51D-999.83	Hồ Chí Minh	9220	51E-311.58	Hồ Chí Minh
1721	51L-446.22	Hồ Chí Minh	4221	51L-505.98	Hồ Chí Minh	6721	51D-999.85	Hồ Chí Minh	9221	51E-313.55	Hồ Chí Minh
1722	51L-455.16	Hồ Chí Minh	4222	51L-506.25	Hồ Chí Minh	6722	51E-315.38	Hồ Chí Minh	9222	51E-314.38	Hồ Chí Minh
1723	51L-459.77	Hồ Chí Minh	4223	51L-508.55	Hồ Chí Minh	6723	51E-316.11	Hồ Chí Minh	9223	51E-317.22	Hồ Chí Minh
1724	51L-460.09	Hồ Chí Minh	4224	51L-515.08	Hồ Chí Minh	6724	51E-321.29	Hồ Chí Minh	9224	51E-320.46	Hồ Chí Minh
1725	51L-465.22	Hồ Chí Minh	4225	51L-515.85	Hồ Chí Minh	6725	51L-396.36	Hồ Chí Minh	9225	51L-397.06	Hồ Chí Minh
1726	51L-467.33	Hồ Chí Minh	4226	51L-518.65	Hồ Chí Minh	6726	51L-396.55	Hồ Chí Minh	9226	51L-401.19	Hồ Chí Minh
1727	51L-469.58	Hồ Chí Minh	4227	51L-519.83	Hồ Chí Minh	6727	51L-397.18	Hồ Chí Minh	9227	51L-402.44	Hồ Chí Minh
1728	51L-469.59	Hồ Chí Minh	4228	51L-521.95	Hồ Chí Minh	6728	51L-398.09	Hồ Chí Minh	9228	51L-406.55	Hồ Chí Minh
1729	51L-470.59	Hồ Chí Minh	4229	51L-521.96	Hồ Chí Minh	6729	51L-408.36	Hồ Chí Minh	9229	51L-408.77	Hồ Chí Minh
1730	51L-473.56	Hồ Chí Minh	4230	51L-522.16	Hồ Chí Minh	6730	51L-410.56	Hồ Chí Minh	9230	51L-411.59	Hồ Chí Minh
1731	51L-477.16	Hồ Chí Minh	4231	51L-522.58	Hồ Chí Minh	6731	51L-415.06	Hồ Chí Minh	9231	51L-416.09	Hồ Chí Minh
1732	51L-485.19	Hồ Chí Minh	4232	51L-524.95	Hồ Chí Minh	6732	51L-420.09	Hồ Chí Minh	9232	51L-421.56	Hồ Chí Minh
1733	51L-491.55	Hồ Chí Minh	4233	51L-526.16	Hồ Chí Minh	6733	51L-426.22	Hồ Chí Minh	9233	51L-428.08	Hồ Chí Minh
1734	51L-494.55	Hồ Chí Minh	4234	51L-528.15	Hồ Chí Minh	6734	51L-430.11	Hồ Chí Minh	9234	51L-428.59	Hồ Chí Minh
1735	51L-497.55	Hồ Chí Minh	4235	51L-529.19	Hồ Chí Minh	6735	51L-431.18	Hồ Chí Minh	9235	51L-437.33	Hồ Chí Minh
1736	51L-500.65	Hồ Chí Minh	4236	51L-532.06	Hồ Chí Minh	6736	51L-438.09	Hồ Chí Minh	9236	51L-445.33	Hồ Chí Minh
1737	51L-501.35	Hồ Chí Minh	4237	51L-534.98	Hồ Chí Minh	6737	51L-440.08	Hồ Chí Minh	9237	51L-449.00	Hồ Chí Minh
1738	51L-501.58	Hồ Chí Minh	4238	51L-535.56	Hồ Chí Minh	6738	51L-447.06	Hồ Chí Minh	9238	51L-453.55	Hồ Chí Minh
1739	51L-502.85	Hồ Chí Minh	4239	51L-536.28	Hồ Chí Minh	6739	51L-447.58	Hồ Chí Minh	9239	51L-454.09	Hồ Chí Minh
1740	51L-503.26	Hồ Chí Minh	4240	51L-536.33	Hồ Chí Minh	6740	51L-448.33	Hồ Chí Minh	9240	51L-454.19	Hồ Chí Minh
1741	51L-504.33	Hồ Chí Minh	4241	51L-537.18	Hồ Chí Minh	6741	51L-452.06	Hồ Chí Minh	9241	51L-454.36	Hồ Chí Minh
1742	51L-505.11	Hồ Chí Minh	4242	51L-539.98	Hồ Chí Minh	6742	51L-455.59	Hồ Chí Minh	9242	51L-457.16	Hồ Chí Minh
1743	51L-505.35	Hồ Chí Minh	4243	51L-540.28	Hồ Chí Minh	6743	51L-461.08	Hồ Chí Minh	9243	51L-458.38	Hồ Chí Minh
1744	51L-506.36	Hồ Chí Minh	4244	51L-542.33	Hồ Chí Minh	6744	51L-462.58	Hồ Chí Minh	9244	51L-466.56	Hồ Chí Minh
1745	51L-506.59	Hồ Chí Minh	4245	51L-543.25	Hồ Chí Minh	6745	51L-467.08	Hồ Chí Minh	9245	51L-470.56	Hồ Chí Minh
1746	51L-506.85	Hồ Chí Minh	4246	51L-546.55	Hồ Chí Minh	6746	51L-467.55	Hồ Chí Minh	9246	51L-476.00	Hồ Chí Minh
1747	51L-507.98	Hồ Chí Minh	4247	51L-547.33	Hồ Chí Minh	6747	51L-469.06	Hồ Chí Minh	9247	51L-476.55	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1748	51L-509.16	Hồ Chí Minh	4248	51L-551.25	Hồ Chí Minh	6748	51L-470.19	Hồ Chí Minh	9248	51L-482.00	Hồ Chí Minh
1749	51L-509.85	Hồ Chí Minh	4249	51L-551.83	Hồ Chí Minh	6749	51L-479.00	Hồ Chí Minh	9249	51L-484.55	Hồ Chí Minh
1750	51L-510.35	Hồ Chí Minh	4250	51L-553.83	Hồ Chí Minh	6750	51L-479.16	Hồ Chí Minh	9250	51L-488.56	Hồ Chí Minh
1751	51L-510.95	Hồ Chí Minh	4251	51L-559.08	Hồ Chí Minh	6751	51L-480.36	Hồ Chí Minh	9251	51L-489.19	Hồ Chí Minh
1752	51L-516.26	Hồ Chí Minh	4252	51L-560.15	Hồ Chí Minh	6752	51L-486.38	Hồ Chí Minh	9252	51L-492.38	Hồ Chí Minh
1753	51L-516.58	Hồ Chí Minh	4253	51L-568.25	Hồ Chí Minh	6753	51L-490.56	Hồ Chí Minh	9253	51L-493.00	Hồ Chí Minh
1754	51L-521.58	Hồ Chí Minh	4254	51L-570.19	Hồ Chí Minh	6754	51L-493.11	Hồ Chí Minh	9254	51L-496.09	Hồ Chí Minh
1755	51L-523.15	Hồ Chí Minh	4255	51L-572.26	Hồ Chí Minh	6755	51L-496.22	Hồ Chí Minh	9255	51L-497.56	Hồ Chí Minh
1756	51L-526.29	Hồ Chí Minh	4256	51L-576.28	Hồ Chí Minh	6756	51L-500.18	Hồ Chí Minh	9256	51L-501.59	Hồ Chí Minh
1757	51L-527.56	Hồ Chí Minh	4257	51L-576.95	Hồ Chí Minh	6757	51L-505.83	Hồ Chí Minh	9257	51L-501.65	Hồ Chí Minh
1758	51L-532.16	Hồ Chí Minh	4258	51L-581.16	Hồ Chí Minh	6758	51L-512.26	Hồ Chí Minh	9258	51L-501.98	Hồ Chí Minh
1759	51L-533.25	Hồ Chí Minh	4259	51L-587.33	Hồ Chí Minh	6759	51L-520.56	Hồ Chí Minh	9259	51L-503.36	Hồ Chí Minh
1760	51L-535.18	Hồ Chí Minh	4260	51L-589.11	Hồ Chí Minh	6760	51L-521.22	Hồ Chí Minh	9260	51L-506.00	Hồ Chí Minh
1761	51L-537.96	Hồ Chí Minh	4261	51L-589.26	Hồ Chí Minh	6761	51L-524.29	Hồ Chí Minh	9261	51L-508.95	Hồ Chí Minh
1762	51L-538.65	Hồ Chí Minh	4262	51L-590.06	Hồ Chí Minh	6762	51L-525.58	Hồ Chí Minh	9262	51L-509.18	Hồ Chí Minh
1763	51L-539.28	Hồ Chí Minh	4263	51L-593.36	Hồ Chí Minh	6763	51L-529.55	Hồ Chí Minh	9263	51L-509.28	Hồ Chí Minh
1764	51L-542.44	Hồ Chí Minh	4264	51L-594.15	Hồ Chí Minh	6764	51L-530.19	Hồ Chí Minh	9264	51L-514.85	Hồ Chí Minh
1765	51L-546.58	Hồ Chí Minh	4265	51L-594.25	Hồ Chí Minh	6765	51L-530.44	Hồ Chí Minh	9265	51L-515.44	Hồ Chí Minh
1766	51L-548.85	Hồ Chí Minh	4266	51L-595.19	Hồ Chí Minh	6766	51L-531.00	Hồ Chí Minh	9266	51L-515.96	Hồ Chí Minh
1767	51L-558.00	Hồ Chí Minh	4267	51L-597.09	Hồ Chí Minh	6767	51L-531.09	Hồ Chí Minh	9267	51L-516.17	Hồ Chí Minh
1768	51L-558.56	Hồ Chí Minh	4268	51L-597.44	Hồ Chí Minh	6768	51L-531.56	Hồ Chí Minh	9268	51L-516.38	Hồ Chí Minh
1769	51L-565.36	Hồ Chí Minh	4269	51L-598.63	Hồ Chí Minh	6769	51L-536.09	Hồ Chí Minh	9269	51L-518.29	Hồ Chí Minh
1770	51L-568.96	Hồ Chí Minh	4270	51L-598.74	Hồ Chí Minh	6770	51L-536.96	Hồ Chí Minh	9270	51L-519.33	Hồ Chí Minh
1771	51L-569.38	Hồ Chí Minh	4271	51L-599.24	Hồ Chí Minh	6771	51L-537.36	Hồ Chí Minh	9271	51L-522.09	Hồ Chí Minh
1772	51L-570.22	Hồ Chí Minh	4272	51L-599.43	Hồ Chí Minh	6772	51L-537.55	Hồ Chí Minh	9272	51L-523.35	Hồ Chí Minh
1773	51L-574.08	Hồ Chí Minh	4273	51L-599.58	Hồ Chí Minh	6773	51L-537.59	Hồ Chí Minh	9273	51L-527.38	Hồ Chí Minh
1774	51L-577.08	Hồ Chí Minh	4274	51L-601.34	Hồ Chí Minh	6774	51L-538.28	Hồ Chí Minh	9274	51L-535.06	Hồ Chí Minh
1775	51L-577.59	Hồ Chí Minh	4275	51L-602.57	Hồ Chí Minh	6775	51L-540.18	Hồ Chí Minh	9275	51L-540.38	Hồ Chí Minh
1776	51L-578.11	Hồ Chí Minh	4276	51L-603.17	Hồ Chí Minh	6776	51L-542.95	Hồ Chí Minh	9276	51L-543.35	Hồ Chí Minh
1777	51L-580.56	Hồ Chí Minh	4277	51L-603.27	Hồ Chí Minh	6777	51L-543.58	Hồ Chí Minh	9277	51L-545.06	Hồ Chí Minh
1778	51L-580.83	Hồ Chí Minh	4278	51L-605.74	Hồ Chí Minh	6778	51L-548.95	Hồ Chí Minh	9278	51L-545.11	Hồ Chí Minh
1779	51L-581.15	Hồ Chí Minh	4279	51L-605.94	Hồ Chí Minh	6779	51L-549.55	Hồ Chí Minh	9279	51L-545.44	Hồ Chí Minh
1780	51L-581.26	Hồ Chí Minh	4280	51L-606.33	Hồ Chí Minh	6780	51L-551.08	Hồ Chí Minh	9280	51L-545.58	Hồ Chí Minh
1781	51L-583.95	Hồ Chí Minh	4281	51L-606.45	Hồ Chí Minh	6781	51L-551.26	Hồ Chí Minh	9281	51L-546.36	Hồ Chí Minh
1782	51L-584.29	Hồ Chí Minh	4282	51L-607.27	Hồ Chí Minh	6782	51L-551.98	Hồ Chí Minh	9282	51L-546.96	Hồ Chí Minh
1783	51L-586.98	Hồ Chí Minh	4283	51L-608.40	Hồ Chí Minh	6783	51L-553.56	Hồ Chí Minh	9283	51L-548.00	Hồ Chí Minh
1784	51L-589.38	Hồ Chí Minh	4284	51L-609.52	Hồ Chí Minh	6784	51L-556.85	Hồ Chí Minh	9284	51L-548.83	Hồ Chí Minh
1785	51L-593.11	Hồ Chí Minh	4285	51L-611.27	Hồ Chí Minh	6785	51L-566.18	Hồ Chí Minh	9285	51L-552.18	Hồ Chí Minh
1786	51L-593.85	Hồ Chí Minh	4286	51L-611.92	Hồ Chí Minh	6786	51L-571.26	Hồ Chí Minh	9286	51L-552.38	Hồ Chí Minh
1787	51L-594.00	Hồ Chí Minh	4287	51L-612.14	Hồ Chí Minh	6787	51L-572.33	Hồ Chí Minh	9287	51L-552.59	Hồ Chí Minh
1788	51L-596.16	Hồ Chí Minh	4288	51L-615.65	Hồ Chí Minh	6788	51L-572.85	Hồ Chí Minh	9288	51L-553.16	Hồ Chí Minh
1789	51L-596.19	Hồ Chí Minh	4289	51M-001.22	Hồ Chí Minh	6789	51L-581.29	Hồ Chí Minh	9289	51L-554.08	Hồ Chí Minh
1790	51L-597.19	Hồ Chí Minh	4290	51M-002.44	Hồ Chí Minh	6790	51L-585.98	Hồ Chí Minh	9290	51L-554.65	Hồ Chí Minh
1791	51L-602.55	Hồ Chí Minh	4291	51M-003.29	Hồ Chí Minh	6791	51L-588.95	Hồ Chí Minh	9291	51L-559.00	Hồ Chí Minh
1792	51L-603.51	Hồ Chí Minh	4292	51M-005.98	Hồ Chí Minh	6792	51L-592.98	Hồ Chí Minh	9292	51L-560.85	Hồ Chí Minh
1793	51L-605.48	Hồ Chí Minh	4293	51M-006.56	Hồ Chí Minh	6793	51L-593.28	Hồ Chí Minh	9293	51L-561.28	Hồ Chí Minh
1794	51L-606.23	Hồ Chí Minh	4294	51M-006.83	Hồ Chí Minh	6794	51L-596.06	Hồ Chí Minh	9294	51L-569.44	Hồ Chí Minh
1795	51L-611.43	Hồ Chí Minh	4295	51M-007.98	Hồ Chí Minh	6795	51L-599.53	Hồ Chí Minh	9295	51L-571.28	Hồ Chí Minh
1796	51L-613.54	Hồ Chí Minh	4296	51M-008.33	Hồ Chí Minh	6796	51L-600.41	Hồ Chí Minh	9296	51L-571.85	Hồ Chí Minh
1797	51L-616.55	Hồ Chí Minh	4297	60C-716.73	Đồng Nai	6797	51L-602.47	Hồ Chí Minh	9297	51L-575.29	Hồ Chí Minh
1798	51M-001.61	Hồ Chí Minh	4298	60C-716.95	Đồng Nai	6798	51L-604.24	Hồ Chí Minh	9298	51L-576.00	Hồ Chí Minh
1799	51M-001.81	Hồ Chí Minh	4299	60C-719.11	Đồng Nai	6799	51L-604.59	Hồ Chí Minh	9299	51L-577.38	Hồ Chí Minh
1800	51M-002.83	Hồ Chí Minh	4300	60C-720.22	Đồng Nai	6800	51L-605.01	Hồ Chí Minh	9300	51L-578.29	Hồ Chí Minh
1801	51M-003.83	Hồ Chí Minh	4301	60C-720.28	Đồng Nai	6801	51L-605.04	Hồ Chí Minh	9301	51L-579.28	Hồ Chí Minh
1802	51M-004.35	Hồ Chí Minh	4302	60C-721.55	Đồng Nai	6802	51L-605.21	Hồ Chí Minh	9302	51L-579.44	Hồ Chí Minh
1803	51M-005.25	Hồ Chí Minh	4303	60C-723.58	Đồng Nai	6803	51L-605.61	Hồ Chí Minh	9303	51L-582.77	Hồ Chí Minh
1804	51M-005.28	Hồ Chí Minh	4304	60C-724.11	Đồng Nai	6804	51L-606.48	Hồ Chí Minh	9304	51L-583.26	Hồ Chí Minh
1805	51M-005.59	Hồ Chí Minh	4305	60C-725.36	Đồng Nai	6805	51L-606.58	Hồ Chí Minh	9305	51L-583.55	Hồ Chí Minh
1806	51M-005.96	Hồ Chí Minh	4306	60C-726.00	Đồng Nai	6806	51L-607.16	Hồ Chí Minh	9306	51L-585.16	Hồ Chí Minh
1807	51M-006.65	Hồ Chí Minh	4307	60C-726.44	Đồng Nai	6807	51L-607.85	Hồ Chí Minh	9307	51L-587.11	Hồ Chí Minh
1808	51M-008.15	Hồ Chí Minh	4308	60C-726.59	Đồng Nai	6808	51L-608.09	Hồ Chí Minh	9308	51L-596.28	Hồ Chí Minh
1809	51M-008.19	Hồ Chí Minh	4309	60C-727.18	Đồng Nai	6809	51L-609.33	Hồ Chí Minh	9309	51L-597.36	Hồ Chí Minh
1810	60C-715.98	Đồng Nai	4310	60D-018.38	Đồng Nai	6810	51L-609.97	Hồ Chí Minh	9310	51L-597.38	Hồ Chí Minh
1811	60C-716.25	Đồng Nai	4311	60K-497.47	Đồng Nai	6811	51L-610.48	Hồ Chí Minh	9311	51L-598.76	Hồ Chí Minh
1812	60C-718.19	Đồng Nai	4312	60K-497.54	Đồng Nai	6812	51L-610.63	Hồ Chí Minh	9312	51L-600.10	Hồ Chí Minh
1813	60C-718.77	Đồng Nai	4313	60K-499.25	Đồng Nai	6813	51L-616.58	Hồ Chí Minh	9313	51L-600.96	Hồ Chí Minh
1814	60C-719.95	Đồng Nai	4314	60K-500.58	Đồng Nai	6814	51M-001.80	Hồ Chí Minh	9314	51L-601.80	Hồ Chí Minh
1815	60C-725.65	Đồng Nai	4315	60K-501.09	Đồng Nai	6815	51M-002.38	Hồ Chí Minh	9315	51L-604.09	Hồ Chí Minh
1816	60C-726.85	Đồng Nai	4316	60K-503.25	Đồng Nai	6816	51M-002.58	Hồ Chí Minh	9316	51L-605.31	Hồ Chí Minh
1817	60C-727.11	Đồng Nai	4317	60K-503.85	Đồng Nai	6817	51M-003.28	Hồ Chí Minh	9317	51L-607.09	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1818	60K-497.28	Đồng Nai	4318	60K-504.22	Đồng Nai	6818	51M-004.38	Hồ Chí Minh	9318	51L-608.25	Hồ Chí Minh
1819	60K-498.18	Đồng Nai	4319	60K-505.38	Đồng Nai	6819	51M-005.11	Hồ Chí Minh	9319	51L-609.29	Hồ Chí Minh
1820	60K-501.00	Đồng Nai	4320	60K-505.77	Đồng Nai	6820	51M-008.06	Hồ Chí Minh	9320	51L-609.58	Hồ Chí Minh
1821	60K-504.95	Đồng Nai	4321	60K-508.85	Đồng Nai	6821	60C-716.62	Đồng Nai	9321	51L-610.05	Hồ Chí Minh
1822	60K-505.09	Đồng Nai	4322	60K-510.35	Đồng Nai	6822	60C-716.76	Đồng Nai	9322	51L-610.58	Hồ Chí Minh
1823	60K-506.29	Đồng Nai	4323	60K-510.44	Đồng Nai	6823	60C-716.92	Đồng Nai	9323	51L-610.83	Hồ Chí Minh
1824	60K-506.35	Đồng Nai	4324	60K-512.26	Đồng Nai	6824	60C-717.30	Đồng Nai	9324	51L-611.98	Hồ Chí Minh
1825	60K-506.38	Đồng Nai	4325	60K-513.06	Đồng Nai	6825	60C-717.85	Đồng Nai	9325	51L-613.02	Hồ Chí Minh
1826	60K-507.58	Đồng Nai	4326	60K-513.22	Đồng Nai	6826	60C-720.55	Đồng Nai	9326	51L-616.17	Hồ Chí Minh
1827	60K-510.06	Đồng Nai	4327	60K-513.56	Đồng Nai	6827	60C-721.26	Đồng Nai	9327	51L-617.38	Hồ Chí Minh
1828	60K-511.35	Đồng Nai	4328	60K-514.11	Đồng Nai	6828	60C-721.56	Đồng Nai	9328	51M-000.85	Hồ Chí Minh
1829	60K-512.28	Đồng Nai	4329	60K-517.25	Đồng Nai	6829	60C-721.83	Đồng Nai	9329	51M-001.06	Hồ Chí Minh
1830	60K-512.95	Đồng Nai	4330	60K-521.35	Đồng Nai	6830	60C-722.65	Đồng Nai	9330	51M-001.93	Hồ Chí Minh
1831	60K-513.85	Đồng Nai	4331	60K-521.85	Đồng Nai	6831	60C-724.00	Đồng Nai	9331	51M-001.96	Hồ Chí Minh
1832	60K-514.83	Đồng Nai	4332	60K-523.85	Đồng Nai	6832	60C-725.33	Đồng Nai	9332	51M-003.22	Hồ Chí Minh
1833	60K-515.22	Đồng Nai	4333	60K-524.28	Đồng Nai	6833	60C-727.36	Đồng Nai	9333	51M-007.33	Hồ Chí Minh
1834	60K-515.56	Đồng Nai	4334	60K-524.85	Đồng Nai	6834	60C-727.85	Đồng Nai	9334	60C-714.83	Đồng Nai
1835	60K-516.09	Đồng Nai	4335	60K-525.95	Đồng Nai	6835	60K-497.26	Đồng Nai	9335	60C-715.95	Đồng Nai
1836	60K-516.25	Đồng Nai	4336	60K-527.00	Đồng Nai	6836	60K-498.02	Đồng Nai	9336	60C-718.09	Đồng Nai
1837	60K-518.77	Đồng Nai	4337	60K-527.35	Đồng Nai	6837	60K-501.16	Đồng Nai	9337	60C-718.16	Đồng Nai
1838	60K-519.44	Đồng Nai	4338	60K-527.56	Đồng Nai	6838	60K-501.95	Đồng Nai	9338	60C-718.85	Đồng Nai
1839	60K-522.96	Đồng Nai	4339	60K-527.98	Đồng Nai	6839	60K-504.58	Đồng Nai	9339	60C-720.15	Đồng Nai
1840	60K-523.59	Đồng Nai	4340	60K-529.06	Đồng Nai	6840	60K-505.11	Đồng Nai	9340	60C-720.38	Đồng Nai
1841	60K-525.00	Đồng Nai	4341	60K-530.25	Đồng Nai	6841	60K-506.36	Đồng Nai	9341	60C-721.00	Đồng Nai
1842	60K-526.58	Đồng Nai	4342	60K-532.08	Đồng Nai	6842	60K-506.95	Đồng Nai	9342	60C-721.22	Đồng Nai
1843	60K-527.58	Đồng Nai	4343	60K-533.98	Đồng Nai	6843	60K-507.16	Đồng Nai	9343	60C-723.08	Đồng Nai
1844	60K-527.85	Đồng Nai	4344	60K-534.19	Đồng Nai	6844	60K-508.58	Đồng Nai	9344	60C-723.65	Đồng Nai
1845	60K-528.83	Đồng Nai	4345	60K-535.77	Đồng Nai	6845	60K-510.08	Đồng Nai	9345	60C-724.35	Đồng Nai
1846	60K-530.55	Đồng Nai	4346	60K-540.08	Đồng Nai	6846	60K-513.08	Đồng Nai	9346	60C-724.58	Đồng Nai
1847	60K-533.25	Đồng Nai	4347	60K-540.36	Đồng Nai	6847	60K-513.96	Đồng Nai	9347	60C-724.65	Đồng Nai
1848	60K-536.08	Đồng Nai	4348	60K-540.56	Đồng Nai	6848	60K-514.19	Đồng Nai	9348	60C-726.65	Đồng Nai
1849	60K-536.15	Đồng Nai	4349	60K-540.65	Đồng Nai	6849	60K-514.65	Đồng Nai	9349	60C-727.44	Đồng Nai
1850	60K-536.19	Đồng Nai	4350	61C-577.59	Bình Dương	6850	60K-518.38	Đồng Nai	9350	60K-497.25	Đồng Nai
1851	60K-537.08	Đồng Nai	4351	61C-578.11	Bình Dương	6851	60K-519.28	Đồng Nai	9351	60K-500.28	Đồng Nai
1852	60K-537.95	Đồng Nai	4352	61C-578.18	Bình Dương	6852	60K-519.95	Đồng Nai	9352	60K-500.95	Đồng Nai
1853	60K-538.55	Đồng Nai	4353	61C-582.83	Bình Dương	6853	60K-522.56	Đồng Nai	9353	60K-502.29	Đồng Nai
1854	60K-539.33	Đồng Nai	4354	61C-583.44	Bình Dương	6854	60K-523.00	Đồng Nai	9354	60K-503.44	Đồng Nai
1855	60K-540.11	Đồng Nai	4355	61C-584.11	Bình Dương	6855	60K-523.24	Đồng Nai	9355	60K-506.00	Đồng Nai
1856	60K-541.85	Đồng Nai	4356	61C-584.98	Bình Dương	6856	60K-526.85	Đồng Nai	9356	60K-506.19	Đồng Nai
1857	60K-542.65	Đồng Nai	4357	61C-585.56	Bình Dương	6857	60K-527.06	Đồng Nai	9357	60K-508.15	Đồng Nai
1858	60K-542.83	Đồng Nai	4358	61C-586.65	Bình Dương	6858	60K-527.29	Đồng Nai	9358	60K-508.16	Đồng Nai
1859	60K-543.38	Đồng Nai	4359	61C-587.22	Bình Dương	6859	60K-531.16	Đồng Nai	9359	60K-509.08	Đồng Nai
1860	60K-543.44	Đồng Nai	4360	61C-587.83	Bình Dương	6860	60K-531.19	Đồng Nai	9360	60K-509.58	Đồng Nai
1861	60K-543.98	Đồng Nai	4361	61D-019.00	Bình Dương	6861	60K-532.58	Đồng Nai	9361	60K-509.85	Đồng Nai
1862	61C-573.38	Bình Dương	4362	61K-398.33	Bình Dương	6862	60K-532.65	Đồng Nai	9362	60K-511.08	Đồng Nai
1863	61C-574.55	Bình Dương	4363	61K-403.28	Bình Dương	6863	60K-537.18	Đồng Nai	9363	60K-511.19	Đồng Nai
1864	61C-574.77	Bình Dương	4364	61K-403.29	Bình Dương	6864	60K-538.06	Đồng Nai	9364	60K-515.38	Đồng Nai
1865	61C-575.36	Bình Dương	4365	61K-404.20	Bình Dương	6865	60K-538.58	Đồng Nai	9365	60K-515.96	Đồng Nai
1866	61C-580.15	Bình Dương	4366	61K-404.34	Bình Dương	6866	60K-539.00	Đồng Nai	9366	60K-516.28	Đồng Nai
1867	61C-583.84	Bình Dương	4367	61K-404.36	Bình Dương	6867	60K-539.36	Đồng Nai	9367	60K-516.36	Đồng Nai
1868	61C-585.83	Bình Dương	4368	61K-404.51	Bình Dương	6868	60K-539.83	Đồng Nai	9368	60K-516.65	Đồng Nai
1869	61C-587.55	Bình Dương	4369	61K-405.45	Bình Dương	6869	60K-541.26	Đồng Nai	9369	60K-517.85	Đồng Nai
1870	61K-402.25	Bình Dương	4370	61K-405.91	Bình Dương	6870	60K-541.56	Đồng Nai	9370	60K-519.56	Đồng Nai
1871	61K-403.55	Bình Dương	4371	61K-407.55	Bình Dương	6871	60K-542.15	Đồng Nai	9371	60K-523.44	Đồng Nai
1872	61K-404.94	Bình Dương	4372	61K-408.29	Bình Dương	6872	60K-543.06	Đồng Nai	9372	60K-523.56	Đồng Nai
1873	61K-405.25	Bình Dương	4373	61K-409.06	Bình Dương	6873	60K-543.35	Đồng Nai	9373	60K-524.35	Đồng Nai
1874	61K-405.87	Bình Dương	4374	61K-409.58	Bình Dương	6874	61B-041.08	Bình Dương	9374	60K-524.36	Đồng Nai
1875	61K-406.33	Bình Dương	4375	61K-409.98	Bình Dương	6875	61C-574.38	Bình Dương	9375	60K-525.09	Đồng Nai
1876	61K-406.83	Bình Dương	4376	61K-411.09	Bình Dương	6876	61C-579.00	Bình Dương	9376	60K-528.58	Đồng Nai
1877	61K-408.00	Bình Dương	4377	61K-411.29	Bình Dương	6877	61C-581.00	Bình Dương	9377	60K-529.08	Đồng Nai
1878	61K-409.65	Bình Dương	4378	61K-411.98	Bình Dương	6878	61C-582.26	Bình Dương	9378	60K-529.16	Đồng Nai
1879	61K-411.08	Bình Dương	4379	61K-414.06	Bình Dương	6879	61C-584.28	Bình Dương	9379	60K-529.36	Đồng Nai
1880	61K-411.35	Bình Dương	4380	61K-416.26	Bình Dương	6880	61C-584.55	Bình Dương	9380	60K-531.96	Đồng Nai
1881	61K-412.44	Bình Dương	4381	61K-416.28	Bình Dương	6881	61C-585.36	Bình Dương	9381	60K-532.28	Đồng Nai
1882	61K-413.11	Bình Dương	4382	61K-417.35	Bình Dương	6882	61C-585.77	Bình Dương	9382	60K-532.36	Đồng Nai
1883	61K-413.18	Bình Dương	4383	61K-417.38	Bình Dương	6883	61C-586.11	Bình Dương	9383	60K-533.16	Đồng Nai
1884	61K-414.25	Bình Dương	4384	61K-418.65	Bình Dương	6884	61C-586.98	Bình Dương	9384	60K-533.34	Đồng Nai
1885	61K-416.95	Bình Dương	4385	61K-419.11	Bình Dương	6885	61C-587.95	Bình Dương	9385	60K-533.58	Đồng Nai
1886	61K-418.83	Bình Dương	4386	61K-421.29	Bình Dương	6886	61K-398.58	Bình Dương	9386	60K-534.11	Đồng Nai
1887	61K-418.85	Bình Dương	4387	61K-423.77	Bình Dương	6887	61K-398.83	Bình Dương	9387	60K-535.15	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1888	61K-420.19	Bình Dương	4388	61K-424.58	Bình Dương	6888	61K-402.59	Bình Dương	9388	60K-536.25	Đồng Nai
1889	61K-421.36	Bình Dương	4389	61K-425.00	Bình Dương	6889	61K-404.50	Bình Dương	9389	60K-536.26	Đồng Nai
1890	61K-422.85	Bình Dương	4390	61K-425.85	Bình Dương	6890	61K-405.09	Bình Dương	9390	60K-536.56	Đồng Nai
1891	61K-424.00	Bình Dương	4391	61K-428.96	Bình Dương	6891	61K-405.35	Bình Dương	9391	60K-538.44	Đồng Nai
1892	61K-425.65	Bình Dương	4392	61K-429.35	Bình Dương	6892	61K-405.78	Bình Dương	9392	60K-539.55	Đồng Nai
1893	61K-426.65	Bình Dương	4393	61K-429.85	Bình Dương	6893	61K-406.56	Bình Dương	9393	60K-540.09	Đồng Nai
1894	61K-426.83	Bình Dương	4394	61K-431.55	Bình Dương	6894	61K-408.25	Bình Dương	9394	60K-541.35	Đồng Nai
1895	61K-427.16	Bình Dương	4395	61K-433.26	Bình Dương	6895	61K-408.85	Bình Dương	9395	60K-541.36	Đồng Nai
1896	61K-427.28	Bình Dương	4396	61K-434.16	Bình Dương	6896	61K-410.38	Bình Dương	9396	60K-542.16	Đồng Nai
1897	61K-427.56	Bình Dương	4397	61K-434.28	Bình Dương	6897	61K-413.38	Bình Dương	9397	60K-543.85	Đồng Nai
1898	61K-427.95	Bình Dương	4398	61K-434.77	Bình Dương	6898	61K-414.08	Bình Dương	9398	61B-041.09	Bình Dương
1899	61K-428.38	Bình Dương	4399	61K-436.98	Bình Dương	6899	61K-415.18	Bình Dương	9399	61B-041.19	Bình Dương
1900	61K-428.65	Bình Dương	4400	61K-438.55	Bình Dương	6900	61K-415.36	Bình Dương	9400	61C-579.56	Bình Dương
1901	61K-429.56	Bình Dương	4401	61K-439.06	Bình Dương	6901	61K-415.98	Bình Dương	9401	61C-580.36	Bình Dương
1902	61K-430.35	Bình Dương	4402	61K-439.29	Bình Dương	6902	61K-416.09	Bình Dương	9402	61C-580.55	Bình Dương
1903	61K-433.98	Bình Dương	4403	61K-439.77	Bình Dương	6903	61K-416.65	Bình Dương	9403	61C-582.96	Bình Dương
1904	61K-434.36	Bình Dương	4404	61K-441.00	Bình Dương	6904	61K-418.28	Bình Dương	9404	61C-583.06	Bình Dương
1905	61K-435.18	Bình Dương	4405	61K-441.56	Bình Dương	6905	61K-420.33	Bình Dương	9405	61D-019.33	Bình Dương
1906	61K-435.19	Bình Dương	4406	62A-424.36	Long An	6906	61K-422.36	Bình Dương	9406	61K-407.96	Bình Dương
1907	61K-435.56	Bình Dương	4407	62A-427.08	Long An	6907	61K-422.83	Bình Dương	9407	61K-410.08	Bình Dương
1908	61K-436.08	Bình Dương	4408	62A-427.22	Long An	6908	61K-423.59	Bình Dương	9408	61K-412.18	Bình Dương
1909	61K-436.35	Bình Dương	4409	62A-436.44	Long An	6909	61K-424.18	Bình Dương	9409	61K-413.09	Bình Dương
1910	61K-436.95	Bình Dương	4410	62A-437.00	Long An	6910	61K-425.38	Bình Dương	9410	61K-413.85	Bình Dương
1911	61K-437.15	Bình Dương	4411	62A-438.85	Long An	6911	61K-429.33	Bình Dương	9411	61K-414.28	Bình Dương
1912	61K-437.19	Bình Dương	4412	62A-440.56	Long An	6912	61K-430.06	Bình Dương	9412	61K-415.09	Bình Dương
1913	61K-437.28	Bình Dương	4413	62A-440.83	Long An	6913	61K-431.59	Bình Dương	9413	61K-416.15	Bình Dương
1914	61K-437.98	Bình Dương	4414	62A-441.09	Long An	6914	61K-434.15	Bình Dương	9414	61K-416.56	Bình Dương
1915	61K-439.15	Bình Dương	4415	62A-443.36	Long An	6915	61K-434.29	Bình Dương	9415	61K-417.18	Bình Dương
1916	61K-439.22	Bình Dương	4416	62A-446.35	Long An	6916	61K-438.11	Bình Dương	9416	61K-417.26	Bình Dương
1917	61K-440.41	Bình Dương	4417	62A-446.96	Long An	6917	61K-438.15	Bình Dương	9417	61K-417.36	Bình Dương
1918	61K-440.85	Bình Dương	4418	62A-448.19	Long An	6918	61K-441.42	Bình Dương	9418	61K-417.59	Bình Dương
1919	61K-441.16	Bình Dương	4419	62B-028.08	Long An	6919	62A-423.56	Long An	9419	61K-418.59	Bình Dương
1920	61K-441.33	Bình Dương	4420	62C-196.11	Long An	6920	62A-429.00	Long An	9420	61K-421.00	Bình Dương
1921	62A-424.58	Long An	4421	62C-199.38	Long An	6921	62A-433.85	Long An	9421	61K-421.18	Bình Dương
1922	62A-435.08	Long An	4422	62C-200.58	Long An	6922	62A-437.18	Long An	9422	61K-423.55	Bình Dương
1923	62A-436.22	Long An	4423	62C-201.58	Long An	6923	62A-438.15	Long An	9423	61K-424.11	Bình Dương
1924	62A-439.59	Long An	4424	62C-206.18	Long An	6924	62A-440.28	Long An	9424	61K-425.18	Bình Dương
1925	62A-440.95	Long An	4425	62C-206.55	Long An	6925	62A-441.35	Long An	9425	61K-429.09	Bình Dương
1926	62A-441.00	Long An	4426	62C-206.77	Long An	6926	62A-442.19	Long An	9426	61K-429.19	Bình Dương
1927	62A-441.55	Long An	4427	62C-208.19	Long An	6927	62A-442.77	Long An	9427	61K-431.33	Bình Dương
1928	62A-445.25	Long An	4428	62C-209.06	Long An	6928	62A-443.19	Long An	9428	61K-432.44	Bình Dương
1929	62A-445.85	Long An	4429	62C-209.18	Long An	6929	62A-443.29	Long An	9429	61K-432.96	Bình Dương
1930	62A-446.09	Long An	4430	63A-298.00	Tiền Giang	6930	62A-445.65	Long An	9430	61K-433.06	Bình Dương
1931	62A-449.29	Long An	4431	63A-298.25	Tiền Giang	6931	62A-446.18	Long An	9431	61K-433.36	Bình Dương
1932	62B-028.00	Long An	4432	63A-300.16	Tiền Giang	6932	62A-447.19	Long An	9432	61K-435.25	Bình Dương
1933	62C-196.33	Long An	4433	63A-300.29	Tiền Giang	6933	62A-447.25	Long An	9433	61K-437.22	Bình Dương
1934	62C-199.06	Long An	4434	63A-302.83	Tiền Giang	6934	62A-447.28	Long An	9434	61K-437.83	Bình Dương
1935	62C-204.00	Long An	4435	63A-303.09	Tiền Giang	6935	62A-448.22	Long An	9435	61K-438.08	Bình Dương
1936	62C-204.09	Long An	4436	63A-304.06	Tiền Giang	6936	62C-196.00	Long An	9436	61K-439.26	Bình Dương
1937	62C-207.58	Long An	4437	63A-306.11	Tiền Giang	6937	62C-197.38	Long An	9437	61K-440.56	Bình Dương
1938	62C-207.59	Long An	4438	63C-210.18	Tiền Giang	6938	62C-199.09	Long An	9438	62A-424.19	Long An
1939	62C-208.33	Long An	4439	63C-212.09	Tiền Giang	6939	62C-199.36	Long An	9439	62A-428.38	Long An
1940	62C-210.19	Long An	4440	63C-212.44	Tiền Giang	6940	62C-201.19	Long An	9440	62A-430.06	Long An
1941	62C-210.36	Long An	4441	63C-215.19	Tiền Giang	6941	62C-203.16	Long An	9441	62A-431.58	Long An
1942	62D-011.26	Long An	4442	63C-216.85	Tiền Giang	6942	62C-205.77	Long An	9442	62A-445.28	Long An
1943	63A-295.26	Tiền Giang	4443	63C-217.58	Tiền Giang	6943	62C-207.11	Long An	9443	62A-445.96	Long An
1944	63A-298.95	Tiền Giang	4444	63C-219.26	Tiền Giang	6944	62C-208.16	Long An	9444	62A-446.83	Long An
1945	63A-299.01	Tiền Giang	4445	63C-219.56	Tiền Giang	6945	62C-210.11	Long An	9445	62A-448.77	Long An
1946	63A-299.38	Tiền Giang	4446	64A-188.19	Vĩnh Long	6946	62C-210.35	Long An	9446	62C-196.59	Long An
1947	63A-299.95	Tiền Giang	4447	64A-189.28	Vĩnh Long	6947	63A-295.06	Tiền Giang	9447	62C-197.33	Long An
1948	63A-302.06	Tiền Giang	4448	64A-189.65	Vĩnh Long	6948	63A-296.00	Tiền Giang	9448	62C-199.08	Long An
1949	63A-305.09	Tiền Giang	4449	64A-190.13	Vĩnh Long	6949	63A-297.56	Tiền Giang	9449	62C-200.08	Long An
1950	63A-305.35	Tiền Giang	4450	64A-190.40	Vĩnh Long	6950	63A-297.85	Tiền Giang	9450	62C-200.36	Long An
1951	63A-305.36	Tiền Giang	4451	64A-190.51	Vĩnh Long	6951	63A-299.04	Tiền Giang	9451	62C-202.16	Long An
1952	63A-305.44	Tiền Giang	4452	64A-192.26	Vĩnh Long	6952	63A-299.05	Tiền Giang	9452	62C-203.08	Long An
1953	63C-210.38	Tiền Giang	4453	64A-192.55	Vĩnh Long	6953	63A-299.26	Tiền Giang	9453	62C-206.22	Long An
1954	63C-212.33	Tiền Giang	4454	64A-193.96	Vĩnh Long	6954	63A-303.18	Tiền Giang	9454	62C-207.56	Long An
1955	63C-214.22	Tiền Giang	4455	64A-194.11	Vĩnh Long	6955	63A-303.38	Tiền Giang	9455	62C-209.38	Long An
1956	63C-216.36	Tiền Giang	4456	64A-194.25	Vĩnh Long	6956	63A-303.56	Tiền Giang	9456	63A-296.09	Tiền Giang
1957	63C-217.36	Tiền Giang	4457	64C-116.38	Vĩnh Long	6957	63A-303.95	Tiền Giang	9457	63A-298.22	Tiền Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1958	63C-217.98	Tiền Giang	4458	65A-436.11	Cần Thơ	6958	63A-304.25	Tiền Giang	9458	63A-299.42	Tiền Giang
1959	63C-218.25	Tiền Giang	4459	65A-436.19	Cần Thơ	6959	63A-304.95	Tiền Giang	9459	63A-299.81	Tiền Giang
1960	63C-218.26	Tiền Giang	4460	65A-443.18	Cần Thơ	6960	63C-211.59	Tiền Giang	9460	63A-301.19	Tiền Giang
1961	63C-218.33	Tiền Giang	4461	65A-452.06	Cần Thơ	6961	63C-213.59	Tiền Giang	9461	63A-301.83	Tiền Giang
1962	63D-008.83	Tiền Giang	4462	65A-461.33	Cần Thơ	6962	63C-215.18	Tiền Giang	9462	63A-302.19	Tiền Giang
1963	64A-187.95	Vĩnh Long	4463	65A-461.36	Cần Thơ	6963	63C-216.06	Tiền Giang	9463	63A-302.56	Tiền Giang
1964	64A-188.25	Vĩnh Long	4464	65A-463.22	Cần Thơ	6964	63C-218.96	Tiền Giang	9464	63A-303.25	Tiền Giang
1965	64A-188.83	Vĩnh Long	4465	65A-466.56	Cần Thơ	6965	64A-187.00	Vĩnh Long	9465	63A-304.36	Tiền Giang
1966	64A-189.04	Vĩnh Long	4466	65A-468.16	Cần Thơ	6966	64A-187.36	Vĩnh Long	9466	63A-304.83	Tiền Giang
1967	64A-189.74	Vĩnh Long	4467	65A-470.09	Cần Thơ	6967	64A-188.26	Vĩnh Long	9467	63A-306.29	Tiền Giang
1968	64A-191.65	Vĩnh Long	4468	65A-470.38	Cần Thơ	6968	64A-191.08	Vĩnh Long	9468	63C-213.22	Tiền Giang
1969	64A-193.15	Vĩnh Long	4469	65A-471.18	Cần Thơ	6969	64A-191.35	Vĩnh Long	9469	63C-213.77	Tiền Giang
1970	64C-115.19	Vĩnh Long	4470	65A-476.09	Cần Thơ	6970	64A-192.96	Vĩnh Long	9470	63C-216.25	Tiền Giang
1971	64C-119.09	Vĩnh Long	4471	65A-478.11	Cần Thơ	6971	64B-013.56	Vĩnh Long	9471	63C-216.26	Tiền Giang
1972	64C-119.55	Vĩnh Long	4472	65A-478.44	Cần Thơ	6972	64C-115.22	Vĩnh Long	9472	63C-216.35	Tiền Giang
1973	64C-121.08	Vĩnh Long	4473	65A-478.59	Cần Thơ	6973	64C-116.09	Vĩnh Long	9473	63C-217.44	Tiền Giang
1974	65A-441.77	Cần Thơ	4474	65A-479.22	Cần Thơ	6974	64C-116.56	Vĩnh Long	9474	63C-218.35	Tiền Giang
1975	65A-443.09	Cần Thơ	4475	65A-486.11	Cần Thơ	6975	64C-118.09	Vĩnh Long	9475	63C-219.36	Tiền Giang
1976	65A-445.58	Cần Thơ	4476	65A-486.33	Cần Thơ	6976	64C-121.09	Vĩnh Long	9476	63C-219.59	Tiền Giang
1977	65A-455.09	Cần Thơ	4477	65A-487.11	Cần Thơ	6977	64C-121.15	Vĩnh Long	9477	63C-219.65	Tiền Giang
1978	65A-459.00	Cần Thơ	4478	65A-488.19	Cần Thơ	6978	65A-435.19	Cần Thơ	9478	63D-008.95	Tiền Giang
1979	65A-461.19	Cần Thơ	4479	65A-490.33	Cần Thơ	6979	65A-436.56	Cần Thơ	9479	64A-186.55	Vĩnh Long
1980	65A-462.08	Cần Thơ	4480	65A-491.08	Cần Thơ	6980	65A-439.55	Cần Thơ	9480	64A-187.33	Vĩnh Long
1981	65A-465.33	Cần Thơ	4481	65C-212.11	Cần Thơ	6981	65A-440.16	Cần Thơ	9481	64A-188.15	Vĩnh Long
1982	65A-468.11	Cần Thơ	4482	65C-212.58	Cần Thơ	6982	65A-446.09	Cần Thơ	9482	64A-188.36	Vĩnh Long
1983	65A-468.38	Cần Thơ	4483	65C-215.22	Cần Thơ	6983	65A-453.36	Cần Thơ	9483	64A-189.13	Vĩnh Long
1984	65A-471.59	Cần Thơ	4484	65C-216.58	Cần Thơ	6984	65A-457.06	Cần Thơ	9484	64A-189.49	Vĩnh Long
1985	65A-472.16	Cần Thơ	4485	65C-216.59	Cần Thơ	6985	65A-458.18	Cần Thơ	9485	64A-191.33	Vĩnh Long
1986	65A-477.58	Cần Thơ	4486	65C-217.00	Cần Thơ	6986	65A-460.09	Cần Thơ	9486	64A-192.28	Vĩnh Long
1987	65A-479.18	Cần Thơ	4487	65C-221.36	Cần Thơ	6987	65A-461.22	Cần Thơ	9487	64A-193.22	Vĩnh Long
1988	65A-481.77	Cần Thơ	4488	65C-221.56	Cần Thơ	6988	65A-463.11	Cần Thơ	9488	64C-115.06	Vĩnh Long
1989	65A-482.33	Cần Thơ	4489	65C-224.36	Cần Thơ	6989	65A-464.22	Cần Thơ	9489	64C-119.44	Vĩnh Long
1990	65A-483.06	Cần Thơ	4490	65C-226.11	Cần Thơ	6990	65A-468.59	Cần Thơ	9490	64C-120.16	Vĩnh Long
1991	65A-483.09	Cần Thơ	4491	65D-006.07	Cần Thơ	6991	65A-472.09	Cần Thơ	9491	65A-435.16	Cần Thơ
1992	65A-483.58	Cần Thơ	4492	65D-006.16	Cần Thơ	6992	65A-476.11	Cần Thơ	9492	65A-438.06	Cần Thơ
1993	65A-484.18	Cần Thơ	4493	66A-271.19	Đồng Tháp	6993	65A-480.18	Cần Thơ	9493	65A-439.77	Cần Thơ
1994	65A-489.33	Cần Thơ	4494	66A-277.56	Đồng Tháp	6994	65A-480.44	Cần Thơ	9494	65A-441.59	Cần Thơ
1995	65A-489.56	Cần Thơ	4495	66A-278.22	Đồng Tháp	6995	65A-483.77	Cần Thơ	9495	65A-445.33	Cần Thơ
1996	65A-489.77	Cần Thơ	4496	66A-278.36	Đồng Tháp	6996	65A-484.08	Cần Thơ	9496	65A-449.16	Cần Thơ
1997	65A-490.18	Cần Thơ	4497	66A-279.22	Đồng Tháp	6997	65A-484.16	Cần Thơ	9497	65A-449.58	Cần Thơ
1998	65A-490.38	Cần Thơ	4498	66A-280.44	Đồng Tháp	6998	65A-484.33	Cần Thơ	9498	65A-450.18	Cần Thơ
1999	65C-212.00	Cần Thơ	4499	66A-281.33	Đồng Tháp	6999	65A-484.38	Cần Thơ	9499	65A-450.56	Cần Thơ
2000	65C-212.56	Cần Thơ	4500	66A-282.06	Đồng Tháp	7000	65A-485.33	Cần Thơ	9500	65A-452.33	Cần Thơ
2001	65C-214.00	Cần Thơ	4501	66A-282.11	Đồng Tháp	7001	65A-486.58	Cần Thơ	9501	65A-455.16	Cần Thơ
2002	65C-215.36	Cần Thơ	4502	66A-282.15	Đồng Tháp	7002	65A-487.58	Cần Thơ	9502	65A-456.55	Cần Thơ
2003	65C-218.00	Cần Thơ	4503	66A-283.15	Đồng Tháp	7003	65A-490.08	Cần Thơ	9503	65A-458.56	Cần Thơ
2004	65C-218.08	Cần Thơ	4504	66A-284.96	Đồng Tháp	7004	65B-021.85	Cần Thơ	9504	65A-460.33	Cần Thơ
2005	65C-218.09	Cần Thơ	4505	66A-285.35	Đồng Tháp	7005	65C-218.55	Cần Thơ	9505	65A-460.56	Cần Thơ
2006	65C-226.08	Cần Thơ	4506	66A-286.19	Đồng Tháp	7006	65C-219.38	Cần Thơ	9506	65A-463.08	Cần Thơ
2007	65C-226.36	Cần Thơ	4507	66A-287.16	Đồng Tháp	7007	65C-224.06	Cần Thơ	9507	65A-465.18	Cần Thơ
2008	66A-273.06	Đồng Tháp	4508	66A-287.18	Đồng Tháp	7008	65C-225.77	Cần Thơ	9508	65A-465.19	Cần Thơ
2009	66A-276.55	Đồng Tháp	4509	66A-287.36	Đồng Tháp	7009	66A-269.06	Đồng Tháp	9509	65A-469.16	Cần Thơ
2010	66A-276.58	Đồng Tháp	4510	66C-174.29	Đồng Tháp	7010	66A-271.33	Đồng Tháp	9510	65A-469.19	Cần Thơ
2011	66A-277.06	Đồng Tháp	4511	66C-174.98	Đồng Tháp	7011	66A-272.56	Đồng Tháp	9511	65A-470.19	Cần Thơ
2012	66A-281.35	Đồng Tháp	4512	66C-175.08	Đồng Tháp	7012	66A-273.00	Đồng Tháp	9512	65A-476.59	Cần Thơ
2013	66A-282.95	Đồng Tháp	4513	66C-176.06	Đồng Tháp	7013	66A-275.85	Đồng Tháp	9513	65A-479.77	Cần Thơ
2014	66A-284.18	Đồng Tháp	4514	66C-176.55	Đồng Tháp	7014	66A-278.16	Đồng Tháp	9514	65A-481.58	Cần Thơ
2015	66A-284.29	Đồng Tháp	4515	67A-303.18	An Giang	7015	66A-278.85	Đồng Tháp	9515	65A-483.16	Cần Thơ
2016	66A-285.00	Đồng Tháp	4516	67A-304.27	An Giang	7016	66A-279.19	Đồng Tháp	9516	65A-485.44	Cần Thơ
2017	66A-285.44	Đồng Tháp	4517	67A-305.06	An Giang	7017	66A-281.00	Đồng Tháp	9517	65A-486.77	Cần Thơ
2018	66A-287.25	Đồng Tháp	4518	67A-305.16	An Giang	7018	66A-281.65	Đồng Tháp	9518	65A-488.09	Cần Thơ
2019	66C-174.11	Đồng Tháp	4519	67A-307.44	An Giang	7019	66A-283.09	Đồng Tháp	9519	65A-489.59	Cần Thơ
2020	66C-175.28	Đồng Tháp	4520	67A-309.15	An Giang	7020	66A-283.65	Đồng Tháp	9520	65B-022.08	Cần Thơ
2021	66C-176.08	Đồng Tháp	4521	67A-309.36	An Giang	7021	66A-287.96	Đồng Tháp	9521	65C-214.18	Cần Thơ
2022	66C-176.26	Đồng Tháp	4522	67A-310.22	An Giang	7022	66C-170.18	Đồng Tháp	9522	65C-218.19	Cần Thơ
2023	66C-176.29	Đồng Tháp	4523	67A-311.38	An Giang	7023	66C-171.56	Đồng Tháp	9523	65C-223.58	Cần Thơ
2024	66C-177.08	Đồng Tháp	4524	67A-312.83	An Giang	7024	67A-303.22	An Giang	9524	65C-225.56	Cần Thơ
2025	67A-302.09	An Giang	4525	67A-313.00	An Giang	7025	67A-304.22	An Giang	9525	65C-226.18	Cần Thơ
2026	67A-302.98	An Giang	4526	67A-313.26	An Giang	7026	67A-304.71	An Giang	9526	65D-006.09	Cần Thơ
2027	67A-303.91	An Giang	4527	67A-313.35	An Giang	7027	67A-304.96	An Giang	9527	66A-272.16	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2028	67A-304.24	An Giang	4528	67A-313.96	An Giang	7028	67A-306.00	An Giang	9528	66A-274.06	Đồng Tháp
2029	67A-304.42	An Giang	4529	67A-313.98	An Giang	7029	67A-306.65	An Giang	9529	66A-277.09	Đồng Tháp
2030	67A-306.98	An Giang	4530	67A-314.22	An Giang	7030	67A-306.95	An Giang	9530	66A-279.00	Đồng Tháp
2031	67A-308.09	An Giang	4531	67C-175.36	An Giang	7031	67A-307.16	An Giang	9531	66A-282.33	Đồng Tháp
2032	67A-308.83	An Giang	4532	67C-178.58	An Giang	7032	67A-307.95	An Giang	9532	66A-282.35	Đồng Tháp
2033	67A-309.28	An Giang	4533	67C-179.00	An Giang	7033	67A-309.77	An Giang	9533	66A-282.44	Đồng Tháp
2034	67A-312.25	An Giang	4534	67C-179.16	An Giang	7034	67A-310.77	An Giang	9534	66A-282.59	Đồng Tháp
2035	67A-312.98	An Giang	4535	67C-180.38	An Giang	7035	67A-310.85	An Giang	9535	66A-285.98	Đồng Tháp
2036	67C-178.09	An Giang	4536	67C-180.77	An Giang	7036	67A-312.56	An Giang	9536	66A-287.09	Đồng Tháp
2037	67C-180.11	An Giang	4537	67C-181.38	An Giang	7037	67A-314.26	An Giang	9537	66A-287.22	Đồng Tháp
2038	67C-181.16	An Giang	4538	67C-182.65	An Giang	7038	67B-026.95	An Giang	9538	66A-288.08	Đồng Tháp
2039	67C-181.33	An Giang	4539	67C-183.06	An Giang	7039	67C-178.18	An Giang	9539	66C-170.44	Đồng Tháp
2040	67C-181.65	An Giang	4540	68A-331.16	Kiên Giang	7040	67C-179.06	An Giang	9540	66C-176.25	Đồng Tháp
2041	67C-181.83	An Giang	4541	68A-338.00	Kiên Giang	7041	67C-180.85	An Giang	9541	66C-177.28	Đồng Tháp
2042	67C-182.19	An Giang	4542	68A-338.18	Kiên Giang	7042	68A-331.56	Kiên Giang	9542	67A-302.16	An Giang
2043	68A-334.55	Kiên Giang	4543	68A-339.06	Kiên Giang	7043	68A-334.06	Kiên Giang	9543	67A-303.25	An Giang
2044	68A-336.58	Kiên Giang	4544	68A-342.16	Kiên Giang	7044	68A-335.44	Kiên Giang	9544	67A-306.09	An Giang
2045	68A-344.56	Kiên Giang	4545	68A-346.85	Kiên Giang	7045	68A-338.06	Kiên Giang	9545	67A-307.36	An Giang
2046	68A-345.06	Kiên Giang	4546	68A-347.98	Kiên Giang	7046	68A-338.09	Kiên Giang	9546	67A-307.56	An Giang
2047	68A-346.56	Kiên Giang	4547	68A-349.11	Kiên Giang	7047	68A-342.11	Kiên Giang	9547	67A-308.96	An Giang
2048	68A-348.11	Kiên Giang	4548	68A-349.26	Kiên Giang	7048	68A-345.83	Kiên Giang	9548	67A-309.11	An Giang
2049	68A-348.26	Kiên Giang	4549	68A-350.36	Kiên Giang	7049	68A-346.00	Kiên Giang	9549	67A-310.26	An Giang
2050	68A-350.06	Kiên Giang	4550	68A-351.55	Kiên Giang	7050	68A-346.11	Kiên Giang	9550	67A-310.29	An Giang
2051	68A-350.51	Kiên Giang	4551	68B-030.85	Kiên Giang	7051	68A-346.25	Kiên Giang	9551	67A-310.65	An Giang
2052	68C-168.11	Kiên Giang	4552	68C-167.58	Kiên Giang	7052	68A-348.49	Kiên Giang	9552	67A-311.85	An Giang
2053	68C-169.65	Kiên Giang	4553	68C-171.00	Kiên Giang	7053	68A-349.00	Kiên Giang	9553	67A-313.14	An Giang
2054	68C-170.35	Kiên Giang	4554	68C-171.83	Kiên Giang	7054	68A-350.65	Kiên Giang	9554	67C-176.77	An Giang
2055	68C-171.08	Kiên Giang	4555	68C-172.08	Kiên Giang	7055	68C-171.96	Kiên Giang	9555	67C-178.16	An Giang
2056	68C-171.44	Kiên Giang	4556	68C-172.35	Kiên Giang	7056	69A-159.31	Cà Mau	9556	67C-180.26	An Giang
2057	68C-171.77	Kiên Giang	4557	69A-159.14	Cà Mau	7057	69A-159.76	Cà Mau	9557	67C-180.58	An Giang
2058	69C-098.18	Cà Mau	4558	69A-159.70	Cà Mau	7058	69A-159.98	Cà Mau	9558	67C-181.25	An Giang
2059	69C-100.15	Cà Mau	4559	69A-160.95	Cà Mau	7059	69A-162.33	Cà Mau	9559	68A-331.19	Kiên Giang
2060	69C-100.18	Cà Mau	4560	69A-162.00	Cà Mau	7060	69B-010.16	Cà Mau	9560	68A-340.11	Kiên Giang
2061	69C-100.26	Cà Mau	4561	69B-010.25	Cà Mau	7061	69C-097.18	Cà Mau	9561	68A-342.56	Kiên Giang
2062	70A-526.55	Tây Ninh	4562	69B-010.36	Cà Mau	7062	69C-098.16	Cà Mau	9562	68A-346.15	Kiên Giang
2063	70A-526.59	Tây Ninh	4563	69C-099.65	Cà Mau	7063	69C-098.22	Cà Mau	9563	68A-347.58	Kiên Giang
2064	70A-532.19	Tây Ninh	4564	70A-524.09	Tây Ninh	7064	70A-530.08	Tây Ninh	9564	68A-348.25	Kiên Giang
2065	70A-542.19	Tây Ninh	4565	70A-545.46	Tây Ninh	7065	70A-534.06	Tây Ninh	9565	68A-350.16	Kiên Giang
2066	70A-545.56	Tây Ninh	4566	70A-546.33	Tây Ninh	7066	70A-539.00	Tây Ninh	9566	68C-170.25	Kiên Giang
2067	70A-546.22	Tây Ninh	4567	70A-547.26	Tây Ninh	7067	70A-542.56	Tây Ninh	9567	68C-170.36	Kiên Giang
2068	70A-546.85	Tây Ninh	4568	70A-548.18	Tây Ninh	7068	70A-543.85	Tây Ninh	9568	68C-170.56	Kiên Giang
2069	70A-547.56	Tây Ninh	4569	70A-549.00	Tây Ninh	7069	70A-545.95	Tây Ninh	9569	68C-170.59	Kiên Giang
2070	70A-548.55	Tây Ninh	4570	70A-550.33	Tây Ninh	7070	70A-546.95	Tây Ninh	9570	68C-171.38	Kiên Giang
2071	70A-548.58	Tây Ninh	4571	70A-550.95	Tây Ninh	7071	70A-551.19	Tây Ninh	9571	68C-172.11	Kiên Giang
2072	70A-549.35	Tây Ninh	4572	70A-552.56	Tây Ninh	7072	70A-554.59	Tây Ninh	9572	69A-158.19	Cà Mau
2073	70A-550.18	Tây Ninh	4573	70A-555.65	Tây Ninh	7073	70C-201.36	Tây Ninh	9573	69A-158.35	Cà Mau
2074	70A-552.36	Tây Ninh	4574	70C-205.16	Tây Ninh	7074	70C-201.58	Tây Ninh	9574	69A-159.56	Cà Mau
2075	70A-553.58	Tây Ninh	4575	70C-206.00	Tây Ninh	7075	70C-202.36	Tây Ninh	9575	69A-160.35	Cà Mau
2076	70C-198.36	Tây Ninh	4576	70C-207.55	Tây Ninh	7076	70C-202.77	Tây Ninh	9576	69A-162.55	Cà Mau
2077	70C-202.44	Tây Ninh	4577	70C-208.22	Tây Ninh	7077	70C-203.22	Tây Ninh	9577	69C-098.77	Cà Mau
2078	70C-205.19	Tây Ninh	4578	70C-209.33	Tây Ninh	7078	70C-205.38	Tây Ninh	9578	70A-523.00	Tây Ninh
2079	70C-209.15	Tây Ninh	4579	70C-209.58	Tây Ninh	7079	70C-206.18	Tây Ninh	9579	70A-530.36	Tây Ninh
2080	70C-209.83	Tây Ninh	4580	71A-195.26	Bến Tre	7080	70C-208.19	Tây Ninh	9580	70A-531.44	Tây Ninh
2081	71A-194.06	Bến Tre	4581	71A-195.52	Bến Tre	7081	71A-195.04	Bến Tre	9581	70A-543.38	Tây Ninh
2082	71A-194.72	Bến Tre	4582	71A-196.25	Bến Tre	7082	71A-195.45	Bến Tre	9582	70A-543.59	Tây Ninh
2083	71A-195.08	Bến Tre	4583	71A-196.65	Bến Tre	7083	71A-198.26	Bến Tre	9583	70A-544.09	Tây Ninh
2084	71A-195.25	Bến Tre	4584	71A-197.38	Bến Tre	7084	71A-199.06	Bến Tre	9584	70A-544.58	Tây Ninh
2085	71A-197.18	Bến Tre	4585	71A-199.08	Bến Tre	7085	71A-200.06	Bến Tre	9585	70A-546.06	Tây Ninh
2086	71A-197.98	Bến Tre	4586	71A-199.58	Bến Tre	7086	71A-201.09	Bến Tre	9586	70A-547.48	Tây Ninh
2087	71A-200.36	Bến Tre	4587	71A-200.08	Bến Tre	7087	71A-201.55	Bến Tre	9587	70A-547.85	Tây Ninh
2088	71A-201.38	Bến Tre	4588	71B-019.25	Bến Tre	7088	71A-201.56	Bến Tre	9588	70A-548.26	Tây Ninh
2089	71C-123.56	Bến Tre	4589	71C-123.77	Bến Tre	7089	71A-201.58	Bến Tre	9589	70A-548.44	Tây Ninh
2090	71C-125.33	Bến Tre	4590	71C-128.25	Bến Tre	7090	71C-124.18	Bến Tre	9590	70A-549.44	Tây Ninh
2091	71C-126.44	Bến Tre	4591	71C-128.83	Bến Tre	7091	72A-788.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	9591	70A-551.25	Tây Ninh
2092	71C-129.85	Bến Tre	4592	72A-785.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7092	72A-789.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	9592	70A-553.11	Tây Ninh
2093	72A-784.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4593	72A-787.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	7093	72A-789.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	9593	70A-554.06	Tây Ninh
2094	72A-788.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4594	72A-788.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	7094	72A-790.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	9594	70C-204.16	Tây Ninh
2095	72A-789.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4595	72A-789.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7095	72A-792.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	9595	70C-205.33	Tây Ninh
2096	72A-790.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	4596	72A-790.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7096	72A-793.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	9596	70C-207.19	Tây Ninh
2097	72A-791.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4597	72A-791.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	7097	72A-793.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	9597	70C-207.33	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2098	72A-791.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	4598	72A-792.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	7098	72A-794.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	9598	70C-208.16	Tây Ninh
2099	72A-792.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4599	72A-792.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7099	72A-794.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	9599	70C-209.28	Tây Ninh
2100	72A-793.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4600	72A-797.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	7100	72A-795.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	9600	70C-209.65	Tây Ninh
2101	72A-793.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4601	72A-797.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	7101	72A-795.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	9601	71A-195.56	Bến Tre
2102	72A-794.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4602	72A-800.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7102	72A-798.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	9602	71A-197.85	Bến Tre
2103	72A-794.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4603	72A-800.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	7103	72A-798.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	9603	71A-197.95	Bến Tre
2104	72A-795.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4604	72A-802.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7104	72A-803.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	9604	71A-198.83	Bến Tre
2105	72A-798.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4605	72A-803.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7105	72A-804.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	9605	71A-199.65	Bến Tre
2106	72A-798.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4606	72A-803.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7106	72A-804.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	9606	71C-129.56	Bến Tre
2107	72A-798.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4607	72A-804.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	7107	72C-228.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	9607	71D-002.33	Bến Tre
2108	72A-801.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4608	72A-804.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7108	72D-007.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	9608	72A-786.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
2109	72A-801.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	4609	72C-229.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	7109	72D-007.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	9609	72A-786.50	Bà Rịa - Vũng Tàu
2110	72A-801.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	4610	73A-346.19	Quảng Bình	7110	72D-007.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	9610	72A-786.76	Bà Rịa - Vũng Tàu
2111	72A-803.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4611	73A-346.55	Quảng Bình	7111	73A-337.18	Quảng Bình	9611	72A-787.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
2112	72A-803.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4612	73A-351.06	Quảng Bình	7112	73A-337.55	Quảng Bình	9612	72A-788.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
2113	72C-227.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4613	73A-352.58	Quảng Bình	7113	73A-345.08	Quảng Bình	9613	72A-790.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
2114	72C-228.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4614	73A-353.44	Quảng Bình	7114	73A-351.16	Quảng Bình	9614	72A-791.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
2115	72C-230.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	4615	73A-354.06	Quảng Bình	7115	73A-353.25	Quảng Bình	9615	72A-792.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
2116	72C-230.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	4616	73A-355.18	Quảng Bình	7116	73A-354.85	Quảng Bình	9616	72A-794.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
2117	72C-230.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	4617	73A-356.15	Quảng Bình	7117	73C-175.06	Quảng Bình	9617	72A-795.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
2118	73A-341.38	Quảng Bình	4618	73C-180.11	Quảng Bình	7118	73C-175.38	Quảng Bình	9618	72A-796.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
2119	73A-343.36	Quảng Bình	4619	73C-183.22	Quảng Bình	7119	73C-175.44	Quảng Bình	9619	72A-796.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
2120	73A-345.16	Quảng Bình	4620	73C-184.08	Quảng Bình	7120	73C-176.08	Quảng Bình	9620	72A-796.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
2121	73A-347.00	Quảng Bình	4621	73C-185.59	Quảng Bình	7121	73C-178.22	Quảng Bình	9621	72A-802.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
2122	73A-347.19	Quảng Bình	4622	74A-260.95	Quảng Trị	7122	73C-178.55	Quảng Bình	9622	72A-802.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
2123	73A-351.00	Quảng Bình	4623	74A-261.45	Quảng Trị	7123	73C-181.16	Quảng Bình	9623	72A-803.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
2124	73A-351.95	Quảng Bình	4624	74A-262.58	Quảng Trị	7124	73C-181.36	Quảng Bình	9624	72A-803.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
2125	73A-353.15	Quảng Bình	4625	74A-262.85	Quảng Trị	7125	73C-182.06	Quảng Bình	9625	72C-228.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
2126	73A-353.22	Quảng Bình	4626	74A-263.08	Quảng Trị	7126	74A-260.61	Quảng Trị	9626	72C-229.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
2127	73A-354.15	Quảng Bình	4627	74A-265.98	Quảng Trị	7127	74A-265.77	Quảng Trị	9627	72C-230.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
2128	73C-176.00	Quảng Bình	4628	74C-133.65	Quảng Trị	7128	74A-267.36	Quảng Trị	9628	72D-007.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
2129	73C-178.19	Quảng Bình	4629	75A-365.22	Thừa Thiên Huế	7129	74C-133.38	Quảng Trị	9629	73A-341.33	Quảng Bình
2130	73C-178.33	Quảng Bình	4630	75A-368.92	Thừa Thiên Huế	7130	74C-133.59	Quảng Trị	9630	73A-342.44	Quảng Bình
2131	73C-179.36	Quảng Bình	4631	75A-371.18	Thừa Thiên Huế	7131	74C-133.95	Quảng Trị	9631	73A-343.22	Quảng Bình
2132	73C-179.38	Quảng Bình	4632	76A-303.44	Quảng Ngãi	7132	75A-365.95	Thừa Thiên Huế	9632	73A-344.16	Quảng Bình
2133	73C-179.55	Quảng Bình	4633	76A-304.05	Quảng Ngãi	7133	75A-366.59	Thừa Thiên Huế	9633	73A-345.59	Quảng Bình
2134	73C-179.59	Quảng Bình	4634	76A-304.96	Quảng Ngãi	7134	75A-369.43	Thừa Thiên Huế	9634	73A-347.58	Quảng Bình
2135	73C-180.38	Quảng Bình	4635	76A-305.73	Quảng Ngãi	7135	75C-151.58	Thừa Thiên Huế	9635	73A-348.08	Quảng Bình
2136	73C-181.00	Quảng Bình	4636	76A-305.75	Quảng Ngãi	7136	75C-152.55	Thừa Thiên Huế	9636	73A-348.56	Quảng Bình
2137	73C-183.16	Quảng Bình	4637	76A-305.87	Quảng Ngãi	7137	75C-153.16	Thừa Thiên Huế	9637	73A-349.33	Quảng Bình
2138	73C-183.55	Quảng Bình	4638	76A-305.94	Quảng Ngãi	7138	76A-302.96	Quảng Ngãi	9638	73A-352.29	Quảng Bình
2139	73C-184.00	Quảng Bình	4639	76A-306.42	Quảng Ngãi	7139	76A-302.98	Quảng Ngãi	9639	73A-353.06	Quảng Bình
2140	73C-184.77	Quảng Bình	4640	76A-307.85	Quảng Ngãi	7140	76A-303.09	Quảng Ngãi	9640	73A-353.16	Quảng Bình
2141	73C-185.09	Quảng Bình	4641	76A-309.15	Quảng Ngãi	7141	76A-304.16	Quảng Ngãi	9641	73A-353.26	Quảng Bình
2142	74A-261.47	Quảng Trị	4642	76A-309.65	Quảng Ngãi	7142	76A-304.84	Quảng Ngãi	9642	73A-354.08	Quảng Bình
2143	74A-264.18	Quảng Trị	4643	76A-310.36	Quảng Ngãi	7143	76A-304.90	Quảng Ngãi	9643	73A-355.25	Quảng Bình
2144	74A-265.44	Quảng Trị	4644	76A-311.28	Quảng Ngãi	7144	76A-305.70	Quảng Ngãi	9644	73C-178.00	Quảng Bình
2145	74A-266.29	Quảng Trị	4645	76C-173.11	Quảng Ngãi	7145	76A-307.35	Quảng Ngãi	9645	73C-179.33	Quảng Bình
2146	74A-266.67	Quảng Trị	4646	76C-173.26	Quảng Ngãi	7146	76A-309.19	Quảng Ngãi	9646	73C-181.33	Quảng Bình
2147	74D-008.38	Quảng Trị	4647	76C-174.11	Quảng Ngãi	7147	76A-309.22	Quảng Ngãi	9647	73C-181.44	Quảng Bình
2148	75A-364.77	Thừa Thiên Huế	4648	77A-331.26	Bình Định	7148	76A-309.55	Quảng Ngãi	9648	73C-181.55	Quảng Bình
2149	75A-368.32	Thừa Thiên Huế	4649	77A-334.09	Bình Định	7149	76A-310.25	Quảng Ngãi	9649	73C-183.77	Quảng Bình
2150	75A-368.87	Thừa Thiên Huế	4650	77A-335.00	Bình Định	7150	76A-311.19	Quảng Ngãi	9650	73C-185.08	Quảng Bình
2151	75A-371.44	Thừa Thiên Huế	4651	77A-335.19	Bình Định	7151	76C-172.55	Quảng Ngãi	9651	73D-005.16	Quảng Bình
2152	75C-150.96	Thừa Thiên Huế	4652	77A-335.83	Bình Định	7152	76C-174.56	Quảng Ngãi	9652	74A-261.05	Quảng Trị
2153	75C-151.16	Thừa Thiên Huế	4653	77A-339.36	Bình Định	7153	77A-330.45	Bình Định	9653	74A-261.33	Quảng Trị
2154	75C-151.38	Thừa Thiên Huế	4654	77A-339.85	Bình Định	7154	77A-331.98	Bình Định	9654	74A-265.00	Quảng Trị
2155	75C-152.53	Thừa Thiên Huế	4655	77A-340.16	Bình Định	7155	77A-332.77	Bình Định	9655	74A-266.56	Quảng Trị
2156	76A-302.36	Quảng Ngãi	4656	77A-340.98	Bình Định	7156	77A-333.85	Bình Định	9656	74A-266.95	Quảng Trị
2157	76A-304.70	Quảng Ngãi	4657	77A-341.15	Bình Định	7157	77A-335.56	Bình Định	9657	74C-133.26	Quảng Trị
2158	76A-305.40	Quảng Ngãi	4658	77A-341.38	Bình Định	7158	77A-336.06	Bình Định	9658	74C-134.65	Quảng Trị
2159	76A-305.74	Quảng Ngãi	4659	77B-034.25	Bình Định	7159	77A-336.16	Bình Định	9659	74D-008.22	Quảng Trị
2160	76A-306.43	Quảng Ngãi	4660	77C-250.16	Bình Định	7160	77A-336.35	Bình Định	9660	75A-365.08	Thừa Thiên Huế
2161	76A-310.38	Quảng Ngãi	4661	77C-251.35	Bình Định	7161	77A-336.59	Bình Định	9661	75A-366.18	Thừa Thiên Huế
2162	76A-311.06	Quảng Ngãi	4662	77C-251.58	Bình Định	7162	77A-336.65	Bình Định	9662	75A-368.08	Thừa Thiên Huế
2163	76A-312.28	Quảng Ngãi	4663	78A-199.03	Phú Yên	7163	77A-337.98	Bình Định	9663	75A-368.85	Thừa Thiên Huế
2164	76A-312.29	Quảng Ngãi	4664	78A-200.28	Phú Yên	7164	77A-341.29	Bình Định	9664	75A-371.00	Thừa Thiên Huế
2165	76C-173.56	Quảng Ngãi	4665	78A-200.35	Phú Yên	7165	77C-249.55	Bình Định	9665	75A-371.58	Thừa Thiên Huế
2166	76C-173.77	Quảng Ngãi	4666	78A-205.33	Phú Yên	7166	77C-249.77	Bình Định	9666	75C-152.28	Thừa Thiên Huế
2167	77A-332.18	Bình Định	4667	78A-205.58	Phú Yên	7167	77C-251.08	Bình Định	9667	75C-152.85	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2168	77A-332.55	Bình Định	4668	78A-205.59	Phú Yên	7168	77C-251.38	Bình Định	9668	75C-153.65	Thừa Thiên Huế
2169	77A-337.83	Bình Định	4669	78A-206.15	Phú Yên	7169	78A-198.11	Phú Yên	9669	75D-006.15	Thừa Thiên Huế
2170	77A-338.15	Bình Định	4670	78B-015.22	Phú Yên	7170	78A-198.70	Phú Yên	9670	76A-302.77	Quảng Ngãi
2171	77A-338.18	Bình Định	4671	78B-015.44	Phú Yên	7171	78A-198.82	Phú Yên	9671	76A-304.28	Quảng Ngãi
2172	77A-338.22	Bình Định	4672	78C-120.25	Phú Yên	7172	78A-199.29	Phú Yên	9672	76A-304.65	Quảng Ngãi
2173	77A-340.65	Bình Định	4673	78C-121.33	Phú Yên	7173	78A-200.38	Phú Yên	9673	76A-304.92	Quảng Ngãi
2174	77C-248.11	Bình Định	4674	78C-121.83	Phú Yên	7174	78A-201.19	Phú Yên	9674	76A-305.22	Quảng Ngãi
2175	77C-248.38	Bình Định	4675	78C-122.08	Phú Yên	7175	78A-202.06	Phú Yên	9675	76A-305.53	Quảng Ngãi
2176	77C-249.58	Bình Định	4676	78C-122.09	Phú Yên	7176	78A-202.19	Phú Yên	9676	76A-305.93	Quảng Ngãi
2177	77C-252.15	Bình Định	4677	79A-526.35	Khánh Hòa	7177	78A-202.77	Phú Yên	9677	76A-305.98	Quảng Ngãi
2178	78A-197.65	Phú Yên	4678	79A-527.28	Khánh Hòa	7178	78A-202.83	Phú Yên	9678	76A-306.48	Quảng Ngãi
2179	78A-198.31	Phú Yên	4679	79A-527.65	Khánh Hòa	7179	78A-203.06	Phú Yên	9679	76A-307.18	Quảng Ngãi
2180	78A-201.83	Phú Yên	4680	79A-529.00	Khánh Hòa	7180	78A-204.16	Phú Yên	9680	76A-307.33	Quảng Ngãi
2181	78A-203.85	Phú Yên	4681	79A-529.08	Khánh Hòa	7181	78A-204.77	Phú Yên	9681	76A-308.35	Quảng Ngãi
2182	78A-204.55	Phú Yên	4682	79A-529.16	Khánh Hòa	7182	78C-120.36	Phú Yên	9682	76A-310.98	Quảng Ngãi
2183	78A-205.15	Phú Yên	4683	79A-529.33	Khánh Hòa	7183	78C-120.98	Phú Yên	9683	76A-312.00	Quảng Ngãi
2184	78A-205.28	Phú Yên	4684	79A-529.56	Khánh Hòa	7184	79A-526.56	Khánh Hòa	9684	76C-174.29	Quảng Ngãi
2185	78A-205.35	Phú Yên	4685	79A-531.38	Khánh Hòa	7185	79A-527.62	Khánh Hòa	9685	77A-330.02	Bình Định
2186	78B-015.36	Phú Yên	4686	79A-534.59	Khánh Hòa	7186	79A-527.96	Khánh Hòa	9686	77A-334.28	Bình Định
2187	78C-121.58	Phú Yên	4687	79A-537.08	Khánh Hòa	7187	79A-528.96	Khánh Hòa	9687	77A-336.19	Bình Định
2188	78C-121.65	Phú Yên	4688	79A-537.11	Khánh Hòa	7188	79A-531.98	Khánh Hòa	9688	77A-338.25	Bình Định
2189	78C-121.85	Phú Yên	4689	79A-540.18	Khánh Hòa	7189	79A-532.28	Khánh Hòa	9689	77A-339.06	Bình Định
2190	78D-003.35	Phú Yên	4690	79A-540.95	Khánh Hòa	7190	79A-537.83	Khánh Hòa	9690	77A-340.55	Bình Định
2191	79A-526.33	Khánh Hòa	4691	79A-541.35	Khánh Hòa	7191	79A-539.28	Khánh Hòa	9691	77C-249.18	Bình Định
2192	79A-526.58	Khánh Hòa	4692	79A-542.08	Khánh Hòa	7192	79A-540.22	Khánh Hòa	9692	77C-249.28	Bình Định
2193	79A-527.83	Khánh Hòa	4693	79A-542.15	Khánh Hòa	7193	79A-540.41	Khánh Hòa	9693	77C-250.11	Bình Định
2194	79A-527.95	Khánh Hòa	4694	79B-040.11	Khánh Hòa	7194	79A-540.55	Khánh Hòa	9694	77C-252.18	Bình Định
2195	79A-528.11	Khánh Hòa	4695	79B-040.35	Khánh Hòa	7195	79A-542.11	Khánh Hòa	9695	77D-003.38	Bình Định
2196	79A-528.65	Khánh Hòa	4696	79C-212.59	Khánh Hòa	7196	79C-213.00	Khánh Hòa	9696	78A-197.83	Phú Yên
2197	79A-530.29	Khánh Hòa	4697	79C-213.08	Khánh Hòa	7197	79C-213.44	Khánh Hòa	9697	78A-200.56	Phú Yên
2198	79A-530.55	Khánh Hòa	4698	79C-214.26	Khánh Hòa	7198	79C-214.18	Khánh Hòa	9698	78A-203.29	Phú Yên
2199	79A-530.59	Khánh Hòa	4699	79C-214.36	Khánh Hòa	7199	79C-214.59	Khánh Hòa	9699	78A-204.65	Phú Yên
2200	79A-530.95	Khánh Hòa	4700	79C-216.56	Khánh Hòa	7200	79C-216.55	Khánh Hòa	9700	78A-205.09	Phú Yên
2201	79A-531.00	Khánh Hòa	4701	79C-216.59	Khánh Hòa	7201	79C-218.36	Khánh Hòa	9701	78A-205.83	Phú Yên
2202	79A-531.32	Khánh Hòa	4702	79C-217.59	Khánh Hòa	7202	79C-218.55	Khánh Hòa	9702	78A-206.26	Phú Yên
2203	79A-531.33	Khánh Hòa	4703	79C-217.85	Khánh Hòa	7203	79C-219.16	Khánh Hòa	9703	78C-121.77	Phú Yên
2204	79A-534.33	Khánh Hòa	4704	79C-219.08	Khánh Hòa	7204	81A-403.08	Gia Lai	9704	78D-003.26	Phú Yên
2205	79A-534.85	Khánh Hòa	4705	79C-219.18	Khánh Hòa	7205	81A-410.59	Gia Lai	9705	78D-003.29	Phú Yên
2206	79A-535.06	Khánh Hòa	4706	79D-007.38	Khánh Hòa	7206	81A-414.09	Gia Lai	9706	79A-527.15	Khánh Hòa
2207	79A-535.25	Khánh Hòa	4707	79D-007.55	Khánh Hòa	7207	81A-414.98	Gia Lai	9707	79A-529.95	Khánh Hòa
2208	79A-535.56	Khánh Hòa	4708	81A-403.44	Gia Lai	7208	81A-415.29	Gia Lai	9708	79A-529.98	Khánh Hòa
2209	79A-537.09	Khánh Hòa	4709	81A-410.56	Gia Lai	7209	81A-416.35	Gia Lai	9709	79A-537.18	Khánh Hòa
2210	79A-537.44	Khánh Hòa	4710	81A-414.18	Gia Lai	7210	81A-417.98	Gia Lai	9710	79A-537.25	Khánh Hòa
2211	79A-540.15	Khánh Hòa	4711	81A-414.83	Gia Lai	7211	81A-418.56	Gia Lai	9711	79A-537.26	Khánh Hòa
2212	79A-540.96	Khánh Hòa	4712	81A-415.16	Gia Lai	7212	81A-418.96	Gia Lai	9712	79A-537.59	Khánh Hòa
2213	79C-214.11	Khánh Hòa	4713	81A-416.58	Gia Lai	7213	81A-419.09	Gia Lai	9713	79A-539.85	Khánh Hòa
2214	79C-216.08	Khánh Hòa	4714	81A-417.11	Gia Lai	7214	81A-419.59	Gia Lai	9714	79A-541.28	Khánh Hòa
2215	79C-216.19	Khánh Hòa	4715	81A-418.55	Gia Lai	7215	81A-420.35	Gia Lai	9715	79B-040.26	Khánh Hòa
2216	79C-216.38	Khánh Hòa	4716	81A-419.56	Gia Lai	7216	81A-423.08	Gia Lai	9716	79C-212.56	Khánh Hòa
2217	79C-218.26	Khánh Hòa	4717	81A-421.38	Gia Lai	7217	81A-423.55	Gia Lai	9717	79C-213.36	Khánh Hòa
2218	79C-218.77	Khánh Hòa	4718	81A-421.85	Gia Lai	7218	81A-423.59	Gia Lai	9718	79C-214.19	Khánh Hòa
2219	81A-404.55	Gia Lai	4719	81A-422.19	Gia Lai	7219	81B-024.96	Gia Lai	9719	79C-215.16	Khánh Hòa
2220	81A-412.00	Gia Lai	4720	81A-424.08	Gia Lai	7220	81C-262.33	Gia Lai	9720	79C-215.85	Khánh Hòa
2221	81A-416.11	Gia Lai	4721	81A-424.58	Gia Lai	7221	81C-264.85	Gia Lai	9721	79C-216.44	Khánh Hòa
2222	81A-418.83	Gia Lai	4722	81C-263.15	Gia Lai	7222	81C-265.44	Gia Lai	9722	79C-217.06	Khánh Hòa
2223	81A-421.22	Gia Lai	4723	81C-265.59	Gia Lai	7223	81C-266.59	Gia Lai	9723	79C-218.59	Khánh Hòa
2224	81A-421.58	Gia Lai	4724	81C-267.98	Gia Lai	7224	81C-266.67	Gia Lai	9724	79C-219.44	Khánh Hòa
2225	81A-421.77	Gia Lai	4725	82A-147.52	Kon Tum	7225	81C-268.98	Gia Lai	9725	79C-219.77	Khánh Hòa
2226	81A-422.56	Gia Lai	4726	82A-148.28	Kon Tum	7226	82A-146.09	Kon Tum	9726	81A-405.19	Gia Lai
2227	81A-424.65	Gia Lai	4727	82A-149.15	Kon Tum	7227	82A-149.55	Kon Tum	9727	81A-408.33	Gia Lai
2228	81C-263.06	Gia Lai	4728	82C-090.96	Kon Tum	7228	82A-149.56	Kon Tum	9728	81A-414.15	Gia Lai
2229	81C-263.19	Gia Lai	4729	82C-091.22	Kon Tum	7229	82A-150.55	Kon Tum	9729	81A-417.15	Gia Lai
2230	81C-264.00	Gia Lai	4730	82C-091.28	Kon Tum	7230	82C-090.91	Kon Tum	9730	81A-419.11	Gia Lai
2231	81C-268.83	Gia Lai	4731	83A-181.25	Sóc Trăng	7231	82C-091.25	Kon Tum	9731	81A-419.15	Gia Lai
2232	81C-268.85	Gia Lai	4732	83A-181.63	Sóc Trăng	7232	83A-181.29	Sóc Trăng	9732	81A-422.38	Gia Lai
2233	81C-269.06	Gia Lai	4733	83A-182.00	Sóc Trăng	7233	83A-182.83	Sóc Trăng	9733	81A-424.15	Gia Lai
2234	81C-269.25	Gia Lai	4734	83A-183.85	Sóc Trăng	7234	83A-184.16	Sóc Trăng	9734	81C-262.08	Gia Lai
2235	81C-269.35	Gia Lai	4735	83A-184.11	Sóc Trăng	7235	83A-184.38	Sóc Trăng	9735	81C-263.09	Gia Lai
2236	82A-147.56	Kon Tum	4736	83B-019.77	Sóc Trăng	7236	83C-127.22	Sóc Trăng	9736	81C-263.38	Gia Lai
2237	82A-149.95	Kon Tum	4737	83C-126.09	Sóc Trăng	7237	84A-136.76	Trà Vinh	9737	81C-263.65	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2238	82A-149.98	Kon Tum	4738	83C-127.65	Sóc Trăng	7238	84A-136.85	Trà Vinh	9738	81C-268.55	Gia Lai
2239	82A-150.29	Kon Tum	4739	83C-128.59	Sóc Trăng	7239	84A-136.93	Trà Vinh	9739	82A-146.25	Kon Tum
2240	82A-150.85	Kon Tum	4740	84A-135.25	Trà Vinh	7240	84A-137.36	Trà Vinh	9740	82A-150.35	Kon Tum
2241	82A-151.26	Kon Tum	4741	84A-136.37	Trà Vinh	7241	84A-137.58	Trà Vinh	9741	82C-091.26	Kon Tum
2242	82A-151.35	Kon Tum	4742	84A-136.47	Trà Vinh	7242	84A-139.11	Trà Vinh	9742	82D-007.56	Kon Tum
2243	82C-090.77	Kon Tum	4743	84A-138.96	Trà Vinh	7243	84C-119.35	Trà Vinh	9743	83A-180.85	Sóc Trăng
2244	83A-183.08	Sóc Trăng	4744	84C-120.15	Trà Vinh	7244	84C-120.19	Trà Vinh	9744	83A-181.85	Sóc Trăng
2245	83A-183.11	Sóc Trăng	4745	84C-120.22	Trà Vinh	7245	84C-120.33	Trà Vinh	9745	83A-182.07	Sóc Trăng
2246	83A-183.56	Sóc Trăng	4746	85A-137.17	Ninh Thuận	7246	84C-120.38	Trà Vinh	9746	83A-183.95	Sóc Trăng
2247	83A-185.83	Sóc Trăng	4747	85A-137.58	Ninh Thuận	7247	84C-121.08	Trà Vinh	9747	83A-184.26	Sóc Trăng
2248	83C-128.98	Sóc Trăng	4748	85A-138.85	Ninh Thuận	7248	84C-121.26	Trà Vinh	9748	83A-184.83	Sóc Trăng
2249	83D-004.85	Sóc Trăng	4749	85A-140.33	Ninh Thuận	7249	85A-138.16	Ninh Thuận	9749	83A-185.15	Sóc Trăng
2250	84A-137.23	Trà Vinh	4750	85A-140.36	Ninh Thuận	7250	85C-081.38	Ninh Thuận	9750	83C-125.96	Sóc Trăng
2251	84A-138.55	Trà Vinh	4751	85A-141.09	Ninh Thuận	7251	86A-297.82	Bình Thuận	9751	83C-127.19	Sóc Trăng
2252	84A-139.18	Trà Vinh	4752	86A-297.98	Bình Thuận	7252	86A-299.08	Bình Thuận	9752	83C-127.44	Sóc Trăng
2253	84C-119.26	Trà Vinh	4753	86A-298.11	Bình Thuận	7253	86B-021.26	Bình Thuận	9753	84A-134.83	Trà Vinh
2254	84C-119.85	Trà Vinh	4754	86A-298.14	Bình Thuận	7254	86B-021.44	Bình Thuận	9754	84A-136.70	Trà Vinh
2255	84C-121.25	Trà Vinh	4755	86A-298.51	Bình Thuận	7255	86C-198.09	Bình Thuận	9755	84A-138.33	Trà Vinh
2256	84C-121.33	Trà Vinh	4756	86A-298.53	Bình Thuận	7256	86C-198.56	Bình Thuận	9756	84B-016.25	Trà Vinh
2257	85A-137.07	Ninh Thuận	4757	86A-300.59	Bình Thuận	7257	86C-199.08	Bình Thuận	9757	85A-136.55	Ninh Thuận
2258	85A-139.77	Ninh Thuận	4758	86A-301.58	Bình Thuận	7258	86C-199.58	Bình Thuận	9758	85A-139.95	Ninh Thuận
2259	85A-140.08	Ninh Thuận	4759	86A-301.59	Bình Thuận	7259	86C-200.29	Bình Thuận	9759	85A-140.19	Ninh Thuận
2260	85A-141.08	Ninh Thuận	4760	86A-305.06	Bình Thuận	7260	86C-201.00	Bình Thuận	9760	85C-081.19	Ninh Thuận
2261	85C-081.44	Ninh Thuận	4761	86A-306.36	Bình Thuận	7261	86C-201.77	Bình Thuận	9761	85D-003.29	Ninh Thuận
2262	86A-298.43	Bình Thuận	4762	86A-306.58	Bình Thuận	7262	86C-202.06	Bình Thuận	9762	86A-299.28	Bình Thuận
2263	86A-301.96	Bình Thuận	4763	86A-308.19	Bình Thuận	7263	86C-202.55	Bình Thuận	9763	86A-300.08	Bình Thuận
2264	86A-304.06	Bình Thuận	4764	86B-021.25	Bình Thuận	7264	86C-203.25	Bình Thuận	9764	86A-300.19	Bình Thuận
2265	86A-304.96	Bình Thuận	4765	86C-197.26	Bình Thuận	7265	86C-203.38	Bình Thuận	9765	86A-300.26	Bình Thuận
2266	86A-305.77	Bình Thuận	4766	86C-198.59	Bình Thuận	7266	88A-704.08	Vĩnh Phúc	9766	86A-301.18	Bình Thuận
2267	86A-306.44	Bình Thuận	4767	86C-200.59	Bình Thuận	7267	88A-704.85	Vĩnh Phúc	9767	86A-301.55	Bình Thuận
2268	86C-197.06	Bình Thuận	4768	86C-200.85	Bình Thuận	7268	88A-707.36	Vĩnh Phúc	9768	86A-301.77	Bình Thuận
2269	86C-198.06	Bình Thuận	4769	86C-201.18	Bình Thuận	7269	88A-711.06	Vĩnh Phúc	9769	86A-302.19	Bình Thuận
2270	88A-704.36	Vĩnh Phúc	4770	86C-202.26	Bình Thuận	7270	88A-713.85	Vĩnh Phúc	9770	86A-302.55	Bình Thuận
2271	88A-705.11	Vĩnh Phúc	4771	86C-202.28	Bình Thuận	7271	88A-714.06	Vĩnh Phúc	9771	86A-308.25	Bình Thuận
2272	88A-705.19	Vĩnh Phúc	4772	86C-202.96	Bình Thuận	7272	88A-716.09	Vĩnh Phúc	9772	86C-201.83	Bình Thuận
2273	88A-706.09	Vĩnh Phúc	4773	86C-203.44	Bình Thuận	7273	88A-717.85	Vĩnh Phúc	9773	86C-203.15	Bình Thuận
2274	88A-708.19	Vĩnh Phúc	4774	88A-704.59	Vĩnh Phúc	7274	88A-719.87	Vĩnh Phúc	9774	86D-002.83	Bình Thuận
2275	88A-710.19	Vĩnh Phúc	4775	88A-717.26	Vĩnh Phúc	7275	88A-721.95	Vĩnh Phúc	9775	88A-705.36	Vĩnh Phúc
2276	88A-714.00	Vĩnh Phúc	4776	88A-719.29	Vĩnh Phúc	7276	88A-722.23	Vĩnh Phúc	9776	88A-705.56	Vĩnh Phúc
2277	88A-716.28	Vĩnh Phúc	4777	88A-719.82	Vĩnh Phúc	7277	88A-723.11	Vĩnh Phúc	9777	88A-706.59	Vĩnh Phúc
2278	88A-718.85	Vĩnh Phúc	4778	88A-720.17	Vĩnh Phúc	7278	88A-723.29	Vĩnh Phúc	9778	88A-707.33	Vĩnh Phúc
2279	88A-718.96	Vĩnh Phúc	4779	88A-721.09	Vĩnh Phúc	7279	88A-723.98	Vĩnh Phúc	9779	88A-711.85	Vĩnh Phúc
2280	88A-722.58	Vĩnh Phúc	4780	88A-721.77	Vĩnh Phúc	7280	88A-725.18	Vĩnh Phúc	9780	88A-713.59	Vĩnh Phúc
2281	88A-722.83	Vĩnh Phúc	4781	88A-722.35	Vĩnh Phúc	7281	88A-725.77	Vĩnh Phúc	9781	88A-720.30	Vĩnh Phúc
2282	88A-723.25	Vĩnh Phúc	4782	88A-722.96	Vĩnh Phúc	7282	88A-728.16	Vĩnh Phúc	9782	88A-722.09	Vĩnh Phúc
2283	88A-726.58	Vĩnh Phúc	4783	88A-724.33	Vĩnh Phúc	7283	88A-730.31	Vĩnh Phúc	9783	88A-722.38	Vĩnh Phúc
2284	88A-727.22	Vĩnh Phúc	4784	88A-724.38	Vĩnh Phúc	7284	88A-730.85	Vĩnh Phúc	9784	88A-723.22	Vĩnh Phúc
2285	88A-727.26	Vĩnh Phúc	4785	88A-725.09	Vĩnh Phúc	7285	88A-731.06	Vĩnh Phúc	9785	88A-724.22	Vĩnh Phúc
2286	88A-728.11	Vĩnh Phúc	4786	88A-725.58	Vĩnh Phúc	7286	88A-731.26	Vĩnh Phúc	9786	88A-724.55	Vĩnh Phúc
2287	88A-728.65	Vĩnh Phúc	4787	88A-727.38	Vĩnh Phúc	7287	88A-731.28	Vĩnh Phúc	9787	88A-724.58	Vĩnh Phúc
2288	88A-729.18	Vĩnh Phúc	4788	88A-727.85	Vĩnh Phúc	7288	88A-732.08	Vĩnh Phúc	9788	88A-725.95	Vĩnh Phúc
2289	88A-729.19	Vĩnh Phúc	4789	88A-729.09	Vĩnh Phúc	7289	88A-734.28	Vĩnh Phúc	9789	88A-728.83	Vĩnh Phúc
2290	88A-729.33	Vĩnh Phúc	4790	88A-729.95	Vĩnh Phúc	7290	88A-735.19	Vĩnh Phúc	9790	88A-730.35	Vĩnh Phúc
2291	88A-730.26	Vĩnh Phúc	4791	88A-730.98	Vĩnh Phúc	7291	88A-735.33	Vĩnh Phúc	9791	88A-731.09	Vĩnh Phúc
2292	88A-732.16	Vĩnh Phúc	4792	88A-731.58	Vĩnh Phúc	7292	88A-739.15	Vĩnh Phúc	9792	88A-731.16	Vĩnh Phúc
2293	88A-734.06	Vĩnh Phúc	4793	88A-732.29	Vĩnh Phúc	7293	88A-740.95	Vĩnh Phúc	9793	88A-732.15	Vĩnh Phúc
2294	88A-735.00	Vĩnh Phúc	4794	88A-732.35	Vĩnh Phúc	7294	88A-741.77	Vĩnh Phúc	9794	88A-734.22	Vĩnh Phúc
2295	88A-735.96	Vĩnh Phúc	4795	88A-732.59	Vĩnh Phúc	7295	88C-281.00	Vĩnh Phúc	9795	88A-735.18	Vĩnh Phúc
2296	88A-736.00	Vĩnh Phúc	4796	88A-732.83	Vĩnh Phúc	7296	88C-281.36	Vĩnh Phúc	9796	88A-736.35	Vĩnh Phúc
2297	88A-736.08	Vĩnh Phúc	4797	88A-733.28	Vĩnh Phúc	7297	88C-285.77	Vĩnh Phúc	9797	88A-737.44	Vĩnh Phúc
2298	88A-737.15	Vĩnh Phúc	4798	88A-733.83	Vĩnh Phúc	7298	88C-290.44	Vĩnh Phúc	9798	88A-737.98	Vĩnh Phúc
2299	88A-737.19	Vĩnh Phúc	4799	88A-735.77	Vĩnh Phúc	7299	88C-291.25	Vĩnh Phúc	9799	88A-738.19	Vĩnh Phúc
2300	88A-737.36	Vĩnh Phúc	4800	88A-736.85	Vĩnh Phúc	7300	88C-291.38	Vĩnh Phúc	9800	88A-739.18	Vĩnh Phúc
2301	88A-738.59	Vĩnh Phúc	4801	88A-737.00	Vĩnh Phúc	7301	88C-292.00	Vĩnh Phúc	9801	88A-739.33	Vĩnh Phúc
2302	88A-739.22	Vĩnh Phúc	4802	88A-737.08	Vĩnh Phúc	7302	88C-292.33	Vĩnh Phúc	9802	88A-740.11	Vĩnh Phúc
2303	88A-740.06	Vĩnh Phúc	4803	88A-737.29	Vĩnh Phúc	7303	88C-292.55	Vĩnh Phúc	9803	88A-741.83	Vĩnh Phúc
2304	88A-741.26	Vĩnh Phúc	4804	88A-742.18	Vĩnh Phúc	7304	88C-294.16	Vĩnh Phúc	9804	88A-742.25	Vĩnh Phúc
2305	88A-741.29	Vĩnh Phúc	4805	88A-742.26	Vĩnh Phúc	7305	88D-017.98	Vĩnh Phúc	9805	88A-742.44	Vĩnh Phúc
2306	88A-742.29	Vĩnh Phúc	4806	88C-283.19	Vĩnh Phúc	7306	89A-469.06	Hưng Yên	9806	88C-281.77	Vĩnh Phúc
2307	88C-287.09	Vĩnh Phúc	4807	88C-283.36	Vĩnh Phúc	7307	89A-470.26	Hưng Yên	9807	88C-286.38	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2308	88C-289.11	Vĩnh Phúc	4808	88C-290.83	Vĩnh Phúc	7308	89A-473.06	Hưng Yên	9808	88C-287.18	Vĩnh Phúc
2309	88C-292.19	Vĩnh Phúc	4809	88C-292.83	Vĩnh Phúc	7309	89A-480.25	Hưng Yên	9809	88C-289.38	Vĩnh Phúc
2310	88C-292.85	Vĩnh Phúc	4810	88C-294.59	Vĩnh Phúc	7310	89A-483.95	Hưng Yên	9810	88C-292.16	Vĩnh Phúc
2311	88C-295.00	Vĩnh Phúc	4811	88C-295.19	Vĩnh Phúc	7311	89A-486.77	Hưng Yên	9811	88C-292.25	Vĩnh Phúc
2312	89A-469.36	Hưng Yên	4812	89A-482.26	Hưng Yên	7312	89A-488.08	Hưng Yên	9812	88C-293.11	Vĩnh Phúc
2313	89A-476.38	Hưng Yên	4813	89A-485.22	Hưng Yên	7313	89A-488.35	Hưng Yên	9813	88C-293.26	Vĩnh Phúc
2314	89A-480.28	Hưng Yên	4814	89A-486.35	Hưng Yên	7314	89A-489.15	Hưng Yên	9814	88C-294.28	Vĩnh Phúc
2315	89A-480.35	Hưng Yên	4815	89A-486.36	Hưng Yên	7315	89A-490.36	Hưng Yên	9815	88C-294.83	Vĩnh Phúc
2316	89A-482.55	Hưng Yên	4816	89A-489.33	Hưng Yên	7316	89A-492.55	Hưng Yên	9816	88C-295.11	Vĩnh Phúc
2317	89A-482.59	Hưng Yên	4817	89A-489.36	Hưng Yên	7317	89A-493.00	Hưng Yên	9817	88C-295.35	Vĩnh Phúc
2318	89A-483.28	Hưng Yên	4818	89A-490.35	Hưng Yên	7318	89A-493.28	Hưng Yên	9818	89A-467.59	Hưng Yên
2319	89A-484.55	Hưng Yên	4819	89A-490.55	Hưng Yên	7319	89A-493.55	Hưng Yên	9819	89A-472.09	Hưng Yên
2320	89A-485.06	Hưng Yên	4820	89A-491.33	Hưng Yên	7320	89A-494.00	Hưng Yên	9820	89A-473.59	Hưng Yên
2321	89A-485.36	Hưng Yên	4821	89A-491.77	Hưng Yên	7321	89A-494.09	Hưng Yên	9821	89A-473.77	Hưng Yên
2322	89A-487.06	Hưng Yên	4822	89A-491.83	Hưng Yên	7322	89A-494.25	Hưng Yên	9822	89A-475.11	Hưng Yên
2323	89A-487.19	Hưng Yên	4823	89A-492.77	Hưng Yên	7323	89C-328.08	Hưng Yên	9823	89A-479.18	Hưng Yên
2324	89A-489.95	Hưng Yên	4824	89A-493.09	Hưng Yên	7324	89C-328.55	Hưng Yên	9824	89A-480.95	Hưng Yên
2325	89A-490.91	Hưng Yên	4825	89A-495.16	Hưng Yên	7325	89C-328.83	Hưng Yên	9825	89A-482.18	Hưng Yên
2326	89A-492.65	Hưng Yên	4826	89A-495.29	Hưng Yên	7326	89C-330.06	Hưng Yên	9826	89A-483.96	Hưng Yên
2327	89A-494.16	Hưng Yên	4827	89C-325.83	Hưng Yên	7327	89C-330.83	Hưng Yên	9827	89A-484.06	Hưng Yên
2328	89A-495.22	Hưng Yên	4828	89C-326.36	Hưng Yên	7328	89C-331.32	Hưng Yên	9828	89A-484.22	Hưng Yên
2329	89A-495.28	Hưng Yên	4829	89C-327.15	Hưng Yên	7329	89C-331.65	Hưng Yên	9829	89A-484.58	Hưng Yên
2330	89A-497.25	Hưng Yên	4830	89C-330.11	Hưng Yên	7330	89C-332.06	Hưng Yên	9830	89A-485.00	Hưng Yên
2331	89C-326.59	Hưng Yên	4831	89C-332.26	Hưng Yên	7331	89C-332.35	Hưng Yên	9831	89A-485.35	Hưng Yên
2332	89C-327.08	Hưng Yên	4832	89C-332.28	Hưng Yên	7332	89D-019.09	Hưng Yên	9832	89A-487.22	Hưng Yên
2333	89C-327.38	Hưng Yên	4833	90A-263.16	Hà Nam	7333	90A-262.08	Hà Nam	9833	89A-488.96	Hưng Yên
2334	89C-328.26	Hưng Yên	4834	90A-263.18	Hà Nam	7334	90A-262.82	Hà Nam	9834	89A-491.26	Hưng Yên
2335	89C-330.31	Hưng Yên	4835	90A-265.44	Hà Nam	7335	90A-262.94	Hà Nam	9835	89A-494.77	Hưng Yên
2336	89C-330.55	Hưng Yên	4836	90A-266.18	Hà Nam	7336	90A-264.06	Hà Nam	9836	89A-496.59	Hưng Yên
2337	89C-330.96	Hưng Yên	4837	90A-266.83	Hà Nam	7337	90A-265.33	Hà Nam	9837	89A-496.97	Hưng Yên
2338	89C-330.98	Hưng Yên	4838	90A-267.00	Hà Nam	7338	90A-265.95	Hà Nam	9838	89A-496.98	Hưng Yên
2339	89C-331.06	Hưng Yên	4839	90A-270.55	Hà Nam	7339	90A-269.08	Hà Nam	9839	89A-497.09	Hưng Yên
2340	89C-331.16	Hưng Yên	4840	90A-270.65	Hà Nam	7340	90A-269.55	Hà Nam	9840	89C-326.29	Hưng Yên
2341	89C-332.19	Hưng Yên	4841	90A-272.59	Hà Nam	7341	90A-270.36	Hà Nam	9841	89C-327.28	Hưng Yên
2342	89D-018.96	Hưng Yên	4842	90C-147.33	Hà Nam	7342	90A-270.77	Hà Nam	9842	89C-329.22	Hưng Yên
2343	89D-019.06	Hưng Yên	4843	90C-148.25	Hà Nam	7343	90A-270.85	Hà Nam	9843	89C-330.85	Hưng Yên
2344	90A-266.56	Hà Nam	4844	90C-149.18	Hà Nam	7344	90A-271.98	Hà Nam	9844	90A-261.83	Hà Nam
2345	90A-267.29	Hà Nam	4845	92A-398.44	Quảng Nam	7345	90C-144.16	Hà Nam	9845	90A-265.11	Hà Nam
2346	90A-267.59	Hà Nam	4846	92A-406.56	Quảng Nam	7346	90C-146.18	Hà Nam	9846	90A-266.98	Hà Nam
2347	90A-267.96	Hà Nam	4847	92A-406.98	Quảng Nam	7347	90C-148.06	Hà Nam	9847	90A-268.18	Hà Nam
2348	90A-268.65	Hà Nam	4848	92A-407.09	Quảng Nam	7348	90C-148.35	Hà Nam	9848	90A-268.77	Hà Nam
2349	90A-270.11	Hà Nam	4849	92A-407.96	Quảng Nam	7349	92A-397.22	Quảng Nam	9849	90A-269.25	Hà Nam
2350	90A-270.28	Hà Nam	4850	92A-408.18	Quảng Nam	7350	92A-398.77	Quảng Nam	9850	90A-270.38	Hà Nam
2351	90A-271.33	Hà Nam	4851	92A-410.22	Quảng Nam	7351	92A-407.98	Quảng Nam	9851	90A-272.58	Hà Nam
2352	90A-272.16	Hà Nam	4852	92A-411.65	Quảng Nam	7352	92A-409.08	Quảng Nam	9852	90C-142.55	Hà Nam
2353	90A-273.55	Hà Nam	4853	92A-413.22	Quảng Nam	7353	92A-409.35	Quảng Nam	9853	90C-146.06	Hà Nam
2354	90C-143.08	Hà Nam	4854	92A-414.08	Quảng Nam	7354	92A-409.59	Quảng Nam	9854	92A-396.19	Quảng Nam
2355	90C-143.11	Hà Nam	4855	92A-415.06	Quảng Nam	7355	92A-410.09	Quảng Nam	9855	92A-399.08	Quảng Nam
2356	90C-144.18	Hà Nam	4856	92A-416.11	Quảng Nam	7356	92A-410.15	Quảng Nam	9856	92A-400.36	Quảng Nam
2357	90C-146.08	Hà Nam	4857	92C-242.59	Quảng Nam	7357	92A-410.25	Quảng Nam	9857	92A-401.08	Quảng Nam
2358	90C-146.11	Hà Nam	4858	92C-243.38	Quảng Nam	7358	92A-413.77	Quảng Nam	9858	92A-404.55	Quảng Nam
2359	90C-146.59	Hà Nam	4859	92C-244.56	Quảng Nam	7359	92A-415.59	Quảng Nam	9859	92A-405.19	Quảng Nam
2360	92A-398.58	Quảng Nam	4860	92C-248.22	Quảng Nam	7360	92C-241.58	Quảng Nam	9860	92A-406.35	Quảng Nam
2361	92A-404.18	Quảng Nam	4861	92C-249.08	Quảng Nam	7361	92C-242.36	Quảng Nam	9861	92A-407.56	Quảng Nam
2362	92A-405.59	Quảng Nam	4862	92C-249.77	Quảng Nam	7362	92C-244.18	Quảng Nam	9862	92A-408.15	Quảng Nam
2363	92A-407.06	Quảng Nam	4863	92C-250.28	Quảng Nam	7363	92C-245.44	Quảng Nam	9863	92A-408.29	Quảng Nam
2364	92A-408.22	Quảng Nam	4864	92C-250.44	Quảng Nam	7364	92C-248.33	Quảng Nam	9864	92A-409.15	Quảng Nam
2365	92A-409.25	Quảng Nam	4865	93A-463.00	Bình Phước	7365	92D-005.38	Quảng Nam	9865	92A-413.09	Quảng Nam
2366	92A-410.58	Quảng Nam	4866	93A-463.16	Bình Phước	7366	93A-470.08	Bình Phước	9866	92A-413.15	Quảng Nam
2367	92A-410.83	Quảng Nam	4867	93A-467.58	Bình Phước	7367	93A-470.58	Bình Phước	9867	92A-414.00	Quảng Nam
2368	92A-411.12	Quảng Nam	4868	93A-470.09	Bình Phước	7368	93A-471.06	Bình Phước	9868	92A-414.22	Quảng Nam
2369	92A-412.11	Quảng Nam	4869	93A-471.85	Bình Phước	7369	93A-471.77	Bình Phước	9869	92B-031.56	Quảng Nam
2370	92A-412.28	Quảng Nam	4870	93A-472.06	Bình Phước	7370	93A-474.11	Bình Phước	9870	92B-032.11	Quảng Nam
2371	92A-412.29	Quảng Nam	4871	93A-472.19	Bình Phước	7371	93A-476.44	Bình Phước	9871	92C-243.11	Quảng Nam
2372	92A-413.11	Quảng Nam	4872	93A-473.08	Bình Phước	7372	93A-478.19	Bình Phước	9872	92C-243.36	Quảng Nam
2373	92A-415.28	Quảng Nam	4873	93A-473.36	Bình Phước	7373	93A-478.33	Bình Phước	9873	92C-247.59	Quảng Nam
2374	92B-032.18	Quảng Nam	4874	93A-473.58	Bình Phước	7374	93A-479.33	Bình Phước	9874	92C-249.33	Quảng Nam
2375	92C-246.06	Quảng Nam	4875	93A-473.85	Bình Phước	7375	93A-480.33	Bình Phước	9875	92C-249.85	Quảng Nam
2376	92C-249.00	Quảng Nam	4876	93A-477.95	Bình Phước	7376	93A-480.38	Bình Phước	9876	92C-250.36	Quảng Nam
2377	92C-249.38	Quảng Nam	4877	93A-481.00	Bình Phước	7377	93A-480.83	Bình Phước	9877	93A-461.09	Bình Phước

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2378	92C-249.95	Quảng Nam	4878	93A-481.36	Bình Phước	7378	93A-481.59	Bình Phước	9878	93A-461.26	Bình Phước
2379	93A-461.56	Bình Phước	4879	93A-481.95	Bình Phước	7379	93A-482.65	Bình Phước	9879	93A-461.77	Bình Phước
2380	93A-462.19	Bình Phước	4880	93A-484.06	Bình Phước	7380	93A-483.59	Bình Phước	9880	93A-465.00	Bình Phước
2381	93A-468.58	Bình Phước	4881	93A-484.25	Bình Phước	7381	93A-484.28	Bình Phước	9881	93A-466.58	Bình Phước
2382	93A-470.11	Bình Phước	4882	93A-485.65	Bình Phước	7382	93C-185.26	Bình Phước	9882	93A-467.36	Bình Phước
2383	93A-473.22	Bình Phước	4883	93A-486.09	Bình Phước	7383	93C-185.59	Bình Phước	9883	93A-468.44	Bình Phước
2384	93A-477.25	Bình Phước	4884	93A-486.35	Bình Phước	7384	93C-189.26	Bình Phước	9884	93A-471.16	Bình Phước
2385	93A-478.83	Bình Phước	4885	93C-186.08	Bình Phước	7385	93C-191.08	Bình Phước	9885	93A-471.44	Bình Phước
2386	93A-479.09	Bình Phước	4886	93C-186.11	Bình Phước	7386	93C-193.09	Bình Phước	9886	93A-472.59	Bình Phước
2387	93A-479.83	Bình Phước	4887	93C-186.44	Bình Phước	7387	93C-195.22	Bình Phước	9887	93A-473.00	Bình Phước
2388	93A-481.15	Bình Phước	4888	93C-188.08	Bình Phước	7388	94A-104.36	Bạc Liêu	9888	93A-477.85	Bình Phước
2389	93C-187.56	Bình Phước	4889	93C-190.08	Bình Phước	7389	94A-104.56	Bạc Liêu	9889	93A-478.29	Bình Phước
2390	93C-188.19	Bình Phước	4890	93C-191.16	Bình Phước	7390	94A-104.58	Bạc Liêu	9890	93A-480.36	Bình Phước
2391	93C-190.16	Bình Phước	4891	93C-194.38	Bình Phước	7391	94A-105.41	Bạc Liêu	9891	93A-480.56	Bình Phước
2392	93C-190.18	Bình Phước	4892	93C-194.77	Bình Phước	7392	94A-105.78	Bạc Liêu	9892	93A-481.26	Bình Phước
2393	93C-190.26	Bình Phước	4893	93D-004.08	Bình Phước	7393	94A-105.90	Bạc Liêu	9893	93A-482.11	Bình Phước
2394	93C-190.56	Bình Phước	4894	94A-104.06	Bạc Liêu	7394	94A-105.94	Bạc Liêu	9894	93A-482.19	Bình Phước
2395	93C-193.26	Bình Phước	4895	94A-105.24	Bạc Liêu	7395	94C-077.18	Bạc Liêu	9895	93A-482.38	Bình Phước
2396	93C-193.59	Bình Phước	4896	94A-105.30	Bạc Liêu	7396	94C-078.58	Bạc Liêu	9896	93A-483.36	Bình Phước
2397	94A-103.77	Bạc Liêu	4897	95A-121.06	Hậu Giang	7397	94C-079.33	Bạc Liêu	9897	93A-484.55	Bình Phước
2398	94A-105.47	Bạc Liêu	4898	95A-124.77	Hậu Giang	7398	94C-079.59	Bạc Liêu	9898	93C-185.77	Bình Phước
2399	95A-120.16	Hậu Giang	4899	95A-128.75	Hậu Giang	7399	95A-121.08	Hậu Giang	9899	93C-189.58	Bình Phước
2400	95A-126.77	Hậu Giang	4900	95C-081.36	Hậu Giang	7400	95A-121.56	Hậu Giang	9900	93C-190.58	Bình Phước
2401	95A-127.55	Hậu Giang	4901	95C-084.19	Hậu Giang	7401	95A-121.77	Hậu Giang	9901	93C-191.58	Bình Phước
2402	95A-128.16	Hậu Giang	4902	95C-084.36	Hậu Giang	7402	95A-124.56	Hậu Giang	9902	93C-193.06	Bình Phước
2403	95A-128.83	Hậu Giang	4903	95C-086.00	Hậu Giang	7403	95A-127.38	Hậu Giang	9903	93C-193.08	Bình Phước
2404	95C-083.18	Hậu Giang	4904	95C-086.15	Hậu Giang	7404	95A-128.53	Hậu Giang	9904	93C-195.06	Bình Phước
2405	95C-085.35	Hậu Giang	4905	95D-020.58	Hậu Giang	7405	95A-130.29	Hậu Giang	9905	94A-105.21	Bạc Liêu
2406	95D-020.44	Hậu Giang	4906	97A-090.23	Bắc Kạn	7406	95C-084.55	Hậu Giang	9906	94A-105.34	Bạc Liêu
2407	97A-083.56	Bắc Kạn	4907	97A-090.26	Bắc Kạn	7407	95C-085.38	Hậu Giang	9907	94A-105.38	Bạc Liêu
2408	97A-090.55	Bắc Kạn	4908	97C-039.55	Bắc Kạn	7408	97A-087.56	Bắc Kạn	9908	94A-106.04	Bạc Liêu
2409	97A-091.56	Bắc Kạn	4909	97C-040.19	Bắc Kạn	7409	97A-090.11	Bắc Kạn	9909	94C-078.11	Bạc Liêu
2410	97C-042.33	Bắc Kạn	4910	97C-041.56	Bắc Kạn	7410	97A-090.81	Bắc Kạn	9910	94C-080.18	Bạc Liêu
2411	97C-042.59	Bắc Kạn	4911	97C-041.58	Bắc Kạn	7411	97D-004.25	Bắc Kạn	9911	95A-124.33	Hậu Giang
2412	97C-043.58	Bắc Kạn	4912	98A-743.11	Bắc Giang	7412	98A-740.22	Bắc Giang	9912	95A-128.00	Hậu Giang
2413	97C-043.59	Bắc Kạn	4913	98A-743.44	Bắc Giang	7413	98A-743.18	Bắc Giang	9913	95A-128.70	Hậu Giang
2414	97D-004.38	Bắc Kạn	4914	98A-747.33	Bắc Giang	7414	98A-752.33	Bắc Giang	9914	95A-130.15	Hậu Giang
2415	98A-741.19	Bắc Giang	4915	98A-751.55	Bắc Giang	7415	98A-752.58	Bắc Giang	9915	95B-010.36	Hậu Giang
2416	98A-743.77	Bắc Giang	4916	98A-761.18	Bắc Giang	7416	98A-754.18	Bắc Giang	9916	95C-081.09	Hậu Giang
2417	98A-744.06	Bắc Giang	4917	98A-762.16	Bắc Giang	7417	98A-755.85	Bắc Giang	9917	95C-081.77	Hậu Giang
2418	98A-747.00	Bắc Giang	4918	98A-764.90	Bắc Giang	7418	98A-758.19	Bắc Giang	9918	95C-082.59	Hậu Giang
2419	98A-748.18	Bắc Giang	4919	98A-765.58	Bắc Giang	7419	98A-759.08	Bắc Giang	9919	95C-083.16	Hậu Giang
2420	98A-749.06	Bắc Giang	4920	98A-768.55	Bắc Giang	7420	98A-759.55	Bắc Giang	9920	97A-088.09	Bắc Kạn
2421	98A-751.16	Bắc Giang	4921	98A-769.16	Bắc Giang	7421	98A-761.44	Bắc Giang	9921	97A-090.13	Bắc Kạn
2422	98A-754.22	Bắc Giang	4922	98A-769.36	Bắc Giang	7422	98A-764.82	Bắc Giang	9922	97A-091.55	Bắc Kạn
2423	98A-756.06	Bắc Giang	4923	98A-770.18	Bắc Giang	7423	98A-767.44	Bắc Giang	9923	97C-040.11	Bắc Kạn
2424	98A-759.18	Bắc Giang	4924	98A-770.96	Bắc Giang	7424	98A-768.98	Bắc Giang	9924	97C-041.06	Bắc Kạn
2425	98A-761.59	Bắc Giang	4925	98A-772.29	Bắc Giang	7425	98A-769.38	Bắc Giang	9925	97C-042.36	Bắc Kạn
2426	98A-764.37	Bắc Giang	4926	98A-773.28	Bắc Giang	7426	98A-772.35	Bắc Giang	9926	98A-745.19	Bắc Giang
2427	98A-764.63	Bắc Giang	4927	98A-775.59	Bắc Giang	7427	98A-773.18	Bắc Giang	9927	98A-756.85	Bắc Giang
2428	98A-764.87	Bắc Giang	4928	98A-775.95	Bắc Giang	7428	98A-773.22	Bắc Giang	9928	98A-758.56	Bắc Giang
2429	98A-767.26	Bắc Giang	4929	98A-776.16	Bắc Giang	7429	98A-774.06	Bắc Giang	9929	98A-765.00	Bắc Giang
2430	98A-767.55	Bắc Giang	4930	98A-776.28	Bắc Giang	7430	98A-775.00	Bắc Giang	9930	98A-766.29	Bắc Giang
2431	98A-769.35	Bắc Giang	4931	98A-778.15	Bắc Giang	7431	98A-775.16	Bắc Giang	9931	98A-768.28	Bắc Giang
2432	98A-773.85	Bắc Giang	4932	98A-778.44	Bắc Giang	7432	98A-778.65	Bắc Giang	9932	98A-769.00	Bắc Giang
2433	98A-776.83	Bắc Giang	4933	98A-778.83	Bắc Giang	7433	98A-779.09	Bắc Giang	9933	98A-769.06	Bắc Giang
2434	98A-780.29	Bắc Giang	4934	98A-778.85	Bắc Giang	7434	98A-779.19	Bắc Giang	9934	98A-769.26	Bắc Giang
2435	98A-780.44	Bắc Giang	4935	98A-780.25	Bắc Giang	7435	98A-779.28	Bắc Giang	9935	98A-772.11	Bắc Giang
2436	98A-780.77	Bắc Giang	4936	98A-780.95	Bắc Giang	7436	98A-779.29	Bắc Giang	9936	98A-772.16	Bắc Giang
2437	98A-781.55	Bắc Giang	4937	98A-781.44	Bắc Giang	7437	98A-781.33	Bắc Giang	9937	98A-772.85	Bắc Giang
2438	98A-781.98	Bắc Giang	4938	98A-782.11	Bắc Giang	7438	98A-782.38	Bắc Giang	9938	98A-774.95	Bắc Giang
2439	98A-782.29	Bắc Giang	4939	98A-784.06	Bắc Giang	7439	98A-782.58	Bắc Giang	9939	98A-775.85	Bắc Giang
2440	98A-785.22	Bắc Giang	4940	98A-784.11	Bắc Giang	7440	98A-783.25	Bắc Giang	9940	98A-776.59	Bắc Giang
2441	98A-785.25	Bắc Giang	4941	98A-785.06	Bắc Giang	7441	98A-785.08	Bắc Giang	9941	98A-781.00	Bắc Giang
2442	98A-786.16	Bắc Giang	4942	98A-786.77	Bắc Giang	7442	98A-785.29	Bắc Giang	9942	98A-781.25	Bắc Giang
2443	98A-786.33	Bắc Giang	4943	98A-787.83	Bắc Giang	7443	98A-785.35	Bắc Giang	9943	98A-782.36	Bắc Giang
2444	98A-786.58	Bắc Giang	4944	98A-789.06	Bắc Giang	7444	98A-787.09	Bắc Giang	9944	98A-782.83	Bắc Giang
2445	98A-788.25	Bắc Giang	4945	98A-789.09	Bắc Giang	7445	98A-787.11	Bắc Giang	9945	98A-784.22	Bắc Giang
2446	98A-788.98	Bắc Giang	4946	98A-789.28	Bắc Giang	7446	98A-787.26	Bắc Giang	9946	98A-784.33	Bắc Giang
2447	98A-789.16	Bắc Giang	4947	98A-790.36	Bắc Giang	7447	98A-788.65	Bắc Giang	9947	98A-787.06	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
2448	98A-791.08	Bắc Giang	4948	98A-791.25	Bắc Giang	7448	98A-789.18	Bắc Giang	9948	98A-789.08	Bắc Giang
2449	98A-791.59	Bắc Giang	4949	98A-795.22	Bắc Giang	7449	98A-789.33	Bắc Giang	9949	98A-789.58	Bắc Giang
2450	98A-793.29	Bắc Giang	4950	98A-796.00	Bắc Giang	7450	98A-791.06	Bắc Giang	9950	98A-790.15	Bắc Giang
2451	98A-797.06	Bắc Giang	4951	98A-797.09	Bắc Giang	7451	98A-791.22	Bắc Giang	9951	98A-790.18	Bắc Giang
2452	98C-338.55	Bắc Giang	4952	98A-797.22	Bắc Giang	7452	98A-791.33	Bắc Giang	9952	98A-791.18	Bắc Giang
2453	98C-343.18	Bắc Giang	4953	98B-041.08	Bắc Giang	7453	98A-791.92	Bắc Giang	9953	98A-791.65	Bắc Giang
2454	98C-346.06	Bắc Giang	4954	98C-336.00	Bắc Giang	7454	98A-792.16	Bắc Giang	9954	98A-792.19	Bắc Giang
2455	98C-348.59	Bắc Giang	4955	98C-338.18	Bắc Giang	7455	98A-793.11	Bắc Giang	9955	98A-793.18	Bắc Giang
2456	98C-350.33	Bắc Giang	4956	98C-338.77	Bắc Giang	7456	98A-794.29	Bắc Giang	9956	98A-793.26	Bắc Giang
2457	98C-351.29	Bắc Giang	4957	98C-349.16	Bắc Giang	7457	98A-795.26	Bắc Giang	9957	98A-793.59	Bắc Giang
2458	98C-355.15	Bắc Giang	4958	98C-349.55	Bắc Giang	7458	98A-796.95	Bắc Giang	9958	98A-794.06	Bắc Giang
2459	99A-772.25	Bắc Ninh	4959	98C-350.09	Bắc Giang	7459	98A-796.98	Bắc Giang	9959	98B-040.95	Bắc Giang
2460	99A-772.83	Bắc Ninh	4960	98C-350.16	Bắc Giang	7460	98C-337.06	Bắc Giang	9960	98C-335.77	Bắc Giang
2461	99A-775.29	Bắc Ninh	4961	98C-354.83	Bắc Giang	7461	98C-342.56	Bắc Giang	9961	98C-340.77	Bắc Giang
2462	99A-775.35	Bắc Ninh	4962	98C-355.25	Bắc Giang	7462	98C-343.58	Bắc Giang	9962	98C-344.56	Bắc Giang
2463	99A-776.56	Bắc Ninh	4963	99A-769.22	Bắc Ninh	7463	98C-347.85	Bắc Giang	9963	98C-346.33	Bắc Giang
2464	99A-776.85	Bắc Ninh	4964	99A-774.22	Bắc Ninh	7464	98C-350.11	Bắc Giang	9964	98C-346.44	Bắc Giang
2465	99A-776.96	Bắc Ninh	4965	99A-775.19	Bắc Ninh	7465	98C-350.55	Bắc Giang	9965	98C-349.08	Bắc Giang
2466	99A-777.85	Bắc Ninh	4966	99A-775.38	Bắc Ninh	7466	98C-354.36	Bắc Giang	9966	98D-015.11	Bắc Giang
2467	99A-777.98	Bắc Ninh	4967	99A-783.09	Bắc Ninh	7467	98D-015.18	Bắc Giang	9967	98D-015.16	Bắc Giang
2468	99A-779.09	Bắc Ninh	4968	99A-784.06	Bắc Ninh	7468	98D-015.19	Bắc Giang	9968	99A-768.59	Bắc Ninh
2469	99A-779.22	Bắc Ninh	4969	99A-785.16	Bắc Ninh	7469	99A-768.83	Bắc Ninh	9969	99A-770.22	Bắc Ninh
2470	99A-779.55	Bắc Ninh	4970	99A-788.26	Bắc Ninh	7470	99A-769.25	Bắc Ninh	9970	99A-771.65	Bắc Ninh
2471	99A-780.38	Bắc Ninh	4971	99A-788.85	Bắc Ninh	7471	99A-770.08	Bắc Ninh	9971	99A-771.95	Bắc Ninh
2472	99A-781.38	Bắc Ninh	4972	99A-789.16	Bắc Ninh	7472	99A-771.00	Bắc Ninh	9972	99A-773.59	Bắc Ninh
2473	99A-781.95	Bắc Ninh	4973	99A-790.26	Bắc Ninh	7473	99A-775.06	Bắc Ninh	9973	99A-774.35	Bắc Ninh
2474	99A-782.85	Bắc Ninh	4974	99A-790.96	Bắc Ninh	7474	99A-775.65	Bắc Ninh	9974	99A-774.36	Bắc Ninh
2475	99A-782.98	Bắc Ninh	4975	99A-791.15	Bắc Ninh	7475	99A-778.44	Bắc Ninh	9975	99A-775.33	Bắc Ninh
2476	99A-784.25	Bắc Ninh	4976	99A-791.28	Bắc Ninh	7476	99A-780.81	Bắc Ninh	9976	99A-776.09	Bắc Ninh
2477	99A-785.33	Bắc Ninh	4977	99A-791.55	Bắc Ninh	7477	99A-780.85	Bắc Ninh	9977	99A-777.95	Bắc Ninh
2478	99A-785.83	Bắc Ninh	4978	99A-792.09	Bắc Ninh	7478	99A-784.18	Bắc Ninh	9978	99A-780.15	Bắc Ninh
2479	99A-786.16	Bắc Ninh	4979	99A-792.56	Bắc Ninh	7479	99A-787.85	Bắc Ninh	9979	99A-780.29	Bắc Ninh
2480	99A-786.44	Bắc Ninh	4980	99A-792.58	Bắc Ninh	7480	99A-789.59	Bắc Ninh	9980	99A-780.83	Bắc Ninh
2481	99A-787.08	Bắc Ninh	4981	99A-793.29	Bắc Ninh	7481	99A-790.77	Bắc Ninh	9981	99A-783.15	Bắc Ninh
2482	99A-789.00	Bắc Ninh	4982	99A-793.77	Bắc Ninh	7482	99A-791.16	Bắc Ninh	9982	99A-786.36	Bắc Ninh
2483	99A-789.18	Bắc Ninh	4983	99A-797.09	Bắc Ninh	7483	99A-792.06	Bắc Ninh	9983	99A-786.38	Bắc Ninh
2484	99A-789.26	Bắc Ninh	4984	99A-797.44	Bắc Ninh	7484	99A-792.19	Bắc Ninh	9984	99A-788.58	Bắc Ninh
2485	99A-789.55	Bắc Ninh	4985	99A-798.25	Bắc Ninh	7485	99A-792.59	Bắc Ninh	9985	99A-788.98	Bắc Ninh
2486	99A-790.83	Bắc Ninh	4986	99A-800.58	Bắc Ninh	7486	99A-792.95	Bắc Ninh	9986	99A-790.19	Bắc Ninh
2487	99A-791.06	Bắc Ninh	4987	99A-801.00	Bắc Ninh	7487	99A-793.09	Bắc Ninh	9987	99A-790.55	Bắc Ninh
2488	99A-796.00	Bắc Ninh	4988	99B-026.77	Bắc Ninh	7488	99A-794.15	Bắc Ninh	9988	99A-793.25	Bắc Ninh
2489	99A-796.29	Bắc Ninh	4989	99B-026.83	Bắc Ninh	7489	99A-796.85	Bắc Ninh	9989	99A-793.95	Bắc Ninh
2490	99A-797.06	Bắc Ninh	4990	99C-309.55	Bắc Ninh	7490	99A-797.35	Bắc Ninh	9990	99A-794.25	Bắc Ninh
2491	99A-797.25	Bắc Ninh	4991	99C-310.08	Bắc Ninh	7491	99A-798.95	Bắc Ninh	9991	99A-795.00	Bắc Ninh
2492	99A-799.36	Bắc Ninh	4992	99C-310.36	Bắc Ninh	7492	99A-799.19	Bắc Ninh	9992	99A-795.38	Bắc Ninh
2493	99C-311.15	Bắc Ninh	4993	99C-311.18	Bắc Ninh	7493	99A-801.16	Bắc Ninh	9993	99A-797.65	Bắc Ninh
2494	99C-312.11	Bắc Ninh	4994	99C-312.15	Bắc Ninh	7494	99C-311.98	Bắc Ninh	9994	99A-799.26	Bắc Ninh
2495	99C-313.83	Bắc Ninh	4995	99C-313.25	Bắc Ninh	7495	99C-313.08	Bắc Ninh	9995	99C-311.12	Bắc Ninh
2496	99C-314.36	Bắc Ninh	4996	99C-316.15	Bắc Ninh	7496	99C-315.35	Bắc Ninh	9996	99C-312.08	Bắc Ninh
2497	99C-315.09	Bắc Ninh	4997	99C-316.26	Bắc Ninh	7497	99C-316.36	Bắc Ninh	9997	99C-312.18	Bắc Ninh
2498	99D-019.55	Bắc Ninh	4998	99C-316.44	Bắc Ninh	7498	99D-020.16	Bắc Ninh	9998	99C-313.96	Bắc Ninh
2499	99D-020.11	Bắc Ninh	4999	99D-020.22	Bắc Ninh	7499	99D-020.55	Bắc Ninh	9999	99C-316.08	Bắc Ninh
2500	99D-021.15	Bắc Ninh	5000	99D-020.33	Bắc Ninh	7500	99D-020.59	Bắc Ninh	10000	99D-021.08	Bắc Ninh